

MỤC LỤC

1.	Tựa	3
2.	Phẩm nhất PHÁP TU VIÊN ĐÓN	11
3.	Phẩm nhì PHẬT THUYẾT TỊNH ĐỘ MÔN	15
4.	Phẩm ba TÔNG YẾU TỊNH ĐỘ	20
5.	Phẩm tư AO SEN BÊN CỰC LẠC	28
6.	Phẩm năm KHUYẾN TU TỊNH ĐỘ	32
7.	Phẩm sáu LIÊN HOATHÂN, CÔNG ĐỨC THÂN	35
8.	Phẩm bảy THOÁT ĐƯỜNG BỊNH KHỔ	39
9.	Phẩm tám TUỔI THỌ DÀI LÂU	42
10.	Phẩm chín Y THỰC TỰ HIỆN	45
11.	Phẩm mười VÔ ÁI BIỆT LY LẠC	49
12.	Phẩm mười một VÔ OÁN TẮNG HỘI LẠC	53
13.	Phẩm mười hai BÁT LO NGẠI LẠC	57
14.	Phẩm mười ba TÂM LÌA CÔI MÊ	61
15.	Phẩm mười bốn GIEO GIỐNG BỒ ĐỀ	65
16.	Phẩm mười lăm TỊNH ĐỘ ĐẠI GIÁC THUYỀN	70
17.	Phẩm mười sáu NIỆM PHẬT LÀM LÀNH	74
18.	Phẩm mười bảy NIỆM PHẬT THOÁT KHỔ	79
19.	Phẩm mười tám NIỆM PHẬT THIÊN	83
20.	Phẩm mười chín TỊNH ĐỘ VIÊN MÃN	88
21.	Phẩm hai mươi NIỆM PHẬT CAO QUÍ	92
22.	Phẩm hai mươi một NIỆM PHẬT THOÁT TÀ MA	97
23.	Phẩm hai mươi hai NIỆM PHẬT LÒNG LÀNH	104
24.	Phẩm hai mươi ba NIỆM PHẬT VẮNG SANH	106
25.	Phẩm hai mươi bốn VẮNG SANH CỰC LẠC	111
26.	Phẩm hai mươi lăm NHỚ PHẬT NIỆM PHẬT	115
27.	Phẩm hai mươi sáu NIỆM PHẬT RÀNH	119
28.	Phẩm hai mươi bảy DANH HIỆU KHỦNG ĐIÊN	124
29.	Phẩm hai mươi tám NIỆM PHẬT TRÌ CHÍ	127
30.	Phẩm hai mươi chín QUÍ TRỌNG NIỆM PHẬT	131

31.	Phẩm ba mươi TUỜNGPHẬTNHỚPHẬTNIỆM PHẬT	135
32.	Phẩm ba mươi một RỦ NHAU NIỆM PHẬT	139
33.	Phẩm ba mươi hai NIỆM PHẬT THOÁT NẠN TAI	143
34.	Phẩm ba mươi ba NGUYỄN VẮNG SANH	149
35.	Phẩm ba mươi bốn TRÌ TÂM NIỆM PHẬT	153
36.	Phẩm ba mươi lăm BÈN LÒNG NIỆM PHẬT	158
37.	Phẩm ba mươi sáu VỀ CỰC LẠC DỨT KHỔ	163
38.	Phẩm ba mươi bảy NIỆM PHẬT BÁT LY TÂM	166
39.	Phẩm ba mươi tám TỊNH ĐỘ THIỀN	169
40.	Phẩm ba mươi chín NIỆM PHẬT TRÌ GIỚI	174
41.	Phẩm bốn mươi BIẾT KHÔN	177
42.	Phẩm bốn mươi một XEM KINH NIỆM PHẬT	180
43.	Phẩm bốn mươi hai NIỆM PHẬT DỨT PHIỀN NÃO	184
44.	Phẩm bốn mươi ba NIỆM PHẬT NGỰ LIÊN ĐÀI	188
45.	Phẩm bốn mươi bốn TRÌ TÂM LỤC TỰ	192
46.	Phẩm bốn mươi lăm CÓ THIỀN CĂN	196
47.	Phẩm bốn mươi sáu PHỔ TẾ CHÚNG SANH	200
48.	Phẩm bốn mươi bảy NIỆM PHẬT THOÁT KHỔ	203
49.	Phẩm bốn mươi tám NIỆM PHẬT THOÁT ĐỌA SA	207
50.	Phẩm bốn mươi chín TU CÒN LẦN LỰA	211
51.	Phẩm năm mươi MUỐN THOÁT NẠN TAI	216
52.	Phẩm năm mươi một BÁT NHÃ VÀ TỪ BI HẠNH	220
53.	Phẩm năm mươi hai NIỆM PHẬT ĐÁP ƠN SẦU	226
54.	Phẩm năm mươi ba NIỆM PHẬT HÀNH THẬPTHIỆN	231
55.	Phẩm năm mươi bốn HƯỞNG CÔNG NIỆM PHẬT	235
56.	Phẩm năm mươi lăm NP VỚI TỬ VÔ LƯỢNG TÂM	240
57.	Phẩm năm mươi sáu NIỆM PHẬT HÀNH TRÌ TBHX	244
58.	Phẩm năm mươi bảy NIỆM PHẬT TRỪ VỌNG NIỆM	248
59.	Phẩm năm mươi tám NIỆM PHẬT ĐỔI NIỆM TRẦN	251
60.	Phẩm năm mươi chín NHẤT TÂM BÁT LOẠN	254
61.	Phẩm sáu mươi NIỆM PHẬT BẢN LAI	258
62.	Phẩm sáu mươi một TỈNH TỌA NIỆM PHẬT	261
63.	Phẩm sáu mươi hai BÌNH THƯỜNG NIỆM PHẬT	265
64.	Phẩm sáu mươi ba QUAY THUYỀN BÓN NGUYỄN	268
65.	VÀI LỜI CUỐI	275

TỰA

Tịnh Độ được bắt đầu từ Đức Phật A Di Đà, Đức Thích Ca Như Lai giáo hóa, Ngài Ca Diếp, Ngài A Nan, năm trăm (500) Thánh Tăng và chư Bồ Tát kết tập.

Trong toàn bộ Sám Giảng Giáo Lý Phật Giáo Hòa Hảo, được rút ra sáu mươi ba phẩm Tịnh Độ được Đức Huỳnh Giáo Chủ thuyết giáo tổ tông. Đàm Liên Tịnh giả làm yếu giải để được thêm phong phú lý nghĩa hầu lưu thông Phật Pháp trong quảng đại quần chúng, khiến cho cây Bồ Đề được thêm cành lá sum sê và đơm bông kết trái.

Tịnh Độ thuộc về học phái Đại Thừa Phật Giáo nên các Kinh Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Thủ Lăng Nghiêm, Bửu Tịch...đều có nói đến. Đặc biệt là, Tịnh Độ được Đức Như Lai Thế Tôn thuyết giáo đến 12 bộ. Trong phần suu giải của kinh Niệm Phật Ba La Mật có ghi rõ 12 bộ Kinh Tịnh Độ, Phật thuyết như sau:

1. Vô Lượng Tịnh Độ Bình Đẳng giác.
2. Kinh Đại A Di Đà.
3. Kinh Vô Lượng Thọ.
4. Kinh Quán Vô Lượng Thọ.
5. Kinh A Di Đà Tiểu Bản.
6. Kinh Cổ Âm.
7. Kinh Bát Chu Tam Muội.
8. Kinh Quán Phật Tam Muội.
9. Phật Thuyết A Di Đà Kinh.
10. Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ.
11. Kinh Cổ Âm Thanh Đà La Ni.
12. Kinh Niệm Phật Ba La Mật.

Tịnh Độ nghĩa là cõi nước thanh tịnh, quốc độ trang nghiêm toàn vui không khổ của Đức Phật A Di Đà. Bồn quốc Tịnh Độ được trang nghiêm toàn bằng công đức thù thắng nên bất hoại, khắp nhơn dân tuổi thọ bằng Phật, quang minh như Phật, nên cũng gọi quốc độ ấy là Cực Lạc. Toàn dân trong bồn quốc Cực Lạc đều là Liên Hoa hóa thân nên gọi là Liên Bang. Nhơn dân bồn quốc Cực Lạc toàn là bậc bất thối chuyển nên gọi là An Dưỡng Quốc. Toàn dân Cực Lạc được Đại Giải Thoát môn, người người đều vui tươi, an lạc, nhẹ nhàng, thông dong, tự tại nên gọi là Thanh Lương Quốc...

Chúng sanh trong các cõi khổ như Ta Bà chẳng hạn, muốn được sanh về bên bồn quốc Cực Lạc Tịnh Độ cần phải có *Thâm Tín Tâm, Thâm Nguyện Tâm, Thâm Hạnh Tâm*.

I. THÂM TÍN TÂM: Là hãy rèn luyện cho mình có một đức tin sâu thẳm vững chắc và bền bỉ như núi đá gió thổi chẳng lung lay về Tịnh Độ. Tin là đầu mối, tin là mẹ sanh ra muôn ngàn công đức, tin thường nuôi lớn các Thánh Căn. *Tin Phật, tin pháp niệm Phật, tin sự giác ngộ của mình, tin cõi Cực Lạc thật có, tin nhân quả vĩnh sanh* đó là căn bản về đức tin của hành giả Tịnh Độ.

1. Tin Phật: Đức Thích Ca Như Lai và A Di Đà Thế Tôn là hai vị Phật thật có, Đức Thích Ca Mâu Ni là vị Phật năng thuyết, Đức A Di Đà Như Lai là vị Phật sở thuyết ra môn Tịnh Độ. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là vị Phật lịch sử cõi Ta Bà, Đức A Di Đà Như Lai là vị Phật lịch sử cõi Tịnh Độ Cực Lạc.

Ta tin chắc rằng thật có Đức Phật A Di Đà là do lời giới thiệu của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật. Cũng như ta tin ở nơi thật ngữ của Đức Phật Thích Ca Như

Lai, Ngài đã thuyết ra các bộ kinh Tịnh Độ, giảng nói về Đức Phật A Di Đà và 48 đại nguyện của Pháp Tạng Tỳ Kheo là không bao giờ có ngoa dối.

Tây Phương giáo chủ A Di Đà Phật, Ta bà Giáo Chủ Thích Ca Như Lai, hai vị Phật Tổ này đã từng làm nhân làm duyên với nhau để độ được chúng sanh thành Phật nhiều đến vô lượng bất tư nghị, hãy tin chắc như thế.

Tuy rằng không chỉ một mình Đức Thích Ca Thế Tôn xưng tán khuyến tu Tịnh Độ, mà mỗi thời pháp Tịnh Độ sau khi Phật Thích Ca thuyết đều có chư Phật đến vô lượng tán thán và khuyến chúng sanh tin hành môn Tịnh Độ.

Tin rằng Đức Thầy ta là đệ tử trung thành của Thích Ca Mâu Ni Phật, từ Tây Phương thừa sắc chỉ Đức Tây Phương Giáo Chủ A Di Đà Phật hóa hiện Ta Bà lập đạo để truyền khai diệu pháp. Tịnh Độ môn là con đường thành Phật duy nhất.

2. Tin Pháp: Là ta hãy tin chắc cái pháp niệm Phật cầu sanh Cực Lạc là con đường thành Phật viên đốn bậc nhất không một pháp tu nào hơn đặng. Niệm Phật để thành Phật là tắt trong con đường tắt, vì là bí mật tạng của Như Lai, vì là chư Phật đồng hộ niệm, vì là khế nhập Bản Lai thanh tịnh của mình.

Tin rằng niệm Phật cầu sanh Cực Lạc là Phật lực môn, hễ vãng sanh về bốn quốc Cực Lạc Tây Phương tức là thành Phật.

3. Tin sự giác ngộ của mình: Là hãy tin rằng mình tự sẵn có Phật tánh, mình có đủ năng lực thành Phật như các Đức Phật đã thành. Tâm ta làm Phật, Tâm ta là Phật hãy tin chắc như thế.

Tin rằng ta niệm Nam Mô A Di Đà Phật, Phật danh ấy với Tâm Thể của mình nó chẳng phải một,

chẳng phải khác, nó bình đẳng nhau ví như là hư không vậy, nên ta niệm Di Đà cũng chính là ta niệm Tâm Thể của mình vậy.

Tin rằng mình là chủ quyền mở cánh cửa Liên Bang. Có đủ toàn năng vào Tri Kiến Phật, có đủ toàn giác để trở thành một vị Phật.

4. Tin cõi Cực Lạc thật có: Là ta hãy tin rằng Phật độ có đến vô lượng thì dĩ nhiên là có cõi Tịnh Độ Cực Lạc thật sự không ngụy biện một cách nào khác được. Nhiều kinh Đức Thích Ca Như Lai nói về cõi Tịnh Độ và Đức Thầy ta cũng đã thuyết giáo về y báo, chánh báo cõi Tây Phương Cực Lạc rất nhiều nơi trong giáo lý của Ngài, nhất quyết là thật có cõi Cực Lạc Tịnh Độ.

5. Tin nhân quả vãng sanh: Là ta hãy tin sâu chắc nhân quả của sự niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới là một định luật bất di bất dịch không thể đổi dời.

Hằng ngày nếu ta thường niệm tưởng các việc xấu ác độc hại, mong việc bất nhân dĩ nhiên là ta phải sanh vào các cõi khổ như ba ác đạo chẳng hạn. Còn như ta hằng tưởng Phật, niệm danh Phật, làm theo các hạnh Phật sống trong thiện pháp và mong cầu Tịnh Độ Cực Lạc tất là ta được vãng sanh và hễ vãng sanh tức là ta được thành Phật Đạo.

II. THÂM NGUYỆN TÂM: Là ta phải có chí nguyện rộng sâu cho phù hợp với pháp môn Tịnh Độ, vì Tịnh Độ là Đại Thừa Bồ Tát tạng. Hành giả Tịnh Độ phải hướng về chúng sanh, phải có bản nguyện lợi tha khắp nẻo.

Cho nên, cầu vãng sanh Cực Lạc Tịnh Độ không chỉ cho bản thân mình thoát khổ, mà là chính vì muốn mau thành Phật Đạo để hằng lo hóa tha lợi chúng. Nếu ta không chí thiết cầu sanh thì làm gì được thỏa chí

nguyện phổ tế chúng sanh trong vạn nẻo.

Biển thệ của Đức Từ phụ A Di Đà sâu rộng vô biên, ta phải có chí lớn, nguyện sâu mới tương ứng với bốn nguyện của Phật, mới được về bốn quốc của Phật. Nguyện lớn tất ta thành Phật lớn, nguyện nhỏ tất ta thành Phật nhỏ.

Chỉ vì đời mà ta có dấy lên cái lòng mong ước thiết tha, ai khản sớm được vãng sanh Cực Lạc thì đó gọi là Tâm Bồ Đề, tức là ta sẽ được toại nguyện quả Chánh Giác. Cho nên, ta phải biết lọc lừa, chọn lựa cái chí nguyện cầu sanh của mình hầu cho phù hợp với yếu chỉ Tịnh Độ Tông.

III. THÂM HẠNH TÂM: Đã có Thâm Tín, Thâm Nguyện tất là ta phải có Thâm Hạnh mới đầy đủ Tông yếu của Tịnh Độ. Hành giả của Tịnh Độ phải có cái Tâm, cái Hạnh rộng lớn sâu thẳm như Phật và Bồ Tát mới phù hợp với quả đất Tây Phương, mới hòa đồng cùng với ánh quang minh của chư Phật. Thâm Hạnh Tâm ở đây là hành giả phải có cái tâm, cái Hạnh niệm Phật cho thật là sâu thẳm trường kỳ cần cho được nhất tâm bất loạn không tạp tu nhiều hạnh, vì câu Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật viên dung tất cả phần giáo, phần hạnh, phần tông của Phật và Bồ Tát thì có còn pháp nào, hạnh nào ngoài được.

Ta nên nhớ, cái hạnh niệm Phật có sâu, có bền thì cái hoài bão cứu chúng sanh mới mau đến, cái Phật quả mới mau thành.

Ta phải vì Bi tâm mà niệm Phật, ta phải vì Bi nguyện hóa tha mà niệm Phật, ta phải vì phục hưng chính pháp mà niệm Phật, ta phải vì tiếp nối Phật chủng mà niệm Phật thì nhất định ta sẽ thành Phật.

Cái tâm năng niệm của ta tức là Ông Phật sở niệm, Ông Phật sở niệm cũng tức là cái tâm năng niệm

của mình. Cho nên, nếu cái tâm niệm Phật của mình nhỏ hẹp quá tất nó không phù hợp bình đẳng được với Ông Phật sở niệm.

Nơi đây đặc biệt lưu ý là, khi khởi lên niệm câu Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật tất ta phải có cái tâm rộng sâu như tâm Phật để ta được tương ứng với cảnh giới của Đức Từ phụ, và ta sẽ là Sứ giả phụng sắc chỉ của Ngài đi giáo hóa chúng sanh.

Thâm Tín Tâm, Thâm Nguyện Tâm và Thâm Hạnh Tâm là Tông Yếu, là cương lĩnh, là máu chốt của Tịnh Độ Tông mà hành giả Tịnh Độ cần phải thấu hiểu cho tinh tường trên lộ trình tu tập.

Tâm Thể của ta là Thể chất của pháp môn Tịnh Độ. Tâm Thể ấy gọi là Phật tánh chơn Tâm, thể và tướng của nó rộng rãi bao la bao trùm cả vũ trụ vạn hữu, nó thật có, thật không, chẳng phải có chẳng phải không, cũng có cũng không. Tùy duyên mà hằng bất biến, bất biến mà lại tùy duyên. Rời tất cả hình tướng, sắc màu, văn ngôn biện luận, nó hằng lưu giữ và xuất sanh ra các pháp.

Hồng danh Di Đà ta niệm cũng không ngoài Tâm Thể ấy, cõi Tịnh Độ ta hằng mong cầu cũng không ngoài Tâm Thể ấy, vì Tâm Thể của ta cùng cõi Tịnh Độ và Phật A Di Đà nó bình đẳng với nhau ví như là hư không vậy. Hằng niệm niệm A Di Đà là ta hằng quay về sống thực trong Tâm Thể của ta, và nhờ vậy mà ta từ từ trở thành một vị Phật, nên niệm Phật tức ta thành Phật là vậy đó!

Tâm Thể của ta cũng chính là Thật Tướng, là Chơn Tướng của pháp môn Tịnh Độ. Cho nên, niệm Di Đà và cầu Tịnh Độ cũng chính là niệm và cầu nơi Tâm Thể của mình, mình niệm Di Đà của mình về Cực Lạc tự nơi chính mình.

Nói thế, không có nghĩa là không có Đức Phật A Di Đà, không có cõi Cực Lạc Tịnh Độ mà chỉ vì Tâm Thể của ta, danh Phật, Phật quốc tuy ba mà một, một mà ba, vì nó là bình đẳng với nhau thành một khối quang minh sáng rực trong suốt bất tận! Ví như ta kết ba cái bóng “nê-ong” trong một căn phòng, bật điện lên ánh sáng của ba ngọn đèn ấy hợp nhất lại, và bình đẳng với nhau thành một ánh sáng duy nhất.

Tâm thể của ta nó bình đẳng với Phật A Di Đà và bốn quốc Cực Lạc Tây Phương, nên hẳn ta được về Cực Lạc là ta lên đủ cả ba ngôi bất thối chuyển. Đó là Niệm bất thối, Hạnh bất thối và Vị bất thối. Từ đó mà được Sơ phần pháp Thân nhập lưu Bồ Tát, nên vãng sanh tức là thành Phật. Đó là Diệu Dụng của pháp môn Tịnh Độ.

Thế là, cái Tâm Thể của ta nó không rời Tông, Thể, Tướng và Dụng của pháp môn Tịnh Độ. Hiểu như thế tất con đường niệm Phật cầu sanh của ta viên dung cả lý sự, Tánh tướng không bị trệ bên nào bỏ bên nào cả.

Cái viên mãn, cái diệu huyền, cái đặc thắng của Tịnh Độ là niệm Phật danh, chuyển Phật tâm thành Phật quả đặc Phật độ, tiếp nối Phật chủng!

Thâm ý của Phật và Bồ Tát cũng như hoài bão của Huỳnh Phật Sư là muốn cho tất cả chúng sanh đồng thành Phật Đạo nên mới đem pháp môn Tịnh Độ là tạng pháp bí mật của Như Lai mà giáo hóa chúng sanh trong pháp giới. Cùng theo dấu chơn của Phật, của Thầy, Đàm Liên làm tập yếu giải Tịnh Độ này những mong được góp phần truyền khai pháp môn Tịnh Độ, làm cho ánh sáng Tuệ Giác của Như Lai được thêm sáng rực khắp trong tam thiên đại thiên thế giới lợi chúng hữu tình.

TỊNH ĐỘ YẾU GIẢI

Nguyện đem công hạnh làm tập yếu giải này hồi hướng cầu cho bốn on ba cõi, cho Thiên đàng địa ngục, cho khắp pháp giới chúng sanh đồng được hưởng phần lợi ích!

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

TĨNH ĐẠM AM

Cuối Xuân Nhâm Ngọ

2002

Đàm Liên Tịnh Giả

Kính bút

PHẨM NHẤT PHÁP TU VIÊN ĐỐN

**MÔN TỊNH ĐỘ LÀ PHƯƠNG CỨU CẢNH,
RÁN PHỤNG HÀNH KÉO PHỤ PHẬT XƯA.**
(Trích Khuyển Thiện)

YẾU GIẢI:

MÔN: là pháp môn tu tập, là ngõ vào Đạo. Môn có tự lực môn và Phật lực môn.

1. Tự lực môn là tự dùng sức mình phá vô minh, trừ phiền não, chuyển nghiệp báo để ra ngoài tam giới mà không cậy nương vào từ lực của Phật, Bồ Tát.

2. Phật lực môn là hành giả vừa dùng sức mình vừa nương nơi từ lực của Phật và Bồ Tát mà ra ngoài tam giới. Nơi đây Đức Thầy nói **Môn Tịnh Độ**, tức là nói Phật lực môn. Vì tu môn Tịnh Độ vừa dùng tự lực trì danh của mình, vừa nương nơi từ lực nhiếp thọ của Đức Phật để được đi sinh sống bên quả đất Tây Phương, nhập lưu trên hàng Thánh Giả Bồ Tát.

TỊNH ĐỘ: là phương pháp niệm Phật cầu sanh Cực Lạc quốc của Đức Phật A Di Đà.

CỨU CẢNH: là rút ráo, là viên mãn đạo hạnh Bồ Đề. Rút ráo có hai nghĩa:

1. Từ địa vị phàm phu đưa mình đến Phật quả rút ráo viên mãn.

2. Từ ba căn, chín giới chúng sanh được cứu độ một cách viên mãn rút ráo đến Phật quả không bỏ rơi bất cứ một chúng sanh nào.

Nương theo các pháp tu hành thì phải trải qua đời này đời nọ mới được ra ngoài tam giới, còn tu môn Tịnh Độ chỉ bảo đảm một kiếp là được nhập lưu vào địa vị Thánh giả Bồ Tát, và không lâu được viên mãn

Phật quả. Thật là kỳ diệu bất khả tư nghị!

Nếu tu hạnh phước điền thì chỉ được hưởng phần phúc báo nhân thiên đâu thể nói giải thoát; hành theo tứ thiên của phàm phu thì được hưởng khoái lạc trên các cõi Trời phi tưởng, phi phi tưởng còn trong tam giới, cũng chỉ vui giả tạm thể thôi. Tu chỉ quán theo Tiểu Thừa Thiên thì vào địa vị quyền thừa của hàng Thanh Văn, Duyên Giác đâu thể có tâm Bồ Đề hồng hóa tha lợi chúng. Còn như hành theo thập hạnh Di Lạc, thập nguyện Phổ Hiền đối với chúng sanh của buổi cùng cơ tận pháp đâu phải là việc dễ ư!

Duy có cái phép niệm Nam Mô A Di Đà Phật cầu sanh bổn quốc Cực Lạc nhập lưu bất thối Bồ Tát là đặc biệt viên đốn bậc nhất. Trên độ ba hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát dưới hóa sáu cõi trời, người, A-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục được bảo đảm ngăn nhất.

RÁN PHỤNG HÀNH: là hãy dốc hết sức mình hành trì pháp môn Tịnh Độ. Phàm làm việc gì cũng vậy, nếu mình dám hy sinh gắng gổ, gom toàn lực hành trì tất sẽ được thành công. Tịnh Độ thuộc pháp Đại Thừa Bồ Tát tạng, nếu ta có một hoài bão lớn lao là hóa tha lợi chúng và nỗ lực trì danh thì lẽ tất được chứng đắc tam muội hiện tiền, và an vui trên tòa sen thượng phẩm trên ao thất bảo Cực Lạc Tây Phương.

Phật xưa: tức là Đức Phật A Di Đà và Đức Thích Ca Mâu Ni Phật.

Đức A Di Đà là vị Phật lịch sử cõi Tây Phương, Đức Thích Ca Mâu Ni là vị Phật lịch sử cõi Ta Bà. Hai vị Phật Tổ này đã từng làm nhân, làm duyên với nhau để hóa độ chúng sanh được giải thoát thành Phật vô lượng.

Đức Đạo Sư A Di Đà Phật hiện đang là Giáo chủ cõi Cực Lạc, đã trải vô lượng kiếp tu hành Bồ Tát

đạo, Bồ Tát hạnh và bốn mươi tám lời Đại nguyện lập quốc độ sanh. Hạnh nguyện của Ngài đã được thành tựu viên mãn. Phật hạnh, Phật nguyện của Đức Từ phụ A Di Đà là nơi nương tựa cho pháp giới chúng sanh. Hồng danh vĩ đại A Di Đà Phật của Đức Từ phụ là vạn năng cứu khổ, là thuốc hồi sinh, là nước cam lộ, là dưỡng khí thanh lương giúp chúng sanh được an lạc và hạnh phúc thường hằng trên ngôi Viên Giác.

Đức Đạo Sư Thích Ca Mâu Ni Phật Giáo Chủ cõi Ta bà, Ngài đã từng trải vô lượng vô biên kiếp tu Bồ Tát Đạo, hành Bồ Tát hạnh. Thí cho chúng sanh vô lượng thân mạng, tài sản, chính pháp không hề hối tiếc. Từ Kim ngôn Đức Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa môn Tịnh Độ, qua các kinh Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Niệm Phật Ba La Mật Kinh... mà các chúng sanh trong ba thời: Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp được hoàn toàn độ thoát khỏi biển sanh tử, lên bờ Đại Giác của chư Phật., Đức Từ phụ Thích Ca Mâu Ni Phật ban cho chúng sanh tạng pháp bí mật của chư Phật, đó là thí cho mọi người hộ bảo châu vô giá tối hậu, là niệm Nam Mô A Di Đà Phật cầu thoát hóa Tây Phương Cực lạc của Đức Phật A Di Đà. Thật là ân đức khó nhọc của Đức Giáo Chủ Tây Phương và Đức Giáo Chủ Ta Bà không thể nghĩ lường, không thể nói bàn cho cùng tận. Nếu ta không gắng gỏi phụng hành pháp môn Tịnh Độ chí huyên, chí diệu, tối thắng, tối siêu kia thì tất ta đã cô phụ hai đấng tối cao Phật Tổ. Ôi bao đành!!!

Từ nơi suối nguồn cao đỉnh Đại bi, Đại trí và Đại hạnh nguyện của hai vị Phật Tổ được trôi chảy và luân lưu tiếp nối, Đức Huỳnh Giáo Chủ là vị hoạt Phật trong thế hệ Hạ nguơn phán dạy vô cùng chân thiết:

“Môn Tịnh Độ là phương cứu cánh,

Rán phụng hành kẻ phụ Phật xưa.”

Lời nói cao đĩnh này là hồi chuông ngân vang, là ốc hụ rung chuyển, là tiếng còi giục thúc cho mọi người được tỉnh giấc mơ hoa nơi thế trần, để vươn mình lên và hướng thẳng về bốn quốc Phật Đà hầu có hòa đồng cùng với quang minh chư Phật!

Bi tâm, ôi Bi tâm! Đại nguyện, ôi Đại nguyện! Nếu không phải từ nơi Bi tâm và Đại nguyện thì Phật Sư Huỳnh Giáo Chủ đâu thể hóa hiện trong cõi đời xấu ác nhất của giữa Thế kỷ hai mươi (20), để phải hy sinh vô vàn những gian lao chua xót!

Truyền khai Tịnh Độ là nguyện vọng chính của Đức Thầy. Người tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo lúc bình nhật tùy duyên có thể tu theo hạnh này, hạnh nọ nhưng mà đến giờ phút tối hậu của cuộc đời là, Ngài cũng chỉ điểm vãng sanh, qui túc Tịnh Độ. Đọc bài cầu siêu cho người tín hữu mãn phần và điều răn cấm thứ tám thì ta đã hiểu tỏ tường lời vừa luận giải. Chuyên hành trì Tịnh Độ, vượt thoát bến sông mê, nhập lưu Bồ Tát, an tọa Như Lai bồ xứ, hoàng độ chúng sanh đồng thoát Tây phương, tiếp nối Phật chủng là ta mới chẳng phụ công ơn khó nhọc của Đức Giáo Chủ Ta bà, Đức Giáo Chủ Tây Phương và Đức Ân Sư Huỳnh Giáo Chủ.

Phẩm thứ nhứt được giới thiệu PHÁP TU VIÊN ĐÓN là TỊNH ĐỘ. Từ phẩm thứ nhì trở đi ta sẽ tiến đến nội dung của đầu đề luận giải.

PHẨM NHÌ

PHẬT THUYẾT MÔN TỊNH ĐỘ

LÒNG THƯƠNG CHÚNG THUYẾT PHƯƠNG TỊNH ĐỘ, ĐẶNG DẮT DÌU TẤT CẢ CHÚNG SANH. (Trích Khuyến Thiện)

YẾU GIẢI:

LÒNG THƯƠNG: là đức Đại Bi của chư Phật. Từ nơi suối Bi tâm mà Đức Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trong cõi nhân gian này, chuyển pháp hóa tha gần ngót năm mươi năm trường sương tuyết, nắng mưa, gió bụi cũng từ Bi tâm chan chứa. Đức Phật không từ khước một nơi nào, một chốn nào nếu có người cầu đến Phật Pháp, Ngài luôn luôn ban cho họ suối pháp của Tâm từ, Ngài thương chúng sanh ví như người mẹ hiền thương con đở.

THUYẾT: là giảng nói, làm cho chúng sanh hiểu biết được Phật Pháp thâm huyền để hướng về nơi ánh sáng cao đỉnh của chân lý giác ngộ. Đức Phật sở dĩ thuyết là bởi Bi tâm thúc đẩy, nghĩa là Ngài chỉ vì chúng sanh mà nói và nói vừa đúng với nhu cầu.

PHƯƠNG TỊNH ĐỘ: là phương pháp niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới của Đức Phật A Di Đà. Tịnh Độ cũng có thể hiểu là cõi nước thanh tịnh trong sạch, quốc độ trang nghiêm do Đức Phật A Di Đà tạo bằng công đức.

Bồ Tát và nhân dân trong bốn quốc Cực lạc toàn là bậc bất thối chuyển, thần thông diệu dụng, trí tuệ biện tài, tuổi thọ, quang minh, trang nghiêm...không thể suy lường cùng tận.

Tịnh Độ là cõi sắc, nhưng mà bất hoại, vì được Đức Phật A Di Đà trang nghiêm bằng các công đức thù

thắng. Hễ chúng sanh nào được sanh về bốn quốc Cực Lạc tức là được thành Phật.

Đứng về mặt phân tách luận bàn theo trình độ giác ngộ và hạnh nguyện, thì Tịnh Độ có chia làm bốn cõi:

1. Thường Tịch Quang Tịnh Độ.
2. Thật Bảo trang nghiêm Tịnh Độ.
3. Phương Tiện hữu dư Tịnh Độ.
4. Phàm Thánh đồng cư Tịnh Độ.

Nếu như ai niệm Phật đến khi được chứng đắc lý Tịnh Độ, nghĩa là khai ngộ Phật tánh cố hữu của mình, quét sạch bốn mươi hai lớp vô minh của phần vô minh hoặc, thì được chứng vào cõi Thường tịch Quang Tịnh Độ.

Người nào niệm Phật được lý nhất tâm bất loạn, diệt được bốn mươi một lớp vô minh trong phẩm vô minh hoặc, thì được vào cõi Thật Bảo Trang Nghiêm Tịnh Độ.

Người nào niệm Phật đến sự nhất tâm, thập sử phiền não của hai lớp kiến hoặc và tư hoặc bị tận diệt, thì được vào cõi Phương tiện hữu dư Tịnh Độ.

Người nào niệm Phật mà chưa trừ được phiền não của kiến tư hoặc, thì tùy sự tín, nguyện trì danh của mình công đức sâu cạn mà sinh vào chín phẩm tòa sen nơi ao Thất Bảo của cõi Phàm Thánh đồng cư Tịnh Độ.

Nên nhớ, hễ khi mà được vào cõi Đồng cư Tịnh Độ, thì tức là được lên đủ bốn ngôi bất thối. Bốn ngôi bất thối ấy là:

1. Niệm bất thối.
2. Hạnh bất thối.
3. Vị bất thối.
4. Tất cánh bất thối.

Còn nghiệp báo, còn hoặc nghiệp mà được về

cõi Tây Phương lên đủ bốn ngôi bất thối thì cái pháp niệm Phật cầu sanh cao quý, nhiệm mầu làm sao nói được.

Chỉ cần được về Cực Lạc dù cho phẩm hạ đi nữa thì cũng được nhập lưu vào địa vị bất thối Bồ Tát. Thật hi hữu biết chừng nào!

Tịnh Độ thuộc học phái Đại Thừa nên các kinh Đại Thặng Phật Giáo đều có nói, nhưng đặc biệt hơn hết là Đức Phật thuyết về Tông Tịnh Độ gồm 12 bộ kinh căn bản là:

1. Vô Lượng Tịnh Độ Bình Đẳng Giác.
2. Kinh Đại A Di Đà.
3. Kinh Vô Lượng Thọ.
4. Kinh Quán Vô Lượng Thọ.
5. Kinh Di Đà Tiểu Bản.
6. Kinh Cổ Âm.
7. Kinh Bát Chu Tam Muội.
8. Kinh Quán Phật Tam Muội.
9. Phật Thuyết Kinh A Di Đà.
10. Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ.
11. Kinh Cổ Âm Thanh Đà Ra Ni.
12. Kinh Niệm Phật Ba La Mật.

Trong toàn bộ Sám Giảng Thi Văn Giáo Lý của Phật Giáo Hòa Hảo chúng tôi rút ra đến 63 phẩm Đức Thầy thuyết giáo về pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nhưng đó chưa phải là hết.

Trong Thiên phái Bửu Sơn Kỳ Hương, Phật Thầy Tây An cũng không ngớt kêu gọi chúng sanh trì hành Tịnh Độ.

Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử, ở thời Phật Giáo thịnh hành tại Việt Nam, thời Trần triều vua Trần Thái Tông vị khai sáng dòng Thiên Trúc Lâm cũng cực lực truyền khai Tịnh Độ, và các vị vua thời Trần cũng tôn

trọng Tịnh Độ, như Phật hoàng Trần Nhân Tông thường khuyến người niệm Phật.

Tịnh Độ là yếu pháp hành trì, thông dụng cho mọi tầng lớp chúng sanh, cho nên các nhà truyền Đạo đều đặc biệt lưu tâm truyền bá. Từ đầu thế kỷ 21 này, Tịnh Độ sẽ được triển khai rất mạnh trên khắp Á, Âu.

Pháp môn Tịnh Độ do Đức Từ phụ A Di Đà sáng lập, Đức Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa. Lấy Tín, Nguyện, Hạnh làm Tông, lấy Thực tướng làn Thế, lấy Đại Thừa Bồ Tát Tạng làm Tướng, lấy vãng sanh lên ngôi bất thối làm dụng. Đó là then chốt của pháp môn niệm Phật cầu sanh mà hành giả Liên Tông cần phải hiểu rõ.

TẤT CẢ CHÚNG SANH: là nói hết thấy chúng sanh trong 4 loại: noãn, thai, thấp, hóa. Đặc biệt của Tịnh Độ là, trên cảm hóa các vị Thánh trong Tam Thừa, dưới độ chúng sanh trong những loài hàm thức. Trong Phật pháp chưa có một pháp kỳ đặc như thế! Chưa có một pháp nào rộng độ như thế!

Chúng sanh loài người là đứng đầu trên sự tiến hóa, vì ưu điểm ở chỗ không quá vui như các cõi Trời thượng thiên, cũng không khổ như các chúng sanh trong ba ác đạo, thế mà loài hàm thức còn được độ thoát, hà tất là ta đây không được cảm hóa hay sao?

Đức Thầy nói: ***“Lòng thương chúng thuyết phương Tịnh Độ, đặng dắt dìu tất cả chúng sanh.”*** Là Ngài trở về thời điểm thế kỷ thứ 6 trước Kỷ nguyên Tây lịch. Ngài Sĩ Đạt Ta khi được vào ngôi Chánh Đẳng Chánh Giác Vô Thượng Bồ Đề, bấy giờ Đức Phật dùng Tuệ Giác của Ngài quán xét tất cả chúng sanh đều bình đẳng với Phật về thể tánh tri giác. Nhưng từ nơi vô minh mà khởi lên niệm bất giác, tạo nghiệp thọ khổ, tiếp nối muôn trùng. Động mỗi Bi tâm, Ngài

quyết đưa tất cả chúng sanh đang lặn hụp trong biển trần thống khổ ra khỏi bến sông mê, lên bờ Đại Giác của Phật. Để cho tất cả chúng sanh đồng được thoát khổ không bỏ rơi một loài nào, Đức Phật thuyết giáo diệu pháp Tịnh Độ Tông cho hàng Đại chúng.

Tịnh Độ là tạng pháp bí mật, dù rằng chưa ai biết để thưa hỏi Phật, nhưng Ngài tự hoan hỷ khai thị pháp mầu, thí cho chúng sanh ánh sáng duy nhất để cho mọi người, mọi loài cùng tiến về nơi quang minh đỉnh tối cao đồng với chư Phật.

Tịnh Độ pháp mầu, vượt trên không gian và thời gian vô tận, dù cho thời kỳ chánh pháp, thời kỳ tượng pháp hay thời kỳ mạt pháp gì cũng được độ thoát chúng sanh một cách rất hữu hiệu.

Khuyến Thiện là quyển chơn kinh Tịnh Độ, được Đức Huỳnh Giáo Chủ đưa đường dẫn lối tận tường về con đường vãng sanh thành Phật. Chúng tôi sẽ lần lượt trình bày những phẩm sau trong tập này để cung hiến những đóa hoa đang và sẽ xòe cánh buông hương ngào ngạt lợi khắp chúng hữu tình.

PHẨM BA

TÔNG YẾU TỊNH ĐỘ

**NẾU NHƯ AI CÓ CHÍ LÀM LÀNH,
CHUYÊN NIỆM PHẬT CẦU SANH PHẬT QUỐC.
CẢ VŨ TRỤ KHẮP CÙNG VẠN VẬT,
DẦU TIÊN, PHẦM, MA, QUI, SỨC SANH.
CỨ NHẤT TÂM TÍN, NGUYỆN, PHỤNG HÀNH,
ĐƯỢC CỨU CÁNH VỀ NOI AN DƯỞNG.
CHỈ MỘT KIẾP TÂY PHƯƠNG HỒI HƯỚNG,
THOÁT MÊ ĐỒ DỨT CUỘC LUÂN HỒI.**

(Trích Khuyến Thiện)

YẾU GIẢI:

Trong tập kinh Khuyến Thiện, tám câu diệu pháp này là yếu chỉ của Tịnh Độ Tông. Đức Huỳnh Giáo Chủ trình bày một cách khúc chiết đốn gọn mà lý nghĩa rất huyền súc. Đọc qua ta thấy sáng tỏ rõ ràng chỗ mấu chốt của pháp môn Tịnh Độ.

LÀM LÀNH: là phải thế nào? Câu hỏi được nêu ra để luận giải cho ý nghĩa được thêm phong phú ở đề mục.

Phàm làm một việc gì phải từ nơi cái tâm hướng đến sự lợi ích cho chúng sanh mà không tổn thương cho một loài nào, thì đó gọi là làm lành. Nếu ta làm cho người này được vui mà kẻ kia đau khổ, chúng sanh này lợi ích, mà chúng sanh kia bị tổn hại thì đâu thể được gọi là lành ư. Lợi mà không tổn thì mới được gọi là toàn mỹ, toàn thiện và toàn chơn.

Thuở nọ có một vị Thiên sư đang ngồi gẫm Đạo, nhờ Thiên nhĩ khai mở, ông ta nghe được tiếng của một con nhái đang bị rắn ngậm những lời cầu cứu thiết tha: Thầy ơi cứu con! Thầy ơi cứu con!

Thiên Sư liền bảo: Người là loài nhái tức là đễ

làm mỗi cho rắn là phải, ước hiệp chỗ nào mà người cầu cứu với ta?

Con rắn nghe Thiên Sư nói, y mát lỗ tai nên vội cất tiếng: Dạ! Dạ! Thưa, Thầy nói thế phải đấy! Rắn vừa mới dạ, dạ...nhái nhảy phốc ra khỏi miệng rắn, lợi tuốt dưới hàm. Rắn bỏ ngõ lợi đi, không để ý gì về Thiên Sư làm mình mất món ăn trong lúc đói.

Vị Thiên Sư có trí tuệ, dùng thiện xảo cứu được con nhái mà rắn không hận thù và nhái cũng không để tâm đến người ân cứu mạng. Làm như thế mới được coi là làm lành và mới phù hợp với tinh thần Chân, Thiện, Mỹ trong Phật Giáo.

CHUYÊN NIỆM PHẬT: Chuyên là phụng hành thuần một việc không pha lẫn, không tạp nhạp nhiều hạnh. Người ta thường nói: Nhứt nghệ tinh, nhứt thân vinh. Phàm làm việc chi cũng thế, hễ chuyên một việc thì sẽ khéo léo, thành công viên mãn, bằng như tâm bay nhảy nay làm việc này mai việc khác tất không sao thành đạt.

Niệm Phật là ghi nhớ, tưởng niệm hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật.

Chuyên niệm Phật tất là thuần tu một hạnh trì danh không tạp tu nhiều hạnh. Cọ cây, khé đá, bặt ga cũng chỉ là phương tiện lấy lửa, nếu đã chọn việc bặt ga lấy lửa thì cứ làm một việc ấy, vì bặt ga là việc mau lẹ nhất rồi.

Niệm Phật là pháp tu viên đốn bậc nhất rồi. Kinh Niệm Phật Ba La Mật cho rằng: “Niệm Phật là vua các pháp”.

Chuyên hành một trì danh niệm Phật thì cái hoài bão chứng đắc Tam Muội mới thành, chúng sanh mới mong hóa độ. Chuyên một hạnh niệm Phật tất là thu nhiếp các hạnh Đại Thừa của chư Bồ Tát, vì lục độ Ba

La Mật, Tứ vô lượng tâm, thập hạnh, thập nguyện...đều dung nhiếp trong sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật.

Ba tạng Kinh, Luật, Luận tự sẵn nơi tâm ta, Tạng Thúc kho này cất giữ chu đáo! Thật chu đáo! Chỉ chờ chiếc chìa khóa lục tự cho thuận thực là được mở ngay tức khắc! Mỗi hành giả niệm Phật đã được nắm giữ cái chìa khóa lục tự rồi, nhưng mà còn đợi đúng lúc, nếu mình chịu cố gắng hơn lên là cánh cửa siêu hình tâm linh tung cánh! Chùng ấy tự tiện đem ra thí cho chúng sanh mãi mãi và bất tận.

CẦU SANH PHẬT QUỐC: Cầu là nguyện cầu, mong muốn. Sanh là đi sống bên Liên Bang. Phật Quốc là cõi Tây Phương Cực Lạc do Đức Từ phụ A Di Đà trang nghiêm bằng những công đức thù thắng. Cõi Cực Lạc Tây Phương ấy, theo các Kinh Vô Lượng Thọ và Phật thuyết A Di Đà kinh thì, tại cõi Ta Bà ta đang ở đây, hướng về phương Tây, trải qua mười muôn ức Phật độ, nơi đây có một quốc độ nghiêm sạch và cực kỳ vui đẹp vượt trên các cõi Trời và dẫn cho các cõi Phật mười phương cũng chẳng hơn, quốc độ ấy tên là Cực Lạc, Tịnh Độ, An Dưỡng Quốc, Thanh Lương, Liên Bang, Lạc Bang. Giáo Chủ quốc độ ấy là Đức A Di Đà Phật.

Hành giả niệm Phật, cầu sanh về cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà mới là một hành giả chánh thức tu Tịnh Độ. Bằng như niệm Phật với ý nghĩa khác thì chưa phải là người tu theo Chánh tông Tịnh Độ.

Cầu sanh Phật quốc tức là tâm Bồ Đề đó, vì cầu sanh tức là xứng lý vô sanh, mà sanh Cực Lạc là thành Phật vậy. Bốn chữ **CẦU SANH PHẬT QUỐC** vốn là chiếc Ấn Tâm của Phật. Ngài đem ấn vào nơi Điền Tâm chúng sanh để khỏi rơi vào con đường khác. *Nếu*

như ai cố chí làm lành, Chuyên niệm Phật cầu sanh Phật quốc. Hai câu mười bốn chữ này là thông điệp căn bản của Tịnh Độ Tông. Ai nắm được chỗ này là nắm được đường dây thiết yếu lần đến Phật quả viên mãn. ***Cả vũ trụ khắp cùng vạn vật:*** Là nói chung trong vũ trụ vạn hữu này. Trong bốn loài chúng sanh là: Loài sanh ra bằng trứng, loài sanh ra bằng con, loài sanh ra nơi ẩm ướt, loài hóa sanh đều là trong vũ trụ cả.

DẦU TIÊN, PHÀM, MA, QUỶ, SÚC SANH: là nói chung các chúng sanh trong sáu nẻo phàm, thường bị nghiệp báo luân chuyển trong bánh xe sanh tử.

CỨ NHỨT TÂM TÍN, NGUYỆN, PHỤNG HÀNH: Câu này là cương Tông của Tịnh Độ, là qui giám cho việc vãng sanh, là la bàn về An Dưỡng Quốc.

NHỨT TÂM TÍN LÀ THỂ NÀO?

Một lòng tin chuyên theo pháp môn Tịnh Độ một cách sâu thiết, chắc chắn, bền vững không lung lay bởi các pháp chia phối. Đó gọi là nhứt tâm Tín.

Tin là đầu đề, tin là Khế ước, tin là mẹ sanh các công đức. Đối với hành giả Tịnh Độ, đức Tin hết sức quan trọng, vô cùng cần thiết. Vì đó là một trong ba điều kiện tất yếu vãng sanh. Tin có nhiều chi tiết mà hành giả Tịnh Độ phải hiểu rõ.

1. Tin hai vị Phật Tổ: Hai vị Phật Tổ là Đức Đạo Sư Tây Phương Giáo Chủ A Di Đà Phật và Ta Bà Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Phật. Ta hãy hoàn toàn tin nơi Đức Từ phụ A Di Đà là vị Phật lịch sử cõi Tây Phương. Ngài đã trải qua vô lượng vô biên kiếp tu nhơn và đã viên mãn Phật quả, hiện là Giáo Chủ tại Đại Học Đường bốn quốc Cực Lạc, giáo hóa chúng sanh được thành tựu Phật quả vô lượng vô biên. Tin 48 lời Đại nguyện rộng sâu lập quốc, tiếp dẫn của Đức Từ Phụ là

không dôi gạt chúng sanh, 48 lời Đại nguyện mà Ngài tuyên ra có sự chứng kiến của Đức Thế Tự Tại Vương Như Lai, tức nhiên Ngài thực hiện rốt ráo viên mãn không thiếu sót điều nào. Tin bốn quốc Cực Lạc là nơi tối cao Phật học, ta nương tựa để viên mãn Phật quả và mãn nguyện hóa tha.

Tin Đức Thích Ca Mâu Ni Phật Giáo Chủ cõi Ta Bà, Ngài dùng trí kiến của đấng toàn giác, toàn trí thấy được Phật độ Tây Phương, hiểu rõ chúng sanh trong quốc độ mà Ngài đang là Hương Đạo Sư cho họ, Ngài bao giờ cũng muốn cho nhơn dân của Ngài thoát ra ngoài cái biển khổ sanh tử, nên Ngài mới nói ra pháp Tịnh Độ, tức là cái phép niệm Phật cầu thoát hóa Tây Phương. Những bộ kinh Tịnh Độ được từ kim ngôn Phật thuyết nay vẫn còn lưu hành và vẫn được tồn tại hầu đở nâng chúng sanh trong thời mạt pháp. Ta tin hai vị Giáo Chủ và 48 lời Đại nguyện Phật A Di Đà, 12 bộ kinh Tịnh Độ một cách vững chắc thì Bồ Đề Tâm của ta đã được nảy mầm, lẽ tất Bồ Đề quả sẽ viên mãn.

2. Tin Pháp môn niệm Phật: Đức Từ phụ A Di Đà không lưu lại Đại Tạng: Kinh, Luật, Luận mà chỉ lưu lại hồng danh vĩ đại của Ngài. Nam Mô A Di Đà Phật là chìa khóa sẽ mở tung kho Đại Tạng nơi chính mỗi chúng sanh, cũng là chìa khóa mở các cửa ngục cho chúng sanh thoát khổ...ta hãy nắm giữ chìa khóa lục tự ấy như cái chìa khóa của Tổng ngân hàng Quốc gia Thế giới không được lãng quên, không được đánh rơi để tiện dùng cho thỏa chí nguyện bi mãn của mình.

Danh Phật là Phật tâm, danh Phật là Phật nguyện, danh Phật là Phật hạnh, danh Phật là Phật trí, danh Phật là Phật quả...Ta hằng niệm Phật là ta an trú và thành tựu Phật tâm, Phật hạnh, Phật nguyện, Phật trí, Phật quả!

3. Ta tin nơi mình: Mình với Phật bình đẳng Giác tánh, nhưng vì bất giác dấy khởi, mây vô minh phủ che tạo nghiệp thọ khổ. Trở lại với Giác Tánh toàn chơn để hòa đồng với chư Phật, không gì hơn là ta phải chuyên niệm Nam Mô A Di Đà Phật, tức là ta trở lại cội nguồn nhập vào tri kiến Phật. Hãy tin chắc rằng chỉ có mình mới cải tạo cho chính mình một cách toàn vẹn, vì mình có đủ các năng lực khôi phục lại cho mình như các vị Thánh quá khứ.

Nếu ta có các đức tin vững chắc ở nơi Đức Phật, giáo pháp Tịnh Độ và nơi sự giác ngộ của mình, thì đó là Bồ Đề Tâm đã phát rồi đấy, nên móng cho tòa cao ốc Như Lai đã được thiết kế và xây tạo.

NGUYỆN: là mong muốn đi sinh sống bên bờ quốc Cực Lạc Tây Phương, nguyện viên mãn Phật quả, nguyện hóa tha lợi chúng. Nguyện là khế ước, là la bàn đề hướng thẳng về cõi Liên Bang, lên ngôi Chánh Giác lợi chúng hữu tình. Đức Từ phụ A Di Đà đại nguyện tiếp dẫn, ta phải có đại nguyện vãng sanh. Đức Phật A Di Đà nguyện tiếp dẫn rất chân thiết, có Thầy của Ngài là Thế Tụ Tại Vương Như Lai chứng minh và thọ ký, ta phải có bản nguyện vãng sanh chân thiết để hai bản nguyện ấy thành một khối thì con đường về Cực Lạc mới sáng tỏ ở phút mệnh chung.

Hãy tự mình lập nguyện và phát nguyện càng sớm càng tốt, không được chần chờ lần lữa.

Đại đề là, nguyện vãng sanh về Cực Lạc, nguyện viên thành Phật Đạo, nguyện vào các cõi khổ hồng độ chúng sanh.

PHỤNG HÀNH: tức là lập hạnh niệm Phật tu hành. Hằng chuyên niệm Nam Mô A Di Đà Phật làm chánh hạnh vãng sanh. Niệm Phật là điều kiện tất yếu vãng sanh thành Phật rồi đâu cần phải kiêm hạnh nào

nữa khác. Nhiều hạnh dễ tán tâm. Chuyên một hạnh trì danh mau vào tam muội Chánh quả.

Niệm Nam Mô A Di Đà Phật là giới, là định, là huệ, là giải thoát, là giải thoát Tri kiến.

Nam Mô A Di Đà Phật là thí, là giới, là nhẫn, là tấn, là định, là huệ.

Nam Mô A Di Đà Phật là chánh báo, là y báo Cực Lạc.

Dùng cái tâm thâm tín và thâm nguyện của mình, mà chấp trì cầu hồng danh của Đức Từ Phụ là ta đã nắm toàn tông Tịnh Độ và nhất quyết vãng sanh, mà vãng sanh tất là thành Phật.

Cứ nhất tâm tín, nguyện, phụng hành: là tâm yếu Tịnh Độ, là bí quyết vãng sanh, là chỉ nam thành Phật mà Đức Ân Sư ta đã hỉ tâm truyền dạy từ tập kinh Khuyến Thiện của Ngài.

Được cứu cánh về nơi An Dưỡng: Đã có đủ các điều kiện thiết yếu như câu trên vừa giải là tín, nguyện, hạnh thì lẽ tất được Đức Phật A Di Đà nhiếp thọ về bốn quốc Cực Lạc Tây Phương và được an dưỡng Đạo hạnh nhất thừa của hàng Như Lai bồ xứ hầu có vào nơi biển khổ Ta Bà phổ tế chúng sanh.

**Chỉ một kiếp Tây Phương hồi hướng,
Thoát mê đồ dứt cuộc luân hồi.**

Tu theo các pháp phải trải qua nhiều đời mới ra ngoài tam giới. Riêng về môn Tịnh Độ chỉ bảo đảm một kiếp là được ra ngoài tam giới thoát hóa Tây Phương Cực Lạc, nhập vào sơ địa Bồ Tát Bất Thối và thẳng đến Phật quả viên mãn.

Dòng suối sanh tử trôi chảy triền miên bất tận, chúng sanh phải chấp nhận từ lũy kiếp đến nay và được chấm dứt khi nào chúng sanh hội đủ các điều kiện thiết yếu là tín, nguyện, niệm Phật nhất tâm.

*Nếu như ai cố chí làm lành,
Chuyên niệm Phật cầu sanh Phật quốc.
Cả vũ trụ khắp cùng vạn vật,
Đầu Tiên, Phàm, Ma, Quỷ, Súc sanh.
Cứ nhất tâm tín, nguyện, phụng hành,
Được cứu cánh về nơi An Dưỡng.
Chỉ một kiếp Tây Phương hồi hướng,
Thoát mê đồ dứt cuộc luân hồi.*

Tám câu thánh kệ này là vô lượng bảo châu, từ nơi Tuệ Giác Phật Sư Huỳnh Giáo Chủ trao truyền. Đây là Đại Thiên Định, đây là Đại Trí Huệ. Nương vào đây là Đại giải thoát, Đại giác ngộ được hòa đồng cùng chư Phật mười phương!

Phật Sư thí cho chúng sanh pháp bảo vô giá này là muốn lấp biển sanh tử, thiêu tận rừng nghiệp báo cho pháp giới chúng sanh, để đồng sống trong an vui Cực Lạc.

Tám câu diệu pháp trên là toàn tông Tịnh Độ, vì tín, nguyện và trì danh đã hội đủ.

Tín, Nguyện tức là tâm Bồ Đề, trì danh là Phật quả.

Tín, Nguyện là y báo, trì danh là chánh báo Tây Phương.

Tín là vị bất thối, Nguyện là Hạnh bất thối, trì danh là niệm bất thối.

Nói một cách dón gọn, hễ có Tín, Nguyện, Hạnh chân thiết là có đủ ba ngôi bất thối chuyển.

Phẩm thứ ba nói về tông yếu Tịnh Độ, tất là cương lĩnh, là mấu chốt vãng sanh Cực Lạc thế giới.

PHẨM TƯ

AO SEN BÊN CỰC LẠC

AO SEN BÁU TÂY PHƯƠNG ĐUA NỎ,
CHỜ CHÚNG SANH NIỆM PHẬT CHÍ TÂM.

(Trích Khuyển Thiện)

YẾU GIẢI:

Bên bốn quốc Tây Phương Cực Lạc có ao thất bảo liên hoa trang nghiêm và tuyệt hảo, do Đức A Di Đà Thế Tôn tạo bằng công đức. Ao rộng lớn như biển cả không thể đo lường cùng tận. Từ nơi bảy thứ báu: Lưu ly, pha lê, xà cừ, xích châu, mã não, vàng, bạc tạo thành ao báu ấy. Bờ ao, thềm bậc, dưới đáy và đường sá quanh ao nhất nhất toàn bằng bảy báu nghiêm sạch. Nước dưới ao luôn luôn đầy đặn và cao thấp tùy theo người muốn, như muốn cao thì nước lên cao, muốn thấp thì nước xuống thấp.

Nước trong ao sen có tám công đức thù thắng là:

1. Lạnh trong, khác với nước Ta Bà vẫn đục.
2. Man mát, khác với nước Ta Bà lạnh quá nóng quá.
3. Ngon ngọt, khác với nước Ta Bà mặn quá lạt quá.
4. Mềm mại, khác với nước Ta Bà nặng chìm.
5. Đượ nhuận bóng nháng, khác với nước Ta Bà ướm át, thối nát, phai màu, nhợt nhạt.
6. Yên ổn hòa nhã, khác với nước Ta Bà chảy mau và tai hại.
7. Trừ được đói khát, khác với nước Ta Bà thường làm lạnh bụng.
8. Nuôi lớn các căn, khác với nước Ta Bà làm tổn hại mọi căn, làm rối loạn tăng bệnh khổ, làm chìm đắm...

Từ nơi nước bát công đức mà mỗi người dân Cực Lạc xuống tắm ao đều được mau dứt nghiệp báo và được tăng trưởng các công đức.

Trong ao báu bên bờ quốc Cực Lạc có vô lượng hoa sen và nhiều màu sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng...hào quang trong mỗi hoa sen thường chiếu lên rực rỡ. Hoa xanh thì hào quang xanh, hoa vàng thì hào quang vàng, hoa đỏ thì hào quang đỏ, hoa trắng thì hào quang trắng, v.v...

Hoa sen trong ao thất bảo Tây Phương rất to lớn, những hoa nhỏ nhất cũng chừng bốn mươi dặm, như bánh xe bằng vàng của chuyển luân vương. Có những hoa sen lớn khó nôi đo lường. Nhưng mà lớn hay nhỏ cũng bởi tùy căn xứng với người an ngữ.

Kinh A Di Đà, Phật vì chúng sanh mà nói với Ngài Xá Lợi Phất rằng: “Này Xá Lợi Phất ơi, cõi nước Cực Lạc có ao thất bảo, trong ao thường đầy nước công đức, đáy ao thuần bằng cát vàng óng ánh, bốn bên bờ ao, bọc lên, lối đi, làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Trên có lầu gác cũng toàn bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não. Hoa sen trong ao to bằng bánh xe, màu xanh sáng xanh, màu vàng sáng vàng, màu đỏ sáng đỏ, màu trắng sáng trắng, nhiệm mầu thơm sạch”.

Hoa sen trong ao thất bảo Cực Lạc cũng toàn bằng bảy báu, đua nở xinh tươi. Hễ nhìn thấy hoa sen trong ao nở nhiều và hoa lớn nhiều, biết rằng bên cõi Ta bà có nhiều chúng sanh phát tâm niệm Phật tu hành theo Tịnh Độ nhiều, và hoa lớn nhiều thì biết bên này có nhiều người tu tinh tấn được công đức lớn. Nếu trong ao hoa sen Cực Lạc có đóa hoa nào bị lụn úa hay từ từ nhỏ khô thì biết rằng bên Ta bà này có người tu Tịnh Độ đang bị sa sút hay đổ vỡ. Nhon dân Cực Lạc

chỉ nhìn nơi ao sen mà biết được chúng sanh nơi Ta bà hoặc các quốc độ khác tu hành nhiều hay ít, hoặc tiến thối.

Ao sen thất bảo bên Cực Lạc có phân ra làm ba búi, chín phẩm. Rồi từ chín phẩm lại sanh vô lượng phẩm bậc nữa, vì là tùy nơi trình độ giác ngộ và công đức của mọi chúng sanh trên pháp giới.

Hoa sen trong ao thất bảo bốn quốc Cực Lạc có bốn đặc tánh là Vi, Diệu, Hương, Khiết.

1. Vì hoa có chất mà không có hình tướng nên gọi đó là **Vi**.

2. Vì cùng nở trong ao mà không khua chạm, chen lấn nhau, không hư hoại nên gọi là **Diệu**.

3. Thơm tho kỳ đặc, ngửi vào là Bồ Đề tâm phấn tấn, nuôi lớn các đức tánh Phật nên gọi là **Hương**.

4. Vì luôn luôn trong sạch tinh khiết không ô nhiễm chất uế trước bụi nhơ nên gọi là **Khiết**.

Nhơn dân Cực Lạc nhìn thấy hoa sen trong ao thất bảo nở ra hay tóp lại mà biết ban đêm hay ngày, vì hễ ban ngày thì hoa sen nở và ban đêm thì hoa sen tóp lại.

Thần thức khi còn ở trong hoa sen chưa nở thì gọi là thai sen, đến khi được nở ra thì gọi là Thiện Thượng Nhơn hay Liên Nhơn, còn trong hoa sen chưa nở cũng hưởng bốn đức tánh: Vi, Diệu, Hương, Khiết như đã trình bày, khi đã sanh ra thì Liên Nhơn Cực Lạc cao quý biết chừng nào!

Ao thất bảo bốn quốc Cực Lạc Tây Phương đua nhau xòe cánh bông hương đón chờ chúng sanh chuyên tâm trì chí niệm Phật với ước nguyện vãng sanh. Một câu A Di Đà Phật là một đóa hoa Cực Lạc, trang nghiêm Tịnh Độ bằng công đức trì danh nên hoàn toàn siêu việt.

Đức Thầy là hàng Thánh Giả Tây Phương, được Đức Giáo Chủ Cực Lạc bổ xứ về Ta Bà giáo truyền Tịnh Độ trong buổi Hạ nguơn mặt pháp để cứu vớt chúng sanh sau rốt. Thế nên, dù Ngài chưa bao giờ nghiên cứu các Thánh kinh Tịnh Độ mà giảng nói tỏ tường chánh báo và y báo bên bốn quốc Tây Phương Cực Lạc không hề trái nghịch với kinh điển Đại Tạng.

“Ao sen báu Tây Phương đưa nở, Chờ chúng sanh niệm Phật chí tâm.” được phát xuất từ kim ngôn Đức Giáo Chủ, trong khi Ngài được 21 tuổi và đang bị người Pháp câu lưu tại Bạc Liêu. Ngài là đấng Thiên tài hoạt Phật mới nói được thắng cảnh Tây Phương, mà chưa hề biết đến kinh tạng. Câu kinh Ngài truyền dạy là Huấn thị căn bản Tịnh Độ Tông, nhằm thúc đẩy cho chúng sanh phấn khởi trì niệm: Nam Mô A Di Đà Phật.

Hồng danh sáu chữ là Đại pháp thuyền, là vạn năng cứu khổ chúng sanh trong thời đại cuối cùng này. Chúng sanh nào muốn được Đại giải thoát viên mãn thì nhất định phải niệm Phật cầu sanh Cực Lạc và các nhà truyền Đạo muốn cứu vớt tất cả chúng sanh thì nhất quyết phải dùng môn Tịnh Độ.

PHẨM NĂM

KHUYẾN TU TỊNH ĐỘ

**ÔI! CẢ SANG HÈN CHẴNG AI THÔNG THẢ,
SAO NHƠN SANH CỨ MÃI ĐẮM SAY.
CHẴNG TU THÂN ĐẶNG DỰA PHẬT ĐÀI,
CHO THÔNG THẢ HƯỞNG MÙI SÈN BÁU.**
(Trích Khuyến Thiện)

YẾU GIẢI:

Nương theo văn trước, Đức Thầy giảng giải tám điều khổ nơi cõi Ta bà một cách tường tận. Cái khổ của sanh, già, bệnh, chết, thương yêu xa cách, oán ghét gặp nhau, mưu cầu chẳng thành, ưu sầu lo ngại ví như là sông biển không hề khô cạn. Kẻ ngu người trí, sang hèn thượng hạ đều phải bị tám điều khổ lụy nơi cõi Ta bà.

Ôi! Cả sang hèn chẳng ai thông thả, sao nhơn sanh cứ mãi đắm say. Chẳng tu thân để dựa Phật Đài, cho thông thả hưởng mùi sen báu. Đó là lời kêu gọi rất thống thiết, rất bi cảm, vừa dịu ngọt, vừa thẳng thắn đưa nhẹ vào lòng người một cách nhẹ nhàng thanh thoát, khiến cho chúng sanh chợt tỉnh giấc mơ nơi cõi tạm.

Trong cõi trần gian này từ hạng giàu sang quyền quới, chí đến hạng cùng đing nô bộc; từ bậc thức giả đến tới tằm có ai thoát ra ngoài cái vòng khùng khiếp của sanh, già, bệnh, chết.v.v...Có được chăng là bao giờ người ta biết tỉnh thức tu hành, niệm Phật cầu sanh Cực Lạc Thế giới.

Tất cả chúng sanh đều bình đẳng với Phật về Giác Tánh, mà chúng sanh thường bị sầu khổ bất tận, là vì vọng niệm từ vô minh đen tối, rồi tạo nghiệp, thọ khổ. Để dừng lại các vọng niệm đen tối vô minh,

không cách nào hữu hiệu hơn là chuyên niệm Nam Mô A Di Đà Phật, cầu sanh Cực Lạc thế giới của Đức Từ phụ A Di Đà. Niệm Phật để ra ngoài tam giới đã gọn dễ, mà lại kết quả tối cao, chỉ cần về được bốn quốc Tây Phương là được địa vị bất thối Bồ Tát và thẳng đến Phật quả viên mãn.

Trong cõi nhân gian này, nếu có ai khuyên tu một cách mạnh mẽ quyết liệt, thì đó là Đức Huỳnh Giáo Chủ. Thật vậy, **“Chẳng tu thân dựng dựa Phật đài, cho thong thả hưởng mùi sen báu.”** là lời khuyên tu rất thống thiết mà Đức Huỳnh Giáo Chủ đã ngân vang inh ỏi trong mọi tầng lớp nhân dân để cho tất cả chúng sanh được đề cao cảnh tỉnh mà hướng về nơi cao đỉnh giác ngộ. Mùi sen báu là chơn hương vi diệu, thọ hưởng được mùi sen báu là được nhập lưu vào sơ địa Bồ Tát bất thối. Chỉ vừa ngửi được mùi sen báu là ta thoát ra ngoài tam giới một cách dễ dàng và nhất quyết là không còn rơi rụng nơi cõi trược ác Ta bà này nữa, mà cũng không còn bị thối tâm xuống hàng nhị thừa của Thanh Văn Duyên Giác.

Chúng sanh cũng đã nhận được phần nào khổ não ở thế gian, nhưng tại làm sao mà không chịu khẩn tâm niệm Phật cầu sanh Cực Lạc để hưởng cảnh Đại giải thoát bất tư nghì, hầu tiếp nối Phật chủng hóa tha lợi chúng! Đại phúc là được gặp Phật pháp, Đại hạnh là đã được qui y, không cương quyết gắng gổ phụng hành đạt cho kỳ được tòa sen cao quý bên ao thất bảo Cực Lạc Tây Phương thì uổng biết chừng nào! Đã bao phen Đức Ân Sư ta **“tay trống miệng kèn”**. Thế, tại sao lòng người cơ hồ còn con tỉnh, con mê! Mê là chúng sanh, tỉnh là Phật, nếu được giác tỉnh thường hằng thì Cực Lạc thể hiện nơi tâm ta một cách mau nhiệm.

Ta Bà cùng Cực Lạc tuy có phân biệt địa dư,

luận bàn dơ, sạch mà thật thì thể tánh vẫn tương đồng không xa gần, dơ sạch. Nếu hằng khẩn tâm niệm Phật lẽ tất chẳng xa Tịnh Độ, cũng như lòng thanh thì cảnh tịnh sạch sẽ hiện nơi tâm mình. Đáy lòng dơ sạch của ta sẽ là cõi Tịnh, ướ cho mình trong hiện tại. Hễ dơ thì Ta Bà đầy thống khổ, còn sạch thì Cực Lạc tột yên vui!

Tỉnh thức! Tỉnh thức! Đó là quả tim có mắt. Bằng như cứ mê muội! Muội mê! Tất là khối thịt vô dụng mục hư!

Huấn thị Thầy ban qua những lời truyền dạy trong Sám thi Giáo lý là kinh cứu khổ vạn năng, nếu chúng sanh biết áp dụng trong lẽ sống hiện tại tất tương lai sẽ an ngự trong tòa sen cao quý nơi ao thất bảo Cực Lạc Tây Phương, ánh gương cao cho nhân loại.

Phẩm thứ năm này Đức Thầy dùng pháp âm vi diệu từ nơi suối nguồn của bi tâm để rót nhẹ vào lòng người khiến cho chúng sanh tỉnh ngộ hầu lo việc tu hành tìm đường giải thoát.

Rất mong rằng tiếng chuông linh mâu của Ân Sư sẽ được mở mắt cho nhiều người trong cơn đại mộng!

PHẨM SÁU

LIÊN HOA THÂN CÔNG ĐỨC THÂN

**THÂN-THỨC NHẬP THAI-SEN TINH HẢO,
NÊN KHỎI MÀNG LO NỖI KHỔ SANH.
THÂN THÌ THÂN CÔNG ĐỨC HIỀN LÀNH,
BẤT DI DỊCH KHỎI VÌ KHỔ LÃO.**

(Trích Khuyên Thiện)

YẾU GIẢI:

Cái khổ của sanh, lão được luân lưu bất tận. Đó là sự chuyển biến của lý duyên sanh. Các pháp trong cõi trần này đều phải chấp nhận của định luật sanh, trụ, dị, diệt. Được thoát khỏi cái khổ của sanh, già là khi nào được Liên Hoa Hóa Thân và Công Đức Thân bên cõi Tây Phương Cực Lạc. Như Đức Thầy đã phán dạy trong tập Khuyên Thiện, được trích giải trong phẩm thứ sáu này.

THÂN THỨC: là Thể tánh toàn chơn bất sanh, bất diệt của ta. Bản thể của ta vốn tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch; tùy duyên mà hằng bất biến, bất biến mà hằng tùy duyên.

THAI SEN: là Thể chất gá vào hoa sen trên hàng cửu phẩm. Lúc hoa sen chưa nở thì gọi là Thai Sen, đến khi được nở ra rồi thì gọi là Liên Nhon, hay cũng gọi là Thượng Thiện Nhon.

TINH HẢO: nghĩa là vừa đẹp vừa sạch, vừa trong sáng vừa hương khiết, vi diệu tuyệt trần.

Bất cứ là hạng người nào trong cõi nhân gian này, chỉ vì việc sanh tử trọng đại của chúng sanh mà phát tâm Bồ đề, rời từ tâm Bồ đề khởi Tín, Nguyện, niệm Nam Mô A Di Đà Phật chân thiết, tức là được Đức Từ phụ A Di Đà nhiếp thọ đem thân thức gá vào

Thai Sen trên hàng cửu phẩm trong ao thất bảo liên hoa bên bờ quốc Cực Lạc vào hàng Nhất Sanh. Nghĩa là chỉ có một lần liên hoa hóa thân là được bỏ lên ngôi vị Phật. Tu hành rất đơn giản, thế là được đến cái đỉnh nhất sanh tốt quý, thì dầu cho có đến muôn kinh, ngàn luận đi nữa cũng chỉ nằm gọn trong cái nghĩa Nhất Sanh này.

Nên chẳng màng lo nỗi khổ sanh: Cái nỗi khổ về sự sanh trong cõi Ta bà này thật là thống thiết, thật là rùng rợn! Ôi! Chúng sanh cùng với chư Phật nào có khác chi về Bản Thể, nhưng vì trái với tánh giác mà phải đọa lạc trầm luân đời đời, kiếp kiếp!

Từ nơi chủng tử bất tịnh của vọng thức về ái, về tình mà phải một phút sa cơ lọt vào bào thai bất tịnh, âm thực ô uế, trụ xứ nhớp nhơ, thân bị ràng rịt, chửa quậy khó khăn! Đến thời kỳ sanh nở, phải bị cưỡng bức ép mình trong cảnh trạng vô cùng đau thương thảm khổ! Ôi, người sanh và kẻ bị sanh đồng cùng cảnh trạng thảm thê, thê thảm!!! Cái cảnh trạng của nỗi khổ về sanh dầu cho kẻ tài trí đến thế nào cũng không sao tả hết.

Chỉ có những chúng sanh nào biết tỉnh thức, chuyên niệm Phật câu sanh, Di Đà tiếp dẫn Liên Hoa Hóa Thân, thì mới thoát được đại nạn, đại khổ não về sự sanh trong cõi thế.

Thần Thức vào Liên hoa Hóa Thân, vừa được VI DIỆU HƯƠNG KHIẾT, vừa được THƯỜNG LẠC NGÃ TỊNH. Đâu như chốn Ta bà rơi vào thai mẹ nhớp nhơ, khổ sầu liên tiếp nối!

CÔNG ĐỨC THÂN: Đức Phật A Di Đà công đức vô lượng, hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật cũng công đức vô lượng, người chuyên niệm hồng danh công đức vô lượng. Và do đó mà thành tựu công đức

thật vĩ đại bên bờ quốc Tây Phương Cực Lạc. Công Đức Thân được trang nghiêm như ngọc pha lê trong suốt tinh khiết, nên bất di bất dịch, thường hằng, khương kiện trẻ trung.

KHỔ LÃO: Nỗi khổ của người già trong cõi tạm, ôi! Khó nỗi tả cùng! Người ta thường nói: *“Già nua là tuổi điều tàn, cây già cây cối, người già người suy!”*

Hễ sanh thì phải lớn, lớn tất phải già. Già thì tai điếc, mắt mờ, lưng cong, gối mỏi, thần trí kém suy nói năng lảm cẩm, đi đứng run rẩy, nằm ngồi khó nổi đặng yên! Người xưa thường nói: “Lão lai tài tận”. Bởi tài năng không còn nên thường bị lớp trẻ dễ khinh, duy tân xa lánh! Nếu già có người giúp đỡ còn khá, bằng như thiếu kẻ dưỡng nuôi phải đem thân vào nhà dưỡng lão, nhờ cơm áo của người hảo tâm, cháu con không thấy, bạn tác vắng tăm! Ôi! Già khổ! Già khổ! Già đại khổ!!!

Vượt trên cái nỗi già khổ, là chúng sanh dùng tâm Tín, Nguyện chân thiết của mình mà hằng chuyên niệm Nam Mô A Di Đà Phật, thể chất vào Liên Hoa hóa thân, ấy là Công Đức Thân viên mãn, thường hằng xinh đẹp, tướng hảo trang nghiêm và luôn luôn khương kiện.

Thần thức nhập thai sen tinh hảo, nên khỏi màng lo nỗi khổ sanh. Thân thì thân Công Đức hiền lành, Bất di dịch khỏi vì khổ lão. Đó là phẩm chân kinh vi diệu, Đức Thầy thuyết về Chánh báo Cực Lạc Tây Phương, để chúng sanh thấy rõ cái vui, cái đẹp, cái thường hằng của người Cực Lạc, cái quý cao, cái siêu việt, cái tuyệt vời của phép trì danh.

Hễ được Liên Hoa hóa thân, tức là được Công Đức Thân, mà được Công Đức Thân là được vào Sơ Hoan Hi Địa Bồ Tát. Đây là con đường Thánh giả được

rút ngắn, từ cõi Đồng cư Ta Bà đến cõi Đồng cư Cực Lạc lên hàng Thánh giả bất thối chỉ một kiếp ngắn là hoàn mãn sự nghiệp. Nếu đem so với các môn tu khác thì sự cách biệt nhau một trời một vực.

Sống trong kiếp vô thường ngắn ngủi của kiếp hoại, nếu không chọn pháp viên đốn hành trì thì dễ nào vượt thoát sông mê. Cho nên, phải chấp trì hiệu Phật, cầu thoát hóa Tây Phương, đó là lối đi mau nhất, bảo đảm chắc chắn nhất và siêu việt nhất!

THOÁT ĐƯỜNG BỆNH KHỔ

**THỂ THANH TỊNH THƯỜNG KHÔNG HUYỀN
NÁO,
HẾT LO TOAN NẮNG LẠNH GIÓ MƯA.
KHỔ BỆNH KIA BỞI ĐÓ MÀ CHỪA,
TA THOÁT CUỘC LAO ĐAO VÌ NÓ.**

(Trích Khuyển Thiện)

YẾU GIẢI:

THỂ THANH TỊNH: là bản chất trong sạch, tinh khiết trong hoa sen nở ra nên không bị rúng động bởi phong vũ bốn mùa thời tiết mà sanh ra bệnh hoạn.

Bệnh là điều trọng khổ, trong cõi trần gian này từ nghiệp báo mà chúng sanh thọ lấy thân tứ đại ngũ uẩn giả hợp, rồi cảm những tà khí trong những cơn phong vũ bất hòa mà chuốc lấy bệnh khổ, với tư cách phàm trần tất không ai tránh đặng. Hễ bệnh thì bệnh nào cũng nguy khôn cả. Người ta nào là lao phổi, u gan, nào là sung tê phù thũng, nào là yếu tim dư ruột, nào là viêm mật ung thư, nào là tai biến, nào là ghê lở, nào là phong cùi cô xạ...tiền của sạch mà thuốc thang chưa đủ! Tinh thần từ nơi thân bệnh mà kém suy, đâm ra sợ hãi, buồn rầu thảm trạng đau thương! Muốn sống chẳng đặng, muốn chết không xong, lo buồn tức tối! Bệnh khổ trong cõi nhân gian này dễ nào nói hết, chỉ sơ lược đôi phần cho người ý thức.

Tránh được bệnh khổ là phải thoát ra ngoài tam giới, về cõi Cực Lạc Tây Phương, Liên Hoa hóa thân trên hàng bất thối dứt nẻo luân hồi.

Bất cứ là hạng chúng sanh nào trong bảy thú, chỉ vì thoát ly sanh, lão, bệnh, tử mà phát cái chí nguyện cầu đi sinh sống bên bờn quốc Cực Lạc Tây

Phương, rồi chấp trì câu hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật cho thật chân thiết, tất là đến giờ phút mệnh chung được Đức Từ phụ A Di Đà nhiếp thọ đưa vào hàng cửu phẩm trong ao thất bảo Liên Hoa hóa thân thành Bồ Tát, chấm dứt luân hồi.

Người ta nào là lương được đông tây, nào là thuật dưỡng sinh, nào là luyện trường sinh, nào là kế hoạch nhân tạo mà nào ai có khỏi! Càng lúc càng bệnh khổ nhiều hơn, bệnh viện càng cất thêm nhiều, bệnh nhân càng thêm chật hẹp. Thời nay nghiệp nặng tâm tạp khiến chúng sanh thọ nhiều quả báo nặng, nên đau nhiều chứng dị kỳ, bác sĩ đa phương, lương y đủ cách: Ghép tim, vá phổi, thay mật mổ gan, nối ruột đổi thận...nhưng rồi cũng bất lực vô mưu đành để cho con bệnh hoành hành lan khắp.

Nhà Phật cho bệnh là khổ, vì hễ bệnh thì bệnh nào cũng bức ngặt khổ sâu, bệnh nào cũng bỏ ăn mất ngủ, bệnh nào cũng xao xác tâm thần, bệnh nào cũng hao tài tốn của...

Tần Thủy Hoàng ngày xưa vì không muốn bệnh chết nên y khiến bề tôi đi tìm thuốc trường sinh, nhưng mà thuốc trường sinh đâu chẳng thấy, chỉ thấy thêm sự đồ thán sanh linh.

Chỉ có một món thuốc trường sinh duy nhất năng tiêu trừ các thứ bệnh khổ cho pháp giới chúng sanh. Đó là câu Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Nam Mô A Di Đà Phật là vị thuốc A Di Đà bệnh nào cũng trừ tận gốc rễ. Bệnh của Nhân Loại là bắt nguồn từ nghiệp báo, một câu Thánh hiệu Di Đà có công năng chuyển trừ nghiệp báo vô lượng. Nghiệp báo ví như rừng bổi khô, niệm Phật ví như lửa cháy mạnh. Hễ lửa niệm Phật khởi lên mạnh và đến nhất tâm thì rừng nghiệp báo sẽ hoàn toàn bị tuyệt diệt, tức bệnh đau còn

sanh đặng.

Nói dễ hơn, nếu chúng sanh nào nghe đến câu Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật rồi chí thiết niệm với ước nguyện sanh hóa Cực Lạc Tây Phương, tức người ấy được Đức Từ phụ Di Đà tiếp dẫn vãng sanh về Cực Lạc Liên Hoa hóa thân, thể chất trong sạch tinh khiết, khương kiện, mạnh khỏe thường hằng đâu như cõi Ta bà đau ốm mãi liên miên.

Về cõi Cực Lạc mới thật là trường sinh, vì không già, không bệnh, không chết. Thần thông tự tại, sống lâu bằng Phật.

Thế Thanh Tịnh thường không huyên não, hết lo toan nắng lạnh gió mưa. Khổ bệnh kia bởi đó mà chừa, ta thoát cuộc lao đao vì nó.

Lời nói trên đây là lời nói của Phương Tây Cực Lạc, nên vừa sáng tỏ rõ ràng, vừa êm dịu mát mẻ, khiến cho chúng sanh nghe đến là tín mộ ngay. Đức Thầy nói rõ hơn dân Cực lạc vui đẹp là Liên Hoa hóa thân không già, không bệnh, mãi mãi mạnh mẽ trẻ trung, đời đời không chết.

Cực Lạc thế giới là tối cao bệnh viện toàn khoa, Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật là thuốc trường sinh duy nhất, như dân Cực Lạc là hàng lực sĩ đệ nhất trong pháp giới vô biên, pháp âm vi diệu hằng ngày là món ăn vạn năng cứu khổ.

Muốn không còn bệnh khổ được khỏe mạnh yên vui, hãy kiên tâm niệm Nam Mô A Di Đà Phật!

Muốn thoát khỏi Ta bà, hãy cầu vãng sanh Cực Lạc!

Muốn hóa tha độ chúng, hãy tín sâu Tịnh Độ!

PHẨM TÁM

TUỔI THỌ DÀI LÂU

**ĐƯỜNG SANH MẠNG PHẬT TA ĐỒNG THỌ,
TÁNH AN NHIÊN BẤT DIỆT TRƯỜNG TỒN.
TỬ THẦN KIA ĐÂU DÁM DẮT HỒN,
THOÁT LUÂN CHUYỂN KHỎI ĐEO KHỔ TỬ.**
(Trích Khuyến Thiện)

YẾU GIẢI:

Đường sanh mạng Phật ta đồng thọ, là nói nhơn dân bên bờ quốc Cự Lạc tuổi thọ bằng với Đức Phật A Di Đà. Đức Phật A Di Đà thọ mạng đến vô lượng, thì nhơn dân của Ngài cũng được thọ mạng như Ngài. Đó là thành tựu Đại nguyện thứ 14 của Đức Từ phụ.

Kinh chép: **“Tôi nguyện đến khi tôi thành Phật, người trong nước tôi đều sống lâu đến vô lượng, không thể biết số là bao nhiêu cả”**. (Nguyện thứ 14 của Đức Từ phụ).

Đức Phật A Di Đà thọ mạng vô lượng, nhơn dân của Ngài cũng thọ mạng vô lượng như Ngài nên không có chết khổ.

Tánh an nhiên bất diệt trường tồn: là nói tánh chất Liên Hoa hóa thân của các Thiện Thượng Nhơn bờ quốc Cự Lạc vừa thanh thoát, vừa an nhẹ tự nhiên không bị nghiệp lực chi phối, không bị vô thường biến chuyển nên không bị hoại diệt, mà lại trường còn.

Tử thần kia đâu dám dắt hồn, vì đã thoát ra ngoài cái định nghiệp trong tam giới, thì đâu còn tử thần đến đưa đi.

Thoát luân chuyển khỏi đeo khổ tử: là nói khi đã vượt trên cái vòng nghiệp lực chi phối, thì tất đã được giải thoát luân hồi chuyển kiếp đâu còn cái nỗi

khô tử sanh.

Sanh tử là việc lớn nhất trong kiếp người hiện sinh. Cái khổ về tử biệt thật là rùng rợn, thật là khổ sâu mà tất cả chúng sanh trong cõi trần này ai ai cũng phải chấp nhận không thể nào khước từ, vì hễ có sanh tất phải có lớn già, đau, chết...công lệ tự nhiên là như vậy.

Từ nơi ngã ái chấp tàng, người ta không nhận định rằng cái huyễn thân này là do nơi tứ đại giả hợp, hễ có sanh ra thì tất có ngày hoại diệt theo cái công lệ tự nhiên. Các pháp từ nơi nhân duyên hòa hợp mà có, rồi cũng nơi nhân duyên phân tán mà không. Cái thân ngũ uẩn của ta đây nó không có thật thể tồn tại, nó là trò ảo hóa, sanh đó rồi diệt đó, có đó rồi không đó. Rồi từ chỗ không nhận định người ta chấp nhậ vào ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng bo bo gìn giữ thân mạng một cách chắc chắn, vì thế mà người ta rất sợ chết. Hơn nữa, lúc sắp mệnh chung thân âm trung cảnh thường hiện ra trước mặt người sắp mệnh chung những sự hình phạt chửi ghê nên không muốn xa lìa thân mạng. Nhưng rồi cũng không toại nguyện, vì số vô thường đã đến, tử thần tóm cổ đưa đi, bấy giờ nỗi khổ dâng cao tràn ngập khó nói cho cùng! Chúng sanh trong tam giới dù cho tài trí, hay quyền thế đến đâu cũng sẽ bất lực khi tử thần gõ cửa! Cái chết nó không tư vị bất cứ là ai, nếu kẻ ấy đã thọ thân nghiệp báo.

Thoát ra ngoài vòng sống chết, là khi được Liên Hoa hóa thân trên ngôi bất thối bên bờ quốc Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Vì nhơn dân Cực Lạc thành tựu thân mạng bằng công đức niệm Phật nên hoàn toàn bất hoại, không phải như thân nghiệp báo chúng sanh nơi cõi Ta bà.

Đức Phật A Di Đà thọ mạng vô lượng, nhơn dân

của Ngài cũng thọ mạng vô lượng như Ngài nên sống mãi, sống mãi dài lâu bất khả tư nghì!

Hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật là liêu thuốc trường sanh, Cực Lạc Tây Phương là thắng cảnh bất tử.

Hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật là bất sanh, thắng cảnh Cực Lạc là bất diệt.

Hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật là liêu sanh. Cực Lạc thế giới là thoát tử.

Hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật là đại giải thoát, bốn quốc Cực Lạc là đại dứt khổ.

Hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật là Công đức thân, Cực Lạc thế giới là Công Đức Độ.

Hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật là Viên Mãn Báo Thân. Cực Lạc thế giới là Thiên Bá Ưc Hóa Thân.

Nam Mô A Di Đà Phật là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh; bốn quốc Cực Lạc là Thường Tịch Quang Độ.

Những chúng sanh nào niệm Phật cầu được về Cực Lạc thế giới thì lẽ tất vượt trên các sự sống chết của thế trần, sinh mệnh bằng Phật và sẽ là một vị Phật được bổ nhiệm đi giáo hóa chúng sanh trong các cõi khổ.

Niệm Phật cầu sanh Cực Lạc là con đường Phật quả được rút ngắn tới đa, là lối tu bảo đảm mau lẹ, là tới thắng tới diệu, cực đốn cực viên mà từ xưa Đức Phật và hiện tại Đức Thầy ta đã ân cần khuyến hóa.

PHẨM CHÍN

Y THỰC TỰ HIỆN

**CUỘC Y THỰC MUỐN CHI ĐỦ THỨ,
KHÔNG NHỌC NHẪN LO VIỆC SANH NHAI.
TRÍ YÊN NHÀN NHÌN CẢNH PHẬT ĐÀI,
KHỎI QUẢ KHỔ MƯU CẦU BẤT ĐẮC.**

(Trích Khuyến Thiện)

YẾU GIẢI:

Y THỰC: Y là đồ mặc, thực là đồ ăn. Nhơn dân bên bờ quốc Cự Lạc, mỗi khi muốn mặc đồ chi thì đồ ấy tự hiện ra trước mặt để được tự tiện cần dùng, mặc vào vừa vặn xinh đẹp tuyệt trần, màu sắc kiêu võ cũng tùy nơi ý người muốn mà hiện. Khi thay bộ khác thường lệ thì bộ kia biến mất, khỏi phải giặt cất chi cả. Đồ mặc vào thường mát mẻ, thân tâm an nhẹ nuôi lớn các thiện căn, không phải như đồ mặc chốn Ta Bà mặc vào nực đổ mồ hôi xót ngứa và phải mưu cầu khó nhọc.

Nhơn dân bên cõi Cự Lạc, mỗi bữa ăn đồ dùng tự hiện trước mặt, những món chi là tùy theo ý của người dùng. Đồ ăn vừa ngon, vừa đẹp, vừa thơm; dùng vào thân tâm được an nhẹ, thiện căn lớn mạnh, phúc đức tăng trưởng, nghiệp báo tiêu mòn. Đồ đựng những món ăn toàn là bẩy báu, đẹp xuất sắc! Đồ dùng được luôn luôn thay đổi đúng theo ý của người muốn, và khi dùng xong các đồ đựng món ăn đều tự biến mất khỏi phải rửa cất, không như cõi Ta bà chạy lo cơ khổ và cất giữ nhọc phiền.

Nhơn dân Cự Lạc luôn luôn yên tâm, trí sáng, thân thể nhàn hạ và bao giờ cũng hướng về nơi Đức Từ phụ an ngự để hằng nương tựa nơi đấng Từ Tôn Tối Thắng.

MƯU CẦU BẤT ĐẮC: là điều trọng khổ thứ

năm nơi chốn Ta bà. Từ sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, rồi đến mưu cầu bất đắc khổ. Cái khổ mưu cầu bất đắc bắt nguồn từ nơi vọng kiến mà có. Vọng kiến là thấy biết điên đảo, nhận ngộ là chơn, tà chánh chẳng phân minh, giả chơn không thấu đáo. Rồi từ chỗ nhận định sai lầm, người ta mới mơ ước mong cầu, mưu toan tìm kiếm những thứ huyễn hóa, hư cấu như: Công danh, phú quý, tiền tài, sắc đẹp, ăn ngon, mặc tốt...đồ thích thú mơ thềm mong muốn, nhưng lại rồi chẳng thành tựu như nguyện, nên nổi khổ mới dâng cao tràn ngập! Thân và độ nơi chốn Ta bà này toàn là từ nghiệp báo mà hiện ra, nên nghiệp báo nắm chủ quyền chi phối các pháp. Sự mong cầu của chúng sanh chẳng qua là vọng tưởng từ nơi vọng kiến mà thôi, không thể cưỡng lại nghiệp lực.

Nhơn dân bên Bồn quốc Cực Lạc muốn chi được nầy là bởi:

1. Thành tựu viên mãn Đại Nguyện thứ 3 và Đại Nguyện thứ 4 của Đức Phật A Di Đà.

Kinh chép: “Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, người trong nước tôi, khi nào ăn thì trong bát Thất bảo đủ có trăm món ngon hiện liền, chớ không đợi mua sắm, và khi ăn rồi, các đồ khi dùng bèn tiêu mất, chớ không đợi dọn cất” (Nguyện thứ 3 của Đức Từ phụ)

“Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, người trong nước tôi, muốn mặc quần áo tức thời hóa hiện đủ cả, chớ không đợi may sắm, nghề nhuộm và giặt ủi” (Nguyện thứ 4 của Đức Từ phụ).

2. Thành tựu công đức trì danh niệm Phật của nhơn dân Cực Lạc. Toàn dân Cực Lạc thế giới bởi thành tựu công đức niệm Phật mà phúc đức thiện căn sung mãn, nên chánh báo trang nghiêm, và y báo theo

như nguyện của người không bị chi phối.

Từ nơi Đại nguyện Đức Giáo Chủ công đức trì danh niệm Phật của toàn dân mà Cực Lạc thế giới không có cái khổ mưu cầu bất đắc, mà nhất nhất đều do nơi lòng người tự hiện. Đã khỏi mưu cầu thì đâu còn bận việc sinh sống, nếu khỏi bận lo về ăn, mặc, ở thì đâu còn tạo nghiệp, đã không tạo nghiệp lại được rảnh rang để chuyên hành đạo, cho nên mau được vào hàng Như Lai bổ xứ giáo hóa chúng sanh.

Người dân Cực Lạc, trước bữa ăn là đi cúng dường, nghe pháp trên mười phương Phật độ. Dùng cơm xong mỗi người đều đi kinh hành niệm Phật hoặc là tư duy gẫm Đạo.

Đi kinh hành xong đồng xuống ao nước Bát công đức tắm, và khi tắm thì đồng tụng niệm Phật, hoặc nghe pháp, hoặc nói pháp, hoặc tư duy gẫm Đạo.v.v...

Tiếng niệm Phật bên bốn quốc Tây Phương không khi nào ngắt, vì có chia ra nhiều ban, hễ tốp này niệm lớn thì tốp kia niệm thầm, tốp này niệm thầm thì tốp kia niệm lớn, luân lưu mãi mãi như vậy suốt cả ngày đêm.

Tây Phương Cực Lạc âm thanh niệm Phật được tiếp nối mãi mãi nên nhơn dân thường nghe Thánh hiệu Di Đà, và vì từ đó mà mau được thuần thực chánh niệm, chánh định. Nhĩ căn dung thông hơn hết, hễ nhĩ căn được thông thanh tịnh thì tất nhiên sáu căn thấy đều thanh tịnh, sáu căn thanh tịnh thì sáu trần thanh tịnh, sáu trần thanh tịnh thì sáu thức thanh tịnh. Sáu căn, sáu trần, sáu thức thanh tịnh thì tất nhiên mười tám giới thanh tịnh. Mười tám giới thanh tịnh nên Phật độ Cực Lạc trang nghiêm, từ nơi Phật độ được trang nghiêm mà nhơn dân Cực Lạc mau thành Phật và thành Phật

hiều không thể nghĩ lường.

Muốn được y thực tự hiện, hãy chuyên niệm Phật cầu sanh Cực Lạc.

Muốn được mau thành Phật, hãy chuyên niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Muốn mau được hóa tha lợi chúng, hãy chuyên niệm Phật cầu sanh An Dưỡng Quốc.

Muốn tiếp nối Phật chủng đèn Phật ân công đức, hãy chuyên niệm Phật cầu sinh sống Liên Bang.

Hãy nương tựa Phật Nguyện của Đức Từ phụ A Di Đà, hãy chuyên niệm Phật Danh của Đức Tây Phương Giáo Chủ để trang nghiêm cho mình Phật độ thù thắng ở tương lai!

VÔ ÁI BIỆT LY LẠC

**CẢ HẢI CHÚNG THẢY ĐỀU VỮNG CHẮC,
TOÀN DÂN LÀNH ĐÀU CÓ ĐẮN ĐO.
DỨT ÁI ÂN QUYỀN THUỘC CHUYÊN TRÒ,
THOÁT SÔNG KHỔ THƯƠNG YẾU LY BIỆT.**
(Trích Khuyến Thiện)

YẾU GIẢI:

Nhơn dân bên cõi Cực Lạc nhiều đến vô lượng như cát sông Hằng nên gọi là hải chúng. Người dân của Cực Lạc quốc độ được Đức Phật A Di Đà giáo hóa được thành Phật. Dầu cho bậc thần thông đến thế nào cũng không thể đếm tính cho cùng tận đặng, nhiều như là sông biển nên gọi là hải chúng. Tất cả Nhơn dân vô lượng ấy bên bờ quốc Cực Lạc đều đứng vững trên Đạo tràng Vô Thượng Chánh Giác, không còn đăn đo lo ngại thối chuyển xuống nhị thừa hay lục đạo luân hồi.

Nhơn dân Cực Lạc Thế giới bởi đã nhập lưu vào hàng Thánh giả Sơ địa Bồ Tát và vì là Liên Hoa hóa thân nên không có cha mẹ, vợ con, anh em quyền thuộc nên không có ái ân triu mến, khấn khít thân tình. Toàn dân đều bình đẳng Thượng Thiện Nhơn sống trên tinh thần tỉnh thức, tâm đầu cùng là ý hiệp, dứt hẳn các thứ thường tình nên không còn cái nỗi khổ của thương yêu xa cách như chôn Ta bà ác thế ngũ trọc này.

Nhơn dân Cực Lạc thế giới từ Liên Hoa hóa thân, và bờ quốc Tây Phương trang nghiêm toàn bằng các công đức thù thắng của Đức Từ phụ Di Đà nên Thân và Độ đều là Đại Giải Thoát, Đại Trang Nghiêm, Đại Tự Tại, bất khả thuyết, bất khả tư nghì. Từ đó mà các thứ tình vị kỳ, nhỏ hẹp, đen tối đâu thể có được,

đâu thể làm khổ lụy được, cái khổ thương yêu xa cách không thể nào có bóng dáng được bên bốn quốc Cực Lạc Tây Phương.

Chúng sanh ở cõi Ta bà vì thọ tinh cha mẫu huyết, vì anh em huyết thống, vì ân tình chồng vợ cháu con, vì nghĩa nhân bè bạn, không chỉ mới đây mà từ vô lũy kiếp nên nó thường khẩn khát, thắt chặt chẳng muốn cách xa, luôn luôn muốn chung sống, mãi mãi muốn gần nhau, nhưng rồi có mấy ai được toại nguyện!?. Vạn pháp vốn là vô thường, lẽ tất phải biến chuyển thay đổi không dừng theo định luật của sanh, trụ, dị, diệt. Phàm hề những gì ngược lại lòng mình thì khổ não, thuận với ta là vui thích đó là bị nô lệ của thất tình, tay sai của lục dục, mà vô minh là nguồn cội phát sanh.

Vui của Cực Lạc là thoát trên ái kiến, ái thủ hòa đồng cùng với ánh quang minh của Đức Từ phụ Di Đà và chư Thánh chúng Tây Phương, vượt trên các thứ sống tình nhỏ hẹp, đen tối và vị kỷ.

Bốn quốc Cực Lạc được quang minh của Tây Phương Giáo Chủ trùm khắp và hòa đồng với ánh sáng của Nhơn dân Ngài thành một khối bất ly. Người dân Cực Lạc thường sống trong ánh quang minh của Đức Từ phụ mà cũng chính là sống trong ánh quang minh của tất cả Thánh chúng và toàn dân Cực Lạc. Cho nên tinh thần bình đẳng của hải chúng Tây Phương được thể hiện một cách chan hòa trong lẽ sống. Bởi vậy, dù là phẩm vị Liên Hoa có phân thứ bậc, mà hầu hết nhơn dân trong nước đều là bậc bất thối cả.

Nhơn dân Cực Lạc vẫn có tình thương, nhưng mà tình thương bình đẳng trên tinh thần tỉnh thức nên không có cái nỗi khổ của ái biệt ly. Tình thương được cấu tạo bởi Bi, Trí, Hùng nó khác hẳn với tình thương

của chúng sanh Ta bà xuất phát từ nơi ái, thủ, hữu.

Tình thương của nhơn dân Cực Lạc là tình thương của vô duyên từ nên không bị hạn cuộc trong cha mẹ anh em, chồng vợ cháu con, thân nhân quyến thuộc, nó vượt trên các ý thức hệ ái trần. Nhơn dân Cực Lạc thường lấy Liên Hoa là phụ mẫu hải chúng Bồ Tát, chư Thượng Thiện Nhơn là quyến thuộc, Đức Tử phụ Di Đà là Đạo Sư Tối cao, hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật là món ăn hằng ngày, cho nên không còn cái khổ của ái biệt ly.

Nhơn dân Cực Lạc vì không ái biệt ly nên gọi là vui.

Nhơn dân Cực Lạc không bị nghiệp lực chi phối thường được Đại Giải Thoát nên gọi là vui.

Nhơn dân Cực Lạc không có nghe những việc xấu ác mà chỉ nghe niệm Phật nên gọi là vui.

Nhơn dân Cực Lạc không có mưu danh trục lợi, mà thường đi cúng dường cho chư Phật mười phương nên gọi là vui.

Nhơn dân Cực Lạc không có ác hữu phá hại, mà thường bạn lành với chư Bồ Tát nên gọi là vui.

Nhơn dân Cực Lạc không có thương yêu luyến ái nhỏ hẹp, mà từ bi bình đẳng với tất cả chúng sanh nên gọi là vui.

Nhơn dân Cực Lạc vui từ công đức niệm Phật và quốc độ thù thắng trang nghiêm nên được thường hằng bất diệt.

Vui của nhơn dân Cực Lạc là vui Tịch Quang Vô Biên, vui Thường, Lạc, Ngã, Tịnh nên thường được dài lâu bất tận.

Bất cứ là chúng sanh nào nơi Ta Bà này muốn thoát các khổ ái biệt ly, hãy chuyên niệm Nam Mô A Di Đà Phật, cầu sanh Tịnh Độ.

Hễ có niệm Phật cầu sanh thì quyết định được về Cực Lạc, mà hễ về Cực Lạc thì nhất định thành Phật.

Niệm Phật cầu sanh là nhân, được vãng sanh thành Phật là quả, nhân quả không thể tách rời nhau ví như bóng theo hình, như vang theo tiếng.

Hiện tại có nhiều người niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, thì tương lai có nhiều vị Phật hóa tha lợi chúng. Nhất quyết là vậy!

PHẨM MƯỜI MỘT
VÔ OÁN TẶNG HỘI LẠC

**CHỮ HÒA THUẬN KỂ SAO CHO XIẾT,
TÂM ĐỒNG NHAU THƯỢNG THIỆN VUI VẦY.
CẢNH NHƯ NHƯ CHẴNG CÓ ĐỔI THAY,
KHÔNG MÀNG BIẾT PHÂN CHIA NHƠN NGÃ.
SẴN VỊ NGÔI RÀNH PHÂN THƯỢNG HẠ,
KHỎI KHỎ CẬU OÁN GHÉT GẶP NHAU.**

(Trích Khuyển Thiện)

YẾU GIẢI:

HÒA: Nghĩa là hợp nhất không phân hóa, không riêng tư.

THUẬN: là không chống trái lẫn nhau, không phân nhân ngã.

Hòa thuận của nhơn dân Cực Lạc là từ nơi Bản Thể vô sai biệt và quang minh duy nhất, nên nó vượt trên tất cả những thứ hòa thuận hạn hẹp tương đối của thế trần. Hòa thuận của bốn quốc Cực Lạc là hòa thuận vô biên của tinh thần bất nhị. Ví như nước của biển lớn đều hợp nhất với tất cả nước nơi các sông, nguồn, suối, rạch...

TÂM ĐỒNG NHAU: Là nói nhơn dân bên Cực Lạc thế giới tâm tâm đều bình đẳng với nhau, không phân biệt nhân ngã, thấp cao, thân sơ, ân oán.

THƯỢNG THIỆN: Là Thượng Thiện Nhơn, tức là nhơn dân của Đức Phật A Di Đà. Người dân bốn quốc Cực Lạc gọi là Thượng Thiện Nhơn, cũng gọi là Liên Nhơn.

VUI VẦY: Là nói nhơn dân bên Cực Lạc thế giới toàn vui không khổ, không nạn, không có sự u buồn thâm trầm, đau thương. Vui vì được bất thối, vui vì Liên Hoa hóa thân, vui vì thường du hí thần thông...nên thường hằng mãi mãi.

CẢNH NHƯ NHƯ CHẴNG CÓ ĐỔI THAY:

Là nói bên bốn quốc Tây Phương Cực Lạc toàn thân và độ đến từ nơi trang nghiêm bằng công đức thù thắng của Đức Phật A Di Đà và của nhơn dân bốn quốc nên được thường hằng không bị biến chuyển đổi thay. Tịnh Độ dù là cõi sắc, nhưng mà vì được trang nghiêm bằng công đức nên hoàn toàn bất hoại.

KHÔNG MÀNG BIẾT PHÂN CHIA NHƠN

NGÃ: Nhơn ngã là hai tướng trong bốn tướng: Nhơn tướng, Ngã tướng, Chúng sanh tướng và Thọ giả tướng. Nhơn dân Cực Lạc vì là Liên Hoa hóa thân và bình đẳng Thiện Thượng Nhơn nên không còn kẹt trong bốn tướng nhơn, ngã, chúng sanh, thọ giả.

SẴN VỊ NGÔI RÀNH PHÂN THƯỢNG HẠ:

Là nói bên bốn quốc Tây Phương Cực Lạc có ba búi, cửu phẩm Liên Hoa phân định thứ bậc rành rẽ tỏ tường.

1. Ba búi là: Thượng búi thượng sanh, Trung búi trung sanh, Hạ búi hạ sanh.

2. Cửu phẩm là:

a)- Thượng phẩm thượng sanh, Thượng phẩm trung sanh, Thượng phẩm hạ sanh.

b)- Trung phẩm thượng sanh, Trung phẩm trung sanh, Trung phẩm hạ sanh.

c)- Hạ phẩm thượng sanh, Hạ phẩm trung sanh, Hạ phẩm hạ sanh.

Toàn dân bên bốn quốc Cực Lạc, tùy nơi nhân duyên sâu cạn và công đức niệm Phật thắng hay liệt mà được vào thứ bậc thấp cao trong hàng chín phẩm, ba búi vãng sanh vào nơi ao thất bảo Tây Phương Cực Lạc. Hễ ai niệm Phật nhiều công đức lớn thì được sanh phẩm vị cao và mau nở, ai niệm Phật ít công đức thấp thì sanh phẩm vị thấp và chậm nở. Nhưng mà dù cho phẩm vị cao thấp, sen nở chậm mau gì cũng vẫn được cái hy hữu là bất thối chuyển.

OÁN GHÉT GẶP NHAU: Đó là điều trọng khổ thứ bảy nơi cõi Ta bà này. Oán ghét gặp nhau khổ, cũng như thương yêu xa cách buồn đều là phiền não cả.

Ngã ái thường được người ta nuôi dưỡng tồn tại bằng nước độc vô minh, bằng áo cơm nhị kiên, bằng thành trì điên đảo nên dễ lớn mạnh khó nổi tận trừ. Hễ cái gì thuận thích thì ta không muốn cách biệt, cái gì nghịch ghét là ta không muốn thấy nghe. Nghịch mà thấy nghe là dường như kim châm, ớt xát đau nhói và nóng bức vô cùng!

Vì hòa thuận, vì tâm đồng ý hiệp, vì bậc Thiện Thượng Nhơn, vì vui vầy trong lẽ sống, vì không thay đổi, vì không phân chia nhân ngã, vì thứ lớp vãng sanh được phân chia rành rẽ thượng hạ mà nhơn dân Cực Lạc thế giới không có cái nỗi khổ oán ghét gặp nhau, hằng hưởng cái vui bất diệt.

Vui bốn quốc Tây Phương là cái vui triệt đáo, vui trong ánh sáng nhiệm màu của chư Phật và hải chúng Bồ Tát Cực Lạc. Vui bất thối, vui cúng dường, vui nghe pháp, vui niệm Phật, vui du hí thần thông, vui hóa tha, vui tắm ao thất bảo, vui đi dạo, vui thuyết pháp...toàn là công đức vui, giải thoát vui nên mau đến Phật quả.

Nhơn dân Cực Lạc vui trong cái vui vô lậu, vui tự tánh, vui tịnh tuệ, vui vô sanh, vui vô cấu...nên gọi là Thượng Thiện Nhơn, là hàng nhập lưu Bồ Tát.

Chấm dứt nỗi khổ của oán ghét gặp nhau là phải đi sinh sống bên bốn quốc Cực Lạc, được sanh hóa Tây Phương là cần phải có Tín, Nguyện, Hạnh sâu thiết vì đó là chìa khóa mở cửa Liên Bang.

Niệm Phật là niềm vui nơi Cực Lạc, vãng sanh là thoát khổ ở Tây Phương.

Niệm Phật là Liên Hoa hóa thân, vãng sanh là

lên ngôi bất thối.

Niệm Phật là đưa mình ra khỏi sanh tử, vãng sanh là đưa người đồng thoát sông mê.

Niệm Phật là đi về bến giác, vãng sanh là giác hạnh viên dung.

Niệm Phật là lấp biển sanh tử, vãng sanh là mở cửa Tịnh Bang.

Với sự thấy biết của bậc toàn giác, Đức Thầy giảng nói về cái vui đẹp của Nhơn dân Cực Lạc là từ nơi công đức nhiệm màu của Giáo Chủ và toàn dân Cực Lạc Tây Phương trang nghiêm quốc độ vĩ đại! Thật vĩ đại!

Nhơn dân không khổ, không nạn và bất thối, hằng bất thối!

PHẨM MƯỜI HAI
BẤT LO NGẠI LẠC

**THÂN TÂM THƯỜNG TRỤ HẾT RẠT RÀO,
CHẤT THÔ TRƯỚC TIÊU TAN MẮT CẢ.
CỠ TỊNH ĐỘ LẮM ĐIỀU THANH NHÃ,
KHỔ, BUỒN, RÀU, LO, SỢ CHẴNG CÒN.**

(Trích Khuyển Thiện)

YẾU GIẢI:

THÂN TÂM THƯỜNG TRỤ: Là nói nhơn dân bên cõi Cực Lạc đã lên đủ ba ngôi: Niệm bất thối, hạnh bất thối, vị bất thối nên thân và tâm thường an trụ, thanh tịnh mãi chẳng rời, đâu còn động nơi các cảnh duyên trần cấu.

Tâm trạng niệm bất thối là người dân bốn quốc Cực Lạc bao giờ cũng tâm tâm niệm niệm sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật! Nam Mô A Di Đà Phật! Mãi mãi và mãi mãi như suối cuộn không dừng, hay như tràng hạt bất ly. Tâm an trụ sáu chữ hồng danh, thân chẳng rời Thanh Tịnh Hải Hội. Chính vì thế mà nhơn dân Cực Lạc đứng rất vững chắc nơi Đạo tràng Chánh Đẳng Chánh Giác Vô Thượng Bồ Đề.

Nhơn dân Cực Lạc thường sống trong Tam Muội niệm Phật, ấy là hàm dưỡng Thánh thai để thành tựu Thánh Trí Viên Giác Nhứt Thừa.

Nhơn dân Cực Lạc vì là Hạnh bất thối nên thân tâm thường an trụ nơi Đại Đạo tràng Giải Thoát bất tư nghi, đâu còn dao động rơi rụng chốn quyền nhị thừa của Thanh Văn, Duyên Giác.

Nhơn dân Cực Lạc vì là Vị bất thối nên thân tâm thường an trụ nơi Thánh nhập lưu, đâu còn dao động rơi rụng chốn lục phàm trong sáu nẻo.

Nhơn dân Cực Lạc luôn luôn an trụ vào Chánh niệm, Chánh định, Chánh tư, Chánh hạnh của Thượng Thiện Nhơn trên tối thượng Phật Học Đường bốn quốc

Tây Phương Giáo Chủ A Di Đà.

CHẤT THÔ TRƯỚC: Nghĩa là những việc bất tịnh, bất thanh, không tinh khiết, không trong sạch lớn lao trong cõi tạm.

Những sự thô trước có thể kê cứu hệ thống 5 điều:

1. Kiếp trước.
2. Kiến trước.
3. Phiền não trước.
4. Chúng sanh trước.
5. Mạng trước.

Nhơn dân bên bờ quốc Cực Lạc vì là Liên Hoa hóa thân, vì là vô lượng quang, vì là thanh tịnh Hải Hội, vì là vị bất thối, vì là vô lượng thọ nên tánh chất thô trước hoàn toàn tiêu sạch.

Lại nữa, hơn dân bên Cực Lạc vì thường tắm trong ao bát công đức mà các thứ thô trước được gội rửa sạch sẽ thanh tịnh. Và hơn dân Cực Lạc bởi thường được quang minh Đức Từ phụ Di Đà bao phủ mà các thứ thô trước tự tiêu dần.

CỐI TỊNH ĐỘ LẮM ĐIỀU THANH NHÃ: Là nói bờ quốc Cực Lạc Tây Phương hoàn toàn thanh thoát trang nghiêm và cực kỳ vui đẹp, vì là do Đức Từ phụ Di Đà trang nghiêm bằng công đức thù thắng.

Từ Bảo địa, Bảo thọ, Bảo hoa, Bảo lâu...đều do nơi bảy báu mà hiệp thành. Những tiếng chim hót, tiếng gió thổi, tiếng suối reo, tiếng lá rơi toàn diễn ra tiếng pháp rất là vi diệu. Hễ được nghe diệu pháp là Bồ Đề tâm phấn tấn thẳng đến Đạo quả Nhứt Thừa.

Sự thanh nhã trang nghiêm của bờ quốc Cực Lạc, dẫn cho các cõi Phật trên mười phương thế giới cũng khó mà hơn đặng!

KHỔ, BUỒN, RẦU, LO, SỢ CHẴNG CÒN:

Các danh từ khổ, buồn, rầu, lo, sợ bên bờ quốc Cực Lạc còn chưa có, hà tất là có khổ, có buồn, có rầu, có lo, có sợ được u? Vì không còn khổ...nên mới gọi là Cực Lạc, bằng như còn khổ...thì đâu thể được gọi là Cực Lạc!

Đức Thầy ta đã nhìn tận nhơn dân Cực Lạc và bờ quốc Tây Phương vô cùng là trang nghiêm thanh tịnh, cực vui, cực đẹp. Vượt thoát ngoài các sự khổ lụy trần ai, vượt trên các Thánh quyền thừa, hướng thẳng đến các đỉnh Chánh Giác.

Cái vui của không lo ngại là vui Tịch Quang vô biên, vui thọ mạng vô lượng, vui nhập lưu Bồ Tát, vui nhất sanh thành Phật...nên dài lâu bất tận.

Không ưu sầu lo ngại là điều vui thứ tám trong bát lạc.

Từ vui Liên Hoa hóa thân, vui mãi trẻ trung không già, vui thường hằng khỏe mạnh, vui thọ mạng vô cùng tận, vui y thực tự hiện, vui không có ái biệt ly, vui không có oán tắng hội, rồi đến vui không có ưu sầu lo ngại được Đức Thầy ta giảng nói một cách tỏ tường trong tập Khuyến Thiện.

Chúng sanh nơi cõi Ta Bà này phải gánh lấy tám điều đại khổ không một ai tránh thoát đặng. Trái lại, bên bờ quốc Cực Lạc tất cả nhơn dân của Đức Phật A Di Đà đồng thọ hưởng tám điều vui triệt đáo, đặc biệt.

Từ chúng sanh sơ phát tâm chí đến hàng Đẳng giác Bồ Tát còn đang ở trong mộng, tu các pháp mộng để dứt cảnh mộng. Chính thế, nên ta muốn dứt được mộng tâm, tiêu trừ mộng cảnh hầu đến Thật tướng, chơn tướng không cách nào đặc biệt hơn là chuyên tâm niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới. Bởi niệm Phật là ta quay về cội nguồn Giác Tánh, còn cầu sanh là ta thể nhập pháp giới Tánh Di Đà, chuyên khai Như Lai tri

kiến.

Nên biết rằng sanh gốc vô sanh niệm thể vô niệm. Do đó, niệm Phật và cầu sanh Cực Lạc là yếu pháp, là hạnh hạnh Đại thừa của chư Bồ Tát, nhưng mà các chúng sanh hạ liệt cũng vẫn hành trì và vẫn được độ thoát.

Thời nay chúng ta sanh trong cõi tạm, bất cứ là hạng người nào, muốn được Đại giải thoát, nhất định phải niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới. Đó là vạn năng cứu khổ, là thuốc hồi sinh tối hậu cho những kẻ bệnh trầm kha, là thuyền bè sau cùng cho những người đang vấp vớ chơi voi giữa trùng dương vũ bão!

Niệm Phật cầu sanh không những thoát khổ cho bản thân mình, mà còn giải thoát cho cả chúng sanh nhân loại. Đây là viên thừa, đôn giáo, mật tạng mà Tổ Thầy đã vì bi mẫn trao truyền. Con người Phật tử phải thể hiện cho kỳ được ngay trong đời mình và lưu thông trong khắp bàn nhơn bá tánh mới chẳng phụ công lao vĩ đại của Đức Phật và Đức Ân Sư tôn kính.

Đạo Phật là đạo từ bi, đạo Phật là đạo cứu khổ dù chưa cứu độ cho những kẻ khác, ta cũng tự cứu bản thân mình mới đáng là người tu Phật, mới đáng là kẻ học Phật, và như thế nhìn lên mới khỏi phụ tam bảo, nhìn xuống mới khỏi thẹn sáu đường bề thăm chúng sanh.

PHẨM MƯỜI BA TÂM LÀ CỒI MÊ

**XA NƠI TRANH ĐẤU LỢI DANH,
GIỮ LÒNG THANH TỊNH TÁNH LÀNH TRAU TRIA.
GẮNG CÔNG TRÌ NIỆM SỚM KHUYA,
THÂN TUY CÒN TỤC TÂM LÀ CỐI MÊ.**

(Trích Khuyển Thiện)

YẾU GIẢI:

LỢI DANH: Đó là hai trong sáu món dục: sắc đẹp, tài lợi, danh dự, tư dự, hư vọng và tật đố. Công danh và lợi quyền là những thứ mỗi ngon câu như chúng sanh trong cõi tạm, làm cho ngây ngất mê say. Thế giới chiến tranh, nhân loại điêu linh tang tóc cũng từ nơi người ta tranh giành danh lợi. Túi tham không đáy, lòng dục bất tận, được một muốn mười, được mười muốn trăm ngàn muôn ức...

XA NƠI TRANH ĐẤU LỢI DANH: Là lời kêu gọi thiết tha để tỉnh hồn cho những ai đang ngây ngất bon chen trên đường danh nẻo lợi, mà Đức Thầy ta rót nhẹ vào lòng người.

GIỮ LÒNG THANH TỊNH: Lòng thanh tịnh là nguồn gốc nhập Đạo, tâm tán loạn là cửa ải tử sanh. Đức Thầy dạy ta *giữ lòng thanh tịnh* là đưa ta trở về nguồn cội Chánh Giác Chơn Như, đó là ngôi nhà cũ, đó là mái chùa xưa, mà ta đã tự bỏ ra đi từ thuở nào.

Lòng thanh tịnh tức là tâm của ta thường trong sạch vắng lặng, không để bị nhiễm ô trần cấu, không bị các tình dục chi phối. Lòng thanh tâm tịnh tức huệ nhứt hiện vào, Phật tánh cũng từ đây mà được hiển minh tỏ rõ. Hễ tâm tịnh, thần minh tức huệ khai trí sáng, trí huệ Bát Nhã nếu đã được tinh minh, tức hoặc nghiệp tiêu trừ tận gốc.

TÁNH LÀNH TRAU TRIA: Là nói người học Phật cần phải trau dồi rèn luyện cho các đức tánh được

thiện mỹ, yên tịnh, trang nghiêm, trong sáng để được thể nhập vào cõi Đạo. Tánh lành cũng có thể hiểu là Phật tánh, vì bản chất của Phật là Chân, Thiện, Mỹ.

GẮNG CÔNG: Là gắng gổ công phu hành đạo, dốc hết công lực cho việc trì danh niệm Phật, không được lơ đãng lãng xao.

TRÌ NIỆM: Trì là nắm giữ cẩn thận không được bỏ rơi. Niệm là ghi nhớ, tưởng niệm sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật. Sự trì niệm Di Đà phải được lòng thanh tưởng lặng, trí minh thần sáng để cõi Cực Lạc thể hiện nơi lòng ta.

SỚM KHUYA: Là nói sự công phu niệm Phật hằng siêng năng phấn khởi sớm khuya không sai buổi. Lại nữa sớm là chỉ cho ban ngày, còn khuya là chỉ cho ban đêm. Hành giả tu hành tinh tấn là hằng thức khuya, dậy sớm để cho việc công phu của mình không bị thối thất bê trễ.

GẮNG CÔNG TRÌ NIỆM SỚM KHUYA: Là nói người tu hành bao giờ cũng gắng gổ công phu niệm Phật ngày đêm không hở, thức khuya dậy sớm tinh tấn hành trì để mau đạt đến Đạo quả.

THÂN TUY CÒN TỤC TÂM LÀ CÔI MÊ: Là nói hành giả Tịnh Độ trong lúc chuyên nhiếp niệm Phật, dù rằng còn mang thân tứ đại giả hợp nơi cõi tục trần, mà tâm hồn hằng vượt thoát chốn sông mê, thoát ra ngoài tam giới hướng thẳng đến Tây Phương hòa đồng với ánh sáng chư Phật. Vì câu Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật vừa là chánh báo, vừa là y báo Cực Lạc. Do đó, khi ta khởi niệm Phật danh thì tâm ta, tâm Phật, cùng cõi Cực Lạc hòa đồng bình đẳng với nhau thành một thể tánh bất ly, tuy ba mà một. Đây là nghĩa Bất Nhị Pháp Môn mà các Kinh điển Đại thừa thường nói đến.

Lại nữa, chữ Nam Mô là nương tựa, A Di Đà là vô lượng thọ, Phật là Bản Giác.

Cho nên, hễ niệm Nam Mô A Di Đà Phật là ta hoàn toàn hướng đến nương tựa Đức Vô Lượng Thọ Phật, mà cũng là thể nhập vào Bản Lai Thanh Tịnh của ta. Bởi vậy hành giả niệm Phật đâu những đến mệnh chung Di Đà tiếp dẫn vãng sanh được an vui thoát khổ, mà ngay trong lúc xưng niệm Phật danh thần thức ta cũng đã được Đức Từ phụ duỗi tay tiếp độ ra khỏi cảnh sa đọa nơi chốn tục trần.

Hành giả Tịnh Độ khi đã hội đủ Tín, Nguyện và niệm Phật chân thiết, thuần thực thì tuy hiện tại thân phàm còn nơi uế độ mà thần thức được thường hóa hiện bên chốn Tịnh Bang, vì nhân quả Tịnh Độ đã tròn đủ. Cũng như những người ở dương thế làm các việc cực ác, dù chưa chết mà thần hồn thỉnh thoảng đi đến địa ngục và được thấy biết sự hành phạt chín ghê. Tâm tịnh nhiễm của ta, sẽ là thế giới khổ vui cho mình ngay trong hiện tại.

Nhân quả phản ứng trải ba thời kỳ: Nhân quá khứ quả hiện tại, nhân hiện tại quả tương lai. Lại có thứ phản ứng rất nhanh là nhân hiện tại quả hiện tại, vì là nhân và duyên quá mạnh.

Như ta chuyên niệm Phật đến thuần thực là cái nhân rất mạnh, lại được cái duyên Đức Từ phụ A Di Đà và chư Phật gia bị, thế nên nhân quả đồng thời. Vừa niệm Phật cầu sanh, vừa được lìa khổ thọ vui, bỏ uế về tịnh.

Mỗi một câu Di Đà là mỗi một bước vào cảnh giới Cực Lạc, niệm niệm nối liền, nối liền là bước chơn Cực Lạc được liên tiếp bất ly. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật mỗi một bước đi (hồi lúc mới vừa đản sanh) là mỗi đóa hoa sen hóa hiện đỡ gót để biểu tượng mỗi

bước chân Phật là mỗi bước Cực Lạc nhiệm mầu ngay trong hiện tại. Ngài Thiếu Khang Khi chí thiết niệm một câu Di Đà là một vị hóa Phật từ trong miệng Ngài bay ra, mỗi câu Di Đà đều là vậy.

Đó là nhân quả đồng thời, niệm Phật thấy Phật, niệm Phật thành Phật, giải thoát an vui, vì nhân và duyên quá mạnh.

Nếu hành giả Tịnh Độ, trong lúc niệm Phật cầu sanh lại xa lìa danh lợi và luôn giữ tâm cho được trang nghiêm thanh tịnh, rèn luyện các đức tánh thanh cao, gắng gổ ngày đêm chuyên nhiếp niệm niệm nối liền không hề gián đoạn, thì đó là định lực, niệm lực tương tục và nguyện lực có sức mạnh vạn năng, dù thân xác còn nơi Ta bà mà thần thức bao giờ cũng thành thoi an lạc nơi miền Phật cảnh.

Bốn câu Thánh kệ nêu bàn trong phẩm này, vốn là yếu pháp, là diệu hạnh mà Đức Thầy ta đã vì chúng sanh Ngài thổ lộ hết tâm can, để mong rằng nâng đỡ cho mọi người, mọi loài trong thời kỳ tối hậu.

- Muốn lìa chốn mê khổ, hãy chuyên tâm niệm Phật!
- Muốn hưởng Cực Lạc hiện tiền, hãy chuyên tâm niệm Phật!
- Muốn ban cho chúng sanh những tình thương cao quý, hãy chuyên tâm niệm Phật!

PHẨM MƯỜI BỐN GIEO GIỐNG BỒ ĐỀ

**CHỈ TOAN GIEO GIỐNG BỒ ĐỀ,
KIỂM NGƯỜI LƯƠNG THIỆN DẮT VỀ TÂY PHANG,
DẠY KHUYÊN NHỮNG KẺ NGỔ NGANG,
BIẾT CẬU LỤC TỰ GÌN ĐÀNG TỬ ÂN.**

(Trích Khuyển Thiện)

YẾU GIẢI:

BỒ ĐỀ: là Chánh Giác, là Phật Trí, là Phật Hạnh, là Phật Nguyện, là Phật tâm, là Như Lai tri kiến...

CHỈ TOAN GIEO GIỐNG BỒ ĐỀ: là nói rằng nuôi ý chí gieo mầm Phật chủng, làm cho Phật pháp được tiếp nối mãi mãi không để bị đoạn diệt.

Mỗi khi Hóa Thân Phật hay Bồ Tát hạ trần là bao giờ các Ngài cũng làm bốn phận là tiếp nối Phật chủng trong hiện tại và gây mầm tiếp nối Phật chủng nơi tương lai.

Cây Bồ Đề Chánh Giác từ Ấn Độ, rồi trồng tía khắp Á, Âu, Mỹ, Úc là nhờ nơi các Thánh giả Bồ Tát cực lực gieo trồng. Đức Thầy ta là một trong các Thánh giả triển khai Phật pháp. Ngài phát Đại thệ nguyện rằng: ***“Dù cho có gặp nghìn cay đắng, cũng nguyện Đạo màu sẽ chấn hưng”***. Và Ngài còn quả quyết hơn: ***“Phật pháp khai thông khổ hải trùng trùng tâm bất khiếp, Trần duyên bết tắc liên đài điệp điệp Đạo vô cùng”***. Từ 1939 khai Đạo, đến năm 1947 ra đi, thời gian ấy mỗi Đạo của Ngài gặp lắm truân chuyên cam go thử thách, thế mà vẫn được lớn mạnh phi thường, đến nay (2002) trên khắp thế giới nơi nào cũng có Đạo Phật Giáo Hòa Hảo.

Đức Huỳnh Giáo Chủ là một Thánh giả truyền Đạo rất nhiệt tình kêu gọi người tu rất thống thiết, mà lịch sử phải ghi nhận rằng Ngài là một nhà yêu Đạo và hóa Đạo chưa từng có trong lịch sử Phật Giáo Việt

Nam.

KIỂM NGƯỜI LƯƠNG THIỆN DẮT VỀ TÂY PHƯƠNG: Từ bi tâm chan chứa và ý chí Đại Hùng, Đức Giáo Chủ tìm những người con ngoan hiền lương thiện hầu qui nạp về nơi bôn quốc Cực Lạc Tây Phương, lên ngôi bất thối, thăng đến Phật quả viên mãn. Nhưng mà người lương thiện là ai đó vậy?

Trong cõi nhân gian này, bất cứ là hạng người nào khi nghe đến Phật pháp liền sanh tâm cung kính tôn trọng qui mạng, thì đó gọi là lương thiện.

Lại nữa, bất cứ là hạng người nào khi nghe đến pháp môn Tịnh Độ, liền tín mộ ưa thích, nghe đến cõi Cực Lạc liền vui mừng phấn khởi hướng về, nghe đến Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật liền cảm mộ xưng niệm, thì đó là người lương thiện, vì đã trồng căn lành trong nhiều kiếp.

Lại nữa, người nào trong cõi nhân gian này biết hiếu thuận với cha mẹ, biết phụng thờ Tam Bảo, biết lễ nghĩa từ hòa, biết thương người mền vật, biết thi ân bố đức, biết tôn trọng người tu, biết nương theo chánh pháp, thì đó gọi là người lương thiện. Những người lương thiện như thế bởi túc duyên trong tiền kiếp, và những người lương thiện ấy đều được dắt về cõi Tây Phương để được hưởng “ĐẠI GIẢI THOÁT MÔN BẤT KHẢ TƯ NGHỊ” (Kinh niệm Phật Ba La Mật).

ĐẠY KHUYÊN NHỮNG KẺ NGỠ NGANG: Suối pháp được trôi chảy bình đẳng, không những độ người lương thiện từ hòa nhân ái, mà còn dạy khuyên răn nhắc cho những kẻ ngỗ ngang, bạo tợn hung ác. Bởi vì những kẻ ngỗ ngang cho đến thế nào, họ cũng vẫn có Phật tánh hiền lương nhân ái ẩn tàng trong tạng thức của họ, họ cũng có năng lực giác ngộ như bao người, như các Thánh giả quá khứ, các Thánh giả hiện

tại vậy. Nếu gọi đúng chỗ và trợ duyên đúng mức thì họ cũng trở thành bậc Thánh giả đáng tôn thờ, đáng nương tựa.

Thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trụ thế, có ai ngộ ngang bằng A Xà Thế và Đề Đạt Sa Môn. Thế mà, Đức Phật vẫn độ thoát cho những người ấy.

A Xà Thế nghe lời xúi giục ác hại của Đề Đạt Sa Môn, giết cha là vua Tần Bà Ta La, hại mẹ là Hoàng Thái hậu Vi Đề Hy không chút thương tâm xót dạ. Tội của A Xà Thế phải đọa vào ngục vô gián muôn đời. Quan Đại Thần của y là Kỳ Bà nhiều lần khuyên nhủ rằng vua phải đến ra mắt Đức Thích Ca Như Lai để cầu xin sám hối những tội lỗi thì mới khỏi sa vào địa ngục, nhưng mà vì tánh ngạo mạn nên chẳng chịu làm theo. Vua Tần Bà Ta La dù bị con là A Xà Thế mưu hại, vẫn hóa hiện giữa hư không mách bảo rằng: Nếu A Xà Thế con không theo lời của Đại Thần Kỳ Bà khuyên nhủ, tất phải sa vào địa ngục muôn đời. Đức Thế Tôn Như Lai có lần cũng đã bảo với các Tỷ Kheo: A Xà Thế nếu không nghe lời của Kỳ Bà khuyên, tất y phải đọa địa ngục.

Sau khi nghe sự mách bảo của vua Tần Bà Ta La và nghe được lời nói của Đức Phật, A Xà Thế hạ mình đến ra mắt Đức Thế Tôn, nhờ vậy mà được sám hối tội căn và y khỏi sa vào địa ngục.

Quả đúng với câu: ***“Ai mà xét đến ăn năn, quay đầu hướng thiện bản tánh dốt dùm”***.

Hỡi ai là người ngộ ngang trong xã hội, đã từng phạm ngũ nghịch thập ác, hại Đạo, hại đời hãy coi gương A Xà Thế mà răn lòng, và hãy nhìn gương cao Từ Bi bình đẳng hóa tha của Phật Giáo mà hướng về hối quá để nương tựa.

Trong đời có hai hạng người được tôn quý:

Hạng thứ nhất là suốt đời không làm lỗi, tức là người lương thiện.

Hạng thứ hai là dù đã làm lỗi, tức là người ngỗ ngang, mà biết hướng thiện sám hối ăn năn.

Theo tinh thần Phật Giáo, hai hạng người này đều được độ thoát như lời Đức Thầy ta phán dạy như trên.

Biết câu lục tự gìn đàng Tứ ân:

LỤC TỰ: là sáu chữ hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật.

TỨ ÂN: là 1. Ân tổ tiên cha mẹ, 2. Ân Đất nước, 3. Ân Tam bảo, 4. Ân đồng bào và nhân loại.

Từ nơi suối nguồn bi tâm và hạnh nguyện hóa tha mà Đức Thầy ta ân cần dìu dắt dạy dỗ cho những kẻ ngỗ ngang biết được ý nghĩa sáu chữ hồng danh Vĩ đại của Đức Phật A Di Đà và bốn điều ân trọng đại.

Nam Mô nghĩa là kính lễ; **A Di Đà** là Vô lượng quang; **Phật** là giác, là tinh thức. Khởi lên xung niệm danh hiệu Phật là ta hãy hạ mình xuống kính lễ Phật đừng có tỏ ra ngạo mạn, hãy luôn luôn sống trong ánh sáng quang minh đừng làm lỗi vô minh tà kiến và hãy luôn luôn biết tinh thức đừng mê muội theo các thị dục thấp hèn.

Niệm Phật được như vậy, rồi còn cần phải biết giữ vẹn Tứ Ân. Đó là: - Đừng bao giờ tỏ ra bất hiếu với ông bà Tổ Tiên cha mẹ, - Đừng bao giờ phản Tổ quốc, phản dân tộc, - Đừng bao giờ phỉ báng khinh khi Tam Bảo, phá hại Phật pháp, - Đừng bao giờ sát hại đồng bào, phá diệt nhân loại.

Trái lại, - Phải hiếu thuận Ông bà cha mẹ, - Đền ơn Tổ quốc giang sơn, - Nương tựa tôn thờ Tam Bảo, - Ban trải tình thương bằng sự giúp đỡ đồng bào, nhân loại.

Đức Thầy ta là vị hoạt Phật trong thế hệ hiện tại. Từ suối nguồn Thích Ca Như Lai, Đức Thầy luôn luôn tỏ ra rất nhiệt tình lo trông tĩa Phật trí, Phật hạnh trong khắp bàn nhơn bá tánh mà trao truyền chánh pháp không luận thân sơ, độc ác hay lương hiền, đưa tất cả chúng sanh về Phật quốc an lạc nơi cõi Tây Phương. Hoài bão của Ngài là: ***“Ước trăm họ nhẹ nhàng có cánh, đồng bay về Cực Lạc một đàn”***. Hầu có được đại giải thoát yên vui thanh tịnh, dứt nẻo luân hồi khổ lụy trần ai.

Tình thương của Đức Phật đã vượt trên nhị kiến nên nó vừa sáng suốt, bình đẳng, thương yêu mọi loài, mọi vật. Độ tận kẻ hung, người hiền không phân thân sơ, nhơn ngã và trí ngu, sang hèn...

Đọc qua Thánh kệ được nêu bàn trong phẩm 14 này, người ta sẽ không còn mặc cảm các tội lỗi khi đã lỡ phạm và ai cũng tự thấy phải sám hối ăn năn, hướng về nương tựa qui y với Phật pháp.

Đức Phật bao giờ cũng nói rộng vòng tay tiếp đón cho những ai biết hướng về tựa nương nơi Ngài, dù rằng đã lỡ phạm nhiều tội lỗi. Tội lỗi không đáng lo ngại mà chỉ lo ngại là người ta không biết hướng về nương tựa đó thôi.

PHẨM MƯỜI LĂM

TÌNH ĐỘ ĐẠI GIÁC THUYỀN

TRẦN GIAN SAY ĐẮM THEO MÀU SẮC,

TỊNH ĐỘ GIÁC THUYỀN TRỊ DỤC TÂM. (Trích Khuyến Thiện)

YẾU GIẢI:

SAY ĐẮM: là say mê đắm đuối, khẩn khát không thể lìa xa, làm cho tâm trí bị đen tối và mất hẳn tự chủ.

MÀU SẮC: là hình dáng đẹp đẽ diễm kiều, hấp dẫn khiến cho mắt nhìn tâm động về tình dục. Màu sắc là thứ rất tai hại được liệt vào hàng đầu trong sáu thứ dục: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Trong các thứ dục, sắc trần là thứ dục mạnh hơn cả, những anh hùng tài ba bị đắm chìm cũng do nơi lượn sóng vũ bão sắc trần mà ra cả.

TỊNH ĐỘ: là cõi nước, là quốc độ trong sạch thanh tịnh của Đức Phật A Di Đà, cõi Tịnh Độ ấy về chánh báo, cũng như về y báo hoàn toàn trang nghiêm thanh tịnh và cực kỳ vui đẹp như:

- An lạc vô biên, không bị khổ nạn.
- Thọ mạng dài lâu đồng với Phật A Di Đà.
- Thân tướng đẹp đẽ đủ các oai nghi, dung nhan kỳ diệu.
- Tinh thần bình đẳng, không phân nhân ngã hơn kém.
- Tâm tánh hòa nhã đời sống cao thượng.
- Đạo tâm thường phấn khởi không niệm thối lui.
- Liên Hoa hóa thân, không có dâm dục.
- Sức khỏe đồng nhau, không có già trẻ mạnh yếu.
- Thường sống thanh tịnh, chẳng bị trược nhiễm bụi nhơ.
- Trí tuệ sáng suốt, chẳng vương vô minh, không bị tà kiến.

- Vô sanh bất thối, dứt nẻo luân hồi đời đời gần Phật.

- Thần thông tự tại, không bị ràng buộc.

- Mặt đất bằng phẳng toàn bằng bảy báu, không có hầm hố gò nong, thung lũng.

- Thường được an hòa, không có thiên tai thủy ách.

- Cảnh thường quang đấng, khỏi phải nhờ mặt trăng mặt trời mới có ánh sáng.

- Đồ dùng luôn luôn đẹp, mới không bị hư dơ.

- Cảnh vật vui tươi, cây hoa xinh xắn, lầu gác mỹ lệ và tự hiện.

- Khí hậu mát mẽ điều hòa, không bị oi ức nực nội.

- Âm nhạc nhiệm màu luôn diễn Phật pháp vi diệu kỳ đặc.

- Không có ác đạo, trừ Phật hóa hiện các loài chim để hằng diễn ra tiếng pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, từ, bi, hỉ, xả...

- Hồ nước trong thơm, ngon ngọt, mát mẽ, cạn sâu tùy theo ý người muốn.

- Cảnh vật thù thắng tăng trưởng Bồ đề tâm.

- Bảy báu tự thành tựu khỏi phải nhọc công tạo tác.

- Bồ đề tâm luôn phấn tấn, trần lao phiền não chẳng còn.

- Không có nạn đói rách, vì vật y thực tự hiện.

- Thường sống trong chánh giác không bị tà ma yêu quái nhiễu hại.

Nhơn dân bên bốn quốc Tây Phương trang nghiêm như thế, vui đẹp như thế nên gọi là Tịnh Độ hay Cực Lạc.

Được về bốn quốc Cực Lạc phải có nhiều phúc

đức, thiện căn và nhân duyên thù thắng. Phúc đức thiện căn, nhân duyên thù thắng, không cách nào hơn là Tín, Nguyện và chuyên niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Đó là cương lĩnh, là tông yếu Tịnh Độ. Niệm Phật mà có Tín, Nguyện lẽ tất là vãng sanh Tịnh Độ không sai. Nếu hội đủ Tín, Nguyện với trì danh thì dầu cho còn nghiệp hay dứt nghiệp gì cũng được sanh hóa Tây Phương lên ngôi bất thối cả.

GIÁC THUYỀN: là con thuyền đại giác, chánh giác có năng lực đưa tất cả chúng sanh thượng hạ, tri ngu đồng vào một Như Lai tri kiến.

TRỊ DỤC TÂM: là ngăn ngừa, răn sửa, kèm chế cái lòng tham muốn được thỏa mãn về sắc đẹp, về tình, về dâm dục tâm là cội nguồn sanh tử, là mấu chốt luân hồi. Khổ lụy triền miên cũng từ nơi dục tâm làm duyên khởi. Dùng định huệ để ngăn ngừa, trị dục tâm chẳng phải là việc dễ. Chỉ có chuyên niệm Phật cầu thoát hóa Cực Lạc Tây Phương mới là việc làm chẳng khó. Hễ về được Phật quốc tức lòng dục mới chẳng còn, vì là Liên Hoa hóa sanh đâu còn có thân dâm dục.

Lúc Đức Thích Ca còn trụ thế, có bốn ức người, tự biết rằng hễ chết đây là sanh kia, đời đời không dứt, mà ái dục là cội nguồn sanh tử. Bấy giờ họ đến với Đức Phật cầu xin được sanh về nước nào không có ái dục. Đức Thích Ca Mâu Ni phán dạy: *“Cách đây về phương Tây có Phật hiệu là Vô Lượng Thọ, cõi ấy thanh tịnh không có dâm, nộ, si: Liên Hoa hóa sanh không có bào thai của mẹ, các ông nên cầu sanh”*.

Thế là, chỉ có Đại Pháp Thuyền Tịnh Độ là phương tiện đặc biệt đưa pháp giới chúng sanh vượt thoát khỏi biển trần ái dục, đến tận bờ cao đỉnh Cực Lạc chấm dứt luân hồi.

TRẦN GIAN SAY ĐẮM THEO MÀU SẮC,

TỊNH ĐỘ GIÁC THUYỀN TRỊ DỤC TÂM.

Đó là diệu pháp tâm truyền, mật hạnh, mật tu, hàm chứa vạn đức, nhiếp cả các thiện căn, dung thông vạn pháp. Thời nay chỉ có con thuyền Đại Giác Tịnh Độ mới thỏa mãn độ thoát tất cả chúng sanh vượt thoát ngoài ba cõi: Dục giới, sắc giới và vô sắc giới để an trụ vào Thánh trí của Viên Giác Nhất Thừa. Con đường biển Đại Giác của Như Lai, chỉ có cái phép niệm Phật cầu sanh Cực Lạc là đặc biệt dễ dàng hơn hết, bảo đảm chắc chắn hơn hết, mau lẹ hơn hết.

PHẨM MƯỜI SÁU

NIỆM PHẬT LÀM LÀNH

**DỨT MÊ TÂM DỨT ĐIỀU HÒN GHÉT,
RÁN CẦN CHUYÊN NIỆM PHẬT LÀM LÀNH.**

THƯỜNG TRAU DÒI CHÍ HƯỚNG CAO THANH, CHO KHỎI THẸN CON LÀNH PHẬT GIÁO.

(Trích Khuyển Thiện)

YẾU GIẢI:

DỨT MÊ TÂM: *Dứt* là chuyển trừ, là diệt phá, là chấm dứt không còn. *Mê tâm* là lòng đen tối ngu muội. Mê tâm cũng gọi là vô minh, hay mê si. Mê tâm hay mê si là trạng thái đen tối không rõ chân lý, không giác ngộ Phật tánh chân tâm của mình. Từ mê tâm mà người ta thường hay nhận ngụy làm chơn, tà chánh chẳng phân minh, chơn giả không cách biệt. Cũng từ mê tâm mà có thấy biết các việc sai lầm như: Thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến.

Thân kiến là thấy biết nhận định sai lầm rằng thân tứ đại ngũ uẩn giả hợp là thật thân của mình. Rồi từ đó mà bo bo gìn giữ tung tuu trìu mến, o bế sửa sang, điểm tô cao gọt. Mưu cầu những sự thích thú như: Danh, lợi, tình, ăn ngon, mặc đẹp, ở sang, hầu thiếp, ca sang, rượu mạnh, thuốc thơm...để nuôi dưỡng tình dục, nâng cấp bản ngã.

Biên kiến là thấy biết bị trệ một bên không nhìn tận được toàn diện viên dung của lý trung đạo. Người ta vì biên kiến mà thường hay chấp có hoặc chấp không, chấp thường hay chấp đoạn, chấp lý hoặc chấp sự v.v...

Kiến thủ là người ta thường hay chấp chặt, bảo vệ những sự thấy biết sai lầm tà vạy của mình, dù đã biết ý kiến của mình là dở, nhưng mà không thay đổi.

Giới cấm thủ là người ta thường gìn giữ các giới răn không chân chánh, đưa con người đi sâu vào tà kiến. Những điều giới cấm ấy thường là của ngoại đạo, không phải trong Phật giáo. Như người ta kiêng giữ không dùng đồ mặn mòi như muối, không dùng đồ ngọt như đường mật, không dùng đồ béo như dừa, dầu...

Tà kiến là người đã hoàn toàn mất trí huệ, bị rơi vào hố thẳm vô minh, suốt đời chỉ biết mê man theo các thị dục thấp hèn, chạy theo các tà thuyết ngoại đạo, nói hay làm việc gì toàn là mê tín dị đoan. Sinh hoạt nhiều chừng nào lại càng đi sâu vào nơi hẻm hóc, bóng tối mờ mịt.

Dứt mê tâm để hiển minh chánh kiến là việc tối cần đối với tín đồ Phật Giáo. Đức Thầy ta từng phán dạy, người tu hành cần phải hội đủ cả tâm đạo và trí đạo, cũng như giữa đức tin và lòng lành cần phải cân xứng với nhau. Đó là lối đi đến cao đỉnh quang minh, nẻo về nơi trí kiến Đại Giác. Làm mà không thấy là làm mê, thấy mà không làm là thấy dại. Thấy và làm cần phải hợp nhất thì đạo quả tất viên thành, đi mà biết mới khỏi lạc đường, biết mà không đi tất phải ngồi nơi bể thảm.

DỨT ĐIỀU HỜN GHÉT: *Dứt* là chấm dứt, đoạn lìa không tái phạm. *Hờn* nghĩa là lòng man mát, hậm hực không thông cảm, không mát dịu đối với sự trái ý nghịch lòng. Hờn thường là hình thức sâu kín ẩn khuất bên trong, không lộ lộ bên ngoài như kẻ giận. Hờn ví như lửa than dưới một lớp tro, tuy không thấy phát trên hình tướng, nhưng khi để bồi khô vào làm trợ duyên tất lửa phục lên ngọn đốt phá cả núi rừng. Người ta có khi hờn vì trong gia đình, mà đi đánh đập ngoài xóm, hoặc hờn việc ngoài xóm mà khâu ó trong gia đình... Những kẻ có tâm hờn tuy gương mặt cũng còn dễ thương nhưng mà hễ gặp việc gì một tí không đáng cũng muốn cự nự. Người tu hành nếu không dứt được tánh hờn, thì rồi sẽ đến: Sân, hận, phẫn, nộ. Chừng ấy tài sản sự nghiệp đạo đức bị đốt cháy rụi tèn hen! Ôi! Uổng quá! Tiếc quá!!!

Ghét cũng chẳng vừa gì! Nghĩa là sao thế? Ghét

là ganh ghét, là không ưa, chẳng thích. Ghét là tay cự phách đối thủ với thương. Hễ ghét về thì thương ản, thương đến là ghét đi, không ai gặp ai cả. Trái lại tên ghét lại với tên hờn thì thương thân cận với nhau, hễ hờn đến đâu là ghét theo đến đó và hai tên ấy ai ai cũng muốn tránh xa, vì khổ lắm! Thảm lắm! Ta tu hành mà thỉnh thoảng hai tên hờn và ghét viếng thăm là rất nguy vậy! Thế nên Đức Thầy ta bảo: **“Ganh ghét hờn là thảm muôn bề”**. Người tu hạnh giải thoát, tốt hơn hết là ta đừng cấu kết thân thiện với hai tên hờn và ghét, vì chúng trong tập đoàn của thất tình! Chúng là hạng đáng ghê sợ!

Đức Thầy dạy ta: **“Dứt mê tâm, dứt điều hờn ghét”**. Đó là điều mà Ngài muốn ta đừng nô lệ thất tình, đừng làm tay sai cho phiền não, tuyệt đối khuôn phò Chúa Tâm Vương, hãy nắm chủ quyền giải thoát, chớ để vong thất đạo tâm mà phải muôn đời khổ lụy.

RÁN: là cố gắng hết sức mình, tận dụng toàn lực cho vấn đề mà mình lãnh lấy trách nhiệm để được thành công viên mãn, không để bị đổ vỡ.

CẦN: là tận dụng hết thời giờ, không để dư hờ, dù là thời giờ nhỏ như chỉ trong một niệm cũng không thể hoang phí.

CHUYÊN: là thuần nhất một việc, không pha lẫn, không tạp nhạp nhiều chuyện. Phàm làm một việc gì nếu chuyên nhất thì mau thuần và dễ gặt hái kết quả viên mãn.

NIỆM PHẬT: Tất là ghi nhớ, tưởng nhớ, xưng hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Một hành giả chân chính của niệm Phật, khi xưng danh hiệu Phật phải tâm tưởng Phật, tai nghe danh hiệu Phật, cả ba tâm tưởng, miệng niệm, tai nghe đều phải được liên quan mật thiết với nhau để thể tánh được thanh tịnh.

LÀM LÀNH: Tất là thường sống trong thiện pháp, thiện hạnh lợi mình, ích người. Muốn được hạnh lành đức sáng, tất là phải trang nghiêm cho ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh trong sạch. Ba nghiệp nếu đã trong sạch thì lẽ tất thường thể hiện đức tánh thanh cao chan hòa trong lẽ sống:

- Ưu thích mãi vật phóng sanh để Bi tâm lớn mạnh.

- Hỷ tâm té nhọn, lợi vật để Từ tâm nảy nở.

- Tịnh hạnh trinh chánh để đức giải thoát được thanh cao.

- Nói năng trung chánh, chơn thật để cho chánh ngữ được thường hằng.

- Lời nói chơn thật đúng với chân lý để hạnh đức thanh cao.

- Hỷ tâm bố thí để nêu cao đức Xả.

- Hòa nhã mát dịu để Hỷ tâm tăng trưởng.

- Minh mẫn sáng suốt để trí tuệ thường phát sanh.

Rán cần chuyên niệm Phật làm lành: là nói người tu cầu giải thoát để viên mãn hạnh nguyện hóa tha lợi chúng, tất phải gắng gổ, phải ân cần chuyên trì một hạnh niệm Phật và hằng thể hiện các hạnh đức thanh cao trong lẽ sống. Chuyên một hạnh trì danh là đường thẳng, lối về mau đến; bằng như tạp hạnh đa môn là ngõ quanh, rạch cạn ắt phải chậm trễ lâu xa. Đã chuyên tâm niệm Phật lại thường thể hiện các hạnh đức lành, thì ví như thuyền xuôi, gió thuận bốn giác tất hầu kè, biển mê cách bóng.

Chí hướng cao thanh: Là nói người tu hành phải có ý chí thanh cao, tất chuyển hóa khổ đau thành an lạc hạnh phúc, Ta bà thành Phật độ trang nghiêm. Ý chí Đại hùng, Đại lực phải luôn luôn nung nấu, giải

phóng toàn diện cho tâm linh, ban tình thương bằng thể hiện đức hóa tha trong vạn nẻo. Đạo Phật là đạo cứu khổ ban vui, từ ý nghĩa ấy mà Ngài Sĩ Đạt Ta đi tìm ánh sáng, khi đã đến tận chân trời bình minh, Ngài đem ánh sáng ấy soi tận hố vô minh, làm cho đêm đen tan rã, mọi người và tất cả chúng sanh được tận hưởng mặt trời trí tuệ an lạc.

Ta nay cũng thế, hãy noi theo dấu cũ, dò bước đường xưa, nuôi chí thanh cao, tung rùng, vượt biển đến tận bờ giải thoát, hòng lo việc hóa tha, nương bước cha lành khổ công hồng hóa.

Hãy làm các công hạnh lập biển, dòi non chuyển mê thành ngộ, phổ tế muôn loài: ***Cho khởi thẹn con lành Phật giáo.***

Mục đích của sự tu hành là chuyển mê khai ngộ, mà muốn được thế là phải chuyên niệm Phật làm lành, rèn luyện dòi trau cho các đức tánh Phật được tinh minh, thể hiện đức hóa tha trong đại chúng, noi gương Phật, theo chơn Thầy. Có thế, trên mới khởi phụ công ơn khai ngộ, dưới mới khởi đắc tội áo com. Cố gắng! Hãy cố gắng!

PHẨM MƯỜI BẢY

NIỆM PHẬT THOÁT KHỔ

**TU CẦU TRĂM HỘ HIỀN LƯƠNG,
ĐỒNG THINH NIỆM PHẬT TẠI ƯƠNG CHĂNG
CÒN.**

(Trích Khuyển Thiện)

YẾU GIẢI:

TU: Nghĩa là trau sửa, dòi mài cạo gọt thân tâm

cho được toàn chơn, mỹ thiện, sáng suốt tinh minh. Nói tu thân tức là chỉnh đốn, đổi thay những cái dở thành hay, cái xấu thành tốt, cái tà ra chánh hầu cho bản thân mình trở thành bậc hiền nhân Thánh Thiện. Còn như nói tu tâm, là người ta phải dùng Định Huệ nhiếp phục các vọng lự, tiêu trừ những đen tối hầu thể nhập vào Bản Thể Toàn Chơn Linh Minh tịch chiếu của mình.

CẦU: là khát nguyện, là mong ước Phật, Bồ Tát gia bị hộ trì. **TRĂM HỌ:** là con số tượng trưng cho nhiều người, tức là nói khắp nhân loại chúng sanh.

HIỀN LƯƠNG: Tức là hiền từ lương thiện, không còn hung bạo, hơn thua ganh ghét, giựt giành, chém giết lẫn nhau. **ĐỒNG THANH NIỆM PHẬT:** Là tất cả mọi tầng lớp chúng sanh đồng nhất tâm xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Niệm Phật mà được đồng người đồng tâm hiệp chí thì hiệu lực rất mạnh, có thể chuyển biến nghiệp báo được dễ dàng.

TAI ƯƠNG CHẶNG CÒN: Là nói nạn tai đều được tiêu biến chẳng còn. Chúng sanh trong cõi Ta bà này nạn tai không sao nói hết, đó là từ nơi nghiệp báo của chúng sanh huân tập mà cộng đồng xã hội phải chịu gánh chung. Những họa hoạn chiến tranh, thiên tai thủy ách, bệnh hoạn tật nguyền, tù xiềng tra tấn, nghèo đói thiếu hụt, bị hiếp đáp bắt công, bị lạm lường gạt gẫm, bị rủi ro giao thông, bị mất mùa đói khổ v.v...đó là chưa nói cái đại nạn, đại họa là sanh và tử. Thật vậy, nếu không có cái thân nghiệp báo tứ đại giả hợp trong cõi nhơn gian này thì ta đâu có bị khổ ách đại nạn.

Tất cả những cái khổ, cái vui trong cõi nhơn gian này đều do nơi túc nghiệp thiện hay ác của chúng sanh mà ra cả. Nếu nghiệp thiện thì được hưởng phúc báo vui, bằng như ác nghiệp là thọ lấy nghiệp báo khổ.

Theo học thuyết “*Duy tâm sở hiện*” của Phật

giáo, tất cả sơn hà đại địa, tất cả sự khổ vui, tốt xấu, lành dữ đều từ nơi cái tâm do sạch, thiện ác của chúng sanh mà ra cả. Hễ tâm trong sạch tịnh thanh, hiền lương nhân ái thì thế giới xã hội vui, còn như tâm hung ác nhiễm ô thì thế giới xã hội khổ.

Chính vì thế mà Đức Thầy ta, trước hết Ngài xây dựng con người biết tu thân hành thiện, hiền lương nhân ái, kính tin Phật trời và biết niệm Di Đà, để rồi đi đến xã hội an lạc hạnh phúc, thế giới vui tươi, tai ương khổ ách chẳng còn. Hoài bão lớn lao của Đức Giáo Chủ: **“...gieo Đạo khắp đại đồng”**. Hầu có: **“Đưa nhân loại đi vào vòng hạnh phúc”**.

Niệm Phật danh công đức rất là thù thắng, hay chuyển biến nghiệp báo nặng thành nghiệp báo nhẹ, chuyển nghiệp báo nhẹ thành hạnh phúc an lạc, khổ báo chẳng còn. Câu Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật là Đại Bi chú năng tiêu trừ tất cả khổ ách cho pháp giới chúng sanh, không chỉ trong hiện tại, mà còn được thoát hóa Tây Phương hoàn toàn dứt khổ ở tương lai. Một người niệm Phật, một người được thoát khổ an vui; một gia đình niệm Phật một gia đình được thoát khổ an vui; cả thế giới này mà biết đồng thanh niệm Phật, thì lẽ tất cõi ta đang ở đây không còn là cõi Ta Bà, mà chính là cõi Cực Lạc.

Khi ta bước chon vào một ngôi chùa tu Tịnh Độ, ta sẽ thấy sự an lạc trang nghiêm thanh tịnh và cảm tưởng là Cực Lạc hiện nơi đây, hay đến một tịnh thất nhỏ, nhìn một người tu sĩ niệm Phật, ta cũng sẽ có ấn tượng rằng đó là người đang sống trong hạnh phúc an lạc. Bên bốn quốc Tây Phương toàn dân đồng hành một hạnh niệm Phật nên gọi là Cực Lạc thế giới.

Để chứng minh cho vấn đề đồng thanh niệm Phật thoát được tai ương khổ ngặt, Thiên sư Nhất Hạnh

kể chuyện như vậy:

Trong khoảng thời gian thập niên tám mươi, có một chiếc tàu chở chừng 50 hành khách đi vượt biên ra nước ngoài. Tàu đang nhanh lướt trên những ngọn sóng xanh giữa cảnh bao la trời nước, bỗng phía sau có một chiếc tàu cảnh sát biển rượt theo, làm cho mọi người trong tàu vượt biên vô cùng xôn xao kinh hãi lo ngại, âu sầu, la khóc thở than và đút dấu tiền của đồ đạc. Người ta cho rằng hễ tàu cảnh sát rượt theo kịp tất là của cải chẳng còn, tánh mạng chưa biết phải ra sao! Chủ tàu thì nhấn hết ga cho tàu nhanh lướt những mong thoát nạn. Nhưng mà hỡi ôi! Càng lúc tàu cảnh sát càng rượt ké một bên, tàu thì nghiêng qua lắc lại, vì người ta chạy tới chạy lui để dòm hành, để cất dấu tiền của. Trong lúc cùng cực, tiếng khóc than hòa với giọt lệ đầm đìa ấy, bỗng trong số người khách vượt biên có một người độ chừng 50 tuổi đứng lên nói lớn: **“*Này các người hãy cùng niệm Phật theo tôi*”**. Rồi ông ta niệm Nam Mô A Di Đà Phật thật lớn lên, mọi người trong tàu đồng thanh niệm theo ông, âm thanh hòa nhau vang lên làm cho không còn nghe tiếng máy nổ của tàu. Niệm Phật như vậy chưa đầy 10 phút thì kỳ diệu thay! Trời đang nắng, không mây kéo mà mưa đổ xuống mịt mù, mưa thật to nhưng không gió mạnh, người ta không còn thấy được tàu cảnh sát phía sau nữa, tàu bây giờ vẫn lướt tới đều đều. Nhưng có điều kỳ quặc là, tàu không đi theo hướng la bàn mà cứ chạy theo tàu định hướng, người lái tàu cũng chẳng biết sao hơn, anh ta để cho tàu tự tiện đi, rồi việc gì đến nó sẽ đến. Tàu chạy như vậy không lâu (chừng vài mươi phút) thì trời dứt mưa, ánh nắng trở lại bình thường, nhìn ra phía sau người ta không còn thấy tàu cảnh sát đuổi theo, ngó ra phía trước thì thấy tàu quốc tế chực sẵn để vớt người

vượt biên tị nạn. Mừng quá! Mọi người tị nạn trong tàu đồng hướng về phía Tây làm lễ tạ ơn Đức Phật cứu khổ cứu nạn. Người vượt biên kể lại khi gặp tàu quốc tế, hành khách sang tàu, chủ tàu vượt biên kiểm điểm lại, cho biết rằng chuyến đi này được rút ngắn lại chừng một tuần, thế là đồ dùng dự bị trong chuyến đi còn dư lại thật là nhiều, đi gần được một chuyến nữa. Mọi người trong chuyến vượt biên ấy khi đã an toàn trên tàu quốc tế, họ đồng tôn người hướng dẫn niệm Phật để vừa được thoát nạn là người cha tinh thần, và ông ấy trở thành người cha đáng kính cho khoảng 50 người trên nhiều nước.

Nhưng mà đó là thoát khổ ách chỉ tạm thời trong cõi thế, chưa phải là mục đích của sự xưng danh hiệu Đức Như Lai, mà đạt được mục đích tối hậu là vắng sanh Cực Lạc lên ngôi bất thối mới thoát được cái đại nạn, đại khổ về sanh, tử...trong cõi tạm này.

Tu, cầu và đồng tinh niệm Phật là Đức Thầy ta chuyển hóa lòng người, cải tạo xã hội, và trang nghiêm Ta bà thành Phật quốc Cực Lạc tại thế gian.

Niết bàn Cực Lạc hay địa ngục trần lao cũng từ nơi đáy lòng dơ, sạch của chúng sanh đáy thôi.

Sạch là được bổng lên, còn dơ thì chìm xuống. Bổng lên hay chìm xuống đều tự ta quyết định.

PHẨM MƯỜI TÁM

NIỆM PHẬT THIỀN

**NAM MÔ MIỆNG NIỆM HÀNG NGÀY,
LÁNH LỜI DUA MỊ HỌC RÀY KỆ KINH.
TRAU TÂM LUYỆN TÁNH CHO MINH,
CHUYÊN LO NIỆM PHẬT SỬA MÌNH CHO TRƠN.**

(Trích Khuyển Thiện)

YẾU GIẢI:

NAM MÔ: Là dùng theo lối bớt vắn, vì là thể thơ. Nói cho đủ là Nam Mô A Di Đà Phật.

NAM MÔ MIỆNG NIỆM HÀNG NGÀY: Là lời khuyên nhủ nhắc chúng sanh ngày ngày hằng chuyên tâm niệm Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật.

Niệm Phật là Kinh Cứu Khổ; niệm Phật là linh phù hộ mạng; niệm Phật là thuốc hay vạn năng trừ bệnh nên Đức Thầy ta khuyên hãy chuyên tâm trì chí xưng niệm Phật hiệu trong mỗi ngày, dù là gấp hay huẩn cũng không được xao lãng. Nếu hằng ngày ta không quên câu lục tự tất là ta thường sống trong ánh sáng nhiệm màu của chư Phật và ta luôn được an vui nơi cõi Cực Lạc.

LÁNH LỜI DUA MỊ: Là nói người niệm Phật tu hành không nên có tánh a dua nịnh hót, giả dối gạt lường vì đó không phải là đạo đức. Đạo là chân thật, là thể hiện các đức tánh thanh cao như Đại Bi và Đại trí.

HỌC RÀY KỆ KINH: Kệ kinh là lời của Phật, Bồ Tát được kết tập lưu truyền. Trong đó chứa đựng vô lượng lý màu lời diệu, nhằm đưa đường dẫn lối cho những ai muốn giác ngộ tu hành tìm cầu giải thoát. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, kinh kệ của Ngài là hướng đạo sư cho chúng sanh, nương vào kinh kệ tu hành cũng được kết quả như nương tựa Phật. Kinh kệ là đuốc sáng, kinh kệ là thuyền bè, chúng sanh nhờ nương kinh kệ mà thoát khổ tử sanh về nơi Phật quốc. Chính vì thế mà Đức Thầy ta nhủ khuyên học rày kinh kệ.

- Giáo Lý của Đức Thầy có thể gọi là Kinh kệ được chăng?

- Thưa, được! Vì giáo lý của Đức Thầy cũng là lời của Phật. Ngài đã xác nhận: **“Lời Phật thuyết ta xin nhắc lại”**. Trong giáo lý Phật Giáo Hòa Hảo cũng chứa đựng những lý Đạo nhiệm màu, biết bao lời vị tha bác

ái, từ bi hỉ xả và các hạnh đức thanh cao, đáng để cho chúng sanh nương tựa tu hành tìm đường thoát khổ.

- Có nơi nào Đức Thầy xác nhận Giáo Lý của Ngài là Kinh kệ chăng?

-Có! Trong sáu quyển lớn của Đức Thầy, quyển nhì tựa đề là “KỆ DÂN”, quyển tư tựa đề là “GIÁC MÊ TÂM KỆ”, quyển năm phần duyên khởi tựa đề “KHUYẾN THIÊN” đến phần chánh tông và phần kết luận đều đề tựa là “KỆ”. Quyển sáu mục Bát Chánh Đạo, Đức Thầy xác nhận Bát Chánh Đạo là quyển Kinh nhật tụng như đã viết: ***“Thế nên, cần phải hành luôn Đạo Bát Chánh tiếp theo, vì đó là quyển kinh nhật tụng của những ai muốn thoát chôn mê đồ tấn triển trên con đường giải thoát”***.

Nhiều nơi khác trong Giáo Lý Phật Giáo Hòa Hảo, Đức Thầy cũng đã có đề cập đến Kinh kệ để chỉ cho lời thuyết giáo của Ngài. Đặc biệt là Đức Thầy xác nhận với ông Lâm Văn Trung, Giáo Lý của Ngài là “Kinh”.

Học kệ kinh của Phật, của Thầy không những ta học cho thuộc về văn tự cho tinh thông, mà ta còn cần phải thể hiện những Thánh ngôn diệu lý ngay vào nơi cuộc sống của mình, để mình là biểu tượng cho chân lý, là đuốc sáng cho chúng sanh nương nhờ.

TRAU TÂM LUYỆN TÁNH CHO MINH:

Đó là lời vàng trời giọng, hàm chứa vô lượng diệu nghĩa, lý mâu, đậm đà thiền đạo.

TRAU TÂM: Là thay đổi, là gạn lọc nơi đáy lòng của mình, đừng để những căn bụi như lẫn lộn, nhen nhúm dù là tí ti. Trước hết ta hãy dùng Định để dừng lại các vọng thức, kể đến ta dùng Huệ để soi phá vô minh. Định và Huệ phải được đồng hành, không được trệ một bên. Tịch mà thường chiếu, chiếu mà

thường tịch là ngũ tam muội. Tam muội nếu được vào, tức là Huệ Quang phát hiện. Từ nơi Định, Huệ phát triển mà cái kiến tu hoặc lần lượt tiêu trừ, có khi phải trải nhiều thời gian mới được hoàn toàn phủ sạch thập sử phiền não, để mới được dự vào hàng Thánh giả A La Hán.

LUYỆN TÁNH: Là rèn luyện, là nấu lọc, là dồi mài, hàm dưỡng các đức tánh Phật của mình cho được tinh minh trong sáng, tròn trịa cùng với chư Phật.

Các đức tánh Phật mà ta phải hàm dưỡng luyện tập là: Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả, Đại Trí, Đại Hùng, Đại Lực...đó là điều mà các Đức Phật xưa kia cũng phải trải qua sự rèn luyện nấu lọc và nuôi dưỡng mới được viên thành.

MINH: Là ánh sáng diệu huyền của Bát Nhã, là Tuệ Giác Phật, là tri kiến Như Lai. Một khi trau luyện tâm tánh được minh thì tất là ta được hòa đồng cùng quang minh Phật, sống trong cảnh giới diệu huyền của Như Lai, vượt trên các sự sanh tử.

CHUYÊN TÂM NIỆM PHẬT: Là một lòng chuyên nhiếp xưng niệm sáu chữ hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật.

Đã tu sửa rèn luyện Tâm Tánh tinh minh lại còn chuyên tâm niệm Phật, thì quả là “TỊNH ĐỘ THIỀN”, “NIỆM PHẬT THAM THIỀN” đó vậy.

Ngài Trí Giác Viên Thọ Thiền Sư đã khẳng định: *“Có Thiền Tông có Tịnh Độ, như cọp mạnh lại thêm sừng, đời hiện tại làm Thầy người, đời vị lai làm Phật Tổ”*.

Cửa Đạo tuy có nhiều nẻo vào, nhưng mà duy nhất là niệm Phật cùng trau sửa, rèn luyện Tâm Tánh hầu có nhập vào Tri Kiến Phật để tròn nguyện hóa tha.

Đức Thầy ta là hàng cao đỉnh giác ngộ, Ngài

dùng trí Kiến nhìn tận chúng sanh, chọn lấy pháp mâu đem ra giáo hóa, nó vừa phù hợp với căn trí chúng sanh hiện tại, nó vừa duy lý chính xác với cội nguồn Thích Ca Mâu Ni Phật.

Phẩm mười tám này đã được thấy hai cánh cửa diệu huyền của Phật Giáo được hội tụ vào Tri Kiến của Như Lai, tức là NIỆM PHẬT THIỀN qua bốn câu Thánh kệ của Đức Thầy, trích từ quyển Khuyến Thiền.

- Tự mình trau tâm, luyện Tánh phá vô minh, diệt phiền não tức là vào Niết Bàn, tại sao Đức Thầy còn dạy phải niệm Phật?

- Thưa, nói thì nghe rất là dễ nhưng mà hành trì không phải là việc dễ như nói đâu. Thời nay phần nhiều chúng sanh tâm thô nghiệp nặng, nếu hoàn toàn nương sức mình để phá kiến tư hoặc ra ngoài tam giới thì muôn ngàn người tu như vậy may lắm mới có được một hai người chứng đạo. Còn như nương vào Phật lực để ra ngoài tam giới, thì muôn người tu muôn người được giải thoát trên hàng bất thối.

Hơn nữa, niệm Phật là vua các pháp, niệm Phật nhiếp cả hai môn Định Huệ, niệm Phật là yếu pháp minh tâm, niệm Phật là yếu hạnh kiến tánh, niệm Phật sẽ mau thành Phật hơn tất cả các pháp tu hành. Thời mạt pháp này không niệm Phật, chỉ tu theo các pháp mà nói giải thoát thì rất khó vậy.

Vì thế, mà Đức Thầy ta chỉ dạy ngoài các lối tu Định Huệ...Ngài còn khuyên hãy chuyên tâm niệm Phật để được bảo đảm giải thoát trong một kiếp tu hành.

PHẨM MƯỜI CHÍN
TỊNH ĐỘ VIÊN MÃN

**VÔ THƯỢNG THẬM THÂM DĨ Ý TRUYỀN,
DANH NGÔN CHÉP ĐỀ RẠCH ĐÀNG TIÊN.
CỬ GIA TỊNH ĐỘ TÂM VIÊN MÃN,
SĨ XUẤT VĂN TỬ ĐỐC DẠY KHUYÊN.**

(Trích Khuyển Thiện)

YẾU GIẢI:

Bài kệ này Đức Thầy ta viết để kết thúc quyển Khuyến Thiện. Nếu đọc theo lối khoán thủ thì **VÔ DANH CƯ SĨ**, tức là biệt hiệu của Đức Thầy.

VÔ THƯỢNG THẬM THÂM: Vô thượng nghĩa là tốt cao, không có trên đặng, còn Thâm Thâm là sâu rộng bao la, không thể đo lường. Phật Giáo có một chiều cao vô tận, một chiều rộng sâu vô biên. Chiều cao vượt trên không gian, chiều rộng vượt trên thời gian. Không gian vô cùng và thời gian vô tận. Trùm cả vũ trụ bao la, không thể nói bàn cho hết đặng.

Giáo pháp mà Ngài đã đưa ra trong tập Khuyến Thiện, rất là vi diệu, rất là thâm thâm, cao sâu huyền bí khó nói khó bàn cho cùng tận đặng. Pháp mầu ấy xuất phát từ nơi tâm ý Ngài, để rồi truyền đến tâm ý người con Phật, làm cho giữa tâm Phật và tâm ta thành một nét vẽ của chiếc ấn in vào, giữa tâm ta và tâm Phật tuy hai mà một.

DANH NGÔN CHÉP ĐỂ RẠCH ĐÀNG TIÊN: Là nói rằng diệu pháp trao truyền từ tâm Phật đến tâm ta là về tâm pháp, nhưng mà còn phải hiển minh về giáo tướng mới được lưu truyền và cụ thể cho tâm tông. Chính vì muốn lưu truyền chánh pháp mà Đức Thầy phải mượn lấy văn tự ngôn ngữ và biên chép để rạch đường mở lối cho sáng tỏ rõ ràng nẻo đặng Đàng Tiên. Giáo môn là thuyền bè, giáo môn là đuốc sáng, nhờ nương nơi giáo môn mà khỏi bị sa hầm sụp hố của tà kiến ác đạo.

Khuyến Thiện là quyển chân kinh vi diệu, là thiên Thánh kệ sâu mầu, hội tụ các pháp cao đặng, đặc biệt là **TỊNH ĐỘ TÔNG**. Trong tập Thánh kệ chân kinh này, rút ra tất cả 19 phẩm nói về pháp môn Tịnh Độ, tức là niệm Phật cầu sanh bốn quốc Cực Lạc. Có người cho rằng tập Khuyến Thiện là phẩm kinh Tịnh Độ, điều

đó rất hữu lý.

CƯ GIA TỊNH ĐỘ TÂM VIÊN MÃN: Là nói người tu theo nếp sống tại gia cư sĩ, nhờ nương nơi pháp môn Tịnh Độ mà tâm pháp được viên mãn rất ráo. Tâm Tông Pháp Tánh của ta dù là bình đẳng với Phật, nhưng mà vì bắt giặc từ lũy kiếp đến nay nên mãi trôi lăn nơi bể thảm, còn Phật thì thường hằng trong Giác Tánh Toàn Chơn. Trở về với cội nguồn Giác Tánh ấy, không pháp nào hơn là ta hãy gắng công niệm Nam Mô A Di Đà Phật với ước vọng đi sinh sống bên Cực Lạc, Hễ được về Cực Lạc tức là thành Phật.

Kinh Đại Tập có chép: *“Thời mạt pháp ục ục người tu hành khó có một người được giải thoát, chỉ nương theo pháp niệm Phật mà được thoát khỏi luân hồi”*.

Hỡi ôi! Nay đã là thời mạt pháp rồi, nếu ta không đặc biệt nương tựa nơi cái phép niệm Phật cầu sanh thì dễ nào ra ngoài tam giới!

SĨ XUẤT VĂN TỪ ĐỐC DẠY KHUYÊN: Chữ Sĩ là chỉ cho Đức Thầy, vì biệt hiệu của Ngài là VÔ DANH CƯ SĨ. Từ suối nguồn Bi tâm và Đại Nguyện, xuất phát văn ngôn chữ nghĩa là bởi Ngài đốc toàn lực từ tâm cơ trí não, văn tự thơ ca để khuyến dạy chúng sanh tầm đường giải thoát. Toàn tập Khuyến Thiện thuần là môn tu giải thoát, nếu ai có xem thì đã thấy điều này rất tỏ rõ.

Dù với hình thức nào, Đức Thầy cũng là bực Thánh Tăng như đã nhiều lần Ngài thố lộ, nhưng biệt danh Ngài là VÔ DANH CƯ SĨ. Cư sĩ mà Vô Danh thì tất là cư sĩ Duy Ma, cư sĩ Tuệ Trung Thượng Sĩ. Hai vị cư sĩ này đều là Đại Bồ Tát cả, nhưng mà vì muốn hiển pháp môn cực quả Nhứt Thừa của Như Lai mà làm thân cư sĩ.

Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ từng là danh tướng ở Trần triều, tức là Hưng Ninh Vương, anh của Hưng Đạo Vương và con của Hưng Sinh Vương Trần Liễu. Ngài cùng với em là Hưng Đạo Vương nghênh chiến với quân Mông Cổ và được đại thắng về vang, Dù vậy, Ngài Tuệ Trung vẫn hoàn toàn vượt trên nhị kiến. Đến lúc ra đi về nơi vĩnh cửu, Ngài vẫn an nhiên mà tịch.

Ngài VÔ DANH CƯ SĨ với tâm hồn yêu Đạo và nước rất nồng nàn, giải thoát dân tộc khỏi ách nô lệ ngoại bang, giải thoát chúng sanh ra ngoài tam giới, đó là sự hành hoạt trong cuộc đời Ngài.

Nói vai trò cư sĩ mà không nói đến đại Bồ Tát Cư sĩ HUỆ NĂNG là một việc rất thiếu sót.

Huệ Năng ngộ Đạo khi Ngài vừa đủ 22 tuổi, đến ra mắt Ngài Hoàng Nhẫn và ở lại đây chỉ có tám tháng, được truyền Tâm pháp và Y bát khi Ngài mới có 22 tuổi lễ tám tháng, chưa bao giờ Ngài thọ giới Sa Môn, và cho đến 40 tuổi Ngài mới thể phát thọ cụ túc giới.

Vai trò cư sĩ của Huệ Năng thật là táo bạo, nhưng rất là đúng cơ hợp lý. Từ Đông Sơn pháp môn chủ thuyết kinh Lăng Già, chuyển sang Thiền Đông Độ với chiều hướng kinh Bát Nhã.

Huệ Năng là thanh niên thiên tài của Việt Nam, là Tổ Thiền Tông Đông Độ. Từ nơi cuộc cách mạng Tôn Giáo do Huệ Năng mới có hai thời đại Lý Trần, Phật Giáo cực thịnh về vang 400 năm vô tiền khoáng hậu.

Tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo, dù chúng ta với hình thức cư sĩ hay tu sĩ gì cũng vậy, ta phải ý thức trách nhiệm của mình. Đó là, ta phải thực thi giáo pháp giải thoát chúng sanh và cuộc sống đạo đức của mình và phổ hóa cho khắp bàn nhơn bá tánh. Đó là vai trò, là nhiệm vụ của người con Phật trong thế hệ hiện tại.

Đức Thầy ta dù Ngài đã tạm ra đi, nhưng mà giáo pháp của Ngài vẫn lưu lại mãi mãi đó là ngọn đuốc thiêng mà ta hãy luôn luôn nương tựa, và gieo trồng.

**PHẨM HAI MƯƠI
NIỆM PHẬT CAO QUÍ**

**ĐỪNG KHI NHÀ LÁ MỘT CĂN,
MÀ BIẾT NIỆM PHẬT SAU BẰNG BẠC MUÔN.**

(Trích Quyển Nhất)

YẾU GIẢI:

Trong thế hệ mà người ta cho là văn minh, lớp người đáng thương là nghèo khó, vì thường bị khinh bỉ, hắt hủi, đánh rơi ít ai để ý đến. Người ta quên rằng

nghèo giàu là do nơi túc duyên tốt xấu của chúng sanh, trên tinh thần bình đẳng, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và cũng sẽ thành Phật như nhau.

Cuộc đại cách mạng tư tưởng, cũng như cách mạng xã hội tại Ấn Độ xưa kia Đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã đập tan nghiền nát bốn giai cấp bất công, đem lại chân tinh thần bình đẳng cho nhân loại. Suối pháp của Ngài được trôi chảy bình đẳng không phân biệt giai cấp, giàu sang hay nghèo khó, vua chúa hay bình dân cũng được Phật cảm hóa.

Từ suối nguồn bình đẳng của Thích Ca Mâu Ni Phật, Đức Thầy ta ban tình thương bình đẳng cho tất cả chúng sanh, không phân biệt giai cấp, không phân biệt sang hèn, không phân biệt trí ngu mà chỉ là một chúng sanh nhân loại bình đẳng.

ĐỪNG KHI NHÀ LÁ MỘT CĂN: Là nói đừng bao giờ tỏ ra khinh khi hạng người nghèo khó, vì tuy là họ nghèo nhưng mà họ cũng có Phật tánh, chỉ vì túc nghiệp mà họ phải mang lấy cái nghèo túng đó thôi. Trong xã hội loài người, có kẻ tài sản giàu mà tinh thần nghèo, lại rồi cũng có người tài sản nghèo mà tinh thần giàu. Nghèo mà như Thầy Nhan, như Trang Tử ai lại dám khinh khi. Trái lại, giàu mà như Thạch Sùng Vương Khải sách đèn có ai ưa thích.

Người ta thường nói: “Nhà nhỏ mà có ông Phật lớn.” Biết đâu kẻ nghèo mà có làm được việc lớn, mà người giàu sang chưa bao giờ làm đặng như kẻ nghèo. Nhưng mà xét cho chí lý, theo tinh thần Phật Giáo thì dầu cho nghèo, giàu gì cũng là mộng huyễn nơi thế trần. Nếu khinh người trọng giàu, hay trái lại cũng đều là vô minh đen tối cả, bởi đã không nhận được chơn tướng của vạn pháp là không là giả.

Lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Phật còn thuyết

pháp, có một bà lão nghèo thật là nghèo, vì không có ai nuôi dưỡng nên phải ăn xin. Bà lão ấy nghe được tin Đức Phật hiện đang kiết hạ tại thành 3 tháng. Mừng quá, bà vợ vét trong đái chỉ còn có ba đồng tiền, bà đến tiệm mua ba tiền dầu và mượn chong đèn chủ tiệm rót dầu vô để đem đi cúng dường cho Đức Phật. Thấy dầu chưa đầy bình, người chủ tiệm cảm thương bà lão, nên cho thêm bà hai tiền dầu nữa để được đầy bình dầu hầu thắp được sáng đêm.

Khi đến với Đức Phật, bà lão nghèo ấy tỏ ra vô cùng tôn kính Đức Như Lai, bà quỳ mọp sát đất đánh lễ và dâng đèn lên cúng dường Phật, Đức Thế Tôn Như Lai hỏi:

- “Bà dâng đèn cúng dường cho Như Lai với mong cầu việc chi?”

Bà lão đáp:

- “Bạch Đức Thế Tôn, con dâng đèn cúng Phật với mong cầu về sau con được thành Phật!”

Đức Phật thọ ký cho bà lão nghèo đói ấy được thành Phật ở tương lai.

Bà lão nghèo lại phát nguyện thêm:

- “Bạch Đức Thế Tôn, nếu quả đúng như lời Phật thọ ký, về sau con được thành Phật thì ngọn đèn của con sáng đêm nay không tắt và không cạn dầu”.

Đúng như lời phát nguyện của bà lão nghèo, ngọn đèn của bà đến sáng mà vẫn còn cháy và dầu đầy bình không lưng cạn. Ngài A Nan thấy trời đã sáng, đến lấy tay quạt đèn mãi mà vẫn không tắt, Ngài dùng vạt áo quạt cũng không tắt.

Thấy thế, Đức Phật bảo Ngài A Nan: “A Nan, ông không thể nào dùng vạt áo phàn mà quạt tắt được ánh sáng của một vị Phật ở tương lai”.

Nhà vua phàn nàn việc Đức Phật thọ ký cho bà

lão nghèo cúng dường vật chẳng ra chi, tại sao được thọ ký thành Phật, còn vua cúng dường cho Phật toàn là đồ hảo hạng tại sao không được Phật thọ ký thành Phật như bà lão nghèo đói kia?

Đức Phật biết được tâm ý của vua, Ngài bèn nói với nhà vua rằng:

- “Vua cúng dường cho Như Lai với mong cầu cho nghiệp vương, còn bà lão nghèo ấy cúng dường với mong cầu làm Phật”.

Như thế cái nghèo của bà lão cùng với cái giàu có của nhà vua ai hơn, ai kém? Ta có thể khinh bỉ kẻ nghèo chẳng??

MÀ BIẾT NIỆM PHẬT SAU BẰNG BẠC MUÔN: *Biết niệm Phật* là khi nghe được Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật liền phấn khởi vui mừng, hằng thiết tha xưng niệm. *Sau bằng bạc muôn* là nói người mà hằng niệm Nam Mô A Di Đà Phật phúc đức lớn lắm, hưởng không sao hết đặng, quý giá so với bạc muôn cũng chưa hẳn là bằng được, nhưng mà Đức Thầy đem bạc muôn để so sánh với việc niệm Phật là để cho chúng sanh dễ hiểu và ham mộ niệm Phật.

Cái quý giá, cái cao thượng đặc biệt của phép niệm Phật là vãng sanh Cực Lạc, giải thoát thành Phật, đó là huấn thị căn bản của Tịnh Độ Tông, mà người niệm Phật cần phải thấu triệt.

Câu chuyện người nghèo biết niệm Phật, nghe rất là cảm động, được Hòa Thượng Thiên Tâm dịch thuật trong tập “Mấy Diệu Sen Thanh” như vậy:

Thuở nọ, bên Trung Quốc có một Tỳ Kheo đi khát thực, khi đi ngang một gia đình nghèo khó, trong nhà một bà lão đang ngồi than thân trách phận bởi số kiếp của mình.

Vị Tỳ Kheo dừng bước, gạn hỏi:

- “Tại sao bà phải than trách?”

Bà lão đáp:

- “Thưa Ngài thân phận tôi quá nghèo, lại có một đứa con trai bất hiếu làm cho tôi thêm đau khổ!”

Tỳ Kheo bảo:

- “Sao bà không đem cái nghèo bán đi?”

Bà lão thưa:

- “Cái nghèo làm sao mà bán cho được, vả lại ai mà lại đi mua cái nghèo!”

Tỳ Kheo dạy thêm:

- “Nếu bà thật lòng muốn bán thì bản đạo xin mua cái nghèo cho bà”.

Bà lão ngẫm nghĩ một chút và thưa:

- “Xin Ngài chỉ dạy cho!”

Tỳ Kheo nói:

- “Bà cứ chuyên niệm Nam Mô A Di Đà Phật là tự không còn cái nghèo”.

Bà lão đáp:

- “Thưa Ngài, nhà tôi nhỏ hẹp quá, dưới sàn lại có nuôi heo bần thỉu dơ dáy quá làm sao thờ phượng tu hành được!”

Tỳ Kheo bảo:

- “Việc ấy không ngại chi, bà cứ chuyên tâm niệm Phật là đủ rồi, còn nhà chật thì khỏi phải lập ngôi thờ.”

Tỳ Kheo từ giã đi hóa trai. Bà lão nghèo nói trên, từ nay chuyên tâm niệm Phật ngày đêm chẳng nghỉ. Sau một thời gian không lâu bà cảm thấy vô cùng an lạc, bà quên phứt cái nghèo khổ và đứa con bất hiếu. Đến mãn phúc báo cõi trần, bà an nhẹ ra đi về An Dưỡng Quốc của Đức Phật A Di Đà.

Nghèo dẫn cho đến thế nào đi nữa, mà biết niệm Phật thì dẫn cho của cải bao nhiêu cũng không thể đổi

đặng không thể bì kịp.

Nghèo cho thế mấy cũng không sợ, nếu chịu chấp hành niệm Phật, tất cả chuyên cái đói khổ, thiếu thốn thành “*Cuộc y thực muốn chi đủ thứ*” bên bờ quốc Cự Lạc của Đức Từ phụ A Di Đà.

PHẨM HAI MƯƠI MỐT
NIỆM PHẬT THOÁT TÀ MA

DI ĐÀ LỤC TỰ RÁN GHI,
NIỆM CHO TÀ QUỶ VẬY THÌ DANG RA.

(Trích Quyển Nhất)

YẾU GIẢI:

DI ĐÀ LỤC TỰ: là sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật. Thánh hiệu vĩ đại của Đức Phật A Di Đà là ngọn đuốc Chánh Giác được bùng lên, rồi vô lượng ánh

quang minh của Chánh Giác ấy hòa đồng với ánh quang minh Chánh Giác của Đức Từ phụ Di Đà thành một thể rực lên để cho pháp giới chúng sanh đồng nương tựa.

RÁN GHI: Là nỗ lực, là tận dụng hết công lực vào việc trì danh niệm Phật. Niệm Phật thì không khó ai mà niệm không đặng, mà khó là nơi bền bỉ trường kỳ, vì có niệm được bền bỉ lâu ngày mới thành một thói quen chánh niệm. Có được chánh niệm thì thần trí mới sáng soi, nghiệp phiền mới tan rã. Nghiệp nếu đã chuyển, tức là huệ phát tâm khai, Di Đà tiếp dẫn, đóa sen màu hồng an tọa.

Người xưa vì rán ghi niệm Phật mà thường quên ăn mất ngủ. Như Ngài Thừa Viễn suốt cuộc đời không rời chón Hoành Sơn để hằng chuyên niệm Phật, Ngài Tăng Huyền mỗi ngày đêm niệm Phật đến chín muôn câu, lại còn lễ niệm Di Đà một ngàn lạy. Cái bền bỉ, cái trường kỳ của các bậc tiền bối về hạnh trì danh là đước tuệ sáng soi cho chúng sanh tựa nương muôn thuở.

Trong hiện tại, những bậc cao đồ của Đức Thầy như: Cụ Di Trục, cụ Ký Giới, cụ Hồ Nam Kinh, cụ Nguyễn Chi Diệp đều là những hành giả niệm Phật rất kiên cố và đồng về bên bờ quốc Cực Lạc châu đức Di Đà.

TÀ QUÍ: Là nói tà ma yêu quái, tức là loài quỷ mị. Nhưng mà tà ma quỷ mị ở đâu thế? Trong thân hay ngoài thân nhỉ?

Tà ma cũng có trong thân, mà cũng có ngoài thân. Trong thân thì gọi là nội tâm tà quỷ, còn ngoài thân thì gọi là ngoại cảnh tà quỷ.

A.- Nội tâm tà quỷ là từ nơi tâm ta phát ra các thứ tà quỷ để hại mình và hại người phải nhiều đau khổ. Tà quỷ nơi tâm là rất phức tạp khó kê cứu cho đầy đủ,

khó nói hết họ tên, tạm thời đây xin đưa ra hai nhóm: Nhóm thứ nhất kêu là Thất tình, nhóm thứ nhì tên là Lục dục, cộng thành là THẬP TAM MA.

1. **Thất tình** tức là bảy con quỷ dữ ghê tởm! Đó là: Mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, muốn.

1.- Được nguồn lợi cho bản thân, cho gia đình mình là tâm mừng khắp khởi, khiến cho xao xuyên chân tâm, mất sự định tĩnh, nên gọi đó là **tà quỷ**.

2.- Nghịch với bản ngã, mất lợi quyền tâm sanh ra hờn giận sân khuê, khiến cho mất hết tự chủ, tạo nhiều nghiệp nặng, nên gọi đó là **tà quỷ**.

3.- Không được thỏa mãn theo bản ngã tâm sanh ra trạng thái buồn áo não, khiến cho Bồ Đề tâm khô héo, đạo đức lui sụt nên gọi đó là **tà quỷ**.

4.- Được nuông chiều theo bản ngã, được thỏa thích lòng trần tâm vui phát hiện chánh niệm chẳng còn, hạnh lành tim lụn nên gọi đó là **tà quỷ**.

5.- Thích ý vừa lòng thương yêu trù mến hiện ra, làm cho mất cả chủ quyền, buông lung phóng vật tạo nhiều nghiệp báo khổ lụy nên gọi là **tà quỷ**.

6.- Không ưa thích bởi chẳng thuận với lòng mình, tánh ghét ganh phát hiện làm mất trí tuệ, che mờ Phật tánh nên gọi đó là **tà quỷ**.

7.- Gặp tiền tài, nhìn sắc đẹp lòng dục chẳng dừng sanh tâm ham muốn mong cầu, trôi theo thị dục tạo các mê nghiệp, đời đời khổ lụy nên mới cho đó là **tà quỷ**.

Bảy tên tà quỷ ác hại này lợi hại phi thường, chúng luôn luôn sinh hoạt không ngừng nghỉ, nhậy bên này, xây bên nọ, cướp ải này, đoạt ải kia lanh lệ vô cùng rất khó kiểm soát được chúng. Hễ vừa mở mắt là chúng bước vào muốn lục lạo, chỉ sơ hở một ly là chúng vơ vét bảo vật chẳng còn. Nhưng mà rất kiêng

nê ông Chúa Tâm Vương, Chúa Tâm Vương vừa liếc một cái là chúng bước đi riu riu.

Nhóm thứ nhất danh tánh là Thất tình, ta đã được biết qua từ tên một, nhóm thứ nhì hiệu là Lục dục ta cũng cần phải hiểu qua.

II. **Lục dục** là con ma quái độc hại vô cùng, đó là:

1.- Mắt nhìn vào sắc trần vui đẹp lòng dục nổi dậy, tâm chí lớn mạnh làm cho tâm định và trí sáng chẳng còn, tạo nghiệp tử sanh trong ba ác đạo, nên gọi là **sắc dục ma**.

2.- Tai nghe đến thanh âm trần dịu dàng êm ả làm mát dạ, khỏe tim sanh lòng ưa thích, trí não quay cuồng, tâm thể rối loạn chẳng muốn công phu, không ham niệm Phật, đạo đức buông trôi, nên gọi là **thính dục ma**.

3.- Mũi ngửi lấy hương trần tâm say mê điên đảo, trí lờ mờ vẫn dục đường thẳng không tường, lối cong chẳng rõ nên dễ bị sa vào ác kiến nên gọi đó là **hương dục ma**.

4.- Lưỡi nếm các thứ ngọt ngon, béo bùi rồi lòng dục cứ mong cầu những thứ trần cam mỹ vị cho thỏa dạ khát khao, tâm hồn từ đó mà bị đen tối, nghiệp báo lớn mạnh nên gọi là **vị dục ma**.

5.- Đụng chạm, cọ sát vào trần cảnh nào là ấm mát, trơn nhám, mềm cứng...rồi xúc cảm nơi tâm hồn làm cho ngây ngất say mê, mất cả tự chủ, phá giới buông lung cang thường chẳng kể, qui luật không màng, cửa thiền sụp đổ, xã hội thê lương. Chính thế, nên cho chúng là **súc dục ma**.

6.- Công danh, phú quý, tiền tài...là môi thơm câu như làm cho tâm hồn vì đó mà dong ruổi mong cầu, nhưng mà dẫu cho có đến bao nhiêu đi nữa cũng không

sao đủ đặn. Nô lệ và leo thang nô lệ, mãi mãi và mãi mãi không cùng. Để rồi chung qui phải vào sanh ra tử. Hẳn được gọi chánh danh là **pháp dục ma**.

Thất tình, lục dục là hai tay chúa tể cho hai nhóm tà ma qui mị, tất cả là 13 tên và những tay sai bè lũ của chúng không thể nào nói cho hết đặn. Thanh thế của chúng nhiều như núi rừng mạnh như vũ bão, nhưt hô bá ứng. Nhưng mà có một điều rất kỳ lạ là, hễ vừa nghe đến câu Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật là bè lũ của chúng liền rút ngay và tan rã hết! Câu Phật danh được liên tiếp không dừng thì chúng mất luôn không còn xuất hiện trở lại. Câu Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật đối với bọn chúng là linh chú, là diệu pháp. Ví như Tề Thiên Đại Thánh sợ câu mật chú của Tam Tạng vậy.

B. Ngoại cảnh tà qui, từ nội chiến của quần ma mà có ngoại ứng của ma bên ngoài làm loạn. Ngoại cảnh tà qui yêu ma cũng rất tạp nhạp có nhiều hình thức khó mà nhìn cho tận được. Các thứ ma ngoại cảnh thường nhiều hại phá rối người chưa tu, hoặc mới tu, hay tu không chân chánh. Còn như người tu lâu, có công phu già giặn và đứng với chánh pháp thì không khi nào dám phá.

Không mới đây mà ngay hồi thời Đức Thích Ca Như Lai thị hiện đã có chúng đến thử lửa với Đức Phật rồi. Đã hoàn toàn thua Phật, thế mà không biết thẹn mặt, lại cả gan thệ rằng: Nay ta tuy thua Phật nhưng chưa thua đâu! Đến thời mật pháp ta sẽ thệ nguyện xuống trần làm cho đạo Ngài bị hư hoại! Nhưng mà hi hữu! Hi hữu! Tán thán! Tán thán! Vô lượng đại Bồ Tát đồng mãnh, vô lượng Thân Kim Cang hộ pháp phát Đại thệ nguyện rằng: Chúng tôi sẽ đồng giáng trần trong thời kỳ tận pháp gia bị người tu hộ trì chánh pháp

của Đức Như Lai, không để chúng ma làm hại!

Nay đã đúng với hai bản nguyện phá Phật, hộ Phật bởi đã là thời mạt pháp.

Trở lại vấn đề, ***niệm Phật cho tà quỷ đang ra.***

Đức Phật vì thương xót chúng sanh trong thời mạt pháp ma quỷ thịnh hành nên Ngài mới lưu lại cái phép trì danh niệm Phật để nâng đỡ chúng sanh sau hết. Ngoại cảnh ma dẫu có lẫy lừng cho thế mấy, nếu hành giả chuyên một hạnh trì danh thì chúng không thể phá hại được, vì uy lực của Đức Phật A Di Đà rất lớn và hào quang của Ngài rất rộng bao la trùm phủ người niệm Phật, từ đó chúng ma không khi nào dám làm hại.

Ngài Văn Thê Tô Sư, trong tập Di Đà Sớ Sao, nơi Văn Sao có thuật một mẫu chuyện người chuyên niệm Phật tà quái quỷ ma không dám nhiều hại như sau:

Thuở nọ có một quốc gia dân tộc thiểu số, đất đai phần lớn là rừng núi thâm u dân cư chẳng có. Nước ấy ma quỷ rất thịnh hành, quỷ La Sát thường ăn nuốt người ta vô số kể. Vua nước ấy thương lượng với quỷ dữ La Sát là hằng năm vua làm lễ tế sòng một đồng nam tại miếu thờ của quỷ, quỷ ưng thuận nên từ đó được tạm yên. Hằng năm phải nạp một đứa trẻ thơ vô tội cho quỷ ăn tươi nuốt sống. Một gia đình nọ có thờ Phật, nhà chỉ có hai vợ chồng và một con trai duy nhất, được lệnh nhà vua là năm này đến gia đình ấy phải giao nạp con cho quỷ dữ. Lệnh vua rất nghiêm nên chẳng ai dám trái ý. Trẻ thơ vô tội vừa lên mười tuổi, mặt mũi dễ thương, thế mà cha mẹ phải đành dứt đi nức ruột yêu quý.

Trước khi giao nạp, người mẹ hiền nhỏ nhẹ với đứa con thơ: Con ơi mẹ thương con lắm, nhưng mà lệnh vua nghiêm nghị nên mẹ phải đành xa con! Lời nói cuối của mẹ đối với con là mẹ khuyên con trên

đường đi nạp thịt, con hãy chí thiết niệm Nam Mô A Di Đà Phật, để may chăng Đức Phật hộ con được tai qua nạn khỏi!

Quan cúng tế quỷ La Sát để trẻ vào lòng sắt và đẩy lên miếu thờ quỷ, cúng tế xong đồng đi về, trẻ thơ ngồi trong lòng chờ quỷ nuốt.

Theo thông thường thì sáng lại các quan tế quỷ phải lên miếu quỷ để đem lòng sắt về để cần dùng cho năm tới. Hằng năm khi sáng lên miếu thì chỉ có cái lòng không và một đống xương thê thảm, nhưng mà lần này thì lạ thay trẻ vẫn ngồi bình tĩnh niệm Phật.

Quan tế quỷ hỏi:

- Đêm qua có quỷ La Sát đến không mà người vẫn còn được thế?

- Có! Hồi nửa đêm có quỷ về muốn ăn thịt, nhưng mà tôi cứ niệm Phật mãi chúng không dám lại gần, lui ra một hồi rồi chúng hóa một trận cuồng phong dữ tợn làm cho đá chạy, cát bay. Tôi cứ niệm Nam Mô A Di Đà Phật! Nam Mô A Di Đà Phật! Gió từ từ lặng và tôi niệm Phật cho đến bây giờ mà chưa dám nghỉ.

Quan tế La Sát đem trẻ về nạp cho Vua và tâu tự sự các việc xảy ra trên miếu La Sát.

Vua nghe qua cả mừng và truyền lệnh đem trẻ giao về cho cha mẹ. Vua lại ra lệnh thêm rằng để trừ hậu hoạn về nạn quỷ La Sát ăn thịt, mỗi người dân phải chuyên cần niệm Phật.

Từ đây không còn nạn quỷ ăn thịt và Vua cũng bãi luôn cái lệ tế quỷ La Sát như từ trước nữa.

Nếu ta cứ gắng ghi niệm Phật tất là dù cho nội tâm ma hay ngoại cảnh ma gì cũng sẽ tan biến không còn.

Hồng danh Đức Di Đà rất có uy lực, nên hễ ai niệm thì uy lực người đó cũng rất lớn nên ác ma không

bao giờ dám lại gần và nội tâm ma cũng sẽ không có cơ hội phát sanh. Đó là Đại giải thoát.

PHẨM HAI MƯƠI HAI
NIỆM PHẬT LÒNG LÀNH

**NAM MÔ MIỆNG NIỆM LÒNG LÀNH,
BÁ GIA PHẢI RÁN BIẾT RÀNH ĐƯỜNG TU.**

(Trích Quyển Nhứt)

YẾU GIẢI:

NAM MÔ: Nói cho đủ là Nam Mô A Di Đà Phật, tức là hồng danh của Đức **VÔ LƯỢNG THỌ**

PHẬT, Giáo Chủ cõi Cực Lạc Tây Phương. Riêng về hai chữ Nam Mô có nghĩa là khởi đầu cho sự Giác ngộ Tỉnh ngộ.

NAM MÔ MIỆNG NIỆM LÒNG LÀNH: Là nói khi khởi niệm câu Thánh hiệu Di Đà là ta hãy trở về với cội nguồn của lòng trong sạch thanh tịnh; sáng suốt nơi chính mình, để cho hồng danh Phật và bản thể ta thành là một ánh sáng duy nhất. Nếu miêng niệm Phật mà tâm chẳng lành đã chưa phải là hành giả biết niệm Phật, mà còn là hàng phi báng môn niệm Phật.

Nhưng mà lòng lành là phải thế nào?

Lòng lành là đáy lòng trong sạch, hay cũng có nghĩa là Bản Giác toàn chơn, Thể Tánh thanh tịnh, nơi lưu xuất các pháp.

Tâm ta dẫu cho có độc hại đến thế nào, nếu ta cứ chuyên nhiếp niệm Phật không rời tất là ta sẽ trở về với đức tánh thiện của nó. Niệm Phật là viên Định Thủy châu, dẫu biển cuộn ba đào một khi để viên ngọc xuống tức là nước bình sóng lặng, nguyệt cảnh chiếu soi rục rỡ.

Theo kinh niệm Phật Ba La Mật thì, Nam Mô là khởi đầu Giác Ngộ. A Di Đà là liên tiếp giác ngộ. Phật là Bản Giác toàn chơn của mình. Niệm Phật đứng với sáu chữ hồng danh thì ta tất phải lành vậy. Lành ở đây không là lành tương đối cái bất lành, mà lành tuyệt đối bởi tinh thần Toàn Thiện, Toàn Chơn và Toàn Mỹ. Nói một cách khác, lòng lành ở đây là Phật Tánh Chân Tâm của ta đó.

BÁ GIA HÃY RÁN BIẾT RÀNH ĐƯỜNG TU: Là lời Đức Thầy ta khuyên dạy chúng sanh, trên bước tu hành phải hiểu rõ đường đi nước bước, nếu không hiểu chân lý mà bảo tu thì sẽ bị coi là người mê tín, và cũng không giúp cho mình được những gì cao

quí.

Niệm Phật là phương pháp dễ tu hơn hết, thế mà ta không biết cách tu hành thì cũng không đem lại sự kết quả cao quý. Có những người tuy niệm Phật cũng nhiều, nhưng mà không phải là một hành giả niệm Phật chân chính, vì chẳng đi đúng với chánh tông, không đúng với ý nghĩa sáu chữ hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật.

Niệm Phật phải hội đủ cả Tín và Nguyện. Niệm Phật phải lòng thanh tâm tịnh. Niệm Phật phải tuệ giác chiếu soi. Niệm Phật phải bi tâm chan chứa. Niệm Phật phải từ ái bao la. Niệm Phật phải Hỷ Xả dung hòa. Niệm Phật phải luôn luôn tỉnh thức. Niệm Phật phải chuyển hóa khổ đau thành hạnh phúc an lạc.

Được như thế mới được coi là một hành giả niệm Phật chân chính và sẽ thể nhập vào Pháp Giới Tánh Di Đà trên Thượng Phẩm Liên Hoa bên Cực Lạc Thế giới.

Nói tóm lại niệm Phật là cốt để được thành Phật, mà muốn được thành Phật tất ta phải thể hiện các Đức Tánh Phật nơi cuộc sống của mình một cách trọn vẹn. Đó là lối đi nhân bản, là khởi bước rắn chắc từ từ tiến đến Phật quả viên thành.

PHẨM HAI MƯƠI BA

TỊNH ĐỘ VĨNG SANH

**CÓ NGƯỜI TU NIỆM ĐÁNG THƯƠNG,
DIỄN MỚI CHỈ RÀNH TỊNH ĐỘ VĨNG SANH.**

(Trích Quyển Nhất)

YẾU GIẢI:

Trong các giới tu hành, hạng người đáng thương nhất là tu mà không biết đường lối! Tu mà không hiểu

rõ đường đi nước bước thì dù cho không bị rơi vào tà kiến ác đạo cũng sẽ bị lẫn quẩn quanh co lâu xa chậm trễ.

Vì không biết đường lối nên dùng các pháp tu với mong cầu xuất ly tam giới thì rất là khó và rất lâu xa phải nhiều kiếp mới ra ngoài tam giới. Còn như biết đường lối tu hành, biết nhân duyên thời tiết, dùng môn Tịnh Độ để hành trì được dễ dàng mau đến, chỉ một thời là xong chuyện. Tu theo các pháp để ra ngoài tam giới ví như là con mọt ở bông cây tre đục từ mắt một từ gốc lên đến ngọn để ra, còn tu môn Tịnh Độ là ví như con mọt trong bông tre đục ngang hông cây tre để ra ngoài.

Lại nữa, tu theo các pháp để cầu giải thoát ngoài tam giới khó như cọ cây để lấy lửa, tu theo Tịnh Độ để cầu thoát tam giới dễ như bật ga để lấy lửa.

Người tu niệm đáng thương mà Đức Thầy ta nói trong phẩm này tất là người tu không biết đường lối đó vậy. Vì không biết đường lối tu hành nên ***mới chỉ đường Tịnh Độ vãng sanh***.

Thật vậy, Tịnh Độ vãng sanh là lối tu dễ nhất, mau nhất, bảo đảm nhất, lại là siêu thượng nhất! Tịnh Độ vãng sanh qui nạp tất cả chúng sanh trong cửu giới dù là thượng căn hạ cơ, Thánh nhân hay phàm tục, Trời người chí đến bò bay mái cựa đồng về trên Cực quả Nhất Thừa của hàng NHẤT SANH bổ xứ. Nghĩa là chỉ có một lần Liên Hoa hóa sanh là được bổ lên ngôi Phật, đi giáo hóa chúng sanh. Cái diệu màu, cái kỳ đặc của Tịnh Độ vãng sanh bất khả tư nghì, bất khả thuyết!

Đức Thích Ca Như Lai xưa kia cũng chỉ vì thương cho các chúng sanh trong hiện tại và chúng sanh thời mạt pháp không biết được đường lối thẳng tắt tu hành nên mới khai pháp màu chỉ đường Tịnh Độ.

Rồi hôm nay Đức Thầy ta cũng chỉ vì đáng thương hại người tu niệm mà chỉ đường Tịnh Độ vãng sanh.

Tịnh Độ là bốn quốc Cực Lạc, là cõi nước trang nghiêm, là thế giới Đồng Cư của Đức Phật A Di Đà. Thế theo các Thánh kinh Tịnh Độ, từ nơi cõi Ta Bà ta đang ở đây về hướng Tây, trải qua mười muôn ức Phật độ là đến cõi Tịnh Độ Cực Lạc trang nghiêm ấy.

Tại sao gọi cảnh ấy là Cực Lạc?

Vì quốc độ ấy Đức Giáo Chủ bốn quốc tuổi thọ dài lâu đến vô lượng, quang minh vô lượng, thần thông vô lượng, và nhất nhất đều là vô lượng, thế cho nên gọi là Cực Lạc!

Lại nữa, quốc độ ấy từ mặt đất, chí đến lầu gác nhà cửa, hồ ao cây hoa...làm toàn là bầy báu, nên gọi là Cực Lạc!

Đặc biệt là nơi ăn, chốn ở, y thực...nhất nhất tự hiện, khỏi phải nhọc cầu tạo tác, nên gọi là Cực Lạc!

Lại còn rất là hy hữu hơn thế nữa, như dân bên bốn quốc Tây Phương toàn là Liên Hoa hóa sanh không có bào thai mẹ, không già, không bệnh, không chết, không mưu cầu bất đắc, không ái biệt ly, không oán tắng hội, không ưu sầu lo ngại, nên gọi là Cực Lạc!

Điều đặc biệt hơn thế cả mà ta cần phải lưu ý, toàn dân bên bốn quốc Tây Phương đều được đứng vững trong Đạo Tràng bất thoái, không còn bị rơi xuống hàng nhị thừa, hay chúng sanh lục đạo, vì đã nhập lưu trên hàng Bồ Tát Thánh Đại Thừa, nên gọi là Cực Lạc!

Cái vui, cái đẹp, cái trang nghiêm, cái thanh tịnh nhất nhất đều thù thắng không sao nói hết!!

Được vào bốn quốc Cực Lạc Tây Phương là được cái nghĩa NHẤT SANH, nghĩa là chỉ có một lần sanh từ nơi hoa sen là đến ngôi vị Phật. Nghĩa NHẤT SANH được xuất phát từ kinh HOA NGHIÊM, ngoài

ra không có kinh nào nói đến. Chính thế mà kinh Di Đà được coi là quyển thuộc thân thích với kinh Hoa Nghiêm.

Vãng sanh là mang bản chất của mình đi sinh sống bên bốn quốc Cực Lạc Tây Phương. Nhưng mà muốn được vãng sanh Cực Lạc, hành giả phải hội đủ các điều kiện tất yếu là TÍN, NGUYỆN, HẠNH chân thiết, vì Tín, Nguyện, Hạnh là Tông yếu, là máu chốt, là cương lĩnh Tịnh Độ Tông. Hễ có Tín, Nguyện và lập Hạnh niệm Phật tất là được vãng sanh Tịnh Độ.

Tín là hãy tin sâu thẳm Đức Phật Di Đà, tin 48 đại nguyện lập quốc tiếp dẫn của Ngài, tin bốn quốc Cực Lạc, tin phép trì danh niệm Phật, tin nơi sự giác ngộ của chính mình.

Nguyện là hân hoan mong được đi sinh sống bên cõi Cực Lạc Tây Phương, nguyện được bỏ về cõi Ta Bà hóa tha độ chúng, nguyện hồi hướng công đức tu hành của mình cho chúng sanh cùng hưởng.

Hạnh là lập hạnh niệm Phật tu hành, lập hạnh trì niệm Nam Mô A Di Đà Phật làm chánh hạnh tu hành và sống trong thiện pháp, thiện hạnh làm trợ duyên tiến bước.

Tín, Nguyện và Hạnh được kiên cố vững chắc sâu thiết, tất là nhân Bồ Đề đã trồng tủa, nhất định quả Chánh Giác viên thành. Đó là Thông Điệp căn bản của Tịnh Độ Tông, mà hành giả Tịnh Độ ai cũng thấu hiểu.

Phàm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ là Thánh Hội niệm Phật của Đức VÔ LƯỢNG THỌ NHƯ LAI thiết lập, tiếp dẫn tất cả chúng sanh niệm Phật cầu sanh, dù là dứt nghiệp hay chưa dứt nghiệp cũng được lên hàng cửu phẩm Liên Hoa, được vào Sơ Hoan Hi Địa Bồ Tát. Cái khó tin nhất của pháp môn Tịnh Độ là, còn nghiệp báo, kiến tư hoặc chưa trừ mà được ra ngoài tam giới,

dự hàng Thánh giả bất thôi. Muôn ngàn pháp môn chưa có pháp môn nào được như thế! Muôn ngàn hạnh tu chưa có hạnh tu nào được như thế! Đây là bí mật tạng mà Đức Như Lai ban cho chúng sanh, thật là vô cùng đặc biệt.

Kinh niệm Phật Ba La Mật có ví dụ rằng: Vị Chuyển Luân Vương có hột bảo châu vô giá, thường gìn giữ rất cẩn thận, dành ban thưởng cho vị Đại Thần có công bực nhất, không thể ban cho hạng quan tâm thường công lao chẳng mấy chút. Pháp môn Tịnh Độ cũng như thế, Đức Phật ban cho những hàng có căn tánh đại thừa, nhiều nhân duyên phúc đức.

Kinh niệm Phật Ba La Mật cho biết rằng, DIỆU NGUYỆT TRƯỞNG GIẢ đã trải vô lượng kiếp cúng dường cho hằng hà sa Đức Phật, phúc đức thiện căn vô lượng mới được Đức Thích Ca Như Lai truyền dạy cái pháp niệm Phật Ba La Mật.

Đức Phật ta là hàng cao đẳng giác ngộ, Ngài nhìn tận và thấy được người tu có nhiều thiện căn phúc đức nhân duyên, mà chưa thông diệu pháp, chưa hiểu lý mâu, thật đáng thương nên mới khai đường Tịnh Độ, hiển thị pháp mâu, ban cho chúng sanh thời cùng cơ tận pháp hột bảo châu vô giá Tịnh Độ, hoàn thuốc tối hậu trì danh.

Tình thương và Đại Nguyện, Đức Thầy ta đã trút tận cho chúng sanh, thừa hưởng hay không là tùy nơi chúng sanh quyết định.

Người con Phật! Người con ngoan hiền của Đức Phật lẽ nào chẳng nghiêng mình thọ lãnh trân bảo được Ngài ban cho! Lẽ nào để rồi phải chịu lang thang nơi bê thảm đến muôn đời! Muôn đời bất tận!!!

PHẨM HAI MƯƠI BỐN
VÃNG SANH CỰC LẠC

**LÀM PHẬT NHI PHẢI ĐƯỢC LÒNG THÀNH,
THÌ MỚI ĐƯỢC VÃNG SANH CỰC LẠC.**

(Trích Quyển Nhì)

YẾU GIẢI:

PHẬT NHI: là người con tinh thần của Đức Phật. Đức Thích Ca Như Lai có đến vô lượng những

đưa con tinh thần nối theo dấu chơn của Ngài, tắm trong ánh quang minh của Ngài, lặn hụp trong suối ngọt Chánh Giác của Ngài. Dòng chính pháp của Đức Phật được những người con ngoan đạo bên cạnh Ngài luân lưu tiếp nối, từ thuở quá khứ, đến hiện tại và vị lai vô cùng tận.

Đức Phật đã ân cần dạy bảo:

“Các con muốn đền ơn ta ư? Thì giáo pháp của ta đó, các con cố mà giữ đi, rán mà hành đi, quyết mà truyền đi. Mọi sự cúng dường tán Phật, không bỏ ích bằng đem giáo pháp của ta mà quảng bá”.

Ánh Từ bi được chiếu khắp Á Âu là do những người con Phật tiếp nối tung lên và tỏa ra vạn nẻo.

Đức Thầy ta là một trong những đệ tử trung thành của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài tiếp nối suối nguồn của Đức Phật và khai mạch cho suối pháp hằng được luân lưu nơi vạn nẻo, trải dạ khát khao cho chúng sanh trong thời kỳ cùng mạt của lịch sử nhân loại. Nếu không phải là Đức Đại Bi, Đại Lực, Đại Hùng và Đại Nguyện thì khó mà dám len lõi xuống chốn trần gian khai đạo và hóa đạo như Ngài. Tin tưởng rằng sự thành công lập đạo và hóa đạo của Ngài, Đức Phật chắc chắn là mỉm cười ca ngợi!

LÒNG THÀNH: Là tâm chơn thật, tâm ấy gọi là CHƠN NHƯ TÂM, nó lưu xuất các pháp. Từ nơi đáy lòng chơn giả, thanh trước của ta, nó là bầu trời khổ vui cho mình trong mai hậu. Từ nơi chân thật thanh tịnh thì tạo thành cảnh giới yên vui, bằng như từ nơi giả dối trước như thì tạo thành cảnh giới đau khổ. Tâm chơn là chánh báo trang nghiêm Cực Lạc, tâm giả là quả báo khổ đau nơi cõi tạm.

Người tu hành trước hết phải từ chơn tâm của

mình, rồi lấy đó làm chỗ xuất phát tu hành thì mới mong gặt hái kết quả cao quý cũng như muốn được làm đấng con tinh thân của Phật, là ta phải có lòng thành thật chơn chất.

Được về Cực Lạc thế giới trước hết là phải có **CHÍ THÀNH TÂM**, đó là điều mà kinh Quán **VÔ LƯỢNG THỌ** đã nêu rõ. Từ chí thành tâm, rồi đến **SÂU THIẾT TÂM** và **HỒI HƯỚNG PHÁT NGUYỆN TÂM**.

Nếu không có Tâm Chí Thành thì Tâm Hồi Hướng, Tâm phát nguyện, Tâm sâu thiết cũng sẽ không do đâu mà được lập. Chính thế, mà trên đường về Cực Lạc, Đức Thầy ta tạo cho chúng sanh nền móng đầu tiên là lòng thành.

Từ lòng thành ta mới Tin sâu Tịnh Độ, mà không bao giờ bị lung lay.

Từ lòng thành mà ta phát chí nguyện đi sinh sống bên Cực Lạc một cách chân thật, không hề ngoa dối.

Từ lòng thành mà ta lập hạnh niệm Phật rất là chuyên cần, không tạp tu nhiều pháp.

Lòng thành là quả đất lớn, sinh hóa vô số hoa màu tươi tắn quý thơm.

Lòng thành là nước ngọt ban cho muôn loài trái dạ khát khao.

Lòng thành là ngọn đuốc, ban cho chúng sanh ánh sáng vui đẹp.

Lòng thành là tàng cỏ thọ Bồ đề cao lớn, sẽ kết những bông trái cao quý cho chúng sanh thọ hưởng.

Vãng sanh Cực Lạc: Là đem thân thức của ta về bồn quốc Cực Lạc gá vào hoa sen trong **AO THẮT BẢO**. Lúc chưa nở hoa cũng vẫn được hưởng các đức tánh là: **VI DIỆU HƯƠNG KHIẾT** và các thứ an lạc,

cao quý hơn chẳng biết bao nhiêu lần đối với các cõi trời, đến khi hoa sen vừa khai cánh, Liên Nhơn thấy được Phật liền chứng vô sanh và thần thông tự tại, biện tài vô ngại, tuổi thọ vô biên, tướng hảo oai nghi đầy đủ.

Đức Phật đã một lần gạn hỏi A Nan rằng:

- “Này A Nan, một gã ăn mày đứng gần với vị Đế Vương, Ông thử so sánh coi thế nào?”

Ngài A Nan đáp:

- “Bạch Đức Thế Tôn, gã ăn mày hình vóc xấu xí nhợt nhạt, còn vị Đế Vương cao quý, sang trọng. Theo chỗ con thấy thì, trăm ngàn lần gã ăn mày cũng không thể nào sánh bằng vị Đế Vương đặng”.

Đức Phật nói tiếp:

- “Này A Nan, cũng lại như thế, trăm ngàn lần vị Đế Vương không bằng Chuyển Luân Vương; trăm ngàn lần vị Chuyển Luân Vương không bằng Thiên Đế Thích; trăm ngàn lần vị Thiên Đế Thích không bằng Tự Tại Thiên Vương; trăm ngàn lần vị Tự Tại Thiên Vương mà vẫn không bằng các Thiên Thượng Nhơn cõi Cực Lạc nhơn dân của Đức Phật A Di Đà”.

Cái quý tột đỉnh của nhơn dân Cực Lạc như Đức Phật nói với A Nan, ta thấy vô cùng là đặc biệt, nó vượt quá xa với sự tưởng tượng của các hạng phàm phu, mà dẫu cho các Thánh trong Tam Thừa cũng không sao thấy được như Tuệ Giác của Đấng Như Lai tối thắng.

Từ nơi đáy lòng chân thành, rời Tín, Nguyện, chân thiết, lập Hạnh niệm Phật bền vững thì nhất định là được đi sinh sống bên quả đất Cực Lạc. Và được như thế, ta mới đáng là bậc Phật nhi, tức là đưa con tinh thần của Đức Phật.

- Con Phật, con Ma người con nào cao quý?

- Người con Phật dĩ nhiên là cao quý!

- Đúng! Đúng! Nhưng mà muốn là đưa con tinh

thân thân thương của Đức Phật, ta phải có Lòng Thành và được vãng sanh Cực Lạc, điều này cần ghi nhớ mãi mãi nơi lòng ta, như nhớ cơm ngon mỗi bữa!

PHẨM HAI MƯƠI LĂM
NHỚ PHẬT NIỆM PHẬT

**TƯỞNG NHỚ PHẬT NHƯ ĂN CƠM BỮA,
VỌNG CỬU HUYỀN SỚM TỐI MỚI MÀU.
CHỮ NAM MÔ ĐẸP ĐƯỢC LÒNG SÀU,
SAU THẤY ĐƯỢC NHÀ TIÊN CỬA THÁNH.**

(Trích Quyển Nhì)

YẾU GIẢI:

Tưởng nhớ Phật như ăn cơm bữa: là nói hành giả của Tịnh Độ Tông vừa là trọng tâm, vừa là trọng Phật, vì tâm ta cùng với Đức Phật liên hệ rất là mật thiết với nhau, tuy thấy có hai mà thật là một Bồn Nguyên bình đẳng. Trọng Phật tức là ta phải thường nhớ tưởng, ức niệm về Đức Phật một cách tha thiết ai khản. Càng tưởng nhớ Phật tha thiết chừng nào ta càng gần với Phật chừng nấy. Từ nơi Bi tâm, Đức Phật bao giờ cũng nhớ đến chúng sanh như mẹ nhớ con, nếu ta hằng nhớ Phật như con nhớ mẹ, thì cả hai thường gặp nhau. Bằng như Phật nhớ chúng sanh mà ta không tưởng nhớ đến Phật thì dầu Phật có đến gần với ta, ta cũng không bao giờ gặp được Phật.

Cái tâm của Phật nhớ chúng sanh ví như cái đài truyền hình lớn, cái tâm của chúng sanh nhớ Phật ví như cái máy thu hình, đài truyền hình đã mở và nếu máy thu hình bắt đúng với điện số, tất nhiên hình ảnh hiện vào tỏ rõ. Nếu đài của Phật mở mà máy thu hình của ta không bắt hoặc không bắt đúng với điện số thì cũng không thể có hình dạng.

Đức Phật luôn luôn trên đỉnh đầu ta, nhưng mà tại vì ít khi ta nhìn lên, Phật đã nhìn xuống chúng sanh một cách thương yêu trìu mến từ lâu, nếu tâm của ta nhìn lên là ta được thấy Phật.

Ánh sáng của Phật nhớ chúng sanh trùm phủ thân ta, nếu ta có được ánh sáng chúng sanh nhớ Phật tung lên thì hai ánh sáng ấy hợp thành khối quang minh bất tận.

Đức Thầy ta đã quả quyết: **“Tuy là hữu ảnh vô hình, chớ dân lòng tưởng sân Trình đảo lai”**.

Hằng ngày ta không thể quên ăn cơm, nếu ta tưởng nhớ Phật được như tưởng nhớ cơm, không bị xao lãng thì ta cùng Phật đâu còn cách biệt, đâu còn Đông

Tây, đầu còn Phạm Thánh.

Hành giả niệm Phật, trong lúc xưng danh hiệu Phật, nếu tâm tưởng nhớ Phật chân thiết thì vọng niệm không thể phát động và hành trì được như thế là Tam Muội mau thành.

Đức Thầy ta dạy: **“*Trường nhớ Phật như ăn cơm bữa*”** là pháp quán tu Tịnh Độ, được xuất phát từ Kinh Quán Vô Lượng Thọ.

Vọng Cửu Huyền sớm tối mới mau: là nói người con chí hiếu hãy luôn luôn nhớ đến công ơn khó nhọc của Tổ Tông cha mẹ, mỗi ngày sớm tối hai thời lễ bái cầu cho Cửu Huyền Thất Tổ được yên vui nơi cõi Phật. Người tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo mỗi ngày cúng lạy hai thời không sai buổi như lời Đức Thầy dạy, đó là ta hằng cầu siêu độ cho Tông Tổ ông bà cha mẹ, đáp đền công ơn Trời bể đáng sanh thành dưỡng dục.

Điều nguyện thứ nhì và điều nguyện thứ ba trong bài Tây Phương ngũ nguyện đã mang ý nghĩa vừa cầu an cha mẹ hiện tại, vừa cầu siêu cha mẹ quá khứ và Tổ Tông ông bà, mỗi người tín đồ hành lễ hai thời sớm tối, đó là đền đáp ơn sâu, nói lên tâm hồn người con chí hiếu. Người con chí hiếu vừa tu thân hành đạo, vừa cầu siêu độ ông bà, tất sẽ có nhiều kết quả rất tốt.

Thuở nọ có một người con chí hiếu, khi thân phụ vừa mãn phần, vì thương cha lúc bình nhứt sinh nhai nghiệp sát quá ư trọng tội, nên tạo ngôi thờ Ngài Đại Thế Chí Bồ Tát để hằng lễ bái nguyện cầu cho cha được siêu độ. Sau ba tháng nguyện cầu, được Ngài Đại Thế Chí hóa hiện dạy rằng: “*Ngay trong cái ngày mà người tạo ngôi thờ ta để cầu siêu độ cho cha người, Ta đã đến tiếp dẫn cha người về Cực Lạc rồi. Ta mách cho người biết*”. (thuật theo *Máy điệu sen thanh* của Thích Thiên Tâm).

Cầu siêu độ ông bà cha mẹ có được kết quả hay không đều do nơi con cháu hết lòng hay không đó thôi. Nếu vì hiếu đạo mà hết lòng với cha mẹ ông bà thì tất được y như bốn nguyện, bằng như làm cho lấy có che miệng thế gian thì sẽ không được linh ứng.

Chữ Nam mô đẹp được lòng sâu: Nam Mô là dùng theo lối bớt vần. Đọc cho đủ là Nam Mô A Di Đà Phật, Thánh hiệu Đức Vô Lượng Quang Như Lai.

Lòng sâu muộn đau khổ dẫn cho thế mảy, nếu ta hằng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, tất sẽ chuyển đau khổ thành an lạc, chuyển sâu muộn thành vui tươi. Thánh hiệu Di Đà là thuốc trường sinh cứu khổ, thường dùng tất được nhuần sắc xinh tươi, an lạc mát dịu tâm hồn xa lìa buồn khổ.

Lòng sâu hận là thuốc độc làm cho đóa hoa xuân khô héo, tiêu mòn, Phật danh là phân bón sẽ đem lại sự xinh xắn, đượm màu cho hoa vô ưu tươi nở!

Lòng sâu hận là lửa dữ đốt phá rừng hạnh đức điêu tàn, Thánh hiệu Di Đà là công đức thủy rưới tắt lửa độc hại âu sầu, đem lại hoa lá xinh tươi cho rừng hạnh đức.

Lòng sâu hận là địa ngục trần gian, Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật là chìa khóa mở toang cánh cửa hắc ám lao tù cho các can phạm được tự do hạnh phúc.

Nam Mô A Di Đà Phật là Hoan Hỉ Địa hằng sinh hóa hoa màu để trải dạ khát khao, dứt lo âu sầu khổ.

Nam Mô A Di Đà Phật là sinh khí đem lại sự hô hấp bình thường cho những ai sầu khổ vì ngộp nghẹt đuối hơi.

Nam Mô A Di Đà Phật là mưa lớn làm cho vạn vật cỏ cây xinh tươi sanh hóa hết sầu khổ vì hạn hán từ lâu...

Sau sẽ thấy nhà Tiên cửa Thánh: là nói người nào chuyên niệm Nam Mô A Di Đà Phật, công đức ấy giúp cho được thấy cảnh giới Phật Tiên trong thời kỳ Long Hoa Đại Hội, hoặc sau khi mãn kiếp hồng trần vãng sanh về bốn quốc Cực Lạc sống trong Thánh Cảnh.

Tướng Phật, niệm Phật là thuốc trường sanh dứt khổ, là tịnh phạn cứu đói, là mưa lớn cứu lửa lớn, là hoa xuân đẹp dạ, là danh tướng đẹp giặc phiền...

Nếu ta muốn được an lạc hạnh phúc vui tươi, hãy chuyên niệm Nam Mô A Di Đà Phật...Nam Mô A Di Đà Phật!!!

PHẨM HAI MƯƠI SÁU NIỆM PHẬT RÀNH

NIỆM DI ĐÀ RÁN NIỆM CHO RÀNH,
THÌ MỚI ĐƯỢC SỐNG COI TIÊN THÁNH.

(Trích Quyển Nhì)

YẾU GIẢI:

NIỆM DI ĐÀ: là niệm Nam Mô A Di Đà Phật, hồng danh của Đức VÔ BIÊN QUANG NHƯ LAI

Giáo Chủ cõi Tây Phương Cực Lạc. Phật danh vĩ đại ấy độ chúng sanh nhiều đến vô lượng trên hàng Phật quả và Bất Thối Bồ Tát.

Đức Từ phụ Di Đà không lưu lại ba tạng Thánh Kinh như Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài chỉ để lại chìa khóa hồng danh, giúp chúng sanh mở toang cánh cửa kho tạng tâm kinh của mình để thí cho chúng sanh vô lượng.

Niệm Phật là mở cánh cửa tâm làm cho Pháp nhãn bừng lên, Pháp thân sống lại, là mình về sống với ngôi nhà cũ của mình, khôi phục lại CHỦ NHƠN ÒNG cho chính mình để vui với Trời Xuân Cực Lạc.

Nhưng mà muốn được như thế tức phải cần niệm lục tự cho rành như Đức Thầy ta phán dạy.

Cho **Rành** có nhiều nghĩa khá phức tạp, đây xin đưa ra mấy điều:

1.- Hành giả Tịnh Độ khi khởi lên niệm câu Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật phải biết Tông yếu của sáu chữ hồng danh mà mình đang niệm để được coi là một hành giả chân chính của niệm Phật.

Nhưng thế nào là Tông yếu của niệm Phật?

Thế theo Ngài Triệt Ngộ Đại Thiên Sư thì hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật lấy TUYỆT ĐÃI, VIÊN DUNG, SIÊU TÌNH, LY KIẾN làm Tông yếu, cương lĩnh mấu chốt cho niệm Phật.

Nói về ý nghĩa của **Tuyệt Đãi** là rời cả TỨ CÚ và BÁCH PHI.

Tứ Cú là: Có, không, chẳng phải có chẳng phải không, cũng có cũng không.

Còn **Bách Phi** là một trăm cái chẳng phải, như nói: chẳng phải sanh chẳng phải diệt, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, chẳng phải minh chẳng phải vô minh.v.v...

Nói về nghĩa của **Viên Dung**, là nó hội đủ cả Tứ Cú và Bách Phi trọn vẹn.

Nói về ý nghĩa **Siêu Tình Ly Kiến**, nghĩa là Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật vượt trên tất cả các sự hiểu biết suy luận theo phàm tình, không dính líu gì đến kiến giải của các Thánh trong Tam Thừa, vì Phật danh là Pháp Thân, là Báo Thân, là Hóa Thân của Phật, chỉ có Phật mới biết một cách rốt ráo.

2.- Hành giả Tịnh Độ khi niệm Phật phải biết rằng Tịnh Độ lấy Tín, Nguyện, Hạnh làm Tông.

Tín là tin Phật, tin Pháp và tin nơi sự giác ngộ của chính mình.

Nguyện là ham mộ, là ước mơ được đi sinh sống bên bốn quốc Cực Lạc, nguyện được bỏ xứ hóa tha nơi cõi khổ.

Hạnh là lập hạnh niệm Phật tu tập theo môn Tịnh Độ.

Tông chỉ của Pháp môn Tịnh Độ là Tín, Nguyện, Hạnh. Còn Tông chỉ riêng về sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật là tuyệt đãi, viên dung, siêu tình ly kiến. Ta cần hiểu rõ, không nên lầm lộn giữa Tông chỉ Tịnh Độ và Tông chỉ sáu chữ hồng danh.

3.- Hành giả niệm Phật, khi niệm Nam Mô A Di Đà Phật phải dứt hết các vọng niệm về việc thế trần, giữ cho tâm thể thường được thanh tịnh.

4.- Khi khởi niệm Di Đà phải biết rằng đương niệm tức là được vô niệm, không phải rời niệm mới gọi là vô niệm, vì rời niệm mà lập không là rơi vào cái ngoan không.

5.- Hành giả niệm Phật, khi xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, phải biết năng niệm và sở niệm chỉ là một thể tánh nhất nguyên bình đẳng, để khỏi bị chấp nơi năng niệm và sở niệm.

6.- Hành giả niệm Phật phải biết, sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật là Bản Giác Chơn Như của ta, nên thường niệm Phật danh là chính ta niệm Bản Thể ta đấy.

Nếu hành giả niệm Phật mà đạt được sáu nghĩa nêu trên đây, đó gọi là niệm Phật rành như Đức Thầy ta dạy.

Lại còn một lối giải về niệm Phật rành khác nữa, được xuất phát từ giáo hệ Bửu Sơn Kỳ Hương, xin đưa ra để cho được rộng bề suy luận:

- **NAM** là giữ cho tâm thường được thanh tịnh.

- **MÔ** là ngăn ngừa không để lòng ham muốn về danh lợi.

- **A** là kiềm chế đừng để cho dâm tánh, dục tình dấy khởi, hao tổn tinh bảo của mình.

- **DI** là dứt sự lo lắng về thể trần, bảo tồn **BẢO VƯƠNG TAM MUỘI** nơi ta.

ĐÀ là **KIM THÂN** bất hoại cần bảo trợ cẩn thận.

PHẬT là **XÁ LỢI**, là **TAM THÂN PHẬT** vô sanh bất diệt.

NAM chỉ về tâm phải tịnh thanh,

MÔ không dục lợi, chẳng cầu danh.

A trừ dâm dục nuôi tinh đủ,

DI dứt lắng lo giữ bảo lành.

ĐÀ ấy kim thân sanh bất hoại,

PHẬT là Xá Lợi hiệu vô sanh.

Giáo hệ Bửu Sơn Kỳ Hương.

SÓNG COI TIÊN THÁNH: hai hệ tư tưởng về ý nghĩa niệm Phật rành nêu trên, nếu đã được đúng lý tất là ta sống mãi! Sống mãi đời đời như Phật.

Nhưng mà **sống** nghĩa là thế nào?

Chữ **sống** ở đây có đến ba nghĩa:

1.- Khi nào ta niệm Phật được chứng đắc vào **TAM MUỘI** là **PHÁP THÂN** ta sống, tức **PHÁP**

NHÃN khai, THƯỜNG TỊCH QUANG an ngự đời đời như Phật!

Một bài Kệ của Ngài DIỆU HẠNH BỒ TÁT được trích sau đây để cho lý giải được tin chắc:

Bớt một câu chuyện

Nhiều niệm một câu Phật

Đánh chết được vọng niệm

Hứa Pháp Thân nơi sống.

2.- Khi nào ta niệm Phật mà từ nơi TÍN và NGUYỄN chân thiết, là ta được vãng sanh về Cực Lạc, nhập lưu trên hàng Bồ Tát Bất Thối, tất ta sống mãi bằng Đức Phật A Di Đà, trên cõi Thánh Cư Tịnh Độ.

3.- Khi ta niệm Phật tuy chưa được Tam Muội, chưa thể vãng sanh nhưng mà cũng được phúc báo lớn lắm để phò hội Long Hoa về sau tất cũng sẽ thành Phật.

Khi nào ta chứng Tam muội hiện tiền hay vãng sanh Cực Lạc là ta tự coi Tiên Thánh trong nhà của mình được rồi, còn như dự hội Long Hoa thì ta sẽ coi Tiên Thánh từ các quốc độ giáng trần vô số.

Dù cho coi Tiên Thánh nào đi nữa, điều kiện cần yếu là ta hãy ân cần lo niệm Phật, đó là chất liệu, là động cơ thúc đẩy ta đến nơi hứa hẹn.

A Di Đà Phật!

A Di Đà Phật!

Pháp Thân ta sống!

Pháp Thân ta sống!

Đó là khúc ca Chứng Đạo của hành giả niệm Phật TAM MUỘI!!!

PHẨM HAI MƯƠI BẢY
DANH HIỆU KHÙNG ĐIÊN

**NGHE ĐIÊN DẠY SAU NÀY THỜI THẮNH,
ĐÂY CHỈ ĐƯỜNG CỰC LẠC VÃNG SANH.**
(Trích Quyển Nhì)

YẾU GIẢI:

ĐIÊN: hay *Khùng* là thường chỉ cho người mất trí. Đức Thầy sở dĩ xưng hiệu Khùng Điên là bởi các nguyên do:

1.- Lúc Đức Thầy ra đời, người Pháp còn ngự trị

trên giang sơn tổ quốc ta. Ngài chẳng những là một nhà cải cách tôn giáo, mà còn là một nhà cách mạng chống đế quốc Pháp nên xưng Khùng xưng Điền để che mắt người Pháp hầu có được cái cơ duyên truyền bá Đạo mâu, chấn hưng Phật giáo.

2.- Thời Pháp thuộc, vì ảnh hưởng cái lớp văn minh cận bã của phương Tây mà người đời thường xưng khôn, xưng lanh. Để đối lập cảnh tình cho họ, nên Ngài xưng Khùng, xưng Điền và cho thiên hạ thấy Ngài không chịu ảnh hưởng cái văn minh nô lệ của đế quốc.

3.- Theo truyền thống Phật Giáo, các vị hóa thân Phật và Bồ Tát khi giáng trần là che dấu không cho người đời biết mình là Phật, là Bồ Tát. Như trường hợp Ngài Bồ Đại Hòa Thượng là Hóa Thân Đức Di Lặc, Ngài Viên Thọ Thiền Sư là Hóa Thân của Siêu Nhựt Nguyệt Quang Như Lai, Ngài Hành Tu Hòa Thượng là Hóa thân của Định Quang Như Lai...và khi đã viên tịch rồi người ta mới biết được là Hóa thân của Phật, Bồ Tát. Đức Thầy ta xưng hiệu Khùng Điền là để che dấu không cho người đời biết được Ngài là Phật Thầy Tây An tái sanh.

4.- Xưa nay trong thiên hạ thế gian, nếu có ai bỏ ráo không mang danh lợi cao sang, tức quyền Vương bá là người ta cho kẻ ấy là ngu dại khùng điên. Ngài Sĩ Đạt Ta bỏ ngôi cao duyên thăm đi tu, người dân Ấn Độ lúc đó có kẻ cho Ngài là “Ông Hoàng Tử thất chí điên rồ, bỏ nghiệp Vương là đồ khùng”. Đức Thầy xưng hiệu Khùng Điền là để cho người ta thấy rằng Ngài không bao giờ có mộng Vương Bá cao sang, bỏ danh lợi, và Ngài tỏ cho ta thấy ở nơi Ngài là vị nối với truyền thống Đức Thích Ca Mâu Ni Phật.

5.- Đức Thầy ta xưng hiệu Khùng Điền là để nói

lên rằng Ngài là người con tinh thần ngoan đạo của Đức Phật, là một đệ tử trung thành của Thích Ca Mâu Ni, vì là con Phật nên không xung khôn lanh như người thế tục văn minh cận bã. Bởi vì: **“Con Phật thời chẳng có khôn lanh, đời văn vật khôn ma khôn quỷ”**.

Nghe Diên dạy sau này thời thanh: là nói nghe theo lời dạy bảo của Đức Thầy thì sẽ được giải thoát yên vui, thanh thời tự tại không còn ràng buộc nơi chốn sông mê bể thảm.

Danh hiệu Khùng Diên hay danh đức Tiên, Phật cũng đều là giả đặt phân biệt đó thôi, các đấng lâm phạm đã vượt trên huyền giả, chủ đích là đưa chúng sanh ra khỏi cái mộng huyền của thế trần, danh hiệu gì cũng đặng miễn là được giải thoát chúng sanh, thế là đạt được mục đích rồi.

Danh Phật mà tâm phạm, danh Diên mà tánh Phật, cái nào hơn?

Danh mà nêu lên cho hiển là không phải danh thường còn. Đạo mà nêu cao giả tướng là không phải Đạo thường còn.

Nghe lời theo Diên Khùng mà được thanh thời nhàn hạ tiêu dao giải thoát thì nhất quyết rằng đó là Diên Khùng của Phật của Thầy rồi, của Thánh giả giáng trần rồi vậy.

Đây chỉ đường Cực Lạc vãng sanh: là nói Đức Thầy ta là Hướng đạo Sư, đưa chúng sanh thoát khổ, đó là Cực Lạc vãng sanh. Cực Lạc vãng sanh là phương tiện duy nhất giải thoát khổ tử sanh mà chư Phật mười phương đồng tuyên dương ca ngợi, hải chúng Bồ Tát cực lực hoằng truyền, Thánh thần gia bị giữ gìn không cho ác ma làm hại.

Tất cả chúng sanh bất cứ là hạng nào, nếu muốn được giải thoát mau lẹ là phải hành trì Cực Lạc vãng

sanh, chư Phật ba đời muốn độ tận chúng sanh cho được mãn nguyện thì phải dùng cái phép Cực Lạc vãng sanh để cảm hóa họ. Đó là điều mà xưa nay đều khẳng định.

Cực Lạc vãng sanh là ta phải phát tâm tín sâu Tịnh Độ, phát nguyện được sanh về bốn quốc Cực Lạc của Đức Từ phụ Di Đà, phải chuyên niệm sáu chữ hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật. Đồng thời phải ăn hiền ở lành, phụng thờ Tam Bảo, hiếu thảo cha mẹ, thương xót trợ giúp cho kẻ nghèo nàn đói khổ, trì chay giữ giới và làm các việc lành...đem hồi hướng cầu sanh Cực Lạc.

Kinh niệm Phật Ba La Mật, Đức Phật cho biết, đến thời cùng mạt các kinh Đại Thừa như Thủ Lăng Nghiêm, Viên Giác, Kim Cang...đều bị diệt hết, chỉ còn lưu lại kinh niệm Phật Ba La Mật để nâng đỡ chúng sanh cuối cùng.

Chính thế mà Đức Thầy ta khuyến dạy niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới, để cho phù hợp với nhân duyên thời tiết trong hiện tại, của thế kỷ hai mươi mốt.

PHẨM HAI MƯƠI TÁM NIỆM PHẬT TRÌ CHÍ

**ĐƯỢC THẮNG THỜI NHỜ CHỮ NAM MÔ,
KHUYÊN BỔN ĐẠO RÁN MÀ TRÌ CHÍ.**

(Trích Quyển Nhì)

YẾU GIẢI:

THẮNG THỜI: là thoát trên các thứ dục tình, vượt ngoài đường danh nẻo lợi, không bị vô minh che mờ tự tại giải thoát.

Từ lũy kiếp ta nào có được thắng thời bao giờ,

thay thân đổi xác chẳng biết bao lần, quanh quẩn ba đường, quây quần sáu nẻo, hết thân ngũ ấm này, rồi đến cái xác tứ đại kia vô cùng thảm lệ đau thương! Nay duyên lành được Đức Ân Sư đưa đường chỉ lối tìm đường giải thoát, toại hưởng thành thoi nhân hạ tiêu dao nơi cõi Phật, thật là vinh hạnh, thật quý giá biết bao, ngàn kiếp một lần dễ nào có đặng!

NAM MÔ: là Nam Mô A Di Đà Phật sáu chữ hồng danh vi diệu của Tây Phương Giáo Chủ Vô Lượng Thọ Như Lai đã độ vô lượng chúng sanh thành Phật đạo. Các kinh Đại Thừa Phật Giáo đều xưng tán ca ngợi sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật và đồng khuyên chúng sanh phụng hành. Kinh niệm Phật Ba La Mật là viên ngọc lớn trong giáo môn, Đức Thích Ca Như Lai đã từng vì chúng sanh phán dạy:

“Thiện nam Thiện nữ nào đủ lòng tin thì chỉ cần chuyên nhứt xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà suốt cả sáu thời trong ngày và giữ trọn đời không thay đổi thì hiện tiền chiêu cảm y báo và chánh báo của Phật A Di Đà ở cõi Cực Lạc. Lúc lâm chung cố giữ sao cho được mười niệm tiếp nối liền nhau, lập tức vào Phổ Đẳng Tam Muội của Đức Phật A Di Đà, được Phật tiếp dẫn về Cực Lạc Tây Phương.”

Nam Mô A Di Đà Phật là Bồ Đề Tâm của ta, nên rất là siêu việt, hành trì chỉ gói gọn trong một kiếp hiện tại là được giải thoát trên hàng Phật quả. Thế thì dầu cho có đến muôn ngàn pháp cũng không môn nào hơn đặng. Cũng trong kinh niệm Phật Ba La Mật, Đức Phật đã phán quyết:

“Đây là môn tu Đại Bồ Đề, đại siêu việt mà chư Phật dùng làm cứu cánh để giúp hết chúng sanh thành Phật, như Phật ngay trong một kiếp.

Đây là môn tu đại từ bi, đại dũng mãnh, mà

chư Phật dùng để giúp chúng sanh có được cái Tâm bằng Tâm chư Phật, có được cái Nguyên bằng Nguyên chư Phật, mau chóng vượt qua địa vị phàm phu và chứng Pháp thân từng phần”.

Được thanh thoi nhờ chữ Nam Mô: là Ngài khẳng định rằng tất cả chúng sanh trong ba cõi sáu đường được đại giải thoát về cõi Phật là phải niệm Nam Mô A Di Đà Phật, không một cách nào khác hơn đặng. Bỏ con đường rộng lớn thẳng tắt này thì sẽ không có một xa lộ thứ hai được đảm bảo, kết quả mau lẹ hơn.

TRÌ CHÍ: chữ Trì là nắm giữ, chữ Chí là hướng đi, lối tu nẻo về. *Trì Chí* là Đức Thầy dạy khuyên các tín đồ của Ngài phải lập chí cho thật bền bỉ trường kỳ trên bước hành trì Tịnh Độ. Sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật ai cũng niệm được, mà được bền bỉ trường kỳ, nhìn kỹ rất hiếm hoi! Cái gì nhất thời thì dễ mà lâu ngày cho đến chung cuộc thì rất khó. Gánh nặng đường xa hay nản bước, chí không bền vững mới rơi đà! Đi nhanh ngồi nghỉ trên bờ vắng, bước chậm chân bền đến trước hơn.

Bất cứ việc gì dù là thật khó, nếu có chí bền tất ta thành công viên mãn.

Khắc Cần là một tu sĩ khờ khạo, mấy năm trường chỉ có mấy bài tụng sớm tối thế mà học chẳng thuộc. Ông ta bỏ một thời gian khá dài đi học với các bậc Thiên Đức, nhưng lại chẳng thu lượm được gì. Dốt vẫn hoàn dốt!

Sau đó ông ta đến sườn núi, một nơi rất cô tịch, thanh tú cất am tranh an trụ tại đó, lập chí không rời khỏi am, chuyên lo niệm Phật ngày đêm chẳng dứt, không hành một hạnh nào khác. Chỉ có mấy năm hành trì niệm Phật như vậy, ông ta biện tài vô ngại, thuyết pháp như suối đổ, các vị Pháp sư, Thiên sư đều phải

công nhận Khắc Cần nhờ chuyên niệm Phật mấy năm mà được Pháp nhãn khai mở, vào kho Đại Tạng nên sự ứng đối hàng hữu học không sao sánh đặng.

Đến còn cách một ngày nữa viên tịch, Khắc Cần đến Sư Hàm An từ giã và nói:

- “Hôm nay Khắc Cần đến viếng thăm Hàm An và từ giã Sư Huynh để Khắc Cần ngày mai đi về Tây Phương Cực Lạc, nhờ Sư huynh ngày mai xuống để lo hộ về việc an táng.

Hàm An nhìn Khắc Cần và bảo:

- “Chuyện ấy có thật không? Mình người tu nói chơi bị người ngoài nhạo báng!”

Khắc Cần quả quyết thưa:

- “Khắc Cần đâu dám nói chơi, mà thật là được biết rõ việc Khắc Cần ngày mai được về Phật. Chỉ có một thời gian không lâu hành trì niệm Phật, Khắc Cần được dứt nghiệp, hằng tự tại”.

Thế rồi Khắc Cần ra về, sáng hôm sau Sư Hàm An xuống am tranh của Khắc Cần, thấy ông ta đang thay y phục. Đoạn đến ngôi Tam Bảo phát nguyện vãng sanh và lễ Phật. Xong việc ông tỉnh tọa niệm Phật một hồi và an nhiên mà thị tịch. (thuật theo Trí Tịnh)

Thời ấy trong giới Sa Môn chưa ai khờ khạo, dốt nát, tối tăm bằng Khắc Cần tỳ kheo. Thế mà chỉ chuyên tâm niệm Phật chưa bao lâu được chứng đắc Tam Muội hiện tiền, tự tại ra đi về An Dưỡng Quốc, cao quý biết chừng nào!

Ta phải sáng suốt mà thấy rằng niệm Phật cầu sanh Cực Lạc là Viên Đốn bậc nhất, cao siêu bậc nhất, độ được nhiều người nhất, thời mật pháp được coi là cần yếu nhất!

Nếu ai hỏi rằng pháp môn nào tu mau thành Phật? Xin đáp nhanh là NIỆM PHẬT MAU ĐẶNG

THÀNH PHẬT.

PHẨM HAI MƯƠI CHÍN
QUÍ TRỌNG NIỆM PHẬT

**ĐỨC DIÊM CHÚA YÊU NGƯỜI HIỀN THẢO,
TRỌNG NHỮNG AI BIẾT NIỆM DI ĐÀ.**
(Trích Quyển Nhì)

YẾU GIẢI:

HIỀN: Là thiện lương, từ hòa nhã nhận chân chất. Hiền là hạng người hiểu biết các việc tà chính giả chân, nhưng không tánh tranh đấu hơn thua, cãi vả phiền hận.

Đối với cảnh ngang trái, luôn luôn an nhẫn mát

dịu, không chống trả tranh cạnh, đó gọi là người hiền lương.

Đối với cảnh tùy thuận, lòng không ô nhiễm, đó gọi là hiền đức.

Có tài mà không khoe khoang, không cao ngạo, không khinh người gọi là hiền tài.

Không bợ đỡ người trên cũng không khinh khi người dưới, thi ơn không màng đến việc báo đáp. Mất của chẳng dạ buồn phiền, gọi là hiền Thánh.

Người hiền mà luôn an nhẫn, hằng giữ dạ kiên trinh, việc đến không màng việc đi không hối, đặng cũng chùng đó, mất cũng chùng đó không hân hoan cũng không sầu khổ.

Xét trong cõi nhân gian, người hiền rất là khó kiếm!

THẢO: là biết báo đáp công ơn, biết vun bồi hạnh đức. Kẻ thảo bao giờ cũng có tâm tôn ty quý trọng người mà mình đã thọ lấy ân sâu và luôn lo báo đáp.

Thường lo giúp đỡ cha mẹ các thứ cần dùng, những việc nhu yếu gọi là con thảo.

Trợ kẻ bần cùng, giúp người đói khổ, thí trẻ mồ côi, cho người tật bệnh gọi là thảo ăn.

Thảo là người có trái tim thương yêu tất cả mọi người, vì nhận định rằng trong khắp nhân loại chúng sanh ít nhiều ta cũng thọ ơn họ và phải biết lo đền trả.

Đức Diêm chúa yêu người hiền thảo: là nói Chúa Diêm Vương rất yêu, rất kính người nào hiền lương đức hạnh, nhân từ và biết hiếu thảo với mẹ cha, với Thầy bạn, với chúng sanh nhân loại. Những kẻ hiền thảo thường cảm động Trời đất nên Ngài Diêm Chúa mến yêu thương xót.

TRỌNG: là quý mến tôn thờ, là tựa nương học

hỏi. Như nói trọng Phật tất là thờ kính Đức Phật, nương tựa đấng Chí Tôn. Trọng Pháp là kính cần học hành theo giáo pháp. Trọng Tăng là nương nhờ học hỏi với chư Tăng.

BIẾT NIỆM DI ĐÀ: là người biết xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Trở lại chữ biết niệm, thế nào là biết niệm?

Bất cứ chúng sanh nào nghe đến Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, rồi giữ lấy chấp trì xưng niệm thì đó là người biết niệm.

Bất cứ hạng người nào mà khi xưng danh hiệu Phật mà giữ được chánh niệm và mong cầu vãng sanh Cực Lạc thế giới, thì đó là người biết niệm.

Bất cứ hạng người nào khi xưng danh hiệu Phật mà tin chắc rằng mình sẽ được thành Phật là người biết niệm.

Nếu biết niệm Phật như thế thì đã nắm đặng yếu chỉ toàn Tông Tịnh Độ và chắc chắn vãng sanh về Cực Lạc thế giới, mà vãng sanh tức là đắc đạo.

Trọng những ai biết niệm Di Đà: là nương nơi câu trước, tức nói Đức Diêm Chúa yêu người hiền thảo và trọng những ai biết niệm Nam Mô A Di Đà Phật.

Sở dĩ Chúa Diêm Vương kính trọng người niệm Phật là bởi:

1.- Danh Phật là chìa khóa, người niệm Phật sẽ mở toang cánh cửa địa ngục cho chúng sanh thoát khổ.

2.- Danh Phật là ánh sáng, người niệm Phật giúp cho chúng sanh biết được đường hiểm nguy địa ngục.

3.- Danh Phật là chuông mầu, người niệm Phật ngân tiếng chuông để chúng sanh địa ngục sớm được thức tỉnh.

4.- Danh Phật là kinh siêu độ, người niệm Phật thường làm cho chúng sanh nơi địa ngục bớt khổ.

5.- Danh Phật là hương diêu, người niệm Phật thường giúp chúng sanh địa ngục người được chon hương nên bớt khổ.

6.- Danh Phật là thuyền bè, người niệm Phật thường đưa chúng sanh nơi địa ngục đến cảnh giới an lạc.

7.- Danh Phật là công đức thủy, người niệm Phật thường rưới nơi địa ngục bớt nóng bức khổ sâu khi bị hành hạ.

8.- Danh Phật là Tịnh Phạn, người niệm Phật giúp cho chúng sanh nơi địa ngục bớt khổ.

9.- Danh Phật là thuốc A Di Đà, người niệm Phật giúp chúng sanh địa ngục bớt bệnh phiền não.

10.- Danh Phật là lửa Tam Muội, người niệm Phật thường đốt cháy rừng mê cho chúng sanh nơi địa ngục...

Bởi kính người niệm Phật nên Chúa Diêm Vương lập ngôi thờ Viên Thọ Thiên Sư, là một hành giả niệm Phật tại Diêm Cung để hằng lễ bái cúng dường.

Thuở xưa có gia đình Bà La Môn, người chồng không tôn kính Phật giáo, nhưng người vợ lại là tín nữ của Thích Ca Mâu Ni Phật. Mỗi khi vợ của anh Bà La Môn khua chuông niệm Phật, anh ta ngạo nghễ bằng cách nhái theo “Mô Phật”, cứ mỗi khi vợ khua chuông niệm Phật anh đều nhái kiểu ấy.

Đến khi chết, anh ta bị đọa vào địa ngục bởi tội tà kiến và ngạo nghễ phỉ báng Phật pháp.

Anh bị quỷ sứ đem về để vào cối đồng quét cho tan xương nát thịt, khi quỷ sứ cất cái chày bằng đồng lên, bất ngờ cái chày đụng vào thành cối khua lên tiếng dường như tiếng chuông ngân, anh Bà La Môn theo thói quen nhái vợ “Mô Phật”. Chỉ một câu “Mô Phật”

vô tình, thế mà từ trên hư không, thông xuống sợi dây quần cái chày kéo lên để anh Bà La Môn khỏi bị quết.

Niệm Phật vô tình và từ lòng ngạo nghễ thế mà còn được ích lợi tại địa ngục như trường hợp anh Bà La Môn nêu trên, nếu ta niệm với lòng tôn kính Phật và thương xót chúng sanh khổ thì nhất định sẽ lợi ích cho chúng sanh biết chừng nào.

Chính thế mà Đức Diêm Chúa kính trọng người biết niệm Phật, từ nơi kính mới thờ Ngài Viên Thọ là Tổ Niệm Phật chứng đắc Tịnh Độ và Cực Lạc hoàng truyền Tịnh Độ như đã nói trên.

Hằng ngày, nếu ta biết niệm Phật hồi hướng cầu siêu cho bất cứ ai, tất người ấy được phần lợi lớn nhất.

PHẨM BA MƯƠI TƯỚNG PHẬT NHỚ PHẬT NIỆM PHẬT

MUỐN TU HÀNH THÌ PHẢI CẦN CHUYỀN,
TƯỚNG NHỚ PHẬT CHỚ NÊN SÁI BUỒI.

(Trích Quyển Nhì)

YẾU GIẢI:

MUỐN: là ham muốn, là ái mộ, là mong cầu. Bất cứ một việc gì, nếu ta mong muốn, cầu xin cho thành khẩn thiết tha tất sẽ được mãn nguyện. Cái tâm muốn của ta có thể dời non lấp biển cũng không phải là việc khó, vì tâm là chánh báo, là y báo cho quốc độ của

ta.

Kinh niệm Phật Ba La Mật, phần suu giải có thuật một mẩu chuyện ngộ nghĩnh như vậy:

Thuở nọ có một chàng thanh niên 20 tuổi đi hành hương một ngôi chùa, ngôi chùa ấy được nổi tiếng là có thờ một pho tượng Phật rất là kỳ diệu, đẹp đẽ phi thường. Khi chàng trai ấy được chiêm bái Phật tượng lần đầu tiên sanh tâm hâm mộ khẩn cầu, chàng muốn làm sao mình được tượng Phật dung sắc kỳ diệu ấy để được hằng ngày bái lễ cúng dường.

Về nhà chàng phát tâm cầu nguyện cho pho tượng Phật kia được về nhà chàng để thỏa lòng mong ước. Ngày đêm chàng cầu nguyện một cách tha thiết ai khản, mọi tưởng nghĩ chàng tập trung cho sự khản cầu tượng Phật. Chàng thường nói với lòng rằng nếu sự mong cầu của ta không được toại nguyện, tất Phật pháp chẳng có sự nhiệm mầu gì cả, ta cũng không thể tu theo Phật giáo.

Chàng thanh niên nói trên cầu nguyện như vậy đến ngày thứ hai mươi, bỗng vị sư trụ trì ngôi chùa mà chàng đi hành hương trước đó đem pho tượng đến trước chàng và nói: “Tôi không thể chịu nổi sự bứt rứt bâng khuâng nơi cõi lòng mình, tôi phải đem tượng Phật này đến cho đạo hữu, đạo hữu hãy thỉnh lấy mà tôn thờ.”

Niềm tin của chàng thanh niên dâng lên cao độ đối với Phật pháp, chàng rất hân hoan thỉnh nhận tượng Phật tôn thờ.

Người ta thường nói: “Chí công mài sắt có ngày nên kim” là vậy đó!

TU HÀNH: Tu là trau sửa, dồi mài, chùi lau, cạo gọt cho thân tâm mình được trong sạch thanh tịnh. Hành là thực hành tức là làm những việc hạnh đức. Tu

ví như mình dọn đất, hành ví như mình trồng tia những hoa màu. Bởi thế mà Đức Thầy ta phán dạy: “Bởi chữ tu liền với chữ hành, hành bất chánh người đời mới nói”.

- Ta cần tu sửa những gì? Hành trì những gì?

- Ta hãy trau sửa tư tưởng của mình là công việc đầu tiên, vì tư tưởng là động cơ cho các việc. Hễ tư tưởng sạch thì các hạnh lành, bằng tư tưởng dơ thì các hạnh ác. Thế nên ta hãy chọn lọc khai trừ các tư tưởng xấu ác độc hại, thay vào những tư tưởng thanh cao trong sạch, thuần từ đạo đức. Rồi kể đến ta cũng phải trau sửa lấy thân phận của mình cho được nghiêm trang, hoàn thiện, toàn mỹ để đáng bực tu hành. Sau hết ta hãy trau sửa ngôn ngữ miệng lưỡi mình cho được hiền lương đức hạnh, cam ngôn mỹ từ, hòa nhã vui tươi và chân thật.

- Hành tức ta cần thể hiện các đức tánh Phật như Từ Tâm, Bi Tâm, Hỷ Tâm, Xả Tâm và các hạnh Thí, Giới, Tấn, Nhẫn, Định và Huệ. Nhất là ta hãy hành hạnh trì danh niệm Phật.

- Người tu hành chân chính là tự mình thể hiện những đức tánh thanh cao trong cuộc sống, không thể rao giảng trên hình tướng và các ngôn ngữ bên ngoài. Cái mật hạnh của người chân tu là làm mà không thấy mình có làm gì cả và cũng không có ý muốn cho ai biết mình làm gì hết. Cái không tướng, không hình của người chân tu là nét đẹp tuyệt trần trong cửa Đạo.

CẦN CHUYÊN: Cần là gắng gổ, nỗ lực cho hết sức mình. Chuyên là thuần nhất một việc, không pha lẫn nhiều việc. Nếu ta cần chuyên vào một việc nào đó, tất ta được mãn nguyện. Như cần chuyên tu hành lễ tất là chứng chơn giải thoát. Cần chuyên đòi mài kính sử tất thông minh sáng suốt. Cần chuyên niệm Phật tất

vãng sanh Cực Lạc lên ngôi bất thối.

TUỞNG NHỚ PHẬT: Tưởng tất là tư tưởng, suy gẫm một Đức Phật. Như suy gẫm về tướng hảo, về quang minh, về hạnh nguyện, về công đức, về thọ mạng, về thần thông, về quốc độ, cho thấu đáo phẩm cách đáng Chí Tôn.

Nhớ là ghi khắc, là in đậm, là chứa nhóm nơi tâm mình không cho xao lãng. Phật là đáng Toàn Giác, Toàn Minh, Toàn Trí...tất là Thầy của các Trời người.

TUỞNG NHỚ PHẬT là ta luôn luôn ghi khắc, suy gẫm về Đức Phật mà ta đã qui mạng. Như Đức Thích Ca Mâu Ni hay A Di Đà Thế Tôn Như Lai chẳng hạn.

Nếu như ai **TUỞNG PHẬT, NHỚ PHẬT, NIỆM PHẬT** được chí thành, chí thiết như mẹ nhớ con, như lửa cháy mong nước, như tội phạm mong tha, như lạc đường mong người dẫn lối...thì ta cùng với Đức Phật đồng trong một ánh quang minh tuyệt diệu nhất nguyên bình đẳng.

Ánh quang minh của Phật cùng ánh quang minh của ta, ví như cái bóng đèn Néon trong một căn phòng, khi bật điện là hai ánh sáng của hai ngọn đèn hợp lại thành một khối duy nhất, không thể có dấu vết nhị biên. Bóng đèn của Phật đã bật hiện lâu rồi, chỉ còn chờ bóng đèn của ta được bật lên đó thôi! Mà bật điện hay không là tự mình quyết định! Chỉ ấn nút một cái là hoàn tất mọi việc!

CHỚ NÊN SÁI BUỒI: là nói người tu hành không nên lần lựa, chễnh mễng, bê tha chậm trễ. Mỗi thời khóa lễ bái công phu hành trì Phật pháp phải cho đúng với thời giờ của khóa trình mà mình đã ấn định. Nếu bê tha chậm trễ, tánh giải đãi dễ phát sanh, và đó là nẻo đi đến rơi đà trên bước tiến. Con ma chậm trễ là

tay sai cho con qui thất tình rất đặc lực, nó lãnh lệnh là hãy đưa xuống từ từ vì y tu lâu rồi xô liền không nổi. Nhóm tinh tấn cũng khá đông, y vừa muốn quy là có người đỡ lại.

Người xưa vì muốn trừ tánh chĩnh mặng nên có kẻ ngủ ngồi, ăn lường cho lữ ma nó khờ đầu, bớt hoạt động nhảy múa lung tung. Có vị kiết thất dài hạn để cho nghiệp báo tan dần, lửa Tam Muội phát sanh. Ấn Quang không rời khỏi Phổ Đà, Thừa Viễn không vắng bóng tại núi Hoành Sơn, Huệ Viễn lại suốt cả cuộc đời an trụ tại Lô Sơn để hành trì Tịnh Độ. Ánh sáng của các bậc Danh Đức ấy vàng vạc như nguyệt lãng muôn phương Á Âu đồng chung hưởng tươi đẹp.

Với tâm hồn của đấng Toàn Giác, Đức Thầy ta dùng những pháp âm vi diệu rót tận vào lòng người, mong rằng tất cả chúng sanh đồng về Phật cảnh, đồng chứng Phật tâm, đồng thành Chánh giác.

Là người con Phật, ta có vâng theo lời Phật dạy, thể hiện các hạnh Phật thanh cao trong đời của mình, mới thật là đưa con tinh thần của Đức Phật.

PHẨM BA MƯƠI MỐT

RỬ NHAU NIỆM PHẬT

Ở TÂY PHƯƠNG CHƯ PHẬT NGÓNG TRÔNG, CHỜ BÁ TÁNH RỬ NHAU NIỆM PHẬT.

(Trích Quyển Nhì)

YẾU GIẢI:

CÔI TÂY PHƯƠNG: là nói bốn quốc Cực Lạc, tức là cõi Phạm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ của Đức A Di Đà Phật. Cõi Tịnh Độ ấy cách thế giới Ta Bà ta đang ở đây trải qua chỉ có mười muôn ức Phật độ là đến. Cõi Tịnh Độ Cực Lạc ấy hoàn toàn nghiêm sạch, thanh tịnh

và cực kỳ vui đẹp được trang nghiêm bằng những công đức thù thắng của Đức Phật A Di Đà Như Lai.

Nhơn dân cõi Cực Lạc Tịnh Độ ấy toàn là hàng bất thối chuyển. Uy lực rất lớn, thần thông tự tại, tướng hảo quang minh rực rỡ, tuổi đồng thọ với Đức Từ phụ A Di Đà Thế Tôn.

Cực Lạc thế giới là ĐẠI HỌC ĐƯỜNG TOÀN KHOA PHẬT GIÁO. Nhơn dân bốn quốc Tây Phương Cực Lạc đều là sinh viên trong trường Phật học tối cao này, và khi được Tốt nghiệp, tức thì Phật A Di Đà bổ nhiệm đi đến các quốc độ chưa có Phật giảng trần, và tùy thuận theo sự thỉnh cầu tha thiết của nhơn dân đang đau khổ ấy.

CHƯ PHẬT: là nói bên cõi Tây Phương bậc đã giác ngộ đến ngôi vị Phật nhiều lắm, khó có thể tính số là bao nhiêu cho được, cho dầu các bậc thần thông thế nào cũng tính không nổi, nhiều như số cát dưới sông Hằng bên Ấn Độ vậy. Kinh A Di Đà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Phật, hướng về Ngài Xá Lợi Phất mà dạy rằng:

“Xá Lợi Phất ơi, Thế Giới Tây Phương cũng có chư Phật: PHẬT VÔ LƯỢNG THỌ, PHẬT VÔ LƯỢNG TUỔNG, PHẬT VÔ LƯỢNG TRÀNG, PHẬT ĐẠI QUANG, PHẬT ĐẠI MINH, PHẬT HẢO TUỔNG, PHẬT TỊNH QUANG, còn nhiều Phật khác, như cát sông Hằng”.

Đức Phật có nhiều đến vô lượng như thế nên Đức Thầy ta nói là **chư Phật**.

NGÓNG TRÔNG: là nói rằng lòng hằng trông đợi mong chờ tha thiết của chư Phật. Đức Phật lấy lòng Đại Bi, Đại Từ mà thương xót, trông đợi chúng sanh ví như người mẹ hiền từ, đức hạnh, vì một lý do đặc biệt phải xa cách bầy con thơ ấu đã từ lâu, nay muốn gặp

đặng mặt con, để cho tình mẫu tử được hả dạ nhớ thương!

Hay ta có thể giả thuyết, một đoàn thuyền đi biển để lấy bảo châu, chẳng may bị biển động, tất cả mấy vạn thuyền con đều bị đắm, duy chỉ có thuyền của người mẹ thoát khỏi hiểm nguy, vì trang bị khéo léo và vì có nhiều kinh nghiệm đi biển. Người mẹ hiền bấy giờ trên hải thuyền của mình nhìn xuống dòng nước biển cuốn trôi, sóng dập gió nhồi bầy con yêu quý, lòng mẹ xót thương, bao giờ cũng muốn thấy được những đứa con đang nguy khốn nổi lên để người mẹ thấy phao xuống giải cứu.

Chư Phật bên quốc độ Tây Phương Cực Lạc cũng thế, thường dùng tuệ giác chiếu soi tìm kiếm những chúng sanh đau khổ nơi cõi nhơn gian coi ai là người có thiện căn để lo cứu vớt, như người mẹ hiền đi biển trên đây vậy.

Người mẹ hiền dù là thương bầy con thiết tha nhưng mà cũng phải chờ đợi cho con mình nổi lên mới dùng phao cứu vớt chứ không có một cách nào khác hơn, nếu những người con dưới nước không nổi lên thì người mẹ cũng đành chịu nhìn các con ngậm ngùi chua xót đó vậy.

Người mẹ là chỉ Đức Phật, thuyền không bị đắm là chỉ cho cõi Tây Phương Cực Lạc, những phù phao người mẹ dùng để tế độ con là chỉ cho Phật danh A Di Đà, bầy con bị đắm thuyền là chỉ chúng sanh trong lục đạo, đứa con nổi lên ôm phù phao là chỉ người niệm Phật.

Phật dẫu thương xót, trông đợi chúng sanh thế mấy, nhưng mà chúng sanh không chấp hành niệm Phật cầu sanh thì cũng không sao cứu đặng.

RỦ NHAU NIỆM PHẬT: chữ **RỦ** có nghĩa là

kêu gọi, khích lệ, mời thỉnh nhủ khuyên, để làm cùng một việc nào đó. Người ta rủ nhau phải dùng nhiều cách:

1.- Dùng ngôn ngữ, lời lẽ khéo léo để rủ nhau, thuyết phục để cho người cùng với mình trong một ngành, một nghiệp.

2.- Dùng văn chương, thi phú để rủ nhau đồng hành, đồng sống.

3.- Đem việc làm kết quả tốt của mình ra biểu tặng cho người, để người thấy được kết quả hầu nương theo.

Cái nghề rủ người ta niệm Phật là tốt nhất, nên các vị tu Bồ Tát hạnh thích làm, làm rất hăng say đến bỏ ăn mất ngủ.

RỦ NHAU NIỆM PHẬT: là nói bên Tây Phương Cực Lạc chư Phật rất trông chờ các chúng sanh trong cõi khổ Ta Bà biết thương yêu nhau, khích lệ nhau, rủ ren cùng nhau chuyên tâm niệm Phật. Ra khỏi cõi Ta Bà này, chỉ cần chuyên niệm Phật là việc hay nhất, không một phương tiện nào hơn.

Rủ một người niệm Phật quý hơn cất ngôi chùa lớn vì hễ người nào chịu niệm Phật thì người đó sớm hay muộn thì cũng sẽ thành Phật. Rủ 10 người niệm Phật là được 10 Phật ở tương lai, rủ được 100 người niệm Phật là được 100 vị Phật trong tương lai, rủ được 1.000 người niệm Phật là được 1.000 vị Phật trong tương lai. Chí đến cả nước niệm Phật thì quốc độ đó sẽ là Phật quốc tương lai, thế giới đồng niệm Phật thì Ta Bà này chuyển thành trang nghiêm Tịnh Độ Cực Lạc.

Trong cõi nhơn gian, nếu có ai rủ được cả thế giới Ta Bà này đồng niệm Phật, là vị ấy tức Hóa Thân của Tỳ Lô Phật.

Đức Phật ở bên cõi Tây Phương, vì quá thương

xót chúng sanh, muốn cho chúng sanh đồng rủ nhau niệm Phật để rồi được các Ngài nhiếp thọ về bồn quốc Cực Lạc Tây Phương, đời đời dứt khổ, an vui trong cõi thường còn, đồng với chư Phật sống trong cảnh giới bất sanh bất diệt vĩnh viễn trường tồn.

Phù phao lục tự đã sẵn chờ, chúng sanh nào vọt lên ôm chặt vào phù phao ấy tất được lên phà to Cực Lạc khỏi dòng nước bể thăm cuốn trôi, bằng như cứ lặn sâu dưới đáy biển không cần đến phù phao, thì muôn đời khổ lụy nơi bể thăm!

PHẨM BA MƯƠI HAI NIỆM PHẬT THOÁT NẠN TAI

CHỮ LỤC TỰ TRÌ TÂM BẤT VIỄN,
THÌ LÂM NGUY CÓ KẼ CỨU MÌNH.

(Trích Quyển Nhì)

YẾU GIẢI:

LỤC TỰ: là sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật, hồng danh của Đức Bất Đoạn Quang Như Lai Giáo Chủ cõi Tây Phương Cực Lạc. Hồng danh vĩ đại ấy của Đức A Di Đà Thế Tôn là đại bố thí, đại trì giới, đại nhẫn nhục, đại tinh tấn, đại Thiên Định, đại Trí Tuệ. Uy lực sáu chữ hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật thật vĩ đại, có công năng chuyên nhiếp báo tử nhiều đời

thành Thanh Tịnh Hải Hội.

Người chuyên niệm Phật danh, mỗi câu Di Đà trừ được tám mươi ức kiếp trọng tội tử sanh. hào quang của người niệm Phật tung lên thật là cao, hòa với ánh quang minh của Phật, xa đến bốn mươi dặm, làm cho các ác ma rất kinh hồn không dám đến gần để phá hại.

Người chuyên niệm Di Đà thường được chư Phật, Bồ Tát, Trời và các chư vị Thánh Thần hằng gia bị, được thường đứng vững nơi Đạo Tràng Tịnh Độ, đến phút sắp mạng chung nhờ oai thần Đức Từ phụ Di Đà và Quán Thế Âm, Đại Thế Chí hộ trì không mất chánh niệm, được sanh hóa Cực Lạc Tây Phương, không còn trong đường hiểm nguy sanh tử.

Người niệm Phật nhờ công đức trì danh rất thù thắng, cảm hóa được oan gia thù hận từ nhiều đời, thành bạn thân hộ pháp cho mình nên ít bị tai ách bởi quả báo.

Người niệm Phật là thường dùng cam lồ của A Di Đà Thế Tôn nên ba nghiệp rất thanh tịnh trang nghiêm, cảm hóa được nhiều người, và nhờ sự hi tâm ủng hộ của họ mà đường tu bền vững, khỏi bồn ba vất vả trên lẽ sống.

TRÌ TÂM: là thường xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật nơi tâm mình cho thật rắn chắc, bền bỉ không thể xao lãng gián đoạn.

Trì tâm niệm Phật là hành giả niệm hồng danh sáu chữ nói nhau không chỗ hở, tức tâm tức niệm, tức niệm tức tâm; ngoài tâm không có niệm, ngoài niệm không có tâm, tâm thể và danh Phật thành một thể tánh duy nhất.

Trì tâm cho đến lúc câu hồng danh sáu chữ luân lưu tiếp nối, không phải nhọc công mà câu lục tự trôi

chảy thành một dòng suối bất tận nơi tâm mình.

Trì tâm là hành giả niệm Phật có sức mạnh vạn năng không bị chi phối bất cứ là cảnh duyên nào, trường hợp nào.

BÁT VIỄN: là không cách xa, không buông bỏ, không bị gián đoạn. Nghĩa là niệm Phật được nối liền như tràng hạt bất ly, tâm tâm niệm miệm luân lưu tiếp nối.

Bát viễn là tâm trạng niệm lực tương tục bởi hành giả gắng gổ công phu niệm Phật có thời gian khá dài, vì đã có chí lớn, nguyện lớn.

Bát viễn cũng được gọi là sự nhất tâm bất loạn, vì phiền não của kiến tư hoặc đã lắng xuống không còn hoành hành nữa, đến đây hành giả được tự tại lắm rồi, được thanh thoát lắm rồi.

Hành giả niệm Phật đến bát viễn là đã nắm vững được trăm phần trăm vãng sanh Cực Lạc, vì là không khi nào còn bị thối chuyển, rơi rụng vào hố thị dục nơi bụi trần.

Hành giả niệm Phật cho đến khi đi đứng, nằm ngồi, ngủ thức mà không rời câu sáu chữ hồng danh gọi là bát viễn vậy.

LÂM NGUY: là nói những lúc gặp tai biến như thiên tai thủy ách, hỏa hoạn chiến tranh, cướp bóc tù xiềng, bệnh hoạn đói khổ, tà ma nhiều hại... đó là sự lâm nguy thông thường trong xã hội loài người lúc nào cũng có. Cái lâm nguy đặc biệt đáng chú ý lưu tâm, được ghi đậm nơi phẩm này, đó là SANH TỬ!

Thật vậy, sanh tử mới là đại lâm nguy, nếu không có sanh cái thân tứ đại giả hợp trong cõi nhơn gian này thì đâu có các thứ khổ lụy lâm nguy như đã nói.

SANH TỬ SỰ ĐẠI: là lời nói rất hay, rất đúng

mà các hành giả Tịnh Độ thường ghi đậm nơi ký ức của mình, lấy đó để tiến tu niệm Phật cầu sanh Cực Lạc.

Ta đã đi được qua cái lâm nguy về sanh rồi, đã có được cái kinh nghiệm về lâm nguy khá nhiều rồi, đã nín hết mấy hơi gân ngộp thở vậy đó, ta bị ép mình gân móp ba sườn, và bị lôi đầu gân đứt cổ! Ôi lạnh quá! Ôi lạnh quá! Vừa mới ra khỏi mình mẹ lạnh quá! Ôi gió cắt da đầu đốn quá!

Lâm nguy! Ôi lâm nguy! Đại lâm nguy cho cái sanh trong cõi tạm!

Hú hồn! Ta đã vượt qua cái ải sanh rồi, còn một ải lớn nữa, sớm hay muộn gì ta cũng sẽ đi qua. Đó là ải lâm nguy cửa tử vậy! Cửa ải lâm nguy phải nói là Cửa đại ải lâm nguy mới đúng! Lúc đi qua cửa lâm nguy sanh ta chưa có ý thức được nhiều, vì chưa có kinh nghiệm việc đời, chưa có xử sự tiếp vật, chưa nuôi lớn bản ngã, chưa luyện ái mùi trần, chưa có gia đình sự nghiệp...

Trải qua mấy mươi năm kinh nghiệm học hỏi khá nhiều, ý thức cái vui cái khổ, cái thương yêu triu mến, cái quyến luyến người thân thương, cái tiếc uổng sự nghiệp, cái bản ngã đáng thương, cái danh cao đáng quý bao giờ cũng không muốn chia lìa mà nào đâu tránh đặng! Lại rồi, từ nơi túc nghiệp mà thân hậu báo kết thành, tuy chưa hết kiếp mà chúng cứ hiện ra trước mặt những cảnh khổ ê chề, nào là súc sanh, ngựa quý, địa ngục.v.v...

Cái lâm nguy về chết dẫn cho kẻ tài trí có mấy cũng không sao tả hết.

Đến đây ta phải nói rằng cái sanh, cái chết là ĐẠI LÂM NGUY vậy.

CÓ KẼ CỨU MÌNH: Đó là ai vậy? Kẻ nào tốt lòng thế?

Nếu không phải là đấng ĐẠI NGUYỆN, ĐẠI TỪ, ĐẠI BI năng cứu khổ cứu nạn A DI ĐÀ Như Lai thì có ai được thế!

Nếu không phải là ĐẠI SĨ QUÁN THỂ ÂM, ĐẠI SĨ ĐẠI THỂ CHÍ thì có ai được thế!

Tây Phương Tam Thánh có Đại Nguyện và Đại Hạnh tiếp dẫn độ tha, các Ngài luôn luôn hóa hiện tiếp độ chúng sanh niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới. Cái nỗi khổ trong lúc sắp chết ta không có một cách nào để cứu chữa, thì lại được Đức Phật hoặc hai vị Bồ Tát đến an ủi và nhiếp thọ ta về bổn quốc Cực Lạc, được hoàn toàn giải cứu lúc lâm nguy, tất là cái đại phúc, đại hạnh, đại hoan hỉ làm sao mà tả cho hết! Cũng như cái cùngh khốn khổ ngặt trong lúc bình thường, đến chỗ vô mưu, bất lực mà được Phật và Bồ Tát cứu nguy là việc vui mừng vô tận.

Sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật là vạn năng cứu khổ cứu nạn cho pháp giới chúng sanh, nếu như ai chấp trì xưng niệm tất là được Đại Giải Thoát, đại dứt khổ, đại phúc đức, đại nhân duyên, sớm muộn gì cũng được thành Phật.

Đến đây ta nên nhớ lại chuyện niệm Phật được thoát nạn trong lúc lâm nguy để chứng minh cho lời Thầy ta thuyết giáo.

Lúc người Pháp còn tại Việt Nam, vì rủi ro kỹ thuật mà chúng bị rơi một chiếc phi cơ nơi biển Nam Hải của ta.

Trong chiếc phi cơ ấy có 3 sĩ quan: 1 Thiếu úy, 1 Trung úy, 1 Đại úy. Trung úy, Đại úy là người Pháp, còn Thiếu úy là người Việt. Khi phi cơ rơi xuống biển, rồi bắt đầu chìm dần, cả ba đều chắc chết trăm phần trăm thì trong lúc cùngh khốn ấy, anh Thiếu úy Việt Nam niệm Nam Mô A Di Đà Phật to lên, rồi cả 3 đồng

thanh niệm như thế. Mấy mươi phút mà phi cơ lừng đủng không chìm, đến khi được chiếc trục thẳng đến thông dây xuống cứu hết cả ba người thoát được lâm nguy, tức thời chiếc phi cơ dưới biển mới chịu chìm lụn mất tích.

Đó là lúc lâm nguy bình thường, còn lâm nguy trong hồi sắp chết được cứu thoát có rất nhiều, đây xin kể ra một mẫu chuyện thuộc bên Trung Quốc.

Đời Đường có ông Trương Thiện Hòa chuyên làm nghề đồ tể, lúc sắp mạng chung ông ta thấy vô số oan hồn qui ma, gia súc đến đòi mạng, chúng rất hung hăng đâm chém, cắn mổ rất khổ ngặt, nhờ một nhà sư đến khuyên niệm Phật, Thiện Hòa làm theo. Ông ta hết lòng niệm Nam Mô A Di Đà Phật lớn lên một hồi chưa được mười câu và tự nói: “Phật đến rước tôi?” Thế rồi ông an nhiên mà qua đời, có sự hiện diện của gia đình và nhà Sư dạy ông ta niệm Phật.

Lòng từ vô lượng, biển thệ rộng sâu năng lực độ tha của Đức Từ phụ Di Đà vô cùng vô tận. Đâu chỉ hóa độ người hiền lương mà còn hóa độ cả đến người tạo nhiều ác nghiệp; không riêng độ người tu niệm lâu ngày nhiều phúc đức, mà lại vẫn cứu vớt cho kẻ mới hướng thiện niệm Phật mười câu. Không những cứu nguy cho người tu niệm nơi cửa Thiền mà còn giải cứu cho các vị quân nhân tại ngũ.

Thế cho nên, Đức Thầy ta dạy: ***Chữ lục tự trì tâm bất viễn, thì lâm nguy có kẻ cứu mình.***

Đến đây cho ta thấy, Nam Mô A Di Đà Phật là Đại bi chú vạn năng cứu khổ cho Pháp giới chúng sanh được toàn vui thoát khổ.

Cái biển sanh tử nếu chẳng có phà to Tịnh Độ để nào ai dám vượt qua!

Non cao Tam giới nếu không được khu trục

thăng không lộ Lục tự tài nào ra đặng!

Thế cho nên phải nói rằng niệm Phật cầu sanh Cực Lạc là mẫu hạm, là đại phi cơ sang biển vượt non rất là phương tiện, vượt trên các phương tiện khác bội phần.

PHẨM BA MƯƠI BA
NGUYỆN VÃNG SANH

**CẦU LINH HỒN CHO ĐƯỢC VÃNG SANH,
ĐÂY CHỈ RÕ ĐƯỜNG ĐI NƯỚC BUỐC.**

(Trích Quyển Nhì)

YẾU GIẢI:

Pháp môn Tịnh Độ vừa là tự lực, vừa nương nơi Phật lực đề ra ngoài Tam giới. Tự lực là tự mình nhiếp tâm niệm Phật, Phật lực là mình hãy phát chí nguyện đi sanh sống bên quả đất Cực Lạc Tây Phương, nguyện Đức Từ phụ A Di Đà tiếp dẫn mình về Cực Lạc, mình không phát nguyện vãng sanh, chỉ biết chuyên lo niệm

Phật, niệm nhiều đi nữa cũng không được vãng sanh đâu, vì mình không nhờ sự nhiếp độ của Phật, mình sẽ không đủ điều kiện để đi về quốc độ của Phật. Những vị tu thiên định đã được chứng đắc lên hàng Thánh giả A La Hán, nếu không cầu Phật tiếp dẫn thì không thể tự tiện đi về Cực Lạc được.

Nghe Đức Phật giới thiệu cõi Tây Phương Cực Lạc vui đẹp quá, Ngài Mục Kiền Liên dùng thần thông đệ nhất của mình đi xem thử. Bất ngờ, đi lạc tuốt về bốn quốc của Đức Phật Tu Di Như Lai, và không biết đường về cõi Ta Bà của mình, nhờ Đức Tu Di Thế tôn chỉ nẻo mới đi về đặng.

Có người niệm Phật cũng có công phu, nhưng mà không cầu vãng sanh Cực Lạc thì cũng chưa phải là hành giả của Tịnh Độ Tông.

Cầu linh hồn cho được vãng sanh: là diệu pháp thuộc tông yếu của Tịnh Độ, là chỉ nam giải thoát. Tịnh Độ lấy Tín, Nguyện, Hạnh làm Tông, cầu linh hồn mình được vãng sanh là điều kiện tất yếu thứ nhì trong ba món tư lương Tín, Nguyện, Hạnh.

Tâm của ta chánh báo Cực Lạc, nên lòng ham mộ đi sanh sống bên Tây Phương đó là khế ước Tịnh Độ, là chất hút Nam châm, tất sẽ về nơi quyết định. Người ta lúc chết tất cả thân thể đều bị tan biến, tất cả tài sản chẳng còn, tất cả nhân thân ly tán, tất cả danh vị chi ly không lưu lại để được mang theo về vĩnh cửu. Chỉ lưu lại bản nguyện vãng sanh và công đức trì niệm hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật.

Hai thứ công đức bất tư nghị ấy, dầu cho có trải qua bao nhiêu số kiếp cũng không hư hoại, tạng thức cất giữ một cách rất cẩn thận, đến khi nào nhân duyên hội đủ sẽ được cung ra một cách rất mạnh, đủ hiệu năng như hồi mới huân tập. Ví như người ta nuốt viên

ngọc Kim Cương vào bụng thì đời đời không bao giờ hư được.

Nhưng phải nguyện thế nào cho đúng với yếu chỉ Tịnh Độ?

Nguyện là chủ quyền có toàn năng quyết định, nguyện lớn thành Phật lớn, nguyện nhỏ thành Phật nhỏ, có nguyện tất có thành, không nguyện tất không thành.

Tịnh Độ thuộc học phái Đại Thừa Phật Giáo, Nguyện phải có tinh thần tích cực để đúng với yếu chỉ Tịnh Độ.

Từ nơi suối nguồn của Bi Tâm, ta phát ra Đại Nguyện, tánh chất của Nguyện phải vì chúng sanh. Lấy cái đau của chúng sanh làm xuất phát cho bản nguyện mình, thế mới đúng với thâm ý của Phật và Bồ Tát.

Ta thấy mười Nguyên Vương của Phổ Hiền Bồ Tát bao giờ cũng lấy việc lợi tha làm chủ đạo, bởi vậy dẫu có làm được những công đức gì đều đem ra hồi hướng cho chúng sanh chung hưởng.

Phật Giáo Hòa Hảo với truyền thống Đại Thừa, chỉ vì chúng sanh mà Đức Thầy ta phải hóa hiện trong thời kỳ đau thương quyết liệt. Một đoạn sau đây, Ngài viết trong Bát Chánh Đạo, đọc qua ta sẽ thấy tinh thần lợi tha và bản chất Đại Thừa Phật Giáo:

“Và ta luôn luôn phải nhớ đến công cuộc cứu vớt quần-sanh thoát nơi khổ-hải của Đức Thế-Tôn, phải nhớ rằng sanh-linh đang chìm đắm trong bể hồng-trần, rằng ngày giờ nào còn có kẻ trong chúng sanh chịu khổ thì ta cũng phải khổ vì họ vậy, rằng ta có cái bổn phận giác ngộ trần-gian bỏ những oan trái luân-hồi cay nghiệt. Muốn thế trước hết phải tìm phương tự-giác, nhằm cảnh Niết-Bàn tấn tới; quyết chí tu hành đắc thành Đạo quả hầu dứt trừ bá-tánh thập phương xa miền tục-lụy.”

Tư tưởng của Bồ Tát được Đức Thầy gói gọn trong đoạn văn trên, Bồ Tát bao giờ cũng hướng về chúng sanh, chúng sanh khổ là Bồ Tát khổ, bao giờ chúng sanh vui thì Bồ Tát mới vui. Bồ Tát là mẹ hiền, hy sinh cho chúng sanh đến thế nào Bồ Tát cũng có thể làm được.

Đức Thầy dạy cầu vãng sanh là hướng thẳng ta đi lên con đường Đại Thừa Bồ Tát Tạng, đường hướng của kinh Di Đà.

Trong kinh Di Đà, Đức Phật dạy Ngài Xá Lợi Phất:

“Này Xá Lợi Phất ơi, nếu có chúng sanh nào chưa phát nguyện, thì hãy nên phát nguyện cầu sanh về Cực Lạc thế giới.”

Đây là Bồ Đề Tâm, vì phát cái chí nguyện vãng sanh tức khởi cái tâm muốn làm Phật, vì hễ được vãng sanh tức thành Phật.

Đây chỉ rõ đường đi nước bước: Đức Thầy là đức Đạo Sư đưa đường dẫn lối cho chúng sanh vào Phật quả viên mãn.

Từ nơi tâm hồn của một đại Bồ Tát giáng trần, Đức Thầy hướng thẳng ta từ phàm phu đến nhập lưu Bồ Tát Bất Thối bên quả đất Cực Lạc, đó là hướng đi rất nhân bản trên con đường làm Phật.

Để khỏi bị lệch Tông, ta hãy nguyện theo hướng đi mà Đức Thầy đã vạch sẵn trong điều răn cấm thứ tám. Ngài viết: ***“...về nơi cõi Tây Phương an dưỡng mà học đạo cho hoàn toàn đứng trở lại cứu vớt chúng sanh”***.

Nguyện là mình phát cái chí nguyện về bên bờ quốc Cực Lạc Tây Phương để học cái đạo hạnh của hàng Như Lai bồ xứ, rồi nguyện trở lại cõi Ta Bà để hồng độ cứu vớt chúng sanh.

Tâm ý và lời nguyện phải cho rõ ràng sáng tỏ con đường Đại Thừa Phật Giáo, không được nguyện theo kiểu phúc báo nhân thiên hay nhị thừa tiểu quả.

Đã được về Phật quốc, lại nguyện trở lại cõi Ta Bà hoằng độ chúng sanh là Đại Từ Bi, Đại Dũng Mãnh vậy.

Đức Thầy ta với phẩm cách là Đại Bồ Tát bên bản quốc Cực Lạc được Đức Đạo Sư A Di Đà Phật bổ nhiệm về cõi Ta Bà nên Ngài tỏ ra rất rành rẽ đường đi nước bước hướng đạo ta một lối đi thẳng tắt dễ, mau mà hoàn toàn siêu thượng, không một lối đi nào được đặc biệt hơn. Ta hãy mau phát nguyện về Cực Lạc và chuyên nhiếp niệm Phật, thế là đặc biệt lắm rồi, chớ nên chần chờ lần lựa để phải mất đi điều lợi vĩ đại.

PHẨM BA MƯƠI BỐN
TRÌ TÂM NIỆM PHẬT

**NAM MÔ SÁU CHỮ DI ĐÀ,
TỪ BI TẾ ĐỘ VẬY MÀ CHÚNG SANH.
XƯA NAY SÁU CHỮ LẠNH TANH,
CHẲNG AI CHỊU KHÓ NIỆM SẴN THỬ COI.
TRÌ TÂM THÌ QUÁ ÍT OI,
BÂY GIỜ DỪNG THỬ MÀ COI LẼ NÀO,
RẠCH TIM ĐEM ĐỂ NÓ VÀO,
THÌ LÀ MỚI KHỎI MÁU ĐÀO TUÔN ROI.**
(Trích Quyển Ba)

YẾU GIẢI:

NAM MÔ: là khởi lên cái tâm giác ngộ tỉnh

ngộ, hướng về Phật. Vừa niệm Nam Mô là Phật tánh của ta dấy lên rất mạnh, ví như tiếng trời rầm đầu mùa hạ, các thứ giống đều nảy mầm đón mưa. Khởi niệm Nam Mô là đánh dấu cho sự bắt đầu giác ngộ của ta đây.

SÁU CHỮ DI ĐÀ: là danh hiệu của Đức HOAN HỈ QUANG NHƯ LAI Giáo Chủ cõi Cực Lạc, tắt Phật A Di Đà. Sáu chữ hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật, vừa là danh Phật, vừa là Thể Phật, nên niệm danh của Đức Phật là niệm thể tánh của Ngài.

TỪ BI: là hai đức trong bốn đại đức của chư Phật là Từ, Bi, Hỷ, Xả. TỪ nghĩa là hiền lành. BI nghĩa là thương xót. Đức tánh hiền lành và thương xót của Phật đối với chúng sanh không có một sự mong cầu nào cả. Bởi sự thương xót của Phật là từ nơi tuệ giác của đáng cứu thế, nó rộng rãi bao la, bình đẳng chan hòa trong vạn nẻo. Đức tánh hiền từ và lòng thương yêu của Phật đối với chúng sanh có thể ví như mẹ hiền thương xót bầy con thơ ấu, chỉ biết thương chớ không hề muốn lưu lại một dấu vết nào cả.

TẾ ĐỘ: đó là công việc hằng ngày của chư Bồ Tát. Bồ Tát thường lấy sự tế độ chúng sanh làm chỗ vui thích. Vui của chư Bồ Tát là vui bởi chúng sanh duyên từ, hễ nhìn thấy chúng sanh vui là Bồ Tát vui, bằng như thấy chúng sanh khổ là Bồ Tát khổ.

Chỉ vì tế độ mà bất cứ một nơi nào, một chốn nào dù cho lao lý thế mấy Bồ Tát cũng hóa hiện để ban cho chúng sanh sự an lạc và hạnh phúc.

Trong vô lượng Bồ Tát, Quán Thế Âm và Đại Thế Chí từng phụ tá cho Đức đạo sư A Di Đà Phật, hai Ngài tiếp dẫn chúng sanh về bốn quốc Cực Lạc vô số và thường hóa hiện nơi khổ đau tế độ theo sự cầu cứu của các chúng sanh đau khổ.

Xưa nay sáu chữ lạnh tanh: là nói vì bon chen theo vật chất mỗi danh bã lợi, từ lâu chúng sanh chẳng tưởng Di Đà, không niệm Phật danh, chẳng hề có nghĩ đến việc tu niệm. Thiên Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương cũng đã thống trách: ***“Xót mồ hôi cho kẻ ở đời, một năm chẳng niệm Phật Trời một câu!”***

Người đời vì không kính tin Tam Bảo, chẳng biết tu hành nên không chịu niệm Phật thì chẳng nói chi, cả đến những người đã tu rồi, chỉ vì kiến thủ theo lối tu của mình nên cũng cao mồm bác phá chê bai niệm Phật mới là việc đáng thương hại đó chớ! Người ta cho niệm Phật là dành cho những người già cả, kẻ kém trí hạ lưu. Thử hỏi vua Trần Thái Tông nước ta trong hồi Thiên phái cực thịnh, Ngài không quên niệm Phật và cổ vũ Tịnh Môn trong bàng như bá tánh, rồi Hòa Thượng Thiên Tâm, Hòa Thượng Trí Tịnh trong hiện tại suốt cả cuộc đời chuyên niệm Phật dịch kinh truyền bá Tịnh Độ, các vị ấy là hạng nào? Thương lưu hay hạ liệt???

Người ta cho rằng kinh Di Đà không do Phật thuyết thì nói thế nào cho thông đối với 11 bộ kinh khác nói về pháp môn Tịnh Độ, bởi không chỉ có một bộ kinh Di Đà nói về Tịnh Độ mà có đến 12 bộ kinh Tịnh Độ, và các kinh Đại Thừa khác cũng đã có nói đến Tịnh Độ rất nhiều.

Người ta cho rằng kinh Di Đà không do Phật thuyết, đâu những là bác phá chê bai Tịnh Độ, chê bai Đức Phật A Di Đà mà còn chê bai cả đến Tam thế chư Phật; chê bai Phật Tỳ Lô và Hoa Tạng thế giới, vì Phật Tỳ Lô là hóa thân của Phật Di Đà và Ngài hóa hiện thành Hoa Tạng.

Phật giáo Việt Nam suy nhược, một phần do bên ngoài, một phần do người con Phật không hết lòng bảo

hộ chánh pháp, mà trách nhiệm là các nhà lãnh đạo Phật giáo tại Việt Nam.

Xưa nay sáu chữ lạnh tanh: là tiếng vang lên khẩn thiết thấu đến Tòng Lâm để tỉnh hồn cho những ai còn mê ngủ. Cho đến ngày nay mà một số nhà truyền đạo trong nước chưa mặc khải chúng sanh hiện tại, chưa nghiên cứu tận tường về các giáo môn, nhất là môn Tịnh Độ.

Các nhà truyền giáo phải ý thức rằng: sở dĩ giảng nói Phật pháp là vì chúng sanh chứ không vì sự riêng tư bản ngã nhỏ hẹp.

Chẳng ai chịu khó niệm sành thử coi: Niệm sành là chuyên niệm, niệm được thành thực. Câu kệ nêu trên là lời kêu gọi rất thống thiết của Đấng Cứu Thế để thức tỉnh người mê trong đêm tàn canh lụn.

Ngài khuyến dạy những chúng sanh nào xưa nay chẳng chịu niệm Phật, nay hãy thử niệm cho được thuần thực hầu có sự kinh nghiệm. Niệm Phật nếu đạt đến thuần thực là tự mình đã hiểu được cái hay, cái diệu của phép trì danh và tự mình ham niệm không đợi ai khích lệ.

Trì tâm thì quá ít oi: xưa nay tuy cũng có người niệm Phật, nhưng mà niệm với hình thức chiêu lệ, ít ai niệm Phật với nhiệt tâm lòng thành.

Bây giờ dùng thử mà coi thế nào: là lời kêu gọi thiết tha của Đức Giáo Chủ những mong chúng sanh hãy sớm cảnh tỉnh hồi đầu chuyên tâm niệm Phật, vì đây là con đường thoát khổ duy nhất, chúng sanh mà chịu chấp hành niệm Phật thì tất là thoát được cái khổ ách ghê gớm trong cõi Ta Bà, được về Cực Lạc Thế Giới.

Rạch tim đem để nó vào: là nói hành giả niệm Phật phải lấy tâm buộc Phật, lấy Phật buộc tâm, tâm

tưởng miệng niệm, khẩu tụng lòng ghi. Tâm và niệm cần được hợp nhất, phải từ tâm khởi niệm, từ niệm đi vào tâm, tâm tâm niệm niệm nối tiếp liên hệ mật thiết không chỗ phân cách.

Thì là mới khởi máu đào tuôn rơi: là nói hành giả niệm Phật nếu đã được Di Đà nhập tâm, hay nói sống lại tâm Phật của mình thì tất nhiên được thoát ra cái nạn sống chết khổ lụy bởi hành hạ mỗ xẻ, chặt bằm, chém đâm của súc sanh; giam đốt hành hạ của địa ngục; đói khát của ngạ quỷ.

Ta Bà là cảnh khổ, khổ Ta Bà ai đâu nói hết!

Cực Lạc yên vui, vui triệt đáo của Tây Phương dễ tả cho cùng!

Thoát khổ tử sanh về miền An Dưỡng thanh cao vui câu hạnh phúc, duy có niệm Nam Mô A Di Đà Phật, cầu thoát hóa Tây Phương.

Cõi đồng cư Tịnh Độ là nơi hứa hẹn gặp nhau, cộng đồng các giới liên hữu bốn phương trên Liên Trì Hải Hội.

Mơ ước cùng nhau đồng về cố hương, châu đấng cha lành đang tựa cửa mong đợi những người con đã ra đi từ bốn phương trời lạc lõng bơ vơ, sớm quay lại cội Tùng xưa đoàn tụ trong gia đình Cực Lạc.

PHẨM BA MƯƠI LĂM
BỀN LÒNG NIỆM PHẬT

**TUY NGHÈO DỪNG ĐỠ CHÁO RAU,
BỀN LÒNG NIỆM PHẬT THÌ SAU THANH NHÀN.**
(Trích Quyển Ba)

YẾU GIẢI:

Trong xã hội loài người thời đại nào cũng có kẻ nghèo người giàu, hễ giàu thì được nhiều người tôn trọng kính, còn nghèo thì lắm kẻ dể dặt khi, có mấy ai được ban trải tình thương bình đẳng.

Nhiều người chỉ đếm tiền cho nhà giàu mà tưởng rằng mình là phú hộ, ngoảnh mặt khua môi khoe khoang tự đắc, trái lại là hạng giàu mà lòng nhân từ

thường nghèo khổ.

Trong địa hạt tu hành, giàu nghèo chẳng luận vì đó chẳng qua là cái vô hư dối mà thôi.

Phẩm hai mươi đã nói đến cái quý giá của kẻ nghèo mà biết niệm Phật, phẩm này sẽ nói thêm đến việc người nghèo mà bền lòng niệm Phật là cái cao thượng vô cùng.

NGHÈO: nghĩa là thiếu thốn. Trong xã hội có hai hạng người thiếu thốn: Hạng thứ nhất thiếu thốn về vật chất, hạng thứ nhì thiếu thốn về tinh thần.

1.- Thiếu thốn về vật chất là người ta không có tiền của, ruộng vườn, xe tàu, châu báu. Sống nghèo khổ đói rách, vất vả lạnh lùng, bị người hắt hủi, bần tác khinh khi, cô đơn trợ trọi.

2.- Thiếu thốn về tinh thần là người ta suốt đời chỉ biết lo phục vụ vật chất cho bản ngã nhỏ hẹp không biết đến Đạo Đức là gì, ai khổ mặc ai chẳng màng nghĩ đến. Có người nghèo về vật chất mà giàu về tinh thần, có người nghèo về tinh thần mà giàu về vật chất. Nhưng thà nghèo về vật chất mà tinh thần giàu mạnh thì qui hơn là có vật chất mà tinh thần nghèo đói.

Phật Giáo chủ trương bình đẳng không phân giai cấp, vì nghèo giàu gì cũng đồng là Phật tánh bình đẳng với nhau, nước mắt cùng mặn, giọt máu cùng đỏ. Đức Phật ban tình thương là ban bình đẳng cho mọi người và vạn vật không phân biệt thân sơ, giàu nghèo, trí ngu, tốt xấu.

Phật Giáo Hòa Hảo được xuất phát từ ba luồng tư tưởng mạnh nhất là Phật Giáo, Khổng Giáo và Lão Giáo nên bao giờ cũng sống trong đức tánh Đạm bạc và luôn luôn quý cái Đạm bạc, nâng đỡ người Đạm bạc.

Tuy nghèo dùng đỡ cháo rau: là nói nếu gặp phải cảnh nghèo khổ thì nên dùng Đạm bạc cháo rau

còn hơn là bon chen theo đường danh nẻo lợi. Nghèo mà giữ được cõi lòng thanh bạch thì quý hơn là kẻ đắm nhiễm trước trần bùn pha sắc rắm. Nghèo mà trong tư thế Đạm bạc cháo rau thì có lẽ là tiêu dao nhàn hạ hơn những kẻ giàu có xuê sang suốt đời bị nô lệ vật chất, tay sai đắc lực cho bản ngã, cho thất tình lục dục.

Trang Tử nổi tiếng là hạng hiền tài, nhưng mà quá ư nghèo túng, lại thích sống theo cái tiêu dao không thích công danh phú quý. Ông ta đồng dục mà nói với vua nước Ngụy rằng: “Nghèo không là khổ, mà kẻ thiếu Đạo Đức mới là khổ”.

Thật vậy, nghèo mà mình an phận không mong cầu thì đâu là khổ! Trái lại, nếu giàu mà vì thiếu đạo đức, tâm vọng ngoại bon chen thì bao giờ đầy được túi tham không đáy?

Cái khổ là chỗ cầu chẳng thành và cầu mãi mà không thấy đủ!

Không nổi khổ nào hơn là người ta mất chủ quyền trong lẽ sống, thường tọa lạc nơi hóc hẻm của vô minh, ăn nhờ tựa nương với thất tình lục dục, xin xỏ từ hồi với bản ngã tí hon!

Bởi vậy, thà người ta vui sống với bầu nước đai cơm, với cảnh thanh tú nước non tiêu dao nhàn hạ, chứ không chịu sống trong đài các xa hoa, kẻ hạ người hầu, tiền hô hậu ủng, của cải vật chất phì nhiêu mà bị nô lệ vật dục, bị giam nhốt trong ngục tối của thất tình.

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã từng bỏ ngôi vua, đổi lấy một tu sĩ nghèo phải nhờ cơm áo của thí chủ, đó là hạnh đức Đạm bạc và nói lên sự bình đẳng giai cấp, tượng trưng cho cuộc Đại cách mạng tư tưởng giải phóng tâm linh thoát ách nô lệ của thị dục, dành lại chủ quyền cho Chúa Tâm Vương an ngự trên ngôi Chánh Giác.

Bền lòng niệm Phật thì sau thanh nhàn: là nói dù nghèo túng cho thế mấy, nếu ta biết chuyên tâm bền chí niệm sáu chữ hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật thì tất ta được giải thoát ra ngoài Tam giới, an ngự nơi tòa bảo liên cao quý nơi bồn quốc Cực Lạc, đời đời thoát khổ, dẫn đến thành Phật đi giáo hóa chúng sanh nơi các cõi khổ, như Ta Bà chẳng hạn.

Niệm Phật không phải là việc khó, mà khó là chỗ bền lòng, bởi vì: **“Nếu bền lòng vị quả cao thắng”,** bằng như **“Chẳng chặt dạ bỏ lãn Phật Thánh”**.

Bền lòng là mẹ đẻ của sự thành công, là đất rộng sản sinh ra các hoa xuân công đức. Hễ chí bền có thể lấp biển đời non, đi trên nước, đạp trên sóng cũng rất dễ dàng.

Cái thanh nhàn của người niệm Phật mà Đức Thầy ta nói đây là ra ngoài Tam giới, vượt trên nghiệp lực luân hồi, dự trên hàng Bồ Tát bất thối bên bồn quốc Cực Lạc Tây Phương, đời đời dứt khổ, thẳng đến Phật quả viên mãn.

Người ta dẫu cho nghèo thế mấy mà được bền lòng niệm Phật, thì cái quý ấy không thể đem ra so sánh với bất cứ trân bảo gì trong nhân gian này cho bằng, vì đây là pháp bảo mà chúng sanh đồng được thừa hưởng mãi mãi không hết, đến đây tôi còn nhớ lại một người nghèo khó tận cùng, và là kẻ côi cút bơ vơ mà biết bền lòng niệm Phật rồi được cái thanh nhàn đặc biệt như sau:

Thuở nọ có chàng thiếu niên 13 tuổi, người Việt gốc Hoa, mồ côi cha mẹ, không nhà cửa đơn thân nghèo đói.

Chàng phải ở đợ với ông thầy Bang chủ hành lúa lớn nhất trong bản xứ, và là người khách hợ với chàng. Chàng được ông chủ cho đi theo ghe chài mua

lúa để đỡ tay cho chủ nhân việc cày cấy, nhưng vì làm phật ý chủ nhân nên chàng bị ông thầy Bang đuổi lên bờ không chấp nhận ở với ông ta nữa. Chàng phải một khăn một áo bơ vơ vất vả trên đầu đường hẻm phố, rồi chàng đi vào thôn làng vắng vẻ không nhà cửa, đến một đám tre rừng um tùm cô tịch, chàng lấy mấy ngọn tre người ta bỏ dùm lại và rải cỏ khô lên cho đỡ mưa nắng. Hằng bữa chàng đi ra ngoài xóm để nhờ cơm thừa của kẻ hảo tâm sống tạm qua ngày. Trong cô liêu chàng tạo một ngôi thờ Di Đà nhỏ thấp để hằng bữa chàng niệm Phật đánh lễ Di Đà. Từ 13 tuổi chàng sống an phận nơi đây để lo bền lòng niệm Phật đến năm chàng 16 tuổi bỗng chàng thấy cuộc đời mình đổi khác, vừa an nhẹ tâm hồn, vừa được thấy biết những cái mà chàng chưa bao giờ được ai chỉ dạy, chàng chưa bao giờ có đọc kinh, vì là thân dốt, mà Phật Pháp chàng rất là thông suốt biện luận trôi chảy, tướng hảo của chàng phát hiện được nhiều người lưu ý đến chàng, người ta rủ nhau đốn tre đem lá cất cho chàng một ngôi cốc, từ đó nơi chàng thờ phượng được trang trọng hơn trước và sự niệm Phật của chàng được phần tiến bộ hơn. Đến năm 20 tuổi chàng trở thành tu sĩ thông tuệ, đủ tài ứng đối với các vị Hòa Thượng đạo đức khá cao, chàng được mọi người trong địa hạt trí thức cho rằng chàng là người niệm Phật được Pháp Nhãn khai mở.

Từ đó chàng trở thành một vị Hòa Thượng trong vùng, vì đã có nhiều người đến qui y với chàng. Đến trên 60 tuổi chàng không có bệnh chi cả, niệm Phật rồi qua đời. Sau khi chàng về với Phật, các đệ tử đã biến ngôi cốc thành một ngôi chùa nhỏ trong làng để chuyên tu Tịnh Độ.

Ta thấy cái nghèo của người tu sĩ trên đây thật đáng tôn, đáng quý! Nghèo mà biết niệm Phật bền bỉ

đến chứng môn niệm Phật Tam Muội và giải thoát cái khổ ách hiện tiền và được vãng sanh Cực Lạc trên hàng cao đẳng trong ao Thất Bảo Liên Hoa, thật là hy hữu, thật là đặc biệt! Thế cho nên Đức Thầy ta dạy:

“Tuy nghèo dùng đỡ cháo rau, bền lòng niệm Phật thì sau thanh nhàn”.

Trong cõi tạm này nếu có ai nghèo thì ta hãy nên bán quách nó đi, đừng mang mẫn theo mình mãi như thế. Mà muốn bán cái nghèo không chi khó, chỉ cần chí thiết niệm Nam Mô A Di Đà Phật cầu sanh là được rồi. Hễ được về Cực Lạc thì y thực tự hiện đâu có còn nghèo nữa.

PHẨM BA MƯƠI SÁU VỀ CỰC LẠC DỨT KHỔ

TRONG CHÚNG SANH NGHĨ TẬN ĐUÔI ĐẦU,
VỀ CỰC LẠC MỚI LÀ HẾT KHỔ.

(Trích Quyển Tư)

YẾU GIẢI:

Người ta trong cõi tạm, quan niệm cái vui trên lẽ sống không ai giống ai, vì là trình độ bất nhất.

Có người cho rằng: vợ đẹp, hầu xinh, con ngoan, của quý là vui. Lại có người quan niệm khác: thịt béo rượu ngon ăn nhậu no say là vui. Rồi có kẻ bảo: Đài cao cửa rộng, của cải dư muôn muốn chi được nấy là vui...cũng có quan niệm cho là ca sang múa hát là vui...

Cao hơn một bậc, các đạo giáo ra đời với chủ

thuyết Thượng Đế, người ta cho rằng cõi hạ giới là khổ não, tu hành về các cõi Trời mới được yên vui, vì đã về với Thượng Đế.

Vượt trên các quan niệm về cái vui của phúc báo Nhơn Thiên, quyền thừa Phật Giáo, các hành giả độc giác Thiên cho đời là bể khổ bất tận, chỉ có thanh tịnh Niết Bàn mới là dứt khổ, mới được an vui.

Trong chúng sanh nghĩ tận đuôi đầu: là lời nhắc khuyến dạy ta nghĩ suy cho cùng tận thủy chung để tìm lấy một lẽ sống an vui hạnh phúc thường hằng bất biến.

Xét ra các thứ vui thích trong Nhơn Thiên là vui giả tạm, sanh diệt thay đổi không dừng, vừa vui đó là khổ đó. Vui trên các cõi Trời tuy cũng được khá lâu, nhưng mà khi mãn phúc báo thì phải bị trôi xuống hạ giới thân báo đau khổ. Còn như vui thanh tịnh Niết Bàn nhị thừa thì còn bị hạn hẹp mọi mặt và không có nguyện lực độ tha, vì tâm Bồ Đề chưa phát, không thể đến cảnh giới của Phật và Bồ Tát nên chưa thể hưởng cái vui triệt đáo thường rộng rãi bao la vô cùng tận.

Về Cực Lạc mới là hết khổ: là nói các thứ vui giả tạm ảo ảnh trong Nhơn Thiên không thường còn, vui thanh tịnh Niết Bàn của nhị thừa còn hạn hẹp, chỉ có khi nào được về bên Cực Lạc Tây Phương thì mới đặng hoàn toàn thoát khổ, và đó mới là cái vui bao la rộng lớn, và thường hằng, vui Tịnh Quang vô biên đồng với chư Phật.

Vui Cực Lạc là vui bất thối vô sanh: vui Liên Hoa hóa thân, vui thọ mạng bằng Phật, vui quang minh vô lượng, vui tự tại thần thông, vui nhập lưu Bồ Tát, vui cúng dường chư Phật, vui nhà cửa lầu gác, vật thực tự hiện, vui không già, vui không bệnh, vui không thương yêu xa cách, vui không oán ghét gặp nhau, vui

không lo ngại, vui được nhất sanh, vui trong Hải Hội thanh tịnh chẳng rời, vui sẽ được thành Phật, vui thường gần Phật, vui bạn lành Bồ Tát, vui chung sống với chư thiên Thượng Nhơn, vui thường nghe thấy mùi hương Pháp giới! Cái vui bên bốn quốc Cực Lạc vượt trên các thứ vui giả tạm trong tam giới, và vui hạn hẹp thanh tịnh Niết Bàn, mà vui ở Thường Lạc Ngã Tịnh đồng với Phật.

Cái vui đặc biệt của Cực Lạc là dấu cho vắng sanh vào hàng hạ hạ đi chẳng nữa thì cũng vẫn được nhập lưu vào hàng Sơ Hoan Hi Địa bất thối Bồ Tát, và được cái nghĩa Nhất Sanh thành Phật.

Về được cõi Cực Lạc Tây Phương chỉ cần chúng sanh niệm sáu chữ hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật, hồi hướng cầu được thoát hóa Tây Phương là đủ rồi, không cần những phương tiện nào khác.

Niệm Phật cầu sanh là Bồ Đề tâm, là Bồ Đề hạnh, là Bồ Đề nguyện, là Bồ Đề quả.

Niệm Phật cầu sanh là tục đế, chơn đế, là Đệ Nhất nghĩa đế.

Niệm Phật cầu sanh là Giới, là Định, là Huệ, là Giải thoát, là Giải thoát Tri Kiến.

Chỉ có niệm Phật cầu vắng sanh Cực Lạc mới ban cho chúng sanh tâm từ vô tận, mới làm vui cho chư Phật ba đời.

Chỉ có niệm Phật cầu vắng sanh Cực Lạc mới là phương tiện cứu khổ hóa tốc cho chúng sanh đang khổ lụy trầm trọng, vấp với kêu la cầu cứu.

Chỉ có niệm Phật cầu sanh mới tắt cạn biên sanh tử, mới nhổ tận gốc rễ vô minh, mới tận trừ phiền não, mới đốt rụi rừng nghiệp báo.

Ta hãy suy cho kỹ, nghĩ cho cùng, đừng để tà kiến gạt găm, đừng để ngã ái che mờ tìm một lối đi

quang đấng cho mình, cho người hầu đáp lại lời vàng khuyên dạy của đấng Ân sư.

Ta Bà, Ta Bà đại khổ! Tịnh Độ, Tịnh Độ cực vui!
Vô minh kết nghiệp Ta Bà, Di Đà chuyên niệm thoát ra,
về ngôi bất thối vô sanh, để rồi viên mãn hạnh mình.

PHẨM BA MƯƠI BẢY
NIỆM PHẬT BẤT LY TÂM

**MUỐN NIỆM PHẬT CHẴNG CẦN SỚM TỐI,
GHI VÀO LÒNG SÁU CHỮ DI ĐÀ.
THÌ HIỀN LƯƠNG QUÊN MẮT ĐIỀU TÀ,
ĐẶNG HẠNH PHÚC NHỜ LÒNG CỐ GẮNG.**
(Trích Quyển Tư)

YẾU GIẢI:

Từ nơi ác nghiệp nhiều đời mà chúng sanh phải sanh nơi ác thế ngũ trược này từ lũy kiếp đến nay, thọ thân báo này rồi đến thân báo khác, như dòng nước tiếp nối luân lưu bất tận.

Từ đục chủng tử, rồi ở trong đục giới cho nên tình bao giờ cũng mạnh hơn tướng. Tình là tình đục, tình ân, tình ái, tình nghĩa, tình chồng, tình vợ, tình phụ tử. Tướng là tướng Phật, tướng Pháp, tướng Tăng,

tưởng Giới, tưởng thiện...hễ tưởng mạnh thì bổng lên bốn đường Thánh, còn như tình sâu thì chìm xuống sáu nẻo phàm. Hằng ngày ta tự xét mình coi tưởng mạnh hay tình mạnh, thì tự biết mình khi mệnh chung bổng lên hay chìm xuống.

Từ nơi dục thai và dục giới kết cấu nhiều đời nên liên lụy về tình bao giờ cũng cường thịnh. Cái tâm khấn khít về tình ân nghĩa ái khó nổi nhứt phai, cái chết đã kê mà ái tình dễ nào xa đặng. Đã tình sâu lại còn tham, sân, si, luân lưu tiếp sức, hiệp lực đồng tâm cả ba thành một sức mạnh vạn năng, chỉ đạo ta phải trôi chảy theo dòng suối sanh tử, từ đời này sang đời nọ, từ đời nọ đến đời kia và mãi mãi như vậy.

Chủ quyền đã mất, chúa Bản Thể lưu vong. Dân lành loạn lạc, ác nhơn chiếm cứ hoành hành, nhà từ bi tan nát, xóm hỉ xả quạnh hiu, hoa an lạc héo khô, trái Bồ Đề tàn lụn.

Nay muốn khôi phục chủ quyền cho bản thể, chiêu mộ lại dân làng, kiến thiết xóm từ bi, chỉnh trang làng hỉ xả, tưới hoa an lạc, đắp gốc Bồ Đề, đánh đuổi giặc ác nhơn, khai trừ bịnh phiền não và làm cho đất tâm thanh bình, đèn trí sáng tỏ hầu được hạnh phúc an lạc trả lại như tự thuở nào, không diệu kế nào hơn là ngày đêm chuyên niệm Nam Mô A Di Đà Phật! Nam Mô A Di Đà Phật mãi mãi và mãi mãi như thế,

Bất cứ cuộc cách mạng tư tưởng nào cũng vậy, muốn được thành công viên mãn, thoát ách nô lệ của thất tình lục dục, tà kiến vô minh tất phải nỗ lực trường kỳ, và phải trải qua sự cam go thử thách.

Một câu Di Đà là một phù linh diệu, diệt được một tên thất tình, một tiếng Phật danh, là một thân chú siêu màu trừ một tràng lục dục. Ngày đêm câu Nam Mô A Di Đà Phật tuôn mãi không dừng thì tình khô,

tưởng mạnh, Tây Phương quyết chắc vãng sanh.

Nam Mô A Di Đà Phật là chúa của dân hiền lương nhân ái, hỉ xả lợi tha, hễ Nam Mô A Di Đà Phật đến đâu là non dân hiền lương non ái đến đó. Nếu Nam Mô A Di Đà Phật được lan tràn khắp trên mặt đất tâm linh của ta thì dân lành hoàn toàn được khôi phục.

Danh Phật là thần kiểm sát oán tặc phiền não.

Danh Phật là diệu dược trừ các chứng bệnh thất tình.

Danh Phật là lửa Tam Muội đốt phá giặc vô minh.

Danh Phật là thuyền lớn đưa chúng sanh đến tận bờ an lạc hạnh phúc.

Danh Phật là ngọn đuốc soi đường sáng cho chúng sanh đến tận Liên Bang.

Danh Phật là Hướng Đạo Sư đưa đường dẫn lối cho chúng sanh thoát khỏi chốn mê mờ.

Danh Phật là tư lương giúp chúng sanh no đủ trên đường về Cực Lạc.

Danh Phật là nước ngọt giúp chúng sanh khỏi khao khát để tiến nhanh về An Dưỡng Quốc.

Danh Phật là thắng phương tiện giúp chúng sanh được đại giải thoát.

Danh Phật là chỉ nam hướng chúng sanh về tận cao đỉnh chánh giác.

Hạnh phúc phải từ nơi sự cố gắng niệm Phật mà được hình thành thì hạnh phúc ấy mới được coi là chân hạnh phúc, vì là công đức trang nghiêm.

Hạnh phúc từ nơi trì danh Di Đà thì hạnh phúc ấy mới dài lâu, vì là thành tựu bằng công đức.

Với cái nhìn của bậc cao đỉnh giác ngộ, Đức Thầy đã thấy được đáy lòng dơ sạch của chúng sanh, những tâm bệnh trầm kha của muôn loài, Ngài đưa ra

diệu pháp xưng niệm hồng danh hầu có rửa sạch tâm phàm, tận trừ bệnh khổ; đem lại hạnh phúc và an lạc cho Pháp giới chúng sanh, đáp ứng với nhu cầu của nhân loại.

Thánh huấn đề luận này là trái tim của Phật, là khối óc Như Lai. Đức Ân Sư ta từ bi chan chứa, đem tim óc của Phật lắp ghép vào tim óc của ta để ta được an lạc và hạnh phúc cùng với Phật.

PHẨM BA MƯƠI TÁM TỊNH ĐỘ THIỀN

**CHÁNH TƯ DUY MỤC ÁY THANH CAO,
HÃY TƯỞNG NHỚ NHỮNG ĐIỀU ĐÁNG NHỚ.
TRÊN CÙNG DƯỚI DẦU THẦY HAY TỐ,
CÙNG TƯỞNG ĐIỀU TRUNG CHÁNH MỚI MÀU,
VIỆC VUI SAY MÈO MẢ ĐÂU ĐÂU,
HÃY DẸP GÁC NHỚ CÂU LỤC TỰ.**

(Trích Quyển Tư)

YẾU GIẢI:

Sáu câu nêu đề luận này được trích từ nơi Bát Chánh Đạo mà Đức Thầy viết trong quyển Giác Mê Tâm Kệ. Đó là chân Kinh giải thoát, là Thánh kệ nằm lòng, là minh chú dứt khổ. Vì kinh Đại Niết Bàn, Đức Như Lai phán dạy: *“Nơi nào có Bát Chánh Đạo là có Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn. Nơi nào*

không có Bát Chánh Đạo là không có Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn.

Nhưng Bát Chánh Đạo ở đây được Đức Thầy ta hiện đại hóa là: ***“Tịnh Độ Thiền, niệm Phật tham thiền, Thiền Tịnh song tu”*** đúng với lời của Đức Từ phụ A Di Đà đã ân cần chỉ dạy cho ngài Khoang Tịnh.

CHÁNH TƯ DUY: là tư tưởng chân chánh, nghĩ ngợi chân chánh đúng với chân lý giải thoát, đúng với ánh sáng trí tuệ, nhằm loại trừ tất cả các tư tưởng ý nghĩ đen tối si mê và độc hại.

Tư duy cũng gọi là gẫm Đạo, nghĩa là dùng trí tuệ của mình mà tưởng nghĩ về đạo lý cho thấu đáo lẽ diệu mầu, liễu thông lời Phật dạy, và được minh bạch giả chơn, tà chánh.

MỤC ÁY THANH CAO: là nói tiết mục nói về Chánh Tư duy thật là cao sâu huyền diệu, thanh thoát vô cùng, vì đây là đường hướng xuất ly tam giới. Bát Chánh Đạo thuộc Đạo Đệ, một trong Tứ Thánh Đệ. Chánh Tư duy là chi thứ hai trong Bát Chánh Đạo.

Hãy tưởng nhớ những điều đáng nhớ: đó là tưởng Phật, nhớ Phật vì Ngài là Đấng Pháp Vương Vô Thượng. Tất cả Trời người đồng nương tựa nơi Ngài. Tưởng nhớ Phật, tất là ta tưởng nhớ công lao của Đức Phật đối với chúng sanh vô cùng tận, và ta hãy nhớ đến đức tướng siêu thượng của Ngài, Đức Phật là Đấng toàn giác, toàn minh, toàn trí, toàn năng. Phật đã từng vì chúng sanh trải vô lượng kiếp tu nhơn vô vàn khổ não cực nhọc đau thương. Ngài thí vô lượng thân mạng cho chúng sanh được nương nhờ. Điều đáng ghi đậm nét là Đức Phật đã từng vì chúng sanh mà lê chân khắp chốn chuyển pháp lợi tha, đối phương ngoại đạo đến muôn lần âm mưu phá hại Ngài, nhưng mà Ngài vẫn thành nhiên đối với họ, đã không thù hận lại còn ban

trải từ tâm chan hòa để họ được phần phúc lợi.

Từ đắc đạo đến Niết Bàn, Đức Phật chưa bao giờ có được chút thời giờ ngơi nghỉ, hoặc thuyết pháp lợi tha, hoặc truyền giới dạy đạo, hoặc tư duy gẫm đạo v.v...

Nhớ tưởng về Đức Phật, ta còn phải tưởng nhớ đến chúng sanh, vì chúng sanh là bầy con đáng thương của Phật, Ngài vì chúng sanh mà có mặt trong cõi nhân gian này. Nhớ chúng sanh là ta hãy đau khổ cái đau khổ của chúng sanh, họ đang chìm đắm và bị cuốn trôi nơi dòng nước của biển thâm, ta phải vì họ mà gắng gổ tu hành, để rồi ta ra cứu vớt họ. Có cảm thông được cái khổ của chúng sanh, ta mới thật thương yêu họ và ta mới có thể ban cho họ những tình thương cao quý.

Trên cùng dưới dầu thầy hay tớ: Thầy là vị Hướng đạo sư cho ta, là người đã từng vì ta mà phải chịu lắm điều khổ lụy. Tớ là người đệ tử bên cạnh thầy, nối theo dấu chân thầy, hoàn thành trách nhiệm mà thầy đã giao phó.

Cũng tưởng điều trung chánh mới mau: Thầy có sứ mạng của thầy, đệ tử có sứ mạng của người đệ tử. Chữ trung có nghĩa là bỏn phận người đệ tử phải hết lòng đối với thầy, không vong ân bội nghĩa, phản phúc làm xằng, hướng ngoại vọng cầu mưu toan việc quấy. Đệ tử bao giờ cũng tin tưởng nơi vị thầy mà mình đã chọn lấy, hết lòng dòm mài kinh kệ, sửa tánh răn lòng để cho mình trở thành người cao quý, sáng danh thầy, nêu danh Đạo.

Sứ mạng của vị thầy là khai thông cho đệ tử, hết lòng dạy dỗ nhủ khuyên, uốn nắn tùy thuận khiến cho đệ tử mình được chứng chơn giải thoát. Tổ ra xứng đáng là vị hướng đạo sư cho đoàn người nương tựa,

không để bị họ rơi vào tà kiến, không để họ bị chùn bước vấp chân, hãy luôn luôn hướng cho họ về nơi đỉnh cao giác ngộ.

Cái trung chánh giữa thầy trò là phải tâm đắc tâm truyền với nhau cho phải lúc, đúng nơi đúng để bị lỗi thời sai phép. Thầy phải minh, trò phải tin, đôi đàng phải cho khéo léo để làm tròn cái trách nhiệm giữa thầy trò.

Đối với đệ tử thầy phải chánh tâm, đối với thầy người đệ tử phải cho thành ý. Đó là điều mà Chánh tư duy đã chỉ dạy tỏ tường minh bạch.

Việc vui say mèò mả đâu đâu: là nói các việc vui theo ngũ dục nhằm nhí, phi đạo lý luân thường, mất liêm sỉ lễ nghĩa. Các thú vui truy lạc làm cho lòng người đảo điên mất cả sự sáng suốt, và cũng từ đó mà gây nên duyên tạo nghiệp sanh tử luân hồi.

Trong địa hạt người tu, nếu cứ để cái tâm buông lung như con bướm chồn vờn bay từ hoa này sang hoa nọ mãi không thôi thì cái tâm không thể an trụ được. Tu là phải để tâm được an trụ duy nhất vào một đối tượng và dùng trí mà quán xét Đạo lý cho thấu đáo lẽ huyền sâu Phật pháp.

Hãy dẹp gác nhớ câu lục tự: Chánh tư duy mà Đức Thầy ta dạy hãy nhớ câu lục tự, tức là niệm Phật danh, thì tức là Ngài dạy cho ta tu theo “Tịnh Độ thiên, Niệm Phật tham thiên, Thiên Tịnh song tu” được Đức Phật A Di Đà và Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát chỉ dạy cho Ngài Khoang Tịnh Tỳ Kheo vậy.

Đây là Pháp tu rất độc đáo được Đức Thầy ta hiện đại hóa hầu cứu độ chúng sanh trong thời kỳ mạt pháp của buổi Hạ nguon.

Thánh hiệu Di Đà vừa là Định tâm, vừa là Huệ phát, hằng niệm Phật danh tức là tâm ta vừa được an

trụ vào đối tượng hồng danh, vừa được huệ quang xuất hiện. Rồi từ nơi Định và Huệ mà kiến tư hoặc được lần hồi phủ sạch, hành giả được đi vào chiều sâu của tâm thức, chuyển thức ám thành Thường Tịnh Quang Tịnh Độ, chuyển phiền não thành gió mát Thanh Lương của Cực Lạc thế giới.

Tất cả các cuộc vui say nhám nhí theo thói trụ lạc thấp hèn được dẹp gác và thay vào sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật với ước nguyện vãng sanh đó là người đã có Thiền Tông và có Tịnh Độ, tức là Thiền Tịnh song tu, nào khác chi là thuyền xuôi nước, thuận gió căng buồm trên đường về bến giác sẽ viên thành mau chóng.

Bát Chánh Đạo Đức Thầy truyền dạy, bản chất hoàn toàn tích cực, đó là chiều hướng của Đại Thừa Phật Giáo, rất thích hợp với Tịnh Độ Tông, vì Tịnh Độ Tông là Đại Thừa Bồ Tát tạng.

Thánh kệ được nêu bàn nơi phẩm này là khuôn vàng thước ngọc, là hướng nhắm rất ráo, là lối đi căn bản cho các tín hữu xuất trần, có tâm hồn hóa tha lợi chúng.

Vừa gạn lọc tâm mình, vừa chuyên tâm niệm Phật là lối tu hành hay nhất, kết quả lạ nhất, và đảm bảo khỏi bị rơi xuống nhị thừa, sa nơi lục đạo, thẳng đến đại giải thoát trên hàng cao đỉnh vãng sanh lên ngôi bất thối.

PHẨM BA MƯƠI CHÍN
NIỆM PHẬT TRÌ GIỚI

GÌN GIỚI CẤM SỬA TÂM Ô TẠP.
NIỆM PHẬT THÌ PHẢI ĐẸP LÒNG TÀ.
(Trích Quyển Tư)

YẾU GIẢI:

GÌN GIỚI CẤM: là gìn giữ tôn trọng các giới răn qui luật của Phật dạy không cho ủy phạm. Giới cấm của Phật có phân thành nhiều nhóm: đó là nhóm Tại gia cư sĩ, nhóm Sa Di, nhóm Tỳ Kheo Ni, nhóm Tỳ Kheo, nhóm Bồ Tát...Tại gia thì giữ gìn năm giới, Sa Di thì thì gìn giữ mười giới, Tỳ Kheo Ni thì gìn giữ 348 giới, Tỳ Kheo thì gìn giữ 250 giới, Bồ Tát hoặc giữ gìn ba tụ tịnh giới hoặc gìn giữ 58 giới. Đó là tùy theo trình độ và nhân duyên của mình mà phát tâm thọ giữ, không có sự bắt buộc.

Riêng về tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo là đồng giữ tám điều cấm răn của Đức Thầy chỉ dạy. Tám điều cấm răn Phật Giáo Hòa Hảo thông cả Tiểu thừa, Đại thừa, tại gia và xuất gia tu sĩ.

SỬA TÂM Ô TẠP: là nói Đức Phật sở dĩ thuyết ra giới luật là để ngăn ngừa cái tâm quấy lỗi tà vạy, ô tạp của chúng sanh, nếu tâm thường trong sáng, hiền từ thì Phật cũng sẽ không cần thuyết ra giới luật.

Người giữ giới là phải thông hiểu cả giới tánh, giới tướng để mới chu đáo cho công việc nghiêm trì giới luật của mình. Giới tướng là hình thức giới răn bên ngoài, như nói không được sát sanh, không được nam nữ hành dục... còn giới thể là không để cái tâm của mình nó diêu động về việc sát giết; không cho cái tâm của mình nó dấy động về việc sắc, dâm dục... Giữa giới tướng và giới thể nó phải liên hệ mật thiết với nhau, trong thể ngoài tướng như bóng với hình, như vang theo tiếng. Đó là ý nghĩa câu: *Gìn giới cấm sửa tâm ô tạp* của Thầy ta phán dạy.

NIỆM PHẬT: là xưng niệm hồng danh sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật.

Phật danh có công năng làm cho tâm ta được thanh tịnh.

Phật danh có công năng làm cho tri kiến ta được khai mở.

Phật danh có công năng làm cho Phật tánh ta được hiển lộ.

Phật danh có công năng làm cho các đức tướng của ta linh minh.

Phật danh có công năng phá diệt lòng tà vạy si mê của ta.

Phật danh có công năng vun bồi các công đức Đại thừa cho ta trên đường tu niệm.

Phật danh có công năng hướng thẳng ta đi đến ngôi Chánh giác.

Phật danh có công năng làm cho ta được tinh tấn mãi mãi trên đường tu.

Phật danh có công năng đưa ta đến Đại giải thoát chỉ trong một kiếp.

Phật danh có công năng giúp ta được an lạc và hạnh phúc ngay trong hiện tại ở thế gian này.

Niệm Phật ta có thể ví như hải đảo lớn nổi lên nơi mà đoàn thuyền đang bị đắm.

Hay ta cũng có thể ví niệm Phật như trận mưa to, sau nhiều năm bị hạn hán.

ĐẸP LÒNG TÀ: là người tu hành phải dẹp bỏ cắt đứt đi cái tâm tà vạy độc hại, quét sạch lòng như bản hôi tanh bởi nhuộm từ lâu bằng các thứ tham si ái dục.

ĐẸP LÒNG TÀ: tức là nói hành giả Tịnh Độ khi xưng khởi lên danh Phật bên ngoài thì, đồng thời bên trong phải khai trừ cái tâm quấy lỗi tà vạy. Thật vậy, người mà chuyên tâm niệm Phật lẽ tất đáy lòng thường được trong sạch đâu còn cát bụi trần bám vào như bản bên trong.

Mục đích của sự niệm Phật danh là để cho tâm thức mình lắng xuống, hầu phục hồi Bản Thể Toàn Chơn của mình để mình đồng được giải thoát thành Phật như các Đức Phật.

Niệm Phật thì phải dẹp lòng tà: đó là huấn thị căn bản mà Thầy ta đã trao truyền cho các môn nhơn đệ tử, để làm hướng đi nhân bản đích thực của hành giả Tịnh Độ Tông.

Khi mới niệm Phật ta thấy chưa yên, niệm cho có thời gian và được luôn luôn tha thiết, thì tức là tâm ta được nhu hòa, an ổn, trí ta sáng suốt, hạnh đức cảm

người hung, hóa kẻ hiền được nhiều kết quả.

Nhờ chuyên tâm niệm Phật mà lòng trần phủi sạch, tánh giác hiển minh, tức ta cũng có được giới thể linh minh như ánh nguyệt chiếu soi tận nơi hồ hải.

Nhờ chuyên niệm Phật danh mà giới thể thanh tịnh, đồng thời giữ các giới tướng bên ngoài thì ví như danh mộc lại được phết vàng vô cùng cao quý!

Cũng như hành giả nghiêm trì giới luật, lại niệm Phật cầu sanh thì ví như gắm thêu hoa ít khi có được.

Niệm Phật cầu vãng sanh và nghiêm trì giới luật thì nhất định bằng hồ danh đề, Tây Phương sẽ chiếm trên hàng thượng bồi. Rất mong thay!

PHẨM BỐN MƯƠI BIẾT KHÔN

**BIẾT KHÔN TÌM KIẾM MA HA,
MỘT CÂU LỤC TỰ NHÀ NHÀ BÌNH AN.**
(Trích bài Viếng làng Mỹ Hội Đông)

YẾU GIẢI:

BIẾT KHÔN: Biết là hàng thức giả có “*cách vật trí tri*”. Nghĩa là hạng người đã có trí thông minh hiểu biết được sự tà chánh, giả chơn, thấp cao, rộng hẹp...Khôn nghĩa là khéo lựa chọn, tìm cầu chỗ nương thân gửi phận.

Từ chỗ hiểu biết rõ ràng, chọn lựa nơi nương tựa gọi là biết khôn.

MA HA: là nói đạo giải thoát của Đức Phật. Đạo Phật có một chiều cao vô tận, có một chiều rộng vô biên bất khả thuyết, bất khả tư nghị! Chiều cao của

Phật Giáo nó vượt trên không gian, chiều rộng Phật Giáo nó vượt trên thời gian; không gian vô cùng và thời gian vô tận, trùng điệp bao la nên gọi Đạo Phật bằng hai chữ **Ma Ha**. Như Bát Nhã Tâm Kinh nói: **“Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa”**.

Biết khôn tìm kiếm Ma Ha: là nói người có trí sáng suốt, biết khôn ngoan tìm nương về với chân lý giải thoát rộng rãi bao la không có bến bờ không có giới hạn của Phật Giáo là đã có túc duyên từ nhiều kiếp. Con chim phụng hoàng chọn cành ngô mới chịu đậu, còn người có trí thức khôn ngoan, tìm cho được cái đạo chân chính mới hướng thượng qui y.

Người ta có khi nhờ học hỏi hiểu biết khôn ngoan nên hướng tu theo Phật Giáo. Lại rồi cũng có những người vừa lớn lên chưa từng có học hỏi ai bao giờ, mà tự mình biết nương về với Phật Giáo như Ngài La Thập và Ngài Huệ Năng, hay như những vị vừa được mười lăm, mười ba tuổi thì lại nghĩ ngay là phải hướng tu theo Phật Giáo, nếu không thỏa mãn nguyện vọng tu hành, tất họ cũng phải trốn đi để theo con đường đạo đức của mình.

Biết khôn của những người từ nơi bụng mẹ lớn lên biết hướng về Phật Giáo, ta quả quyết rằng đó là kẻ đã có túc duyên với đạo Phật trong những kiếp quá khứ, nay trở về nguồn xưa lối cũ của họ, họ được tiếp nối tu hành cho mãn nguyện đó thôi.

Một câu lục tự: là nói một câu sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật, vạn đức hồng danh của BÁT ĐOẠN QUANG NHƯ LAI, Giáo chủ cõi Tây Phương Cực Lạc.

Nam Mô A Di Đà Phật có uy lực rất lớn, phá ác phi thường, trông căn lành vô lượng. Chỉ cần niệm một câu hiệu Phật, thế là về sau đặng thành Phật thì có ai

tưởng tượng đặng bao giờ, nếu Đức Như Lai không nói. Niệm mười câu đợc vãng sanh Cực Lạc, lại cũng là việc rất khó hiểu cho kẻ sơ căn! Niệm bảy ngày nhập lưu Bồ Tát bắt thối càng thêm khó nghĩ lường đặng! Còn nghiệp báo mà đợc ra ngoài Tam Giới mới là việc rất khó tin đối với hạng trí thức lòng chùng!

Nhà nhà bình an: là nói một câu sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật có công năng làm cho nhân loại chúng sanh đợc tiêu tai tịnh sự, an lạc hạnh phúc vui tươi.

Đức Phật A Di Đà công đức vô lượng, hồng danh của Ngài cũng công đức vô lượng. Một câu niệm Phật hiệu Di Đà hiện tại an lạc, về sau thành Phật, tất cả chúng sanh đồng niệm Di Đà là trong hiện tại nhân loại đồng đợc hạnh phúc và về sau đồng đợc giải thoát thành Phật. Thế giới này còn đau khổ vì chúng sanh mãi tạo nghiệp ác, bao giờ chúng sanh đồng tạo Tịnh Nghiệp, xưng niệm Di Đà mong cầu Cực Lạc, tất nhiên Ta Bà ứ độ sẽ thành Tịnh Độ trang nghiêm.

Một người biết niệm Phật, một người đợc an lạc, một nước biết niệm Phật, một nước đợc an lạc, cả thế giới chúng sanh biết niệm Phật, thì Ta Bà sẽ là Phật quốc trang nghiêm.

Thế giới muốn đợc an lạc hạnh phúc, bắt đầu mỗi người cần niệm Nam Mô A Di Đà Phật, đó là công hạnh đầu tiên xây dựng cho một quốc độ trang nghiêm thanh tịnh.

Người ta quay về với Phật Giáo, hằng chuyên tâm niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc là biết quay lại với nguồn xưa gốc cũ của giác tánh chân như của mình, vì đạo Phật là bản thể là lý tánh tuyệt đối của ta. Trở về với giác tánh, tức là tạo cho mình một cảnh giới an lạc hạnh phúc thường hằng từ nơi chân tâm xuất hiện.

Cảnh giới An Lạc hạnh phúc ấy nó rất mau nhiệm vượt ngoài sự tưởng tượng của chúng sanh và các Thánh nhị thừa Thanh Văn Duyên Giác.

Những ai hiện tại ham mộ phần khởi niệm Di Đà, thì ta nên biết rằng kẻ ấy đã trồng căn lành trong tiền kiếp, nay tiếp nối để được hóa kiếp Tây Phương hầu cho Phật quả viên mãn. Hướng về Phật Giáo, chuyên niệm hồng danh, đó là biết khôn của Phật! Biết sống theo Phật!

PHẨM BỐN MƯƠI MỐT XEM KINH NIỆM PHẬT

LÒNG HIỀN GIỮ VẸN SỚM CHIỀU,
XEM KINH NIỆM PHẬT MỸ MIÈU MẠC AI.

(Trích bài Viếng làng Phú An)

YẾU GIẢI:

LÒNG HIỀN: là từ tâm phát hiện, là Phật tánh lưu xuất. Mỗi chúng sanh đều tự có Phật tánh ẩn tàng bên trong, chờ khi có sự trợ duyên tốt bên ngoài tức là Phật tánh ấy xuất hiện.

Lúc ta mới sanh hồi còn thơ ấu, thời kỳ mà người ta thường nói “Cái tuổi ăn chưa no, lo chưa tới” thì lòng hiền từ của ta rất là hồn nhiên, chất lượng của thiện tánh thật mạnh, hồi đó thật tình, lục đục rất là non kém ấu trĩ như mây thưa chưa làm mất được ánh sáng của nguyệt cảnh. Rồi lần lần lớn lên tập nhiễm theo lục

dục, thất tình, mây ngũ âm từ từ che phủ làm trí sáng càng lúc càng mờ, lòng hiền lương pha lẫn với các ác hạnh và các tập quán ngu mê theo xã hội. Tánh giận hờn, đa dục, rượu mạnh, thuốc điều lần áp lần lần tâm hiền tánh thiện ẩn khuất sâu trong tạng thức, nhường đất tâm cho các nhóm hung hăng bạo tợn, đa dục si mê lớn mạnh.

Lòng hiền và tánh thiện của ta vẫn còn nguyên vẹn nhưng mà vì ẩn sâu nơi tạng thức nên ít được thấy sinh hoạt, chờ cơ hội tốt như thiện tri thức nhủ khuyên hay kinh kệ trợ lực là thiện tánh tâm hiền sinh hoạt trở lại. Đức tánh của lòng hiền có nhiều hình thức như:

1.- Không làm thương tổn cho bất cứ một chúng sanh nào, dù là loài bò bay mái cựa.

2.- Thường thi ơn bố đức cho chúng sanh mà không tâm hối tiếc hay mong cầu.

3.- Oan ức không biện bạch phân bua, nhẫn nại chấp nhận.

4.- Biết an phận, không đòi hỏi đèo bồng.

5.- Thường nhường cho người việc phải, việc tốt còn mình cách nào cũng được.

6.- Nói năng hòa nhã hiền hậu, vui vẻ mát dịu.

7.- Mát của không buồn phiền, không than trách.

8.- Thấy người được phần lợi ích tùy hỷ không ganh tỵ.

9.- Bị người phản phúc không trách, không hận.

10.- Thường làm các thiện hạnh mà không biết chán.

Hành tướng của lòng hiền từ như đã nói trên nếu được phát triển mãi mãi thì tất là chủng tử Phật của ta lớn mạnh và mau được hình thành quả Chánh giác.

Giữ vẹn sớm chiều: là nói Phật tánh hiền lương từ ái của ta phải được nuôi dưỡng mãi mãi hằng ngày

cho mau lớn mạnh, đừng để bị tiêu mòn khô héo. Hàm dưỡng Phật tánh hiền, ta cần sát trùng phiền não, dùng thuốc dưỡng Đại Bi, rải phân bón Bát Nhã đó là sự kinh nghiệm của các chuyên gia tinh thức. Công hạnh này cũng gọi là nuôi lớn Thánh thai cho Phật quả.

XEM KINH: là thường đọc học các kinh điển Phật Giáo cho được hiểu biết lý mầu, lời diệu của Đức Phật thuyết giáo từ nghìn xưa, Giáo lý của Đức Thầy ta cũng gọi là kinh, vì cũng thuyết minh chân lý giải thoát như kinh điển Phật Giáo.

Kinh điển là văn tự Bát Nhã, có nghiên cứu các Thánh kinh Phật Giáo ta mới hiểu được những triết lý sâu xa trong vũ trụ huyền bí, cũng như về nhân sinh quan của Phật Giáo. Phật Giáo có một nền triết lý siêu khoa học nếu ta không đọc học, nghiên ngẫm cho thấu đáo tinh tường thì làm sao ta có thể chứng minh cho khoa học. Huông chi cuộc đại cách mạng tư tưởng giải phóng tâm linh ra khỏi gông cùm của Tam giới, tù ngục của sáu đường thì lại cần có sự hiểu biết cho rõ ràng về đường đi nước bước. Xem kinh đọc sách, tra cứu học hỏi Thánh kinh là tu về phần giáo tướng ai dám khinh chê, tuy không được như phần hạnh và phần tông nhưng đây cũng là ngõ vào Thánh cảnh. Nếu không hiểu biết chân lý mà cứ lập hạnh tu, ai cho mình là trí giả? Tu mà không biết tránh sao cho khỏi sập hố sa đèo của ác kiến vô minh, của tà sư bạn ác. Nhưng mà xem kinh theo Thầy ta phán dạy, không có nghĩa là chấp lấy âm thanh hòa với hồi chuông tiếng mõ, mà đọc với tất cả lòng thành kính thiết tha với thần trí tinh minh, với mong cầu Phật trí, với mãn nguyện Bồ Đề, với truyền bá cho pháp giới chúng sanh được thấm nhuần Thánh thủy.

Đọc kinh như trên đây mới là kẻ biết trì kinh,

mới là đứa con chí hiếu của Phật, mới đáng bực tri kinh, làm sáng danh Phật đẹp dạ Thầy, thỏa lòng người nơi hậu thế.

NIỆM PHẬT: là tưởng nhớ, xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, danh hiệu Đức **VÔ NGẠI QUANG NHƯ LAI**, Giáo Chủ cõi Tây Phương Cực Lạc.

Người niệm danh Phật phải biết rằng niệm tất là vô niệm, vì Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật chân tướng tự không, đầu đọi dứt niệm mới gọi là không u! Nếu lìa niệm để lập không thì đó là cái ngoan không vô dụng.

Cái chân tâm vô sở niệm của ta là **“sắc tức thị không”**. Hằng niệm Phật không rời là **“không tức thị sắc”**.

Cái vô sở niệm tâm của ta là **“tùng vô trụ bản”**, hằng niệm Phật là **“lập nhất thiết pháp”**.

Chân tâm vô sở niệm của ta là **“vng vô sở trụ”**, hằng niệm Phật là **“nhi sanh kỳ tâm”**.

Chân tâm vô sở niệm của ta là **“bản lai vô nhất vật”**, niệm Phật không rời là **“hà xứ nhá trần ai”**.

Chân tâm vô sở niệm của ta là **“tâm vô kỳ vật”**, niệm Phật không rời là **“bất chấp kỳ hình”**.

Hiểu như thế, hành như thế mới được coi là một hành giả chân chính niệm Phật.

Lại nữa, Thiền từ không môn đi vào vạn hữu, còn Tịnh từ hữu môn đi đến chân không.

Cái khó của Thiền là cửa mà không cửa, không nương Phật lực. Cái dễ của Tịnh là cửa sẵn cửa, Di Đà gia bị.

Cái lâu của Thiền là đoạn trừ hoặc nghiệp để ra ngoài Tam Giới, cái mau của Tịnh là dấu còn hoặc nghiệp nương từ lực Di Đà ra ngoài Tam Giới.

Nếu ta hằng tưởng dưỡng lòng hiền lương nhân

ái và chuyên chú xem kinh niệm Phật cầu sanh Cực Lạc là được đảm bảo chỉ một kiếp tu hành vào địa vị Thánh nhập lưu Bồ Tát Bất Thối bên quả đất Tây Phương Cực Lạc, đời đời không còn sanh tử luân hồi. Đã được phần lợi ích cho mình lại còn ban chúng sanh được phần lợi tha rất lớn.

Đức Thầy ta ban diệu pháp là suối nguồn của Bi Tâm và Bi Nguyên, ta phải thọ lãnh bằng đại hạnh độ mình, độ người đến đại giải thoát, đó mới đáng mặt sư đệ tâm đắc khẩu truyền, hầu được tiếp nối trí quang luân lưu trong vạn nẻo.

PHẨM BỐN MƯƠI HAI NIỆM PHẬT DỨT PHIÊN NÃO

**NIỆM CHỮ A DI ĐẸP LÒNG SÀU,
RÁN TRÌ KINH KỆ HOẶC MAU LẬU.
CŨNG CÓ NGÀY KIA TA GIẢI THOÁT,
GIẢI THOÁT THÌ TA RỒ ĐẠO MÀU.**

(Trích bài Muốn rõ đạo màu)

YẾU GIẢI:

Niệm chữ A Di đẹp lòng sâu: là nói ta hằng niệm sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật, tắt lòng sâu muộn sẽ được tiêu trừ dẹp hết, cảnh an lạc hạnh phúc trả lại nơi tâm hồn.

Sáu chữ hồng danh là thần kiểm sát oán tặc sâu khổ đau thương, là vị thuốc A Di Đà trừ tận gốc các thứ bệnh phiền não, là ánh nắng mặt trời làm tan rã những âm đạm ám u của mây vô minh đen tối, là tuệ giác xuất

hiện làm cho các thứ giặc loạn thất tình tan rã...

Bởi thế cho nên, nếu ta chí thiết niệm Di Đà là thất tình chẳng vướng, nghiệp chướng tiêu trừ, tâm sâu cũng không do đâu mà phát hiện. Tâm sâu khổ là băng tuyết, Phật danh là ánh nắng Bát Nhã chiếu soi, hễ ánh nắng danh Phật Bát Nhã chiếu đến đâu là băng tuyết sâu hận được tan rã đến đó.

Niệm Phật là Hoan Hỉ địa, làm vui đẹp lòng ta.

Niệm Phật là hoa Xuân Cực Lạc, làm vui đẹp lòng ta.

Niệm Phật là gió mát Thanh Lương, làm vui đẹp lòng ta.

Nếu câu lục tự hằng niệm nơi lòng mình thì cõi Cực Lạc được chan hòa mãi mãi không cùng tận.

Rán trì kinh kệ hoặc mau lâu: là nói người con Phật bao giờ cũng phải cố gắng hết sức mình bảo hộ gìn giữ, học hành cho đúng với chân lý Phật dạy. Không để bị thất lạc, không để bị lai căn mất gốc. Là người tín đồ chân chính, bao giờ cũng phải quý trọng kinh kệ như quý trọng Phật.

Kinh kệ là đuốc sáng, là thuyền bè, là hướng đạo sư giúp ta tu hành tiến bước, thoát khổ tử sanh. Kinh kệ có đem vào cuộc sống của ta thì chân lý mới sống động, mới nhiệm màu, mới nêu cao Phật trí, mới tiếp nối Phật chủng. Bằng như kinh kệ mà không thể hiện ngay vào cuộc sống của ta thì dầu có chứa cho đầy tủ, đầy kho cũng không thành lợi ích.

Đọc tụng, biên chép, học hiểu và phiên dịch là truyền bá chánh pháp của Như Lai, là làm cho Phật trí được luân lưu tiếp nối. Hành trì đúng theo lý màu Phật dạy, thấu lẽ huyền sâu, mở bày tri kiến Phật là làm cho nguồn sinh lực Phật giáo được sống lại, quang minh Phật được chiếu lên và làm cho chúng ma khiếp vía.

Cũng có ngày kia ta giải thoát: là nói nêu ta vừa niệm Phật, vừa trì hành kinh kệ của Phật, của Thầy thì nhất định ta được đại giải thoát môn bất tư nghị.

Niệm Nam Mô A Di Đà Phật là hành trì về Hạnh và Tông, còn biên chép đọc học, gìn giữ và lưu truyền là hành về phần giáo tướng. Phần giáo, phần giải, phần hạnh, phần chứng lý nhập Tông đều huân nhiếp mới đáng là nhà học Phật trên hàng cao đỉnh.

Giáo thông tức là hoa nở, còn Hạnh chứng ví thể hương thơm, hướng về trang nghiêm Tịnh Độ thì là cao đẹp làm sao.

Giải thoát thì ta rõ Đạo mầu: lấy phàm tâm luận đàm Thánh lý, nói việc Đạo Mầu thì ví như kẻ mù mờ rờ voi lớn chưa hẳn tỏ tường, bao giờ ta chúng được đại giải thoát môn, chừng ấy mới thấy biết Đạo mầu tỏ rõ nguyên vẹn, như người sáng mắt thấy voi.

Đạo Phật là Đạo Đại Giải Thoát, kinh kệ Phật Giáo là đường lối giải thoát, danh Phật là đại giải thoát môn, niệm Phật và trì kinh là hành giả của Đại Thừa Bồ Tát Tạng.

Đức Phật có hai vị Pháp Vương tử lớn nhất, đó là Đại nguyện và Đại Trí, hai vị này gánh vác sự nghiệp của Như Lai. Nếu không có Đại Trí thì ai soi sáng nẻo vô minh, không có Đại Nguyện thì có ai vào đời tha hóa cứu khổ. Văn Thù tượng trưng cho Đại Trí, còn Phổ Hiền tượng trưng cho Đại nguyện.

Thời mạt pháp này cũng phải có Văn Thù để khiếp vĩa chúng ma, phải có Phổ Hiền để cho chúng sanh nương tựa. Văn Thù và Phổ Hiền vẫn còn sống mãi trong thế hệ chúng ta, hằng bảo hộ chánh pháp và nâng đỡ chúng sanh làm cho ánh sáng Phật Đà luôn luôn sáng tỏ. Ngày nay ta tu hành có được vững bước, tiến nhanh đó là do nơi nguyện lực Phổ Hiền gia bị,

chúng ma không làm hại, tà kiến chẳng lộng hành nếu không phải Văn Thù trợ lực thì dễ nào có đặng.

Phật pháp muốn liễu thông phải hành trì kinh kệ, Đạo màu muốn chứng đắc phải gắng gổ trì danh; pháp đắc tâm thông, tức tòa Như Lai an ngự. Đạo đã biết rằng do tu chứng, nhưng mà biết mới tiện đi, đường sá nếu chẳng thông dễ nào đến tận tòa cao đỉnh.

Thầy ta dạy trì kinh là khai thông tri kiến, niệm Phật là thâm nhập Phật Tông, Tông Giáo song hành, tiến nhanh mới khỏi lo lở bước. Hạnh tu có được bền vững là nhờ thông hiểu giáo môn, biết và hành hợp nhất ấy gọi là hàng thức giả. Đạo Pháp siêu màu, đường tu dài dằng, từ kiến Đạo đến chứng Đạo còn xa, cần hiểu biết lối đi để dự phòng tư lương và sức kiên nhẫn. Niệm Phật biết rằng dễ nhưng cũng phải kiên trì, nếu không rắn chắc, chẳng trường kỳ tất hoa sen lâu nở!

Đức Thầy ta dạy vừa niệm Phật, vừa trì hành kinh kệ là lối đi duy nhất cho các hành giả Đại Thừa, nếu cố gắng phụng hành lễ tất viên thành theo bốn nguyện trên cầu làm Phật, dưới quảng bá Đạo màu hóa tha lợi chúng.

PHẨM BỐN MƯƠI BA
NIỆM PHẬT NGỰ LIÊN ĐÀI

**CẦU CHO GIÀ TRẺ GÁI TRAI,
RỦ NHAU NIỆM PHẬT LIÊN ĐÀI ẤT LÊN.**
(Trích bài Từ già làng Nhơn Nghĩa)

YẾU GIẢI:

CẦU: là nguyện cầu Phật, Bồ Tát thương gia bị.

Già trẻ gái trai: là nói chung hết chúng sanh trong Tam Giới. Hễ là chúng sanh hữu tình lẽ tất ai cũng có Phật tánh và ai cũng tu hành đắc đạo. Đạo Phật là Đạo của chúng sanh, vì tất cả chúng sanh tự sẵn có Đạo. Mà nếu tất cả chúng sanh tự có Đạo thì ai cũng thành Phật cả. “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”. Câu nói ấy của Đức Phật quả là cuộc đại cách mạng tư tưởng, đập tan giai cấp, thăng hóa các chúng sanh bình đẳng với Phật.

Phật và chúng sanh bình đẳng về thể tánh như thế, nhưng mà chúng sanh chưa được như Phật là vì trình độ giác ngộ của chúng sanh chưa được bằng Phật thể thôi.

Già trẻ là do nơi sanh nở trước sau, còn gái trai là do chỗ túc nghiệp chẳng đồng mà hiện thân có tướng nam nữ, trên tinh thần Phật tánh bình đẳng thì ai cũng như ai, duy có cách biệt sự giác ngộ thấp cao là do nơi chỗ túc duyên sâu cạn.

Trẻ tu cũng tốt, già tu cũng hay, nam tu đắc thành thì nữ tu cũng đạt kết quả. Nếu bảo rằng Đạo Phật dành cho hạng người già cả, thì chẳng hóa ra Đạo Phật là nhà dưỡng lão, còn như nói rằng Đạo Phật phù hợp với tuổi trẻ thì Phật Giáo là viện nhi đồng. Nếu bảo rằng Phật Giáo dành cho hàng nam nhân, thử hỏi phụ nữ tội gì mà không đăng cảm hóa, còn nói Phật Giáo là để cho nữ phái tu vậy nam nhân nghiệp báo gì mà tu chẳng đăng?

Ồ đây Đức Thầy ta tỏ dạ Từ Bi Bình Đẳng cầu cho tất cả già trẻ gái trai đồng cùng nhau tu hành, để được đồng thành Phật quả.

Rủ nhau niệm Phật: Là ý khuyên nhắc nhắc cho nhau, cảnh tỉnh cùng nhau hằng lo niệm Phật, hễ chị ngã thì em nâng, lá lành đùm lá rách. Ngày xưa Huệ Viễn thành lập Bạch Liên Xã, người ta rủ nhau về Lô Sơn niệm Phật, mỗi người đều vào Tam Muội hoặc kết quả vãng sanh.

Thừa Viễn Đại Sư kiết thất tại Hoàn Sơn suốt đời không rời núi, Ngài được chứng đắc Tịnh Độ pháp môn, người người rủ nhau về Hoàn Sơn tu môn niệm Phật nhiều đến vô số.

Biết rủ nhau niệm Phật là đã có rất nhiều thiện căn mới có được tinh thần như thế. Tự mình biết niệm

Phật đã là công đức thù thắng rồi, lại còn rủ người cùng nhau niệm Phật thì là công đức biết bao!

Phật Giáo không từ chối một ai, kẻ nào hướng về là tiếp độ. Niệm Phật là Bồ Đề Hạnh, là Bồ Đề Đạo, là Bồ Đề tâm. Chuyên một hạnh trì danh tất ngời trên phà to để vượt biển, đã được kết quả mau, lại thêm phần bảo đảm.

Những hành giả niệm Phật đã có nhiều kinh nghiệm thấy được kết quả hiện tiền, rồi vì Bi Tâm mà thường rủ nhiều người niệm Phật. Biết rằng hễ rủ được một người niệm Phật là có thêm một vị Phật ở tương lai, và nếu rủ được nhiều người niệm Phật tất là về sau chúng sanh được thêm nhiều vị Phật. Rủ niệm Phật là rủ chúng sanh thành Phật. Cho nên hễ rủ người ta niệm Phật nhiều chừng nào là công đức mình được thêm nhiều chừng ấy.

Liên đài ất lên: là nói mỗi một chúng sanh niệm Phật bên cõi Ta Bà này, là bên bờ quốc Cực Lạc Tây Phương có một hoa sen mọc lên tươi đẹp, hễ có nhiều người niệm Phật thì có nhiều hoa sen mọc lên trong ao Thất Bảo như vậy, đến khi người niệm Phật kia mãn phúc báo nơi Ta Bà thì thần thức về Cực Lạc gá vào hoa sen tươi đẹp xinh xắn kia để được Liên Hoa hóa thân, không có bào thai mẹ như Ta Bà phải chịu nhiều ô uế.

Liên hoa bên Cực Lạc gọi là Liên Đài, vì cao lớn khó hình dung, người ngự trên Liên Đài gọi là Liên Nhơn, tất nhiên hoa sen và người ngự được cân xứng tương đối. Liên Đài có nhiều màu xinh đẹp, hào quang vô lượng xen lẫn nhau, nhiều tạp sắc cực kỳ vui đẹp khó nổi tả cùng.

Các hoa sen chưa nở, thai sen còn trong hoa cũng được hưởng các diệu đức vi, diệu, hương, khiết

nên hễ vừa được nở ra là các Thượng Thiện Nhơn cao quý không phương tả đặng.

Trong cõi nhân gian này, bất cứ là hạng người nào nếu niệm Phật cầu sanh tất thần thức được chuyển về bên ao Thất Bảo Tây Phương an ngự trên Liên Đài cao quý, bất thối vô sanh, thẳng đến viên mãn Phật quả.

Đã biết rằng tu hành là do nơi mình phát tâm, nhưng nếu không được bạn tác nhủ khuyên, rủ ren tâm do đâu được phát? Nhờ người rủ mới được tâm phát tu hành, nên ta rủ người tu để đền ơn trong muôn một.

Đem bánh ngon mời người dùng là bạn thảo, đem diệu pháp rủ người tu là đứa con hiếu của Như Lai.

Bồ Tát tâm là trí lớn, Bồ Tát hạnh là hãy đem đức hóa tha, tâm và hạnh nếu có đi đôi mới được coi là Bồ Tát Đạo. Nói là tu Bồ Tát sao chẳng vì người hằng rủ nhau tu niệm?

Đạo Pháp có được chân hưng hay suy đồi mãi mãi là do nơi thế hệ hiện tại, cái gạch nối của hiện tại nó rất là quan trọng cho cả hai thời kỳ quá khứ và tương lai, nếu bốn phận hiện tại trốn đi thì lửa hương về sau do ai tiếp nối?

Thế cho nên, rủ tu hành, rủ nhau niệm Phật là công hạnh của mình ai đâu sánh đặng.

Rất mong nhiều người rủ nhau niệm Phật **“để thỏa dạ Thầy nơi chốn mây rồng”**. Vì **“Liên Đài điệp điệp Đạo vô cùng”**.

**PHẨM BỐN MƯƠI BỐN
TRÌ TÂM LỤC TỰ**

**NHỚ LỜI DẠY DỠ CA NGÂM,
DI ĐÀ SÁU CHỮ TRÌ TÂM CHỚ SÒN.**

(Trích bài Từ già làng Nhơn Nghĩa)

YẾU GIẢI:

CA NGÂM: là thơ ca vần vè, thi phú ngâm vịnh. Đức Thầy ta xuống thế tại miền Nam nước Việt, trong hồi Đạo pháp suy vong, đất nước điêu linh, dân lành thống khổ, lòng người vạn nẻo chi ly bởi đế quốc xâm lăng, thực dân thống trị. Để sưởi ấm lòng người giá buốt từ lâu, Đức Thầy mượn lối thi ca bình dị đưa vào tâm thức muôn dân, lời của Ngài vừa ngọt ngon, vừa ấm áp, có hời như nhũ khuyên, có hời như cảnh cáo, an ủi vè vè, kêu gọi chúng sanh thức tỉnh.

Chúng sanh đang ngon giấc tiếng ngáy pho pho, lăn vùi trong giấc mơ hoa của đường danh nẻo lợi, bỗng đâu được tiếng chuông màu từ xa ngân nhẹ rớt

tận vào lòng người, làm cho họ bị vỡ mộng nơi canh tàn. Bây giờ họ nhìn lại đất nước và cuộc đời họ đang bị nguy vong, sanh chúng lầm than, vạn dân đau khổ! Từ lâu vì thiếu ánh sáng chiếu soi, không nơi nương tựa nên đành để cho số phận chìm đắm linh đình nơi biển trần thống khổ! Nay đã được thuyền từ cập bến, đuốc tuệ sáng soi, mọi người quyết vươn mình lên hầu vượt qua bể thảm.

Ca ngâm của Đức Thầy là thứ dầu linh diệu, châm vào những chong đèn lung cạn cho ánh minh đăng cháy lên sáng tỏ và mãi mãi bất tận.

Nhớ lời dạy dỗ ca ngâm: là tiếng đờn tỉ mỉ với giọng nhịp khoan rung động qua lời thơ ca bình dân cổ truyền vùng châu thổ miền Nam, cần ghi nhớ vì là thơ ca của tình thương bi tâm, chan chứa biết bao điều vị tha bác ái, như biển rộng trời cao. Nhớ mãi lời ca ngâm của Đức Thầy là ta được luôn luôn tỉnh thức, hướng về với đạo đức thanh cao.

Ca ngâm của Đức Thầy sẽ được ngân nga mãi mãi, vì đã được đi sâu vào lòng người, tạo thành góc rễ bám chặt nơi vũ trụ bao la, cành lá sum sê và đang đơm bông kết trái.

Cái quý của ca ngâm ấy là làm cho sống lại cuộc đời những kẻ đã chết từ lâu. Cái diệu của ca ngâm ấy là đưa đường dẫn lối một cách thẳng mau để cho mọi người đồng nương về bến giác.

Di Đà sáu chữ trì tâm chớ sờn: *Di Đà sáu chữ* là Nam Mô A Di Đà Phật. *Trì tâm chớ sờn* là luôn luôn nắm giữ, ghi niệm rắn chắc nơi tâm mình chớ để lãng xao, không cho rơi rụng. Sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật được buộc chặt vào tâm luôn niệm chẳng dứt thì có nhiều lợi ích phi thường:

1.- Thường được Đức Phật A Di Đà phóng hào

quang trùm cả thân mình để gia bị khiến cho mình được không thối chuyển.

2.- Chư Phật mười phương cũng thường hộ trì như Đức Từ phụ.

3.- Chư Bồ Tát như Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền và chư Bồ Tát khác luôn luôn hộ trì không bị ác ma làm hại.

4.- Các vị Trời, người, chư thần Kim Cang, chư Thánh Tiên đều gia hộ khiến cho được an ổn tu hành tinh tấn.

5.- Mau dứt phiền não, nghiệp báo tiêu dần, ba đường chấm dứt, thoát khổ tử sanh.

6.- Kẻ âm người dương đều được lợi ích rất lớn.

7.- Mau được thuần thực, Tam Muội dễ thành.

8.- Cảm hóa nhiều người đồng tu giải thoát.

9.- Đêm ngủ không mơ việc ác, chẳng sợ tà ma.

10.- Mau được thành Phật, hóa độ chúng sanh.

Lối khuyến tu của Đức Thầy rất kỳ đặc từ trước đã trải qua hai ngàn năm Phật Giáo nước nhà, chưa có một nhà truyền đạo nào được kết quả như Ngài, dù chỉ có thời gian tám năm sinh hoạt. Thời đại Lý-Trần, Phật Giáo Việt Nam hưng thịnh hơn hết kể từ khi du nhập, các vị minh quân Bồ Tát như vua Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông đã cực lực hoằng truyền Phật pháp, nhưng Thiên Đạo Yên Tử thuộc hàng thượng lưu hướng thượng và chỉ ảnh hưởng mạnh tại chốn Thăng Long thành, chưa đi sâu vào thôn làng của nông dân chất phác tay lấm chân bùn, bữa đói bữa no cơ hàn vất vả. Đức Thầy dùng lối ca ngâm bình dị dễ cảm hóa cho hạng bình dân và nhất là Ngài đi cùng khắp thôn lạc chốn bùn lầy dân cư hẻo lánh, các đồn điền nước chua, muối vất để rao giảng khuyến tu, vỗ về bá tánh.

Tầng lớp nông dân là hạng người đáng thương

đã bị bỏ rơi từ lâu, nay nhờ bi tâm tế độ, cái vui mừng ấy làm Phật tánh cố hữu của họ lớn mạnh rất nhanh, đi sau mà về trước, tuy có phần chậm bước nhưng nhờ có sức tiến bền, tự biết mình ít học, trí kém nên gắng gổ công phu và tự trau dồi kinh kệ mà giác tánh được tinh minh, vui lòng thầy, đẹp dạ tớ! Nếu có ai bảo rằng tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo đa số là hạng bình dân ít học, chỉ có một tập Giáo Lý dính tay, xin mời về Hậu Giang biện luận!

Huệ Năng vừa nghe qua một câu kinh là đại ngộ, sao dám chê Giáo Lý Phật Giáo Hòa Hảo trong tầm tay, e rằng đại ngôn mà rơi vào hàng ngũ nghịch!

Phật pháp là độ cho người mê, đầu luận trí ngu giai cấp. Thuốc đầu màng mắc rẻ, dùng được hết bệnh là thuốc hay, Pháp đầu luận ít nhiều độ được chúng sanh là diệu pháp. Giáo lý Thầy ta truyền dạy diệu được thần y, độ được nhiều bệnh trầm kha nay đã an toàn vui tươi hạnh phúc! Giáo lý ấy đã được các giới trí thức trên thế giới đặc biệt lưu ý và hưng truyền, những mong được nhiều hữu ích cho nhân loại.

Ca ngâm khai Đạo đã ban ra cho chúng sanh từ lâu, Đức Thầy ta còn chờ những khúc ca ngâm chúng đạo của đệ tử đó thôi!

Ta hãy cố gắng viết bài ca ngâm chúng đạo để đáp đúng với nhu cầu!!!

Hãy nhớ rằng ca ngâm chúng đạo phải viết bằng ngọn bút lực tự mới được kết quả bảo đảm, và với số điểm cao nhất để giành lấy trách nhiệm ở tương lai!

PHẨM BỐN MƯƠI LĂM CÓ THIỆN CĂN

**CÓ THIỆN CĂN SÓM LẠI CỬA THIÊN,
CÂU NIỆM PHẬT CHỜ NGÀY CHUNG CUỘC.**

(Trích bài Diệu Pháp Quang Minh)

YẾU GIẢI:

CÓ THIỆN CĂN: Thiện căn là cội lành, là gốc cũ, là căn bản Chánh giác.

Đứng về sự phân cách của giáo môn, Thiện căn gồm có: Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn và Huệ căn.

1.- Tín căn là người đã tin sâu Phật pháp không niệm nghi ngờ.

2.- Tấn căn là lướt tới mãi mãi không hề thôi thất đạo tâm.

3.- Niệm căn là thường được chánh niệm không có tán niệm hay thất niệm.

4.- Định căn là có quyết định chân chính không

bị loạn căn theo lỗi tà định.

5.- Huệ căn là sáng suốt, thấy biết tinh tường không bị tà kiến lung lạc.

Thiện căn là cội nguồn Chánh giác, người có Thiện căn tất kẻ ấy đã biết hướng về Chánh giác. Nhưng ai là người có được Thiện căn, làm sao có đủ năm căn?

Thế theo Ngài Thái Hư Đại Sư, một cao tăng Trung Quốc, bất cứ là hạng người nào nếu có niệm được một câu Nam Mô A Di Đà Phật, tất là người đó có thiện căn và đầy đủ năm căn.

Như đã nói Thiện căn là cội nguồn Chánh Giác, niệm câu Di Đà là niệm Chánh Giác, niệm niệm Di Đà là niệm niệm Chánh Giác.

Chính thế cho nên chỉ niệm một câu Di Đà là được đủ năm căn: Tín, Tấn, Niệm, Định và Huệ căn như đã nói.

Câu Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật là Pháp Thân của ta đấy. Niệm Nam Mô A Di Đà Phật là dấy khởi lên Phật tánh của ta làm cho Pháp thân ta sống lại, nên có được Tín căn. Niệm Phật danh là khởi lên sự giác ngộ và dĩ chí đến Chánh giác, nên có Tấn căn. Niệm câu Phật danh là chánh niệm đã rất rắn chắc rồi, về sau được thành Phật rồi, nên có được Niệm căn. Niệm câu Phật là đã có cái quyết định thành Phật vững chắc rồi, nên có được Định căn. Niệm câu Phật danh là trí Bát Nhã đã khai mở rồi, về sau chắc chắn được vào Phật trí rồi, nên có được Huệ căn.

Thế thì trong cõi nhân gian này ai cũng có Thiện căn vì ai cũng có thể niệm Phật.

Đúng thế! Trong cõi nhân gian nếu chúng sanh nào có niệm một câu Di Đà là có đủ Thiện căn. Nhưng mà ta nên nhớ rằng có biết bao nhiêu người trong cõi

nhân gian này dù chỉ niệm một câu Nam Mô A Di Đà Phật, thế lại cũng không thể niệm được, lại còn phá hại Di Đà là đấng khác.

Như ta thấy, Tần Cối dù là người có học, lại hưởng bổng lộc giàu sang, quyền thế nhưng việc ác nào ông cũng có thể làm được, đến tội bán nước cũng không từ, ông ta là người đáng xuống địa ngục vô gián muôn đời. Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát thấy biết được việc ấy, động mối bi tâm muốn giúp Tần Cối khỏi sa vào Địa ngục. Để được gặp mặt Tần Cối, Ngài Địa Tạng hóa hiện một vị Sa Môn và vẽ sẵn trong lòng bàn tay một chữ Phật. Khi diện kiến, Tần Cối tỏ ra rất ngạo mạn không thi lễ, vị Sa Môn đưa bàn tay ra trước mặt Tần Cối và hỏi:

-“Chữ này là chữ gì?”

Tần Cối đáp:

-“Ta là người đã có bằng Tiên sĩ, nhiều thứ chữ ta đều đọc được, sá gì chữ ấy ta lại không biết hay sao? Biết là biết, nhưng không khi nào ta đọc cho ông nghe!”

Hỡi ôi! Chỉ cần đọc lên một tiếng Phật là được Ngài Địa Tạng Bồ Tát cứu vớt ra khỏi Địa ngục, thế rồi Tần Cối cũng không đọc được, thì nói chi đến niệm chững chạc đủ sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật!

Đức Phật thọ ký: Người nào niệm một câu Nam Mô A Di Đà Phật về sau thành Phật, sắp mệnh chung niệm mười câu được Di Đà tiếp dẫn là điều không thể đổi dời.

Sớm lại cửa Thiên: Thiên tức là đạo hay cũng nói là Bản Thể tuyệt đối của ta.

Sớm lại cửa Thiên: là nói những kẻ có Thiện căn thì bao giờ họ cũng sớm về với cửa đạo để tiếp nối tu hành trong những tiền kiếp mà họ chưa đi nốt.

Những kẻ hồi tuởi thơ ấu, chưa đọc hiểu kinh kệ,

chưa ai khuyên rủ, thế mà lại có ước vọng muốn tu, nhất định phải tu là đã có Thiện căn lớn đấy! Nếu có sự trợ duyên tốt, tất họ tu mau thành, vì họ được tiếp nối chương trình mà họ đã đi qua nhiều kiếp.

Câu niệm Phật chò ngày chung cuộc: là nói những người có nhiều Thiện căn phúc đức bởi đã vun trồng từ nhiều kiếp, nay sớm quay về với đạo pháp giác tỉnh tu hành, nhưng muốn cho được đảm bảo hoàn tất sự nghiệp giác ngộ từ nhiều đời, là phải hành trì cái Pháp môn niệm Phật.

Niệm Nam Mô A Di Đà Phật là yếu pháp hành trì cho những ai muốn được sớm lên ngôi Chánh Giác.

Niệm Phật là yếu hạnh tu tập cho những ai có tâm hồn ước nguyện hóa tha.

Niệm Phật là đại giải thoát, để chúng sanh tu mau thoát khổ.

Niệm Phật là đại chí hiếu, sớm được giải thoát Cửu Huyền Thất Tổ ra ngoài Tam Giới.

Những ai từ Thiện căn nhiều đời, nay hướng về cửa Đạo quyết chí tu thân cầu đường giải thoát, hãy chuyên tâm niệm Phật cầu sanh, đến ngày chung cuộc, nghĩa là đến mãn kiếp được sanh hóa Cực Lạc Tây Phương, thoát vòng sống chết và được địa vị bất thối chuyển và được viên mãn ngôi vị Phật. Một câu niệm Phật còn được giải thoát khỏi Địa ngục, hoặc một câu Di Đà về sau thành Phật, nay ta niệm nhiều, niệm đến nhất tâm thì nhất định ta được **ĐẠI GIẢI THOÁT MÔN BÁT TƯ NGHỊ**.

PHẨM BỐN MƯƠI SÁU
PHỔ TẾ CHÚNG SANH

**PHỔ TẾ CHÚNG SANH QUA BỀ KHỔ,
DI ĐÀ MIỆNG NIỆM LÁNH TRẦN GIAN.**
(Trích bài Tỉnh Bọn Trần Gian)

YẾU GIẢI:

PHỔ TẾ: là phổ độ, tế độ, cứu vớt, giải nạn thoát khổ cho chúng sanh. Phổ tế là Đại Hạnh Nguyện của chư Đại Bồ Tát.

Nếu Bồ Tát chỉ vì chúng sanh mà hóa hiện vô lượng kiếp trong cõi đời, thì các Ngài là nhựa sống cho chúng sanh, chúng sanh nhờ nương tựa nơi Bồ Tát mà được an lạc hạnh phúc.

Cái khổ của chúng sanh bao giờ Bồ Tát cũng cam tâm mà nhận lấy, cái vui của Bồ Tát bao giờ cũng ban trải khắp cho chúng sanh. Bồ Tát không từ chối bất cứ là việc gì nếu có chúng sanh cầu đến, dầu rằng có khổ công thế mấy hay đến mất thân mình, Bồ Tát cũng hóa thân đến để phổ tế, để ban vui, để làm bỏn phận

cho vừa với bốn nguyên.

Trong vô lượng Bồ Tát, Bồ Tát Quán Thế Âm là mẹ hiền của chúng sanh trong Pháp giới, Ngài ban cho chúng sanh vô lượng sữa ngọt tình thương, nhỏ cho chúng sanh vô lượng những mũi tên độc hại, chỉ cần niệm đến danh hiệu Ngài là đổi nghịch thành thuận, biến khổ hiện vui, nạn tai thành an lạc. Ngài là hiện thân cho Đại Từ Bi, Đại Hỷ Xả...

Phổ tế, Ngài từng phổ tế cho bất cứ chúng sanh nào, chí đến vô lượng vô biên đều được toại nguyện.

Đức Thầy ta cũng chỉ vì phổ tế mà Ngài hóa hiện trong cái *“Thời Pháp môn bế mạc, Thánh đạo trần vu, người tâm trí tối đen, đời lắm Ma Vương khuấy rối”*. Để rồi phải gánh lấy cho chúng sanh vô vàn những đòn đau chua xót! Ngài đã từng *“Nguyện uống cho đời chén thuốc cay”* để được thỏa lòng nguyện ước *“Nhà Phật con Tiên hé miệng cười”*.

Nguyện vọng của Ngài là *“gieo đạo khắp đại đồng”* để rồi *“đưa nhân loại đi vào vòng hạnh phúc”*.

Tình thương vô lượng, biển thệ rộng sâu, Bồ Tát phổ tế chúng sanh ví như Trời che Đất chở ai dễ nói cùng!

QUA BÊ KHỔ: là nói vượt qua đến tận bờ giải thoát của chư Phật. Chúng sanh trong cõi Ta Bà đau khổ gọi đó là thử nạn, qua bờ giải thoát thì gọi đó là đáo bỉ ngạn.

Xét ra, ta trong cõi Ta Bà này phải chịu biết bao là khổ nhọc, nào là khổ khổ, hành khổ, hoại khổ, sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, chết khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu chẳng thành khổ, ưu sầu lo ngại khổ. Đó là chưa kể đến thiên tai thủy ách khổ, chiến tranh cướp bóc khổ, đói khát mất mùa khổ...không sao nói hết. Cái nỗi khổ nơi Ta Bà này nó tràn trề lai láng

không ngần mé, không khô cạn nên gọi đó là bể khổ.

Phật và Bồ Tát bao giờ cũng muốn cứu thoát chúng sanh ra khỏi bể trần thống khổ nơi Ta Bà mà hóa hiện vô lượng thân, rồi cũng vì chúng sanh mà phải chịu vô lượng đau thương chua xót. Các Ngài dùng đến vô lượng Pháp môn hóa độ, tùy duyên dẫn dắt, đưa mọi tầng lớp chúng sanh đồng được an vui giải thoát.

Phật là vị Hướng Đạo Sư, Ngài cũng là con người như các chúng sanh, nhưng mà Ngài là con người vượt lên tất cả con người nên gọi là Phật.

Di Đà miệng niệm lánh trần gian: trong vô lượng pháp môn tu tập để giải thoát ngoài Tam Giới mà xưa Đức Phật đã truyền dạy, Đức Thầy đưa ra pháp môn đặc biệt hơn hết, thù thắng hơn hết, thắng tất hơn hết đó là niệm Nam Mô A Di Đà Phật để chúng sanh nương tựa tu hành hầu có giải thoát cõi trần thống khổ này.

Chúng sanh bất cứ là hạng người nào trong cõi nhân gian này, chỉ cần niệm sáu chữ hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật, cầu vãng sanh Cực Lạc Tây Phương là được giải thoát ra ngoài Tam Giới chỉ trong một kiếp nhỏ hiện tại là xong chuyện. Mà được vãng sanh về cõi Tịnh Độ Cực Lạc tất là ta đắc đạo vậy.

Với tri kiến của Đấng Đại Giác, Đại ngộ, Đức Thầy đã nhìn tận nơi chúng sanh và hiểu rõ trong Phật pháp, Ngài chọn lựa diệu pháp niệm Phật cầu sanh, vừa là phù hợp với căn cơ chúng sanh, vừa là thắng tất mau lẹ vừa là siêu thượng tột bậc nếu y pháp hành trì tất ta viên mãn hạnh nguyện giác tha, tự giác.

Niệm Phật là Tông yếu của chư Phật, là vạn hạnh Bồ Tát. Niệm Phật cầu vãng sanh là tối thượng thừa, viên đốn bậc nhất.

Niệm Phật là đi thẳng vào Tam Thân của Phật,

câu vãng sanh là bước nhanh về quốc độ của Phật, tức ta sẽ trở thành một vị Phật như các Đức Phật đã thành.

Phật danh là Đại Pháp Thuyền chuyên chở chúng sanh vượt qua bể thảm cuốn trôi.

Niệm Nam Mô A Di Đà Phật tức ta là vị Phật trong tương lai.

Hãy cố gắng! Cố gắng!

PHẨM BỐN MƯƠI BẢY
NIỆM PHẬT THOÁT KHỔ
CỨU KHỔ NAM MÔ VÔ LƯỢNG PHƯỚC,
DIỆT NÀN TỬ HỮU THIÊN KINH.
(Trích bài Tinh Bạ Trần Gian)

YẾU GIẢI:

Vạn đức hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật là kinh cứu khổ muôn loài, chứa nhóm vô lượng phước đức, diệt tận tai nạn, vì đó là câu mật chú, nhiếp tất cả kinh Phật thuyết trong năm thời.

Đức Phật A Di Đà trải vô số kiếp tu hành các hạnh Đại thừa, công đức Ngài vô lượng, hồng danh của Ngài chứa nhóm công đức vô lượng bất khả thuyết, bất khả tư nghị, niệm danh hiệu Phật ta sẽ được vô lượng phước đức nhân duyên không thể nào nói cho hết đặng.

Sáu chữ hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật nhiếp đủ sáu Ba La Mật và tứ vô lượng tâm của Đại Thừa Bồ Tát Tạng.

A. Trước nói về huân nhiếp sáu độ:

1.- Bồ thí độ: Từ nơi vô minh che mờ tuệ giác,

khiến cho ta nhận sai về các pháp, chấp giả tướng làm thật, chấp vọng thất làm tâm. Rồi từ nơi nhận định sai lầm ấy mà thường bo bo gìn giữ bảo thủ các Pháp, không tâm buông bỏ, tiếc nói vô cùng.

Khởi niệm Nam Mô A Di Đà Phật là dấy lên sự giác ngộ, ánh sáng của tỉnh thức chiếu soi tâm bảo thủ lần lần tan rã, buông bỏ các Pháp muôn duyên, xa lìa tam giới và đắc thành thí Ba La Mật.

2.- Trì giới độ: Từ vô thủy vì trái với giác tánh Toàn chơn, chúng sanh tạo vô lượng nghiệp ác từ thân, khẩu, ý hiện hành. Rồi từ đó mà bị luân hồi chuyển kiếp trong bánh xe lục đạo.

Niệm câu Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật là khởi nguồn Chánh Giác, ánh sáng tỉnh thức soi sáng tận nguồn của Chân Như Tâm, hằng quay về giác tánh, niệm ác không sanh, hạnh lành kiêm ưu diệu đức và đắc thành Giới Ba La Mật.

3.- Nhẫn nhục độ: Từ sự nhận định sai lầm mà chúng sanh chấp lấy cái thân tứ đại ngũ uẩn giả hợp này là thật có, ngã tướng lớn mạnh, bốn tướng đồng nương, bảo thủ cho vừa với ngã ái, nếu trái nghịch lại là sân khuê nóng nảy, bực tức căm hờn kết thành quả báo sanh tử, mà nguồn cội là vô minh.

Niệm câu Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật là ta quay về đối diện với Giác Tánh Chơn Như của mình, thấy rõ được Thật Tướng, Chân Tướng của mình, bốn tướng sở chấp tự tan biến, gió mát Thanh Lương trả lại với lòng mình, tự tại an nhẹ, thông dong giải thoát lửa Tam Độc chẳng còn và tự được Nhẫn Ba La Mật.

4.- Tinh tấn độ: Khởi niệm Nam Mô A Di Đà Phật là bắt đầu cho sự giác ngộ, và được liên tiếp giác ngộ cho đến khi chúng nhập Bản Giác Chơn Như, tức ta thành Phật. Tất nhiên có đủ đầy Tấn Ba La Mật.

5.- Thiên định độ: Khởi niệm Nam Mô A Di Đà Phật rấn chắc nơi lòng ta, tức là ta hướng về đối diện với Thực Tướng Chân Tâm của mình, sống trong Bản Giác Toàn Chân của mình, được hoàn toàn định tâm, không còn diêu động theo cảnh duyên giả tướng, từ đó mà được Thiên Định Ba La Mật.

6.- Bát Nhã độ: Câu Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật là thật tướng Bát Nhã. Khởi niệm Phật danh là trí Bát Nhã phát hiện, và ta thường niệm Phật là ta thường sống trong ánh sáng nhiệm mầu của Thật tướng Bát Nhã nên được Bát Nhã Ba La Mật.

Ta đã được công năng sáu chữ Di Đà nhiếp trọn sáu Ba La Mật như đã sơ lược trình bày, lần đến ta sẽ hiểu thêm về sự dung nhiếp bốn đức của sáu chữ hồng danh.

B. Viên thông bốn đức:

1.- Đức Từ: Phật tánh của ta tự sẵn có, nhưng vì bị che phủ bởi nghiệp báo và vô minh nên không thể phát hiện. Sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật là pháp thân Phật, khởi niệm Phật danh là ta trực tiếp sống với Chơn tâm của mình, mình thường ban cho chúng sanh những tình thương bình đẳng và sáng suốt, nên có được từ tâm của mình.

2.- Đức Bi: Hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật là tam thân Phật. Niệm danh Phật là niệm Tam Thân Phật, thường niệm niệm Di Đà là Bi tâm chan chứa, cứu khổ ban vui cho chúng sanh không biết mọn nên được Bi tâm của Phật.

3.- Đức Hỷ: Khởi niệm Nam Mô A Di Đà Phật là ta tự quay về nguồn cội Phật tánh của chính mình, mình sống lại với Phật Tánh Chơn Như cố hữu của tự mình, mình vui trong cái vui Chơn Lạc tự tánh hay Cực Lạc duy tâm nên được Đức Hỷ hay là Hỷ Tâm của Phật.

4.- Đức Xả: Nam Mô A Di Đà Phật là bản giác linh minh tịch chiếu của ta. Niệm Phật danh là ta trực tiếp sống trong Bản Giác toàn chơn của mình, mình nhìn lại mặt mũi của mình, đối diện Chủ Nhơn Ông của mình, chủ quyền của mình được phục hồi một cách toàn diện, chấm dứt tình trạng nô lệ vật chất, buông bỏ tam giới không vướng bận mảy may, xa lìa Căn, Trần, Thức. Phật pháp còn không bảo thủ, hà tất là thế gian Pháp đầu thế bận tâm, xả các duyên trần thông dong tự tại. Đó gọi là được đức Xả Tâm của Phật.

Như thế, ta được thấy rằng Nam Mô A Di Đà Phật là vạn năng cứu khổ, là vạn hạnh Bồ Tát, là Đại phước đức, đại nhơn duyên chuyển hóa từ chúng sanh đến Phật quả viên mãn.

Hơn thế nữa, chúng sanh trong tam giới tai nạn rất là khủng khiếp và nhiều đến vô lượng vô biên, chỉ chuyên niệm Nam Mô A Di Đà Phật là được tận trừ nạn tai khổ ách và hằng an vui hạnh phúc. Thế nên danh Phật cũng được gọi là mật chú, minh chú, đại lực chú, đại minh chú...

Đức Thích Ca Như Lai gần năm mươi năm đạp đất, đội nắng hóa bước khắp thôn lạc, thị thành hóa đạo thuyết kinh, đưa đường dẫn lối, đùm bọc chở che, thăng hoa cao đỉnh cho các chúng hữu tình để được đồng ngang hàng với Phật. Trong năm thời kinh Phật thuyết, gồm có 12 bộ, 8 giáo môn, nhưng cũng không ngoài được sáu chữ hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật, Thật là kỳ diệu, thật là đặc biệt, siêu đặc biệt!

Nói theo Ngài Trí Húc Đại Sư thì niệm Phật là “BÍ ÁO HOA NGHIÊM, CỐT TỬY PHÁP HOA, TÂM TÔNG CHƯ PHẬT, VẠN HẠNH BỒ TÁT”.

***Cứu khổ Nam Mô vô lượng phước,
Diệt nạn tu rị hựu thiên kinh.***

Quả là câu Thánh kinh siêu thượng, lời mật chú linh thiêng, công đức thù thắng nếu chúng sanh y theo đây mà hằng chuyên tâm niệm Nam Mô A Di Đà Phật tất được viên dung tất cả phần giáo, phần Tông, phần Tánh, phần Tướng, phần hạnh, phần giải một cách trọn vẹn. Với cái nhìn của bậc minh triết, Thánh triết và toàn giác, Đức Thầy xác định tỏ tường qua lời Thánh huấn nêu bàn trong phẩm này là minh nguyệt, là hải đăng để được sáng soi đường về ngôi Chánh Giác.

Nương tựa, chúng sanh cần nương tựa ánh sáng tuyệt vời ấy! Tuyệt diệu ấy!

PHẨM BỐN MƯƠI TÁM NIỆM PHẬT THOÁT ĐẠO SA

**MẮT NHÌN TRẦN ĐỎ NIỆM DI ĐÀ,
NGUYỆN VÁI THÂN NÀY KHỎI ĐẠO SA.
MUÔN ĐẠO HỒNG QUANG OAI ĐỨC PHẬT,
SOI ĐƯỜNG MINH THIỆN ĐẾN LONG HOA.**
(Trích bài Niệm Di Đà)

YẾU GIẢI:

Tứ cú kệ nêu bàn trong phẩm này, Đức Thầy viết tại Bạc Liêu năm Tân Ty (1941).

Tông Lâm cư sĩ, một hành giả Tịnh Độ ở xã Bình Thạnh Đông, đi làm ăn tỉnh Minh Hải, dịp này được một vị Tỳ Kheo tướng hảo trang nghiêm, oai phong cung kính, đôi đàng vui vẻ hỏi han qua lại.

Thầy Tỳ Kheo hỏi:

- “Ông là tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo hằng ngày niệm Phật. Ông có cầu vãng sanh chăng?”

Ông Lâm đáp:

- “Thưa có! Thầy tôi có truyền dạy tứ cú kệ như

vậy, chúng tôi thường đọc trước khi niệm Phật”.

Rồi Tòng Lâm đọc bài kệ nêu trên cho Thầy Tỳ Kheo nghe. Đọc vừa dứt bốn câu kệ ấy, vị Tỳ Kheo sắp mình đánh lễ Tòng Lâm và vừa đánh lễ vừa nói:

- “Tán thán! Tán thán! Hi Hữu, hi hữu!”

Tòng Lâm không dám nhận, liền đứng né một bên và vừa tuôn nước mắt.

Vị Tỳ Kheo nói thêm:

- “Hễ bản đạo muốn học hỏi ai điều gì tức phải đánh lễ trước, nay ông đại diện cho Thầy ông, đọc tứ cú kệ xin cho bản đạo được chép về học, vì bài kệ này viên thông cả lý sự”.

Thế rồi Tòng Lâm đọc lại chi vị Tỳ Kheo ghi.

Sở dĩ chuyện này được kể nơi đây, trước khi làm yếu giải là để thấy được sự nhận định khách quan về đề luận của một vị Sa Môn có giới đức.

Bây giờ ta trở về đề yếu giải.

Mắt nhìn trần đỏ niệm Di Đà: là nói khi ta ngồi niệm Nam Mô A Di Đà Phật là mắt ta hãy nhìn vào bức trần dà (trước kia trần đỏ, sau Thầy đổi lại trần dà) để làm đối tượng cho tâm ta được an trụ nơi sáu chữ hồng danh không để chạy theo sắc trần xao động. Niệm Phật là cốt để cho tâm mình được an trụ vào nơi chánh niệm và chánh định, vì tâm an trụ là neo vào tòa cao ốc của Như Lai. Nếu ngôi Tam Bảo cao không nhìn bằng đôi mắt đặng thì ta nên dùng tâm để nhìn, ví như người ta dùng tâm nhìn Phật, quán Phật vậy.

Ta vừa niệm hồng danh Phật, vừa hướng về Phật Pháp là bấy giờ căn, trần, thức đều tập trung vào Chánh Giác, hàm dưỡng Phật quả, nuôi lớn Thánh thai công hạnh rất thù thắng!

Nguyện vãi thân này khởi đọa sa: là nói khi ta niệm Phật, ta phải có cái tâm ước muốn nồng nhiệt,

mong cầu thiết tha được giải thoát về cõi Cực Lạc Tây Phương không còn bị đọa sa nơi biển trần thống khổ. Tinh thần mong được vãng sanh Cực Lạc thường gọi là Nguyện thiết, một trong ba món tư lương Tịnh Độ.

Nếu niệm Phật mà không có tâm mong cầu vãng sanh thì chưa phải hành giả Tịnh Độ, và chưa đáp lại đúng số với lời Ân Sư ta dạy.

Ta nên nhớ kỹ **“khởi đọa sa”** tất là siêu độ chứ gì, không ai cắt nghĩa cách nào khác được, khẳng định là vậy.

Muôn đạo hồng quang oai Đức Phật: là nói ánh quang minh và oai lực của Đức Phật A Di Đà đến vô lượng vô biên trùm cả vũ trụ bao la Pháp giới. Chữ **“Muôn”** là tượng trưng cho con số nhiều, không phải danh từ cố định là Mười ngàn (10.000).

Quang minh của Đức Từ phụ vô lượng, uy lực của Ngài cũng vô biên, chúng sanh nhờ nương nơi quang minh và oai lực của Phật gia bị mà được an ổn tu hành và lúc sắp mệnh chung nhờ oai lực và quang minh của Ngài nhiếp thọ mà ta được thoát hóa Cực Lạc Tây Phương.

Oai lực của Đức Từ phụ đến nỗi vừa nghe đến Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật là chúng ma khiếp vía không khi nào dám đến gần người niệm Phật, hà tất là dám phá hại ư!

Soi đường minh thiện đến Long Hoa: chữ **Minh** là sáng suốt, chữ **Thiện** là hiền lành. **Minh Thiện** là con đường sáng suốt, là hạnh đức hiền lành, dẫn đến giải thoát, còn **Long Hoa** là Thánh hội của Phật Di Lặc.

Thê theo kinh Di Lặc, Đức Từ Thị Di Lặc hiện đang ngự tại nội viện Đâu Xuất Thiên Cung, đến thời điêm của Ngài, tất Ngài sẽ hóa hiện xuống cõi nhơn

gian này để lập Đại Hội Long Hoa, thuyết ba thời Pháp hóa độ chúng sanh trong thời điểm ấy.

Nương lên câu kệ thứ ba, là ta hằng nguyện cầu ánh quang minh và oai lực của Đức Phật soi sáng con đường chân thiện, và gia bị hộ trì cho Pháp giới chúng sanh đồng đến thời kỳ Long Hoa Đại Hội để được nghe diệu pháp của Đức Di Lặc. Hễ ai có mặt trong Thánh hội Long Hoa nghe được Pháp mầu, là chúng chơn giải thoát ngay nơi hiện tại.

Bốn câu tiêu đề yếu giải trong phẩm cho ta thấy:

Câu thứ nhất, Đức Thầy dạy ta về phép trì danh niệm Phật, khi tĩnh tọa cần nhìn vào bức trần đà làm đối tượng để cho tâm thức mình được ổn định đi vào Chánh niệm.

Câu thứ nhì, Đức Thầy dạy ta đem công đức niệm Phật hồi hướng nguyện vãng sanh về Cực Lạc quốc lên ngôi bất thối, thoát kiếp đọa sa nơi Ta Bà đầy gió bụi.

Câu thứ ba và câu thứ tư, Ngài dạy với ý nghĩa là nguyện Đức Phật dùng oai lực hộ trì, dùng quang minh soi sáng nẻo chánh chơn, hiền lương cho Pháp giáo chúng sanh được đồng nương về Đại Hội Long Hoa châu Phật và nghe pháp mầu của Di Lặc.

Bốn câu kệ này có thể chia thành hai phần:

1.- Hai câu đầu với ý nghĩa là mình gắng gỏi niệm Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật để được ĐẠI GIẢI THOÁT không còn bị đọa sa nơi bể thảm.

2.- Hai câu sau mỹ ý nguyện cầu oai Thần quang minh của Phật chiếu diệu hộ trì cho Pháp giới chúng sanh đồng đến Thánh hội Long Hoa của Di Lặc.

3. Tự lợi tự tha, lý sự viên dung chỉ vồn vẹn bốn câu, hai mươi tám chữ. Lời viên lý diệu, văn gọn nghĩa sâu, Thánh trí mới đo lường, phàm tâm dễ nào dò tặn.

4. Những mong được người thức giả giải hộ thêm để được phần phong phú, lý nghĩa sâu lời uyên bác giúp cho đoàn hậu tấn. Rất mong thay!

PHẨM BỐN MƯƠI CHÍN TU CÒN LẦN LỰA

**KHUYÊN NIỆM PHẬT THAN RẰNG KHÔNG RẰNH,
LÚC BẮT HỒN MẮC VIỆC CŨNG ĐI.
CHẤP TAY NIỆM CHỮ DI ĐÀ,
LÒNG TA TA BIẾT AI MÀ MẶC AI.**

(Trích từ Tư Tưởng)

YẾU GIẢI:

KHUYÊN NIỆM PHẬT: là lời khuyến dạy răn nhắc nhủ khuyên hãy ân cần niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Sở dĩ Thầy ta khuyến niệm Phật, vì thấy chúng sanh khổ lụy lênh đênh trong ba cõi sáu đường biết bao điều đắng cay chua xót. Nếu chúng sanh chấp hành chuyên tâm niệm Phật, thì từ nghiệp báo đau khổ Ta Bà thành Thanh Tịnh Hải Hội Cực Lạc Tây Phương Thanh Lương giải thoát. Niệm Phật đâu những về sau mới được an vui, mà ngay trong hiện tại cũng vẫn được điều thanh thoi tự tại.

THAN RẰNG KHÔNG RẰNH: vì thân

nghiệp báo mà người ta ai cũng lo vun bồi cho gia đình sự nghiệp vợ con, anh em cha mẹ, bạn tác thân nhân quanh năm, suốt tháng ít khi được rảnh. Chính vì quây quần theo bã danh lợi, phú quý, tình mơ, tước mộng mà khi nghe đến việc niệm Phật tu hành thì người ta than rằng không rảnh.

Từ nơi mây ngũ âm phủ che mà người ta không nhận ra rằng đời người là giả tạm, vạn pháp vô thường, thân ta do tứ đại giả hợp, phú quý vinh hoa như trò vân cẩu khi hiệp khi tan, danh vọng tiền tài như sương sa điện chớp có đó rồi không đó, sanh đó rồi diệt đó nào có tồn tại bao giờ. Sanh được làm người ngàn năm một thuở. Nghe được pháp mầu lại còn khó hơn, thế mà không biết lo tu để rồi vô vản ân hận.

Trần gian này tất cả từ thân ta đến các pháp đều là huyễn hóa, chỉ có niệm Phật mới thường còn, nguyện vãng sanh mới bất diệt, vì đó là chủng tử vô lậu, là công đức thù thắng mà Thật Tướng tạo nên, trải bao kiếp không bao giờ hư hoại. Cái thiệt tại sao không mưu cầu, hằng chạy theo giả tướng? Tâm là chánh báo, niệm Phật là y báo Cực Lạc trang nghiêm. Nếu ta hằng dụng tâm trong sạch để gắng gở trừ danh thì tất chánh báo và y báo Tây Phương hội đủ, sen vàng tươi nở an ngự thanh thoi, Thiên cung chưa sánh đặng, sá gì cõi tạm trần gian.

Niệm Phật rất thanh thoi tại sao than rằng không rảnh, chạy chợ tuôn rừng vượt biển, mệt toát mồ hôi chẳng thấy rên la? Đã không thấy đó là sàu, là nghiệp nặng hậu báo ê chề, mà còn tỏ ra thích thú, lộ vẻ hân hoan, thương thay cho người mê muội!

Thức khuya dậy sớm niệm Phật công phu thì lo bề bệnh hoạn, còn dầm sương trải tuyết bất kể ngày đêm lại chẳng thương thân? Phải nhận ra đời là biển

khô, cần biết được giải thoát mới yên vui, vui giải thoát mới bền lâu, mới vui chân hạnh phúc.

Niệm Phật đâu cần phải rảnh ư? Làm việc gì niệm trong việc ấy, nếu đợi rảnh e rằng mãi kiếp chưa được tu, suốt đời có tí nào rảnh đâu mà ngồi tịnh! Tu phải tùy duyên nương cảnh, chuyển hiện vào đời, từ nghiệp báo nên có khổ sâu thì phải tu ngay trong nghiệp báo. Đã tạo thành nghiệp báo, ta phải dùng nghiệp báo làm phương tiện hóa giải cho tâm linh, trót đã đập gai, cần dung gai để lể. Lợi dụng trong cảnh khổ nghiệp báo, chuyển hóa nghiệp báo thành chánh báo trang nghiêm đâu phải là việc làm chẳng đặng. Niệm Phật cầu sanh rất dễ mà nghiệp báo nào cũng vượt qua, nếu gắng gổ phụng hành tất ta được đại giải thoát.

Lúc bắt hôn mắc việc cũng đi: Niệm Phật thì cho rằng không rảnh, nhưng rồi khi tử thần đến liệu có nán được chẳng? Không! Không bao giờ nán lại đặng, vì Diêm Vương lệnh canh ba chết, chẳng bao giờ nán đến canh năm.

Một khi số vô thường đến rồi thì dầu cho có lắm của nhiều tiền hay quyền thế cao sang đến mấy cũng không bao giờ khỏi đặng.

Thời nay khoa học tiên bộ rất xa, chế ra nhiều việc cứu nguy cho nhân loại nào là hồi sinh dưỡng khí, nào là nhân tạo hô hấp đủ điều mà ai nào có khỏi!

Hỡi ôi! Có sanh tất có diệt, đó là lẽ cố nhiên, nào ai tránh đặng!

Chỉ có Liên Hoa hóa sanh, mới khỏi cái già!

Chỉ có Liên Hoa hóa sanh, mới khỏi cái bệnh!

Chỉ có Liên Hoa hóa sanh, mới khỏi được cái CHẾT đó thôi!

Mà muốn được Liên Hoa hóa sanh, chỉ cần niệm Nam Mô A Di Đà Phật, cầu vãng sanh Tịnh Độ, đơn

giản thể thôi!

Chấp tay niệm chữ Di Đà: là nói lúc tĩnh tọa ta chấp tay vào ngực, thẳng lưng, thẳng cổ và mắt liếc bớt lại, hơi thở điều hòa xung niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Lại chấp tay có hai nghĩa:

1.- Chấp tay là nói lên lòng tôn kính, nương tựa đáng Chí Tôn tối thắng.

2.- Chấp tay là tượng hình hoa sen búp thường hiện ra trước mặt mình và tỏ cho ta biết rằng bên ao Thất Bảo Cực Lạc đã có hoa sen trở lên để đón chờ ta về gá vào hoa sen và an ngự khi sen nở.

Nếu hằng ngày ta chấp tay niệm Phật thì hoa sen của ta tươi tắn xinh đẹp và từ từ lớn lên, đến khi ta về ngự thì hoa sen cân xứng tương đối với ta.

Lòng ta ta biết ai mà mặc ai: là nói hành giả Tịnh Độ, khi chuyên nhiếp Niệm Phật, để cho lòng mình thanh tịnh hầu mau đến cảnh giới nhất tâm bất loạn, không cần biết việc của thiên hạ, mà chỉ nên biết nơi lòng mình. Biết mình mới là người Đại Trí của Bát Nhã, còn biết người là kẻ sáng từ nơi cách vật đó thôi.

Ngài Huệ Năng lúc ngồi Thiền cũng chỉ tự mình thấy cái lỗi của mình, mà không cần thấy cái lỗi của người.

Lòng ta ta biết là hãy thấy nơi tâm mình, nhìn tận ở đáy lòng mình để tìm thấy những sạch dơ, tốt xấu, hầu có chỉnh đốn cho chính mình, đó là điều tốt nhất. Còn như hằng thấy việc hay dở của thiên hạ, thì chỉ cho khỏi lỗi lầm bởi khen chê thương ghét.

Nhờ niệm Phật có phần định tâm mà biết được lòng mình, từ nơi biết mình mới tu tâm dưỡng tánh, vừa tự chỉnh đốn tâm mình, vừa chuyên nhất niệm Phật cầu sanh, đó gọi là **Tịnh Độ Thiền** hay **niệm Phật tham Thiền** vậy.

Thầy ta dạy, trong lúc chấp tay niệm Phật, cần biết tự nơi đáy lòng mình, Thiên gọi đó là **Hồi quang phản bản**, nghĩa là hãy nhìn lại mặt mũi mình, nên đây cũng có thể gọi là niệm Phật KIẾN TÁNH.

Thiên cho rằng hễ kiến tánh tất thành Phật. Tịnh Độ chỉ đạo rằng hễ niệm Phật tất thành Phật. Giữa hai pháp Kiến Tánh và niệm Phật, sự khó dễ cách biệt với nhau như một trời một vực.

Niệm Phật để thành Phật đã là việc mau lẹ rồi, lại còn bồi thêm khoa Kiến Tánh thì nào có khác chi ghe đặt máy còn thêm kéo buồm, thuyền nào theo kịp!

Tu không được lần lựa chần chờ, nếu bê tha e rằng trễ bước, vì kiếp vô thường như phù vân trước gió, tử thần đến đâu thể chờ ai, nếu trễ bước một phen e ngàn đời hối tiếc!

Chi bằng sớm hồi tâm, ân cần niệm Phật cầu thoát hóa Tây Phương, rồi ngày nào đó cái chết đến thì ta thản nhiên chấp nhận ra đi về An Dưỡng Quốc, châu Phật nghe Pháp, rồi chèo thuyền bản nguyện cứu vớt kẻ trầm luân, trên đền trả bốn ơn sâu, dưới độ ba đường khổ.

*Chấp tay niệm chữ Di Đà,
Lòng ta ta biết ai mà mặc ai.*

Được xuất phát từ tư tưởng Đức KIM SƠN PHẬT, cho ta thấy rằng đó là NIỆM PHẬT KIẾN TÁNH hay cũng là NIỆM PHẬT THAM THIỀN, TỊNH ĐỘ THIỀN như trên đã nói.

Đàn Bá Nha trỗi giọng Pháp âm vang, còn chờ Tử Kỳ ngâm lên khúc ca chứng Đạo đó thôi!

PHẨM NĂM MƯƠI
MUỐN THOÁT NẠN TAI

**LÒNG SÁU CHỮ NHỚ KHÔNG CÓ NGÓT.
THÌ NẠN TAI CŨNG THOÁT NHƯ KHÔNG.**
(Trích bài Sa Đéc)

YẾU GIẢI:

Chữ **LÒNG** tức là tâm ta, nơi thường lưu xuất các pháp. **Sáu chữ** là Nam Mô A Di Đà Phật, tức là đại hồng danh Đức Bất Đoạn Quang Như Lai Giáo Chủ cõi Cực Lạc Tịnh Độ.

Nam Mô A Di Đà Phật là giấy thông hành trên đường về bốn quốc Cực Lạc, hay đó là kế ước của **ĐIỀN TÂM**, giữ gìn cẩn thận không thể đánh rơi.

Nhớ không có ngót: là nói hằng tưởng, luôn niệm sáu chữ Di Đà không bị gián đoạn. Lây Phật buộc tâm, dùng tâm niệm Phật, tưởng mạnh tình khô, lòng trần phủi sạch. **Nhớ không có ngót** là trạng thái của sự nhất tâm, phiền não kiến tư đâu còn dấy khởi. Niệm Phật được liên tục tức Cực Lạc quyết nương về, cứu

phẩm yên ngôi trên ngôi bất thối.

Ngài Tăng Huyền nhờ niệm Phật không ngớt, mỗi ngài chín muôn câu mà được vào ĐẠI GIẢI THOÁT MÔN, giờ tịch mọi người đồng thấy đoàn Tây Phương Tam Thánh từ Tây Phương đến tiếp dẫn, Tăng Huyền ngự tòa sen cao quý theo phái đoàn hướng thẳng về Tây Phương. Thời nay tuy cũng có nhiều người niệm Phật được vãng sanh về Cực Lạc, nhưng khó có được như xưa bởi niệm Phật công phu non kém.

Thì nạn tai cũng thoát như không: là nói rằng nếu ta gắng gổ niệm Phật không ngớt như câu kệ trên thì nạn gì cũng thoát ra đặng.

Chữ **nạn tai** lại có rất nhiều nghĩa: như tứ khổ bát nạn, cướp bóc tù xiềng, bị hiếp đáp bất công, thiên tai địa ách, họa loạn đói khổ. Đó là chưa nói đến cái đại nạn tai đặc biệt lưu tâm, là ta đã bị giam nhốt trong khám lớn Ta Bà từ vô lũy kiếp! Thương thay cho số phận bị giam mà nào ai có biết! Cơ hồ như đã an phận thân nhiên, vui đùa trong cái khổ! Có kẻ cũng biết mình bị nhốt trong tù ngục thế gian, nhưng biết để sầu khổ, để rên than, để hoàn toàn tuyệt vọng! Không một lối thoát nào khả dĩ được an thân, thành thử cái biết ấy cũng hoàn toàn không trách nhiệm. Trót đã mang lấy thân tâm, còn trách chi ở kén! Tự mình kéo chi bao thân, thì phải tự mình cắn ỏ hóa bướm bồng toát đến tận trời cao Cực Lạc, nếu đợi đến khi vào chảo nước sôi e rằng ăn năn cũng đã quá muộn màng!

Chí thiết niệm Phật được thoát khổ ách hiện tại như tù xiềng, thủy ách thường được sử sách ghi biên đậm nét, đó đã cụ thể chứng minh cho ta biết việc trước mắt hầu tăng thêm phần tin tưởng về sau sẽ được giải thoát ra ngoài Tam giới vượt ngục tù Ta Bà không còn bóng dáng tới lui trong cõi tạm.

Đời nhà Minh có Ngài Hoằng Nhứt Đại Sư hiệu Liên Trì, trong một đêm trời thanh gió mát Ngài đi kinh hành quanh theo hành lang chùa thảnh thơi niệm Phật cao thanh nghe thanh thót. Đêm ấy có đoàn xe giải tội, vì trời tối nên ghé chùa tạm nghỉ đợi sáng tiếp tục khởi hành. Trong số tội nhân được đưa ra quan ả tử hình tất cả bốn mươi ba vị, đang quây quần chật hẹp trên xe, bỗng được nghe tiếng niệm Phật của Ngài Hoằng Nhứt đưa vào làm cho các tù nhân vui mừng khắp khởi, họ gọi lên giọng cầu cứu thiết tha, nhờ Đại Sư giải nạn! Ngài Hoằng Nhứt dừng bước dạy rằng: “Nếu các người niệm Phật suốt đêm nay không ngớt thì các người tự giải thoát được tử hình”. Mừng quá tất cả tù nhân đồng hô hoan niệm Nam Mô A Di Đà Phật cao tiếng vang lên, nhưng mà đến gần sáng nằm gật gù ngủ ngon đến bốn mươi người chỉ còn lại ba tên ngồi niệm cho tới sáng vẫn chưa nghỉ. Đoàn xe sửa soạn tiếp tục lên đường, lại có một vị quan vừa theo kịp, vội vàng đọc chiếu chỉ tối hậu của vua ban cho các vị quan có trách nhiệm giải tội nghe. Trong chiếu chỉ vua dạy đem về ba người tội phạm đã nói trong chiếu chỉ để vua xét xử lại, còn bốn mươi người kia y lệnh đem ra quan ả tử hình. Ta nên lưu ý ba người tội phạm vua đòi trở lại chính là ba người niệm Phật suốt đêm theo lời của Ngài Hoằng Nhứt Đại Sư chỉ dạy. Ba phạm nhân trở về được vua xét xử cho chiếu lệ rồi tha bổng cả ba, vua cho là thường dân vô tội bị oan uổng! Thêm một chuyện thiên tai động đất nhờ niệm Phật mà được tai qua.

Nước Nhật có một lần bị động đất dữ dội, một tòa khách sạn cao ngất bị đảo nghiêng mọi người chen chúc nhau để xuống đất nhiều kẻ bị nạn rủi ro. Lúc ấy có một người thanh niên ngồi trang nghiêm niệm Phật một cách thản nhiên hình như vô sự. Người thanh niên

niệm Phật ấy ngưng lại nói rằng: “Này quý vị, quý vị hãy bình tĩnh lại một chút nữa là được bình thường trở lại ngay”. Mọi người nghe được lời nói của người niệm Phật, họ bình tĩnh lại và chỉ không đến mười phút sau là được bình thường y như người thanh niên niệm Phật mách bảo.

Cái tù, cái nạn nhỏ trong cõi tạm đã vượt qua, tất cái tù, cái nạn lớn Ta Bà là sanh tử, là giam nhốt trong Tam Giới đi qua cũng không khó, và sách sử biên chép những người vãng sanh được thoát nạn tai không sao nói hết.

Niệm Phật cầu thoát hóa Tây Phương thoát được khổ ách nạn tai chốn Ta Bà ai cũng làm được. Một người niệm Phật không chỉ một mình người ấy được hưởng mà cộng đồng nhiều người cùng chung hưởng. Như cây trầm hương làm cho cả rừng được thơm, đâu riêng thơm chỉ một cây trầm ấy.

Nếu ta thật có bi tâm với chúng sanh trong thời mạt pháp nghiệp nặng chướng sâu gặp nhiều đau khổ, ta cứ chuyên niệm Phật để hồi hướng cho mọi người chung hưởng là ta đã có hành cái pháp Đại Bồ Thí vô úy vậy.

Nói cho đủ hơn, niệm Phật là Tài thí, là Pháp thí, là Vô Úy thí mà ta hằng ban cho chúng sanh không bao giờ hết.

Muốn thoát đại nạn tai, hãy chuyên niệm Phật!

Muốn được thoát hóa Tây Phương đời đời dứt khổ, hãy chuyên niệm Phật!

Muốn thí cho chúng sanh những an lạc hạnh phúc, hãy chuyên niệm Phật!

Thế là đủ rồi!

PHẨM NĂM MƯƠI MỐT
BÁT NHÃ VÀ TỪ BI HẠNH

CHUYÊN TÂM NIỆM PHẬT
GIÚP THẾ ĐỘ ĐỜI.

(Trích bài Môn Hoàn Diệt)

YẾU GIẢI:

Giác Tánh Toàn Chơn của tất cả chúng sanh xưa nay vốn lặng lẽ sáng soi trạm nhiên, linh minh tịch chiếu, thường hằng chu biến bình đẳng với chư Phật không hề có dị biệt mảy may. Chư Phật hằng thuận với Giác Tánh Toàn Chơn ấy, thường xuất sanh vô số thiện pháp, hành vô số thiện hạnh lợi cho các chúng hữu tình. Ngài cũng là con người nhưng đã hoàn toàn vượt hẳn trên mọi con người, nên gọi đó là Phật.

Chúng sanh cũng là con người, nhưng trái với Giác Tánh Toàn Chơn của mình, niệm bất giác dấy khởi liên miên, rồi từ đó mà kết tụ vô minh, hằng xuất sanh vô số các ác nghiệp, tà hạnh tác hại cho vô lượng các chúng hữu tình. Cũng là con người nhưng mà hoàn

toàn trái với Giác tánh, nên gọi là chúng sanh vậy.

Vô minh là trạng thái đen tối, vì đen tối si mê nên giác ngộ được Diệu Minh Chơn Tâm, từ chỗ bất giác ấy mà dấy khởi diêu động, gọi đó là tâm **hành**.

Rồi từ nơi tâm hành đen tối ấy mới phân biệt chư pháp vạn nẻo chi ly, gọi là **thức**.

Từ nơi thức, tức là sự phân biệt hiểu biết, hội đủ nhân tố hình thành thân mạng ta, gọi là **danh sắc**.

Rồi từ nơi thân mạng ta có được đầy đủ trọn vẹn mới có sáu căn, đáp đối tiếp xúc với sáu trần, nên gọi là **lục nhập**.

Từ chỗ sáu căn thường tiếp xúc với sáu trần mới có sự rung động xúc chạm dấy lên cái tâm thức thuận theo, gọi đó là **xúc động**.

Từ nơi sự xúc động thuận theo mới chấp nhận thọ lấy, gọi là **thọ cảm**.

Một khi đã chấp nhận thọ lấy rồi tất là phải gìn giữ chặt chẽ, nên gọi đó là **bảo thủ**.

Nếu đã bảo thủ thì dĩ nhiên là phải có sự tồn tại của chủng tử, nên gọi là **hữu**.

Đã có huân tập chủng tử thì tất phải có xuất sanh ra con người, gọi đó là **sanh**.

Hễ có sanh tất phải có sự già, bệnh, chết, nên gọi là **lão, tử**. Thế thì sự sanh, lão, bệnh, tử đều bắt nguồn từ vô minh dẫn lối.

Trong cái vòng chuỗi xích duyên sanh ấy nó liên hệ ba thời kỳ quá khứ, hiện tại và vị lai, quan hệ với nhau rất mật thiết như cái vòng tròn của bánh xe luân chuyển móc nối với nhau không chỗ dang cách.

Mười hai duyên sanh có thể chia thành bốn nhóm, liên hệ trong ba thời kỳ: Vô minh, hành là nhân quá khứ. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc động, thọ cảm là quả hiện tại. Ái, thủ, hữu là nhân hiện tại. Sanh, già,

chết là quả tương lai. Rồi cứ như thế mà mãi mãi sanh tử luân hồi trong sáu nẻo, như Đức Thầy ta luận giải trong bài Thập nhị nhân duyên.

Nay nếu như chúng sanh muốn thoát ra ngoài sự sống chết, tức là phải diệt vô minh vì đó là khởi duyên cho vấn đề sanh tử, mấu chốt chuyển luân lạc đạo.

Trong các pháp phương tiện tu tập để diệt phá vô minh, duy có *chuyên tâm niệm Phật* là thắng diệu hơn hết, viên đốn hơn hết, đặc biệt hơn hết được Đức Thầy ta đưa ra trong môn hoàn diệt. Biền lòng đen tối, vọng nghiệp rối ren nơi tâm ta dẫu cho có thế nào đi nữa, khi ta chí thiết xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật mãi mãi không cho gián đoạn, chẳng lâu tự nhiên biền lòng ta được ổn định bình tịnh lại, vọng nghiệp chẳng còn, tuệ giác chiếu soi, vô minh được lần lần vệt phá. Bảy giờ Bản Giác Chơn Như ta tự hiện tỏ tường xanh sáng, giữa ta cùng Phật đồng hòa trong ánh quang minh tuyệt diệu nhất như bình đẳng.

Phật danh là Thật Tướng Bát Nhã, hằng niệm Nam Mô A Di Đà Phật là ta hành trì Pháp Bát Nhã, và sẽ chúng vào Đại Bát Nhã Ba La Mật.

Vì Phật danh là Thật Tướng Bát Nhã nên hề khởi niệm Di Đà là vô minh bị ánh sáng diệu huyền Bát Nhã chiếu soi tan rã. Vô minh là ví cho đêm đen tối, Phật danh là ví cho ánh sáng của nhật hiện chiếu soi, hề nhật hiện chan hòa tất vô minh đâu còn có bóng dáng.

Bất cứ chúng sanh nào trong cõi nhân gian này, khi nghe được Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật mà biết hân hoan phấn khởi ham mộ, đó là người có được phần văn huệ. Còn như chúng sanh nào nghe đến Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, rồi chấp giữ lấy hằng niệm, đó là được phần tư huệ. Chấp trì danh hiệu, chuyên niệm Di Đà được vãng sanh Cực Lạc là được

phần tu huệ, hay được nhất tâm trước khi vãng sanh cũng được gọi là tu huệ.

Niệm Phật tức là ta tiến thẳng vào thủ đô Chánh Giác, khôi phục toàn bộ chủ quyền cho toàn dân Cực Lạc, tự tại giải thoát và hạnh phúc an lạc trả lại hoàn toàn cho Bản Lai Diện Mục, Chủ Nhơn Ông được tôn thờ, Chúa Tâm Vương thượng tòa chấp chương cho quyền tự chủ toàn dân được giải phóng ra ngoài gông xích của Tam Giới.

Niệm Phật là ĐẠI BÁT NHÃ nên uy lực rất lớn, phiền não vô minh dễ được quét sạch, Tuệ Giác hằng được chiếu soi, linh minh ảnh hiện gương màu trạm nhiên vô cùng tận!

Đạo Phật là đạo Trí Tuệ Bát Nhã, mà cũng chính là Đạo Từ Bi. Bát Nhã là thể của Đạo Phật, Từ Bi là tướng và diệu dụng của Đạo Phật. Thể không rời tướng, tướng không rời dụng. Thể, tướng, dụng tuy ba mà một, một lại thành ba viên dung mật thiết với nhau.

Từ chỗ viên dung liên hệ mật thiết với nhau giữa Bát Nhã và Đại Bi nên Đức Thầy ta phán dạy, đồng thời với sự **chuyên tâm niệm Phật** theo chiều hướng của Bát Nhã, ta cần phải lo **giúp thế độ đời** từ suối nguồn từ bi trôi chảy.

Giúp thế độ đời là hành tướng của Từ Bi, nó thể hiện tình thương trong vạn nẻo, chan hòa bình đẳng không phân giai cấp, không nhơn ngã thấp cao, không ân oán thân sơ, không hi vọng, không mong cầu, lia tướng năng sở như mùa Xuân ban cho vạn vật xinh tươi mà không hề có lưu lại những dấu vết trong vũ trụ.

Giúp thế độ đời cũng là một trong những phương tiện diệt vô minh đen tối. Từ nơi công đức niệm Phật của Bát Nhã chiếu phá bên trong làm cho vô minh bị tan rã thành từng mảnh vụn lẻ tẻ rải rác lơ thơ,

rồi bên ngoài bị sự hành hoạt về **giúp thế độ đời** thể hiện tình thương của Từ Bi chan chứa làm cho các nhóm vô minh lẽ tẻ thua thốt bị quét sạch chẳng còn hình bóng nơi tâm ta, ta được sáng mắt lên của Tri Kiến Phật.

Bên cạnh Đức Phật luôn luôn có Văn Thù là tượng trưng cho Bát Nhã và có Phổ Hiền tượng trưng cho Từ Bi. Đại Bi và Bát Nhã là hai cánh tay của Đức Phật, sự hành hoạt của Đại Bi và Bát Nhã là sự hành hoạt của Phật Giáo, Phật Giáo rút hai đức Đại Bi và Bát Nhã ra thì đâu được coi là Phật Giáo.

Chuyên tâm niệm Phật và **giúp thế độ đời** mà Thầy ta đã dạy là hai lối đi vào tòa Như Lai Chánh Giác.

Niệm Phật là ta đi vào phần Bản Thể của Phật, còn làm các công việc lợi tha là phần Tích, tức là dấu vết của Phật. Cả hai Bản và Tích đều là Tam thân của chư Phật.

Danh Phật tất là Thanh tịnh Pháp thân, hằng chuyên tâm niệm Phật là ta quay về sống với Chân Tâm Phật tự nơi chính mình. Đó là sự đặc biệt của phép trì danh niệm Phật mà Đức Thầy ta đã ân cần dạy bảo.

Hằng niệm Phật là tùy thuận theo Chánh Giác của mình, tức ta là Phật.

Hằng niệm vô minh phiền não là trái với Giác Tánh của mình, tức ta là chúng sanh trong ác đạo.

Cái chủ quyền làm Phật hay chúng sanh đều do nơi ta quyết định, niệm Phật tất làm Phật, niệm chúng sanh lẽ tất phải làm chúng sanh. Đó là việc rất dễ hiểu và cũng chẳng là việc khó làm, chỉ vì chúng sanh chưa chịu khẩn tâm niệm Phật đó thôi!

Nếu chuyên tâm niệm Phật một thời gian ngắn

thôi thì ta được an trụ tâm mình, thông dong tự tại và an lạc; sáu căn, sáu trần, sáu thức bị cô lập không còn cấu kết với nhau để làm nhựa sống cho ác kiến vô minh lớn mạnh. Từ đó mà tri kiến ta được khai mở, Pháp thân ta từ từ được lay tỉnh lại, ta được vào sơ phần Pháp thân.

Mỗi một câu Di Đà là mỗi một ánh sáng Bát Nhã chiếu soi, niệm Di Đà liên tiếp chẳng rời là ánh sáng của Tuệ Giác Bát Nhã được chan hòa trong lẽ sống. Rồi cũng từ đó mà Bi tâm được thể hiện cho muôn loài.

Dù đã biết đời là huyễn hóa, nhưng không chán nản lánh xa, thấy đời khổ đau nên hằng chen vào tế độ, vì thương nên không chấp nơi uế trước hôi tanh, đem khăn Pháp chùi lau cho dòng lệ chúng sanh được khô ráo! Thương đời dám quên thân là tu Bồ Tát hạnh, niệm Phật không rời là hành Bồ Tát Đạo.

Niệm Phật là Bát Nhã môn, giúp thế độ đời là Từ Bi thể hiện, hai lối song hành, chúng sanh tất là Phật vậy.

PHẨM NĂM MƯƠI HAI
NIỆM PHẬT ĐÁP ƠN SÂU

**TU THÂN THIỆN TÍN PHẢI CHUYÊN CẦN,
LỤC TỰ DI ĐÀ GIỮ TỨ ÂN.
RÁN NHẮN TRĂM PHẦN DẦU KHÓ NHẮN,
ĐẠ THƯA QUAN CHÚC PHẬN LÀM DÂN.**

(Trích bài Nhẫn Đợi Thời Cơ)

YẾU GIẢI:

TU THÂN: là nói người có túc duyên nay phát tâm lập chí tu thân cầu thoát sanh tử. Tâm Bồ Đề mỗi người tự sẵn có, khi được sự trợ lực nào đó làm tăng thượng duyên tất tâm Bồ Đề phát khởi. Người ta có khi nhìn thấy Phật pháp mà phát tâm tu, có khi vì thấy cảnh khổ của SANH, LÃO, BỆNH, TỬ mà phát tâm tu, có khi nhìn thấy tướng hảo trang nghiêm của người đạo đức mà phát tâm tu, có khi vì quá thương cha mẹ, khi cha mẹ qua đời vì hiếu đạo mà phát tâm tu, có khi vừa lớn lên tự mình thấy số kiếp vô thường huyễn hóa, thương mình, thương người muốn cho mình cùng người được giải thoát bể khổ mà phát tâm tu.

Chất lượng của những người mới phát tâm tu

thật là mạnh, nếu họ không thỏa mãn được nguyện vọng đi tu có khi họ phải trốn cha mẹ để xuất gia hành đạo một nơi xa lạ cho vừa với bốn nguyện mình. Tâm Bồ Đề của họ lúc này mạnh lắm, nếu gặp sự trợ duyên tốt cho họ tất họ tu giỏi ghê, bao giờ họ cũng thấy Cực Lạc Niết Bàn trước mắt họ. Nếu người ta nuôi dưỡng chí tu và sự hành trì tinh tấn đến chung thân như hội ban đầu thì họ sẽ đắc đạo vậy.

Nhưng điều mà ta nên lưu ý, đó là khi cất bước đi tu ta phải chọn nương nơi nào có chánh pháp, có kẻ chơn tu mới là cao quý, vì chánh pháp và người chơn tu là nhựa sống cho tinh thần, ung đúc ta được nên công đắc quả. Nếu tu mà lạc vào tà kiến si mê thì vô cùng nguy hại, chỉ đưa đến khổ ê chề!

Tu là phải tu sửa thân tâm mình cho được trong sạch đoạn chính trang nghiêm. Phải có ý chí Đại Hùng phấn đấu để thắng phục được mình, mình thắng được mình mới là kẻ anh hùng vô địch

Tu là cốt yếu nhìn lại mình, thấy tận mình, phục hồi lại Giác Tánh mình, tiến hóa đến cao đỉnh giác ngộ và tìm phương hóa giải khổ đau cho mọi người, đó là hướng đi nhân bản của sự tỉnh thức đi tu của mình.

THIỆN TÍN: là thiện nam tín nữ, tức là giới tu theo nếp sống cư sĩ tại gia. Thiện tín chỉ cho Tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo.

Bất cứ hạng người nào nghe thấy được Phật pháp rồi sanh lòng cung kính ham mộ qui y theo tu hành thì gọi đó là Thiện tín.

Bất cứ hạng người nào khi nghe theo Thánh hiệu Di Đà và ham mộ hướng theo, xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật thì người ấy được gọi là Thiện tín.

Nghe đến Phật pháp biết nương tựa, biết xưng niệm hồng danh, đó là kẻ biết quay về với Tam Bảo,

sớm muộn gì cũng sẽ được thành Phật.

PHẢI CHUYÊN CẦN: là nói người đã có chí nguyện tu, tất phải chuyên cần hành trì Phật pháp không nên lơ đãng buông trôi theo thế sự. *Chuyên* là không pha lẫn nửa đời nửa đạo, *Cần* là không cho cách khoảng sự hành trì tu tập mà phải được liên tục suốt đời.

Tu hành phải được liên tục như gà ấp trứng, không được vừa tu vừa sinh hoạt việc đời, vừa hành vừa lơ thơ theo thế sự.

Tu thân thiện tín phải chuyên cần: là nói rằng trên bước tu thân hành đạo của người tín đồ Phật Giáo phải cho được chuyên nhất và ân cần, không được khi hành trì siêng năng, khi thì lơ đãng bỏ trôi, lúc hân hoan tiến bộ, lúc buồn tẻ thối lui. Tu hành phải như bạch mã kéo xe, đừng như linh miêu đái mào. Tiến mà không lui mới là tinh tấn, bằng như tấn thối lừng chừng khi vậy khi khác thì đâu được coi là hàng tinh tấn ư?

Tu mà sợ người ta biết mình tu là kẻ chưa có đức tự tin, tu mà khoe khoang rao giảng ngã mạn tướng cao, cả hai đều chưa phải là hàng trí đạo và có ý chí Đại Hùng.

Nếu là bậc Bồ Tát hóa thân thì thế nào cũng được, còn hàng sơ phát tâm mà còn phục sức cho sang trọng đó là kẻ chưa phải được lòng trần, dầu có biện bạch thế nào cũng chỉ là người ngụy thuyết, ngụy luận.

Tu là sửa thân dòi tâm, thân còn chưa sửa mà nói việc không nhiễm là điều rất khó nghĩ!

Tu trước là nương nơi tướng hạnh bên ngoài để tâm mình từ từ chuyển hướng, như thế gọi là tu tâm. Tâm tức là tướng, tướng tức là tâm, từ tướng mà tạo được tâm, từ tâm mà được hiển minh ra các tướng.

Đức Phật lúc ấu niên dù đã tận nhìn bốn tướng

khô nhưng chỉ cất bước đi tu, đến khi nhìn thấy tướng hảo trang nghiêm của một vị Tăng sĩ, Ngài mới hoàn toàn lên đường sứ mạng.

Đàm Liên lúc còn thơ ấu, khi gặp người phục sức đạo mạo trang nghiêm đều có tâm cúi đầu, và nhờ vậy mà có cái quyết định đường lối tu hành giải thoát ngay trong hồi ấu niên. Cho đến ngày nay tuổi đã quá lục tuần mà tâm luôn luôn cúi xuống khi đối diện với chiếc y đạo đức dù kẻ ấy tuổi tác thế nào cũng phải.

Lục tự Di Đà giữ tứ ân: là nói người biết niệm Nam Mô A Di Đà Phật là phải gìn giữ bốn ơn trọng đại. Bốn ân ấy là:

- 1.- Ân tổ tiên cha mẹ.
- 2.- Ân đất nước.
- 3.- Ân Tam Bảo.
- 4.- Ân đồng bào nhân loại.

Bốn điều trọng ân nêu trên Đức Thầy ta đã luận giải tỏ tường cặn kẽ trong quyển thứ sáu, đây xin khỏi luận thêm.

Hành giả niệm Phật để cầu lấy Phật quả, bao giờ cũng phải hướng đến ân sâu để hòng lo báo đáp. Đức Thích Ca Như Lai Thế Tôn khi vừa đắc vào ngôi Chánh Giác, Ngài nhìn thẳng lên cây Bồ Đề để cảm niệm hồng ân cái bóng cây mà Ngài đã thọ ơn trong thời gian tu niệm và chú nguyện cho cây được mau tiến hóa.

Nếu không có công ơn Tổ Tiên cha mẹ thì ta đâu thể có được con người, không có đất nước thì ta phải nương tựa vào đâu, không có Tam Bảo ai đâu khai tâm mở trí cho mình, không có đồng bào, nhân loại thì ta đâu thể tự tồn trong tư thế đơn phương? Bốn ơn trọng đại Thầy ta giáo truyền nếu không tu đắc đạo thì không có một ngày nào đền cho trọn vẹn.

***Rán nhẫn trăm phần dầu khó nhẫn,
Dạ thừa quan chức phận làm dân.***

Dạ thừa quan chức phận làm dân: là nói người có chí tu cầu giải thoát là phải rèn luyện cho mình có được đức nhẫn nhục kiên cố để vượt qua mọi thử thách cam go để tiến đến Phật Đà viên mãn.

Nhẫn có nghĩa là nhịn nhục, cam chịu những trái ngang nghịch cảnh, những oan ức đau khổ, những cơ hành vất vả cho lòng mình được mát mẻ an nhẹ không bị đói khát khổ đau.

Phải nhẫn cả thân, khẩu, ý thì mình đức mới hiển bày, nếu chỉ nhẫn trên hình thức ngữ ngôn, tâm không buông xả thì đâu thể gọi là người được đắc nhẫn Ba La Mật.

Phải thấy rằng các pháp đều vô sở hữu tướng thì cảnh duyên của thuận nghịch cũng là giả, là không đâu có cái ngã tồn tại. Nhẫn nhục cũng là giả lập để đối trị tánh nóng nảy sân hận của sai biệt giới, trên tinh thần của Bản Thể vô sai biệt giới thì cả hai tướng nhẫn và sân cũng là huyễn hóa cả. Bồ Tát sơ phát tâm phải dùng Pháp mộng để chuyển tâm mộng hầu tinh cơn đại mộng nơi thế trần.

Ngã đã là tự tánh không thì dầu hạ mình đến đâu cũng chẳng có cái tướng cao thấp, vạn vật bình đẳng thể tánh nhất nguyên đâu còn vinh nhục.

Tóm lại, niệm Phật để mong cầu Phật quả, nếu Chánh Giác được viên thành thì ân sâu mới đền trả trọn vẹn. Muốn viên mãn Phật Đà, bốn ơn đền đáp là phải lập chí kiên nhẫn, dùng Pháp mộng, chuyển tâm mộng, lần ra khỏi mộng. Đó là phương tiện duy nhất mà Đức Thầy ta ân cần chỉ giáo cho các tín đồ và chúng sanh nhân loại.

PHẨM NĂM MƯƠI BA
NIỆM PHẬT HÀNH THẬP THIỆN

**CẦU TU THẬP THIỆN THÌ SỰ NIỆM
PHẬT MỚI CÓ HIỆU QUẢ, TU THẬP THIỆN
DỨT ĐƯỢC THẬP ÁC.**

(Trích bài Chư Phật có bốn Đại đức)

YẾU GIẢI:

Niệm Phật là pháp tu ĐẠI GIẢI THOÁT ra ngoài Tam Giới thẳng đến Phật Đà. Thế cho nên, hành giả niệm Phật không được tạo nghiệp sanh tử trong Tam Giới. Trái lại còn cần phải vun bồi phúc đức thiện căn để hàm dưỡng Phật tánh của mình cho lớn mạnh.

Chính vì thế mà Đức Thầy ta dạy phải song hành niệm Phật và tu thập thiện dứt thập ác.

Thập thiện nghiệp là:

1.- Vì từ tâm hằng mãi vật phóng sanh để hộ trì giới cấm bất sát. Nếu còn sát sanh tất là ngấm ngấm tiêu diệt chủng tử Phật tử bi của mình, khó mong cầu làm Phật. Trái lại, nếu ta hằng phóng sanh là ta hàm dưỡng cho Phật tánh mình lớn mạnh được mau thành Phật quả.

2.- Vì Bi tâm trợ giúp chúng sanh để hộ trì qui giới bất trộm đạo. Nếu còn tánh tham lam trộm cắp tất là tiêu diệt Phật tánh Đại Bi của mình và vì vậy mà khó được thành Phật.

3.- Vì Tịnh tâm thường sống trong trình chánh trong sạch, phạm hạnh để hộ trì cấm giới dâm dục. Dâm dục là cội nguồn sanh tử, là mấu chốt luân hồi. Dâm dục nếu còn trần lao sẽ luân lưu tiếp nối. Dâm dục tận trừ tất là chấm dứt sanh tử, bồng ra ngoài tam giới, Liên Hoa hóa thân thẳng đến Phật quả viên mãn.

4.- Vì chánh ngữ mà thường nói chơn thật chánh đáng mưu được hạnh phúc và an lạc cho chúng sanh để nuôi lớn Phật tánh hầu tu mau thành Phật quả, và hộ trì cấm giới lời nói hai chiều.

5.- Vì hàm dưỡng Phật tánh hiền từ mà thường nói năng khiêm hạ, nhã nhặn, và để hộ trì cấm giới ỷ ngôn, ác hại ỷ ngôn thường làm khô héo Phật tánh của mình.

6.- Vì hàm dưỡng Phật tánh từ ái mà hằng nói năng hiền lương nhân ái, đức hạnh khiêm ưu, và hộ trì cấm giới ác khẩu. Ác khẩu là sâu độc hại làm tim lụn chùng tử Phật của mình nên ta phải chuyển trừ chúng cho tận gốc.

7.- Vì hàm dưỡng Phật tánh chân thật mà ta thường nói năng đúng với sự thật, và để hộ trì cấm giới vọng ngữ. Vọng ngữ là một thứ ác hại vô cùng, kẻ tu cầu giải thoát phải tận trừ ác hại ấy.

8.- Vì xả tâm vô lượng, nuôi lớn Thánh thai mà hằng thí cho chúng sanh những tài sản vật chất, và hộ trì cấm giới tham lam bồn xển.

9.- Vì hàm dưỡng Phật tánh mà hằng an nhẫn đối với chúng sanh, và để hộ trì cấm giới sân hận hầu mau đến Phật quả viên mãn. Sân là thứ độc hại vô cùng,

nếu không tận trừ tất đạo mâu khó đắc. Nhân là vị cam lộ chế ngự được tánh sân một cách hữu hiệu, lòng thường an nhẫn tánh sân hận không bao giờ phát hiện đặng.

10.- Vì hàm dưỡng Tuệ Giác Phật mà thường sống trong Chánh Kiến, và hộ trì cấm giới mê si độc hại hầu được Phật quả viên thành, chúng sanh hằng té độ. Độc hại mê si thường làm cho trí tuệ bị tiêu diệt, tu cầu làm Phật quả tận trừ ác si mê mới mong được viên mãn hạnh nguyện mình trên bước đường giải thoát.

Nếu ta hằng thể hiện được mười việc lành tất mười việc ác không do đâu mà nảy sanh ra đặng, và Phật tánh của ta luôn được nuôi dưỡng lớn mạnh, sớm hình thành quả Chánh Giác.

Niệm Phật là yếu pháp thành Phật, nếu ta hằng niệm chẳng rời, lại thêm hành trì thập thiện, tiêu trừ thập ác hàm dưỡng chủng tử Phật tánh thì tất nhiên quả Chánh Giác sớm viên thành, chúng sanh mau được độ.

Vẫn biết rằng chuyên niệm hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật thì nghiệp ác nào cũng tận trừ, hạnh lành nào cũng viên mãn, nhưng mà thời nay chúng sanh nghiệp nặng tâm tạp, niệm Phật non kém mà hằng tạo nghiệp ê chề, có kẻ tuy cũng niệm Phật nhưng mà tội ác không chừa, hạnh lành không thích, nên dù đã tu lâu nhưng nghiệp báo không vơi bớt, hạnh đức không phát triển mấy chút, đường giải thoát còn xa. Thế nên Đức Thầy ta khuyên nếu niệm Phật tất phải làm lành, ngăn chừa nghiệp ác để đồng thời trưởng dưỡng Phật tánh của mình cho sớm viên thành ngôi Chánh Giác.

Nếu hành giả chuyên hành một hạnh niệm Phật và niệm Phật cho đến nhất tâm tất là ba nghiệp thân, khẩu, ý hằng được thanh tịnh, nghiệp chướng tận trừ, các hạnh đức thanh cao chan hòa trong vạn nẻo, hằng

tác lợi cho vô lượng chúng sanh, tiếp nối tuệ giác cho Phật Đạo.

Thân ta hằng lễ Phật, tụng kinh, hành trì thì còn thân nào làm việc sát, đạo, dâm? Miệng ta hằng niệm Phật không rời thì miệng nào để nói năng các điều độc hại? Tâm ý ta hằng tưởng nhớ Phật, ghi niệm Phật thì tâm nào rảnh để điều động đến việc tham, sân, si?

Nếu chuyên hành một hạnh niệm Phật tất là ba nghiệp thân, khẩu, ý được hoàn toàn thanh tịnh, còn như hành tạp nhiều hạnh và niệm Phật quá non kém thì tất là ác hạnh dễ phát sanh nên cần phải kiểm điểm thân tâm mình để kịp thời hóa giải chúng, được trang nghiêm thanh tịnh.

Niệm Phật đã ít lại thập ác thường nảy sanh, hạnh lành không mấy chút nên tu lâu mà không có được kết quả. Thay vì mới tu mà biết hành trì cho đúng với Chánh pháp, niệm Phật chuyên cần, liêu thân trong một kiếp đoạn lìa những ác duyên, sống đạm bạc cháo rau, phê hết các việc cao sang vật chất thì Cực Lạc Niết Bàn kề bên ta, chỉ cần một cái nhắm mắt là đến an ngự nơi tòa sen báu!

Tu không cầu nệ lâu mau mà cần chỗ quyết chí hành trì không làm cho chiếu lệ là mình có tu niệm đó thôi.

Nếu quyết chí nỗ lực niệm Phật trong một tuần là đắc môn Tịnh Độ, còn như tu niệm cầm chừng thì dẫu cho đến mãn kiếp cũng chẳng đi đến đâu cả!

Tiền thân Ngài Diệu Hạnh Bồ Tát gắng gỏi chỉ thiết niệm Phật chỉ có bảy ngày đêm được chứng đắc Tam Muội, Pháp Nhãn khai mở, từ đó lo hóa độ chúng sanh nhiều đến vô lượng.

Hành giả Tịnh Độ dùng cái tâm Tín, Nguyện, niệm Phật chân thiết của mình để làm chánh hạnh tu

hành. Lấy làm lành tránh ác mà trợ hạnh tiên tu thì Cực Lạc sớm về, Tây Phương quyết đến an ngự trên hàng cửu phẩm Liên Hoa.

Thầy ta dạy niệm Phật với làm lành đó là công hạnh của Bồ Tát, Bồ Tát hạnh trong Đại Thừa Phật Giáo.

PHẨM NĂM MƯƠI BỐN
HƯỞNG CÔNG NIỆM PHẬT
HỒI CON! ĐỜI TỤC RẤT HÔI TANH,
TRÍ HUỆ TRAU DỒI KIỂM NỂO THANH.
MĂN KIẾP HỒNG TRẦN SANH LẠC QUỐC,
HƯỞNG CÔNG NIỆM PHẬT RẤT YÊN LÀNH.
(Trích bài Cho cô Võ Thị Hợi)

YẾU GIẢI:

Hồi con! Đời tục rất hôi tanh: từ nơi sự thấy biết của đấng cứu thế về Phật pháp và nhân sinh, cùng với suối nguồn của Đại Bi và Đại Nguyện, Đức Thầy ta kêu gọi sự tỉnh thức của các môn nhân đệ tử rất là thống thiết như tiếng chuông ngân vang trong đêm tàn vỡ cơn ác mộng. Người ta đôi khi cũng biết đời là mộng huyễn, cõi thế vô thường, nhưng cơ hồ như còn cơn mê chưa có một định hướng rõ rệt trên đường giác ngộ, tỉnh ngộ. Người ta nên nhận định rõ cõi tục trần đây gió bụi hôi tanh nhớp nhúa này đã trải qua vô lượng kiếp chuyển xoay, ta phải vô vàn gian lao khổ lụy. Sở dĩ Đức Thầy ta bảo đời tục rất hôi tanh là bởi:

1.- Thọ tục thai từ tinh cha mẫu huyết được hình thành.

2.- Trụ nơi tục bào ô uế của người mẹ hưởng nhiều trược chất hôi tanh, nhớp nhúa.

3.- Ở nơi đục giới thọ nhiều trần trược như danh, lợi, tình...để tiếp nối cho kiếp trược về sau.

Lại nữa, chúng sanh trong cõi Ta Bà này thường sống trong năm điều trược ác nên gọi là hôi tanh:

- 1/. Kiếp trược.
- 2/. Kiến trược.
- 3/. Chúng sanh trược.
- 4/. Phiền não trược.
- 5/. Mạng trược.

Từ nơi năm điều trược ác của thế trần ấy mà ta mãi bị dòng nước sanh tử cuốn trôi bất tận từ vô lũy kiếp đến nay và vẫn còn luân lưu tiếp nối. Nếu như ai biết đời là tục lụy là đã giác ngộ và sẽ tiến đến cõi thanh, bằng như không biết được đời là tục lụy thì không bao giờ có đến được cõi thanh để an hưởng.

TRÍ HUỆ: là lý trí linh minh, suốt thông lý sự. Trí tuệ ở đây là sự sáng suốt từ nơi các nhà hành đạo phát minh, thuộc xuất thế gian trí tuệ, không phải là thế trí biện thông. Trí huệ lại còn chia làm ba thứ:

1.- Văn Huệ: Đây là nói người học rộng nghe nhiều uyên bác giáo nghĩa Phật pháp, biện luận trôi chảy suốt thông lý sự, đúng như thực nghĩa Phật Đà, lưu thông nguồn chính pháp. Nghe Phật hiệu Di Đà lòng tin vững chắc cũng gọi là Văn Huệ.

2.- Tư Huệ: Những nhà hành đạo tư duy gẫm đạo thấu hiểu lý sự vạn Pháp như thị, thông suốt nghĩa lý Phật Đà đúng như thật nghĩa ba tạng, vạn hữu tinh tường, thế gọi là Tư Huệ. Hằng niệm Di Đà cũng gọi là Tư Huệ.

3.- Tu Huệ: Hành đạo đến lúc dứt nghiệp chúng nonh xuất ly Tam giới, thoát đọa luân hồi, đó gọi là Tu

huệ.

Văn, Tư, Tu là ba món vô lậu học của bậc xuất trần thoát ly Tam giới. Đoạn lia hoặc nghiệp của hàng thượng căn thẳng sĩ Đại Thừa trong Phật giáo.

Từ nơi Đại nguyên, đại hạnh hành giả dốc toàn lực vào sự nghe học, suy tư, phụng hành đúng mức tất là ba món huệ vô lậu phát hiện chan hòa trong lẽ sống, lợi mình và vạn loại chúng sanh vô lượng.

TRAU DÔI: nghĩa là dôi mài gột rửa cho trí tuệ phát sanh, tắt nghe đạo, gẫm đạo và hành đạo.

KIỂM NỂO THANH: là tìm thấy sự giải thoát cho chính mình trong hiện tại. Hãy tự xét mình coi còn có cái gì ràng buộc không cho mình được an lạc thanh thoi. Tham sân chướng? Si nộ chướng? Ái nhiễm tục trần chướng? Ganh ghét ích kỷ chướng?

Hiểu được hành tướng, rồi tìm đến cội nguồn chuyển trừ chúng một cách hữu hiệu tất là ta được thanh thoát an lạc nơi Niết Bàn Cực Lạc tại nhân gian này và nhất định ta sẽ về Phật Độ Tây Phương, ta hoàn toàn hưởng năm điều thanh tịnh:

1.- Được vào Thanh Tịnh Hải hội nhập lưu Bồ Tát không còn bị thối đọa xuống Nhị thừa và chúng sanh trong Lục đạo.

2.- Được Liên Hoa hóa thân không bị vào bào thai mẹ ô uế như chón Ta Bà thọ nhiều bất tịnh.

3.- Được thường trẻ trung mạnh khỏe không bị bệnh khổ từ nghiệp lực thân báo hoành hành.

4.- Được hằng sống mãi đồng với chư Phật không già chết như Ta Bà đầu xanh chôn chạp đất.

5.- Được nhất sanh thành Phật, đời đời giáo hóa chúng sanh đồng như chư Phật.

Trí huệ trau dôi kiểm nểo thanh: là nói người tu hành hãy luôn trau dôi, rèn luyện trí huệ mình cho

được tinh minh trong sáng tìm về nẻo đạo đức thanh cao, thoát ly biển khổ sanh tử nơi chốn tục trần. Trí huệ là gươm linh tinh nhuệ đoạn tuyệt các thứ dây oan nghiệp lục trần, phá toang rừng nghiệp báo từ nhiều kiếp, sát oán tặc vô minh, trừ ác ma phiền não.

Lại nữa, trí huệ là phà lớn có công năng đưa người tục trần sang qua bờ giải thoát của chư Phật để hằng được yên vui giải thoát. Trí huệ là ánh nguyệt sáng soi giúp cho hành giả khỏi sa hầm sụp hố của ác kiến vô minh, của lưới ma giăng bủa. Trí huệ là thuốc hay năng trừ các bệnh tham dục, sân khuê, ngạo mạn... để thường được an vui hạnh phúc.

LẠC QUỐC: nói cho đủ là Cực Lạc quốc, tức là cõi Phạm Thánh đồng cư của Đức Phật A Di Đà. Quốc độ Cực Lạc được Đức Từ phụ A Di Đà trang nghiêm toàn bằng công đức nên vô cùng thanh thoát, cực kỳ vui đẹp, tốt bậc trang nghiêm, hoàn toàn bất hoại.

Mãn kiếp hồng trần sanh lạc quốc: là nói chúng sanh trong các cõi tu theo môn Tịnh Độ đến khi mãn phúc báo nơi cõi đời, thần thức bồng về bản quốc Cực Lạc Tây Phương, được chứng môn Đại Giải Thoát đời đời dứt khổ tử sanh, đồng thời được đi vào các cõi khổ như cõi Ta Bà hóa tha lợi chúng.

Cực Lạc thế giới là ĐẠI HỌC ĐƯỜNG phân khoa Phật Giáo, Thiện Thượng Nhơn khi được tốt nghiệp Đại Học Đường này, tức là được Đức Phật A Di Đà bổ nhiệm đi giáo hóa chúng sanh trong khắp pháp giới.

Hưởng công niệm Phật rất yên lành: là nói hành giả niệm Phật cầu sanh Cực Lạc quốc của Đức Phật A Di Đà, lễ tất được Đức Từ phụ tiếp dẫn về bản quốc Tây Phương toại hưởng công đức rất thù thắng

như: Công đức thân, Công đức độ, Công đức hạnh, Công đức nguyện...

1.- Công đức thân là được Liên Hoa hóa thân từ nơi công đức niệm Phật và hành trì các hạnh Đại thừa.

2.- Công đức độ là được an trụ trong quốc độ trang nghiêm do Đức Phật A Di Đà tạo thành bằng công đức thù thắng.

3.- Công đức hạnh là được vào hạnh Đại giải thoát của Đại Thừa Bồ Tát tạng.

4.- Công đức nguyện là được ĐẠI NGUYỆN hóa tha bằng cái nguyện của Phật. Nguyện ấy gọi là ĐẠI BỒ ĐỀ TÂM.

*Hỡi con đời tục rất hôi tanh,
Trí huệ trau dồi kiếm nẻo thanh.
Mãn kiếp hồng trần sanh lạc quốc,
Hưởng công niệm Phật rất yên lành.*

Đó là tiếng nói trực tiếp của bồn quốc Cực Lạc Tây Phương, từ suối nguồn bi tâm trôi chảy đến tận lòng người trong hồi nóng bức của lửa tam độc Tam Giới, ngọt ngạt của khói cay vô minh, bút não khổ sầu của tam độc, lạnh buốt tái tê của ái hà, của cõi đời đau thương vô tận của lục đạo.

Thánh kệ nhiệm mầu của kim ngôn Phật sư truyền dạy là hồi chuông Đại Bi, là tiếng trống Bát Nhã in sâu tận vào tâm thức chúng sanh để cho mọi người tỉnh hồn trong cơn đại mộng của thế trần. Chất lượng của Thánh kệ ấy đã ung đúc cho ta đủ tư thế khôi phục lại tinh thần thanh thoát, tri kiến tinh minh hướng về ngôi Chánh Giác.

Hương kệ của Ân Sư ta hòa cùng khói hương của người con Phật với quyết tâm tu hành cầu lên ngôi Phật thành ánh quang minh vô tận, soi khắp trong vạn loại chúng sanh, ban cho pháp giới muôn loài tình

thương bình đẳng bất tận.

Là người con chí hiếu của Phật, ta phải có trái tim thương xót chúng sanh, lo phụng sự cho chúng sanh tất là ta hằng lo phụng sự vâng lời các Đức Phật, hiếu đạo với chư Phật vậy.

Hưởng được công đức thanh cao của mai hậu, tất ngay trong hiện tại ta phải lập chí niệm Phật tu hành, trau dồi tuệ giác, lợi ích cho chúng sanh đó là nhân tố căn bản, đích thực trên mạch sống với chân tinh thần giác ngộ.

PHẨM NĂM MƯƠI LĂM NIỆM PHẬT VỚI TƯ VÔ LƯỢNG TÂM

**VẬY TA NIỆM DANH HIỆU PHẬT ĐỂ NHỚ
PHẬT VÀ RÁN SỨC LÀM THEO BỐN ĐẠI ĐỨC
CỦA PHẬT ĐẠNG NGÀY SAU ĐẮC QUẢ NHƯ
NGÀI.**

(Trích bài Chư Phật có bốn Đại đức)

YẾU GIẢI:

Vì một đại sự nhân duyên mà Đức Thích Ca Như Lai có mặt trong cõi nhân gian này. Đó là khai thị cho chúng sanh được nhập vào Tri Kiến của Phật.

Xưng niệm danh hiệu Phật, tưởng nhớ về Đức Phật, hành trì Đại hạnh Từ, Bi, Hi, Xả của Phật là ta hàm dưỡng Phật quả viên mãn ngôi Chánh Giác.

1.- Niệm Phật là hằng tưởng niệm Nam Mô A Di Đà Phật nơi tâm mình không cho gián đoạn, luân lưu tiếp nối, rần chắc liên tục với nhau. Hồng danh của Phật là Bản Thể của Như Lai, hễ ta niệm niệm hồng danh không rời là ta hằng sống trong Giác tánh của

Phật.

Lại nữa, niệm danh Phật là Đại Trì Giới, niệm Phật là Đại Thiên Định, niệm Phật là Đại Bát Nhã. Hằng niệm không rời là ta sống trong Giới, Định, Huệ của chư Phật, tức ta sẽ thành Phật.

Danh Phật là ĐẠI GIẢI THOÁT bất tư nghì môn, ta hằng niệm Nam Mô A Di Đà Phật là ta hằng tắm trong biển ĐẠI GIẢI THOÁT của chư Phật.

Một câu Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật là một hòn bảo châu vô giá Cực Lạc, ta hằng niệm Phật danh là ta hằng được sống trong cảnh giới nhiệm mầu của Cực Lạc thế giới.

Theo kinh niệm Phật Ba La Mật thì: chữ Nam Mô là **Thường**, A Di Đà là **Tịch**, Phật là **Quang**. Nếu ta thường niệm Nam mô A Di Đà Phật là ta hằng an trú trong cảnh giới THƯỜNG TỊCH QUANG TỊNH ĐỘ của chư Phật.

Niệm Phật Tam Muội là ta đi sâu vào phần cốt tủy của Phật, nhất định ta sẽ là một vị Phật như các Đức Phật đã thành.

2.- Tưởng nhớ về Đức Phật, tức là ta để tâm mình được vắng lặng, trinh khiết, trong sạch hằng tưởng nhớ đến một Đức Phật mà mình nương tựa như Đức A Di Đà Thế Tôn Như Lai. Tâm tưởng Phật, nhớ Phật của mình càng khẩn khít chừng nào là mình càng gần với Đức Phật chừng nấy. Đức Phật bao giờ cũng hướng về chúng sanh, nhớ mãi chúng sanh, nếu chúng sanh hướng về Phật, nhớ mãi Phật thì hai cái tâm nhớ ấy hợp nhất với nhau thành một khối quang minh bất tận. Ánh quang minh của Phật đã trùm phủ cả Pháp giới chúng sanh, nếu ta hướng lên Phật thì ánh quang minh của ta hòa đồng cùng quang minh của Phật, tức ta bình đẳng với Phật.

Ví như một người ở Đông, một người ở Tây mà cùng tưởng nhớ lẫn nhau thì sớm muộn cũng gặp. Bằng như hai người cùng chung sống trong nhà mà không hề biết nhớ tưởng cùng nhau, tất sẽ rời cũng xa cách vĩnh viễn.

Tâm nhớ Phật là nhân để thành Phật, nếu ta hằng để tâm nhớ Phật thì niệm trần không do đâu mà nảy sanh ra được. Niệm trần nếu đã bị tuyệt diệt tất là Giác Tánh phản bản hoàn nguyên, Phật độ cũng từ đây mà hiện vào tỏ rõ.

3.- Hành trì Đại hạnh Từ, Bi, Hỷ, Xả của Phật, tất là ta hiển minh phần hạnh đức của Phật, gương màu của Phật, ánh sáng tuệ giác của Phật.

Đức Phật bao giờ cũng có hai phần Bản và Tích, niệm Phật và tưởng nhớ đến Phật là phần Bản, hành tứ vô lượng tâm là phần Tích của Phật. Ta vừa niệm Phật, tưởng nhớ Phật vừa hành hoạt Từ, Bi, Hỷ, Xả là ta thực hiện cả hai Bản và Tích của chư Phật. Thở và Tướng của Phật nếu đã hội đủ tất ta là một vị Phật sẽ thành.

Chính vì chỗ trọng yếu này mà Đức Thầy ta khuyến dạy trong khi niệm Phật ta hãy luôn tưởng nhớ Phật và rán sức hành trì Từ, Bi, Hỷ, Xả của Phật để được đắc quả như Phật Ngài.

Đức Thầy ta bao giờ cũng muốn cho tất cả chúng sanh đồng được giải thoát thành Phật. Cho nên Ngài luôn luôn chỉ dạy yếu pháp thành Phật, yếu hạnh hành trì để được viên mãn Phật quả.

Niệm Phật, tưởng nhớ Phật, hành các đại hạnh, đại nguyện của Phật là đưa con chí hiếu của Đức Phật, sẽ được thừa kế sự nghiệp của Đức Phật, thay cho Phật hầu giáo hóa chúng sanh.

Phật là vị đã thành, nếu ta không trái với đại Hạnh và đại Nguyện của Phật tất ta là vị Phật sẽ thành.

Phật là hướng Đạo sư, nếu ta không trái với dấu chân của Phật tất ta sẽ thay cho Phật mà hướng đạo cho các chúng sanh nương tựa.

Phật là ngôi Chánh Giác, nếu ta hằng tỉnh thức là ta cùng Phật chung một hướng đi cao đỉnh của Phật Đà, các chúng sanh đồng tựa nương nơi ánh sáng hướng thượng ấy.

Dấu chân của Phật phải được in rõ nét nơi lòng đất tâm của ta, ta phải hấp thụ trọn vẹn hướng đi căn bản của Đức Phật mới đáng là người con có hiếu của Phật.

Phật không bao giờ bỏ rơi ta, nếu ta không rời hướng đi của Phật tất ta sẽ thành Phật.

Phật cùng ta từ trong một thể tánh nhất nguyên bình đẳng, bao giờ ta quay về với Giác Tánh của ta, tất ta với Phật cùng trong Biển Giác thanh tịnh.

Niệm Phật, tưởng nhớ Phật, hành hạnh Phật là ta quay về nguồn Chánh Giác của ta và hiệp với Biển Giác của chư Phật, ta sẽ khôi phục lại Phật tánh cố hữu của mình và từ từ lên ngôi CHÁNH GIÁC.

PHẨM NĂM MƯƠI SÁU
NIỆM PHẬT HÀNH TRÌ TỪ BI HỈ XẢ
VẬY TA NIỆM PHẬT, PHẢI BIẾT ĐẠI ĐỨC CỦA
CHƯ PHẬT VÀ LÀM SAO CHO TA CÓ THỂ
ĐẮC ĐƯỢC BỐN ĐỨC ẤY.

(Trích bài Chư Phật có bốn Đại đức)

YẾU GIẢI:

Niệm Phật tất là ta đi vào Thật Tướng của Chân Tâm, thuộc Bản Thể Giới. Bản Thể Giới cùng Hiện Tượng Giới nó liên hệ mật thiết với nhau, Thể và Tướng bao giờ cũng hợp nhất. Bốn đại đức Từ, Bi, Hỉ, Xả là hành hạnh tu đức, là dấu vết của Phật, nó thuộc về Hiện Tượng Giới của giáo tướng chư Phật.

Niệm Phật là Bản Thể, còn bốn đại đức là Giáo Tướng. Thể và Tướng bất ly nên Đức Thầy dạy ta khi niệm Phật phải biết và hành trì cho kỳ được Tứ Vô Lượng Tâm của chư Phật.

1.- Khi tưởng niệm Nam Mô A Di Đà Phật là ta phải biết rằng sáu chữ hồng danh là Thật Tướng Chơn Tâm mình, mình niệm Phật đây là niệm Bản Giác mình, mình quay lại với Phật tánh mình, mình đối diện với mình, mình không chạy theo các giả tướng hư dối nữa.

Vì Nam Mô A Di Đà Phật là Thật Tướng Chơn Tâm

nên không có tướng mạo chi, không từ tướng sanh, cũng không từ đâu đến, cũng không đi về đâu. Không quá khứ, không hiện tại, không vị lai, cũng không trong, không ngoài, không giữa. Nhưng cũng không phải là không ngơ mà Thật Tướng ấy sanh mười giới, một trăm Pháp, một ngàn cái như thị và bao trùm cả vũ trụ bao la, hà sa Pháp giới.

Thế nên, ta khởi niệm Nam Mô A Di Đà Phật tất là nó viên dung Tâm Phật, Hạnh Phật và các Đức Tánh của Phật, tức nhiên có Từ, Bi, Hỷ, Xả.

2.- Biết Đại Đức của chư Phật, đó là điều mà hành giả niệm Phật không thể thiếu sót, vì là hành hạnh căn bản hàng sơ tâm Bồ Tát. Đến được Phật quả viên mãn, Bồ Tát sơ phát tâm phải luôn luôn phụng hành bốn đại đức của chư Phật. Bốn đại đức là:

a)- **TU**: nghĩa là đức tánh hiền lành của chư Phật. Đức tánh hiền lành ấy Ngài thường ban cho chúng sanh những sự an vui hạnh phúc mà không biết mỗi mồn nhàm chán. Ví như người mẹ hiền từ ban tình thương cho các con vô hạn không biết mỗi mồn hay thoái thác. Vì hóa độ chúng sanh mà các vị Bồ Tát hóa hiện vô lượng thân để cho chúng sanh được thừa hưởng ân đức của các Ngài. Đức Phật và chư Bồ Tát luôn luôn phổ độ, tế độ chúng sanh vượt qua bể khổ, thoát ngoài Tam Giới. Về đức Từ, Thầy ta phán dạy: ***“Đức từ: Phật đối với chúng-sanh như mẹ với con, lúc nào cũng lo-lắng đến, hết lòng dịu-dắt, dạy-dỗ, không nỡ để chúng-sanh sa vào đường tội lỗi mà chịu khổ nã”***.

b)- **BI**: nghĩa là lòng thương xót của Phật đối với chúng sanh, dù là kẻ ngoan hiền hay người hung ác gì cũng vậy, Phật bao giờ cũng ân cần nhỏ hết cái khổ cho mọi người để được đồng yên vui hạnh phúc. Đức Phật không từ chối bất cứ một nơi nào dẫu rằng có khốn khó đến đâu Ngài cũng vẫn hóa bước tế độ nếu có người cầu đến. Đức Thầy dạy về BI: ***“Đức bi: Nếu chúng-sanh nào dạy-dỗ chẳng nghe, làm điều độc-ác để phải tội thì Phật chẳng vì thế mà ghét bỏ, lại thương xót không cùng”***.

c)-**HỈ**: nghĩa là đức tánh vui vẻ của Phật đối với chúng sanh vô cùng tận, dầu rằng có bao nhiêu nghịch cảnh, trái ngang Ngài vẫn an nhiên mà làm hết bổn phận mình trong việc hóa tha lợi chúng không bao giờ buồn bã chán nản. Đức Thầy ta dạy: **“Đức hỉ: Thường thường an vui mà làm những việc lành. Dầu gặp hoàn-cảnh trái-nghịch cũng chẳng vì thế mà sanh lòng buồn-bã”**.

d)- **XẢ**: nghĩa là Đức Phật bao giờ cũng buông bỏ phóng xả hết các pháp trong thế gian như lợi, danh, tài, sắc không còn luyến tiếc mảy may. Tha thứ tất cả chúng sanh mê muội làm nhiều tội lỗi ác hại. Ngài không câu chấp bất cứ một pháp nào trong cõi tạm này, luôn luôn xả hết tất cả. Đức Thầy ta dạy về đức Xả: **“Đức xả: Ngài chẳng chấp một pháp nào trong thế-gian, sẵn lòng lìa xa các nghiệp tiền-trần, tha-thứ hết thảy những ai tối-tâm lầm-lỗi, chẳng còn vương-vú chi với cuộc lợi-danh, tài-sắc, nhìn cõi đời chẳng bao giờ sanh lòng luyến ái.”**

Bốn đại đức của chư Phật đã sơ lược trình bày, Đức Thầy ta dạy phải ân cần thể hiện vào nơi cuộc sống của người con Phật. Vì đây là hạnh của Phật, dấu vết của Đức Như Lai. Trong đức tâm truyền, ngoài luôn hạnh giữ mới là người con chí hiếu nối chân theo Phật.

3.- Phải đặt vào bốn đại đức của chư Phật, đó là lời khuyên dạy của Đức Thầy ta mà người con của Phật phải gắng sức phụng hành.

Ta phải luôn luôn hiền lành và thương xót tất cả chúng sanh một cách bình đẳng không phân biệt giai cấp, giống nòi, phải biết khổ cái khổ chúng sanh, phải biết ban cho mọi người những sự an lạc hạnh phúc và hãy tận tụy nhỏ từ cái góc khổ của muôn loài. Hãy lấy

đức hóa tha lợi chúng mà làm chủ đạo cho việc tu hành. Tu là chỉ vì đời không tư kỹ, hãy luôn luôn hướng về chúng sanh, nâng đỡ chúng sanh để Phật tánh Từ Bi của ta lớn mạnh hầu có hình thành Phật quả. Đó là ta biết tu Từ Bi hạnh của Phật.

Ta hãy luôn luôn vui vẻ mà làm các hạnh lợi tha và hãy xả tâm mong cầu, xả tâm chấp trước nơi các pháp, xa lìa muôn duyên thế sự mảy may chẳng màng. Dẫn cho bao nghịch cảnh trái ngang ta hãy một lòng tấn tới. Đó là ta biết hành trì đức Hi, Xả của chư Phật.

Từ, Bi, Hi, Xả là bốn hạnh đức thanh cao của chư Phật mà Đức Thầy ta dạy phải gắng gổ phụng hành hầu có hàm dưỡng Phật quả cho chính mình nơi mai hậu.

Hành giả Tịnh Độ nên biết rằng mình niệm Phật cầu sanh Cực Lạc là tu cầu làm Phật, hầu hóa tha lợi chúng. Thế nên, trong lúc niệm Phật cầu sanh ta hãy thể hiện bốn đức tánh Từ, Bi, Hi, Xả trong cuộc sống của mình cho phù hợp với Đại Thừa Bồ Tát Tạng của Tịnh Độ Tông.

Hằng niệm Nam Mô A Di Đà Phật là thể hiện bốn đức Từ, Bi, Hi, Xả ngay trong cuộc sống, là ta nắm được toàn bộ Tâm Tông và Giáo Tướng của Phật, cũng như phần Bản, phần Tích của Như Lai.

Thế là ta đã có cái nhân căn bản để trở thành một vị Phật như các Đức Phật đã thành.

PHẨM NĂM MƯƠI BẢY
NIỆM PHẬT TRỪ VỌNG NIỆM

CÒN PHƯƠNG PHÁP NIỆM PHẬT LÀ ĐỂ TRỪ CÁI VỌNG NIỆM CỦA CHÚNG SANH, VÌ TRONG TÂM CỦA CHÚNG SANH NIỆM NIỆM MÊ LÀM CHẰNG DỨT; VÌ CÁI VỌNG NIỆM VỀ VIỆC THẾ TRẦN ÁY MÀ KHÔNG CHO CÕI LÒNG AN LẠC, PHIỀN NÃO NGĂN CHE, CHỜN TÂM MỜ ÁM.

(Trích bài Chư Phật có bốn Đại đức)

YẾU GIẢI:

Diệu Thể Chơn Như của ta vốn lặng lẽ sáng soi nhưng vì con tim vọng niệm phủ che nên phải mê mờ tăm tối. Rồi từ đó niệm bất giác tiếp nối khởi lên vô cùng tận. Niệm niệm mê làm luân lưu tiếp nối, tâm trí đảo điên ví như biển cuộn ba đào không hề có được phút giây định tĩnh. Công danh phú quý, tiền tài sắc đẹp, ân oán hơn thua, thị phi nhân ngã, mừng, giận, buồn, vui, thương, ghét, muốn, rồi sắc đẹp, tài lợi, danh vị, tư vị, hư vọng và tật đố...mãi mãi không yên ổn bao giờ.

Từ nơi vọng niệm mê làm mà thân, khẩu, ý tạo vô số hắc nghiệp để tiếp nối những kiếp lai sinh.

Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật là thần y

diệu được năng trị tâm bệnh vọng tưởng cho Pháp giới chúng sanh vọng niệm dẫn cho đến thế nào cũng trừ tận gốc. Nhưng mà muốn cho sự niệm Phật được dứt vọng toàn chơn biến lòng thanh tịnh hầu có tiếp đón huệ nhật hiện vào, hành giả phải chấp trì các phương thức:

1.- Chí bền: Niệm Phật cần có chí cho bền vững, mới niệm vọng trần còn mạnh, niệm lâu ngày lần lần vọng tưởng mới lắng xuống và tan biến, niệm cho được bền lâu Chân Tâm từ từ sáng tỏ. Mới niệm số lượng ít, niệm lâu số lượng nhiều, đến được thuần thực tất niệm trần lui hết. Bảy giờ ta được thanh thoi thông dong tự tại, an lạc và hạnh phúc vô cùng.

2.- Buông xả: hành giả niệm Phật phải xả tâm buông bỏ Tam Giới, chẳng tiếc uổng, chẳng mong cầu. Coi thân mạng như chết chưa chôn, nhìn Tam Giới như nhà lửa, thế sự vô thường, các pháp vô ngã không vật chi tồn tại, vì sự tánh các Pháp vốn là không.

Hãy coi Cực Lạc là gia hương, Đức Di Đà là Từ phụ, hải chúng Bồ Tát là thân quyến, các Thiện Thượng Nhơn là liên hữu, vô sanh bất thối là gia bảo, cúng dường nghe Pháp, tư duy gẫm đạo, niệm Phật kinh hành là công việc hằng ngày.

Tâm hằng buông xả được như thế tất vọng niệm sẽ không còn, tâm được hằng an lạc. Giác Tánh phản hồi Bản Lai tự hiện.

3.- Nghe niệm: cái nghe của ta rất là viên thông, rất là đặc lực tác lợi vô cùng. Lúc xưng niệm danh Phật, ta dùng nhĩ căn để nghe câu lục tự, cái nghe được chuyển về với tự tánh tất là nhĩ căn thanh tịnh. Nhĩ căn thanh tịnh là viên thông cả sáu căn đều được thanh tịnh, sáu trần bị cô lập, sáu thức không chỗ nương tựa, thế là mười tám giới đồng hướng theo câu lục tự.

Niệm Phật mà nghe câu hồng danh cho tỏ rõ tất vọng niệm sẽ không còn, chẳng cần diệt vọng mà vọng niệm tự không phát sanh, đó là sự nhiệm mầu của câu hồng danh sáu chữ.

4.- Niệm thiết: đó là yếu chỉ dụng công niệm Phật. Niệm Phật thiết là dốc hết sức mình khi xưng danh hiệu Phật không để lãng xao, niệm niệm nối nhau, tâm tâm không loạn như mèo rình chuột, như đói chờ cơm. Niệm Phật mà tâm chân thiết tất vọng niệm chẳng còn, biển lòng vắng lặng, huệ nhật chiếu soi, Cực Lạc hiện tâm ta tỏ rõ.

5.- Tâm khẩu hợp nhất: trong lúc xưng danh hiệu Phật phải cho tâm khẩu hợp nhất không chệch cách biệt. Hễ miệng niệm tất tâm tương, tâm tâm niệm niệm khấn khít với nhau; khẩu tụng lòng ghi, niệm niệm tâm tâm không hề cách biệt.

Tâm và niệm thành một thể tánh bất ly tức tâm tức niệm, tức niệm tức tâm, tâm từ niệm, niệm từ tâm như bóng với hình, tuy hai mà một.

Hành giả niệm Phật nếu chấp hành năm phương thức nêu trên tất sẽ không bao lâu được hoàn toàn dứt vọng.

Lý thuyết không dứt vọng, thực hành mới lặng tâm, nếu bèn chí tu hành tất ta sẽ toại nguyện.

Cái tâm vọng niệm của ta ví như biển cuộn, danh Phật ví như viên ngọc định thủy để xuống nước thì tức khắc nước bình và tánh sáng của nước trở lại.

Niệm Phật không phải là việc khó làm, nhưng mà bền bỉ lâu dài mới là việc khó, bền bỉ lâu dài cũng chưa phải việc khó mà khó là chuyển vọng thành chơn, hóa khổ đau ra an lạc.

Đức Thầy dạy niệm Phật là phương pháp chuyển vọng thành chơn, đó là ngộ minh tâm kiến tánh,

Phật Đạo viên thành, chúng sanh hoằng độ. Đường về quang đặng mau lẹ, Tây Phương đến yên ngòai bất thối, thành thoi tự tại, Cực Lạc thường hằng, đẹp dạ biết bao!

PHẨM NĂM MƯƠI TÁM NIỆM PHẬT TRỪ VỌNG NIỆM

**NÊN NAY, HỄ THÀNH TÂM NIỆM PHẬT THÌ
NẾU ĐƯỢC MỘT NIỆM PHẬT ẮT LÀ ĐƯỢC
MỘT NIỆM CHÚNG SANH, MÀ NIỆM NIỆM
PHẬT THÌ LÀ TẤT CẢ NIỆM CHÚNG SANH.**

(Trích bài Chư Phật có bốn Đại đức)

YẾU GIẢI:

Cái tâm tạp tưởng vọng trần của ta từ vô lỹ kiếp đến nay thường che mờ Bản Lai Thanh Tịnh, rồi từ đó mà tạo nghiệp sanh tử luân hồi trải qua đời này đời nọ không dứt.

Thay vì, tâm tưởng của ta thuận theo Giác Tánh thì được giải thoát trên hàng Thánh giả. Còn như tâm tưởng của ta nghịch với Giác Tánh nên phải bị luân chuyển trong dòng suối luân hồi.

Từ nơi trái với Giác Tánh nên tầm tối mê say, nhận ngụy làm chơn, dùng kẻ ác nhờn làm thân quyến, thường sống trong ác kiến vô minh. Chấp thân ngũ uẩn giả hợp thành thật nhân, nhận vọng thức làm tâm, chạy theo bóng duyên trần cảnh, nắm bắt các ảo tưởng bên ngoài, rong ruổi với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Kết thân với thất tình, tay sai cho bát thức, phá hoại đồ nát ngòai nhà cũ của Chủ Nhon Ông, Chúa Tâm Vương thất lạc, thuyên từ chìm đắm, bẻ đục lợi boi, uống nước

tam độc, ăn trái tử sanh, ngủ trong nhà lục đạo!

Đã từng thay thân đổi xác trong lục đạo luân hồi nên bốn lớp hoặc nghiệp vô minh càng thêm lớn mạnh, ngã ái lẫy lừng, đèn trí khô dầu, đêm đen trùm lên bất tận! Địa ngục ngạ quỷ cũng cam, súc sanh hạng nào cũng chịu, thăm lệ đầm đìa kể sao cho hết!

Trở về với Phật tánh hầu thoát khổ tử sanh, tất phải đoạn lìa các vọng niệm. Các pháp trừ vọng tâm, duy có sáu chữ hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật là đặc biệt hơn hết, kết quả lại mau lại là môn cao đỉnh.

Tâm trần loạn động cho mấy đi nữa, khi khởi niệm Phật danh cho được chí thành tất vọng kia biến mất. Mỗi một niệm Phật tất đổi một niệm trần, một giờ niệm Phật đổi một giờ niệm trần, một ngày niệm Phật đổi một ngày niệm trần, một tháng niệm Phật đổi một tháng niệm trần, một năm niệm Phật đổi một năm niệm trần, một kiếp chuyên niệm Phật tất là ta đã hóa kiếp về Cực Lạc Tây Phương rồi đấy!

Chỉ cần phát huy cái năng lực niệm Nam Mô A Di Đà Phật cho rắn chắc, cho được thường hằng, không câu nệ mau lâu, không đợi thời khắc, mà hãy đề xướng chánh niệm hồng danh trong mọi oai nghi, mọi trường hợp, mọi hình thức, bất cần thức hay ngủ.

Danh Phật phải được trôi chảy liên miên bất tận thì lẽ tất vọng niệm chẳng còn, Diệu Thế Chơn Như tự hiện.

Danh Phật là đuốc sáng phá diệt đêm đen vọng niệm thế trần.

Danh Phật là ngọc định thủy tẩy uế bụi nhơ trần cấu nơi tạng thức từ lâu.

Danh Phật là Dược Vương A Di Đà năng trừ các bệnh vọng tưởng về ái, về sân, về si, về hại...

Nếu như ai niệm Phật mà chưa dứt được vọng

trần là bởi phát huy chánh niệm Di Đà còn non yếu, xin đừng chán nản bỏ trôi, dù chưa hết vọng niệm nhưng mà công đức cũng rất là thù thắng, nhất định cũng sẽ thành Phật ở tương lai. Khi vọng niệm khởi lên quá nhiều, đó là do nơi các tập quán cũ còn lại, ta hãy đề xướng chánh niệm Di Đà mạnh thêm lên, tăng số lượng cao gấp bội, lần hồi nghiệp cũ nhẹ, vọng trần tan.

Ta nên biết vọng tưởng là mộng của vô minh, nó không có chân tướng nhất định, niệm Phật là hồi chuông tỉnh thức, niệm Phật vừa khởi lên là ác mộng niệm trần của vô minh tự tan rã. Hễ hồi chuông tỉnh thức danh Phật được liên tiếp không ngừng, mộng trần tạp loạn sẽ không có cơ hội kết tụ.

Niệm Phật là ĐẠI THIÊN ĐỊNH, ĐẠI TRÍ HUỆ. Định và Huệ được viên dung tất BẢN LAI tự hiện, bóng ma vọng trần không chỗ tựa nương, Cực Lạc Niết Bàn từ đây mà hiển lộ.

Đức Thầy ta dạy niệm Phật để chuyển vọng thành chân, hóa Ta Bà thành Cực Lạc trang nghiêm, đó là bí mật tạng, diệu pháp tối cao. Tâm Tông của chư Phật vạn hạnh của Như Lai. Thực hành niệm Phật là thực hành yếu pháp của Phật, yếu hạnh Như Lai. Thế nên, chỉ chuyên một hạnh niệm Phật mà tận trừ tất cả tâm bệnh của Pháp giới chúng sanh. Muôn ngàn hạnh không dễ gì có được một hạnh như vậy, muôn ngàn Pháp không phải dễ gì có được một Pháp tu như thế.

Hãy cố gắng thực hành để viên thành bốn nguyện hóa tha lợi chúng.

PHẨM NĂM MƯƠI CHÍN NHẤT TÂM BẤT LOẠN

**CHO ĐẾN KHI NHẤT TÂM BẤT LOẠN, CHỪNG
ÁY VỌNG NIỆM CHÚNG SANH ĐẮ DỨT THÌ
LÒNG HAM MUỐN VÀ CÁC TÌNH DỤC CÒN
ĐẬU MÀ NẢY SANH RA ĐƯỢC.**

(Trích bài Chư Phật có bốn Đại đức)

YẾU GIẢI:

Từ nơi vọng duyên thế trần mà bị che mờ Bản Lai Diện Mục. Thay vì tâm an trụ tạp loạn chẳng sanh, tất là Bản Lai kia tự hiện

Niệm Phật đến nhất tâm bất loạn tất là Giác Tánh Linh Minh của ta Hoàn nguyên Phản bản như Thầy ta dạy.

Nhưng mà nhất tâm nghĩa là gì? Bất loạn là sao thế?

Hành giả niệm Phật đến khi nào tâm mình được an trụ dứt bất vọng duyên thế trần, thập sử phiền não của kiến tư hoặc được hoàn toàn phủ sạch, định tâm kiên cố, vọng thức không còn phát hiện một cách vĩnh viễn. Như thế gọi là sự nhất tâm. Tiến lên một bước nữa, hành giả niệm Phật đã nhiếp được phần định như vậy, rồi dùng Kim Cang Trí phá diệt 42 lớp vô minh hoặc, Phật Trí Kiến nhập vào, ĐỊNH HUỆ viên mãn, tỏ ngộ diệu lý duy tâm TỊNH ĐỘ và tự tánh Di Đà, là lý

Nhất Tâm Bất Loạn.

Sự Nhất tâm nhiếp được ĐỊNH nên ngự vào cõi Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ.

Lý Nhất tâm định huệ viên dung nên được vào cõi Thật Bảo Trang Nghiêm Tịnh Độ, hoặc chúng phần trên cõi Thượng Thượng Thường Tịch Quang Tịnh Độ.

Bất Loạn nghĩa là tâm được vào Tam Muội (Chánh định) của niệm Phật. Thứ Tam Muội bất tư nghị của trì danh thuộc về công đức Hạnh nên nhiếp các thứ Tam Muội khác, hòa đồng với ánh quang minh Đại Định của chư Phật, Tam Muội niệm Phật bình đẳng với Pháp Hoa Tam Muội, Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, Hoa Nghiêm Tam Muội...

Từ nơi Nhất tâm mà được Bất loạn, nhờ Bất loạn mà được Nhất tâm. Nhất tâm với Bất loạn có phần tương duyên, tương quan mật thiết với nhau như hình theo bóng, bóng theo hình tuy thấy có hai mà chỉ là một thể.

Đạt đến Nhất tâm, hành giả niệm Phật phải đi từ giai đoạn một để tiến lần lên cao đỉnh.

1.- Chuyên niệm: chuyên hành một hạnh trì danh không tu nhiều hạnh, vì nhiều hạnh dễ bị tán tâm. Hễ chuyên tất mau thuần thực chánh niệm. Chuyên niệm Phật một đời bằng tạp tu nhiều kiếp. Chuyên niệm Phật tất là thành tựu công đức hải, tạp hành nhiều hạnh là phúc đức vi trần. Chuyên niệm Phật là thuần tu hạnh Phật, tạp tu nhiều hạnh là hành tiểu quả như Thiên, hoặc Thanh Văn Duyên Giác.

Phàm bất cứ nghề gì hễ chuyên ngành lẽ tất mau thuần, mau khéo. Niệm Phật mà chuyên tất cái hoài bão Nhất tâm mới thành.

2.- Bất niệm tự niệm: hễ chuyên niệm Phật một thời gian, tất là câu Thánh hiệu Di Đà trôi chảy liên

miên bất tận nơi lòng ta như suối đổ, mây tuôn cuộn tràn không dứt. Bấy giờ dù không cố ý muốn niệm mà chánh niệm thường hằng, ngủ hay thức đều có niệm.

3.- Niệm lực tương tục: từ nơi Chuyên niệm và Bất niệm tự niệm, rồi đến Niệm lực tương tục là chánh niệm Nam Mô A Di Đà Phật có sức mạnh vạn năng không một cảnh duyên nào có thể chi phối làm mất chánh niệm Di Đà. Ví như suối đổ cuộn tràn mãi mãi và mãi mãi như thế.

Niệm lực tương tục tất là phiền não của kiến tư hoặc hoàn toàn dứt bật, nên cũng gọi là sự Nhất tâm Bất loạn.

Niệm Phật không khó, mà khó là được Nhất tâm Bất loạn, Nhất tâm Bất loạn cũng không khó, mà khó là chỗ chuyên niệm và trường kỳ tất là sẽ có Nhất tâm Bất loạn.

Hành giả Tịnh Độ dùng tâm thâm Tín và thâm Nguyện của mình, chuyên trì một hạnh niệm Phật tất sẽ được Nhất tâm, mà hễ nhất tâm thì Tây Phương quyết đến. Nhất tâm là nội chứng Phật tánh Tâm linh, còn vãng sanh là thể nhập Phật quốc trang nghiêm Tịnh Độ.

Vãng sanh và Nhất tâm cùng là một thể tánh bình đẳng với nhau, tuy hai mà một. Hễ có Nhất tâm tức có vãng sanh, có vãng sanh là đã được Nhất tâm rồi đấy.

Đức Thầy ta dạy niệm Phật phải đạt đến Nhất tâm Bất loạn là thuộc về lý Tịnh Độ, nên bản chất có vẻ cao siêu, dành cho hàng thượng căn thẳng sĩ, còn như bậc hạ trung căn hành trì theo sự Tịnh Độ cũng vãng sanh và được Đại Giải Thoát môn như trên hàng lý Tịnh Độ.

Niệm Phật được nhất tâm, cũng gọi là niệm Phật Tam Muội, hay niệm Phật Ba La Mật là diệu pháp tối

cao Thượng Thượng Thiên Như Lai tối thắng.

Đức Thầy ta có cái hoài bão làm cho mọi người đồng được thành Phật, nên mới truyền dạy bí pháp niệm Phật nhất tâm cho mọi tầng lớp chúng sanh.

Cái vinh hạnh được làm người, lại còn điếm phúc hành trì niệm Phật, nếu không phải là túc duyên ở nhiều kiếp tu hành thì dễ nào có đặng!

Thế mà, không biết trân trọng hành trì, nỡ để trôi qua, ngàn đời dễ nào được gặp!

Trân trọng bao lời thô cạn, xin bạn đọc phản tỉnh thử xem, một kiếp tu ngàn đời thoát khổ, một niệm làm lỗi muôn thưở luân hồi, thương thay!

Đã từng dạo chơi trong lục đạo, nay thử tạm dừng chân, niệm Phật cầu sanh phần hồi An Dưỡng Quốc, thường đứng dưới bệ Di Đà, ánh quang minh bao phủ, hàng hàng lớp lớp Bồ Tát cùng bạn lành, chúng sanh cùng nhau lo hóa độ.

Đó gọi là vui! Đó gọi là hạnh phúc! Hãy tìm cầu cái vui, cái hạnh phúc ấy!

PHẨM SÁU MƯƠI NIỆM PHẬT BẢN LAI

NÊN NIỆM PHẬT LÀ NIỆM CÁI BẢN LAI THANH TỊNH CỦA PHẬT CHO LÒNG CỦA MÌNH NUỜNG THEO ĐÓ MÀ ĐƯỢC THANH TỊNH VÀ CHẴNG CÒN TRƯỚC NHIỆM TRẦN AI.
(Trích bài Chư Phật có bốn Đại đức)

YẾU GIẢI:

BẢN LAI THANH TỊNH: là Thật Tướng Chơn Tâm của ta đây. Bản Lai Thanh Tịnh còn gọi là Chủ Nhơn Ông, Bản Lai Diện Mục, Niết Bàn Diệu Tâm, Bản Thể, Diệu Chơn Như Tánh, Phật Tánh, Bất Nhi Pháp Môn, tùy chỗ đứng mà tên gọi có khác. Thật thì đó là Phật tánh Chơn Tâm của ta, là nơi lưu xuất các Pháp.

Bản lai Thanh Tịnh của ta nó vượt trên không gian nên chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng giữa; vượt trên thời gian nên chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai; vượt trên hình tướng nên chẳng phải dài, ngắn, vuông, tròn; vượt trên màu sắc nên chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng; không thể dùng ngôn ngữ, lời nói luận bàn, mô tả để thấy biết đặng. Nhưng cũng không phải là trạng không ngơ (ngoan không), mà là hàm dung vạn hữu, nên miễn cưỡng gọi là “Lý Chơn Không”, nơi sanh ra các Pháp.

Phật có hai phần: Danh và Thể.

Danh là cái có thể gọi được như: Thích Ca Mâu Ni, A Di Đà, Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ...

Thể là ta không thể nói ra được, tạm mượn chữ để ám chỉ như Bản Lai Thanh Tịnh, Bản Giác Chơn Như...

Nhưng mà Danh bất ly tự Thể. Danh tức là Thể, Thể tức là Danh. Danh và Thể nhất nguyên, tuy hai mà một.

Cho nên, ta niệm hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật, tất là ta niệm Bản Lai Thanh Tịnh của Phật vậy. Hễ ta niệm niệm Di Đà là ta niệm niệm Bản Lai Thanh Tịnh của Phật.

Thế là, ta niệm Danh tức là ta niệm Thể của Phật. Nên Đức Thầy ta nói: ***“Nên niệm Phật là niệm cái Bản Lai Thanh Tịnh của Phật”***.

Lại nữa, Bản Lai của Phật nó bình đẳng với Bản Giác của ta, nên niệm hồng danh Phật chẳng những là ta niệm Bản Lai Phật, mà còn niệm Bản Giác của ta đó. Danh Phật và Giác Tánh của ta chẳng phải một, chẳng phải khác, nó bình đẳng ví như là hư không vậy.

Từ đó mà ta niệm Nam Mô A Di Đà Phật là ta vừa an trụ nơi Tâm Phật, vừa an trụ vào Tâm mình, bình đẳng giữa hai cái Tâm, hồng danh làm cái gạch nối, nên ta hằng niệm Phật là Tâm ta từ từ nó thanh tịnh ví như là Tâm Phật vậy.

Kinh niệm Phật Ba La Mật đã xác quyết hồng danh tức là Bản Thể của Phật, như giải thích sáu chữ hồng danh Di Đà: ***“Nam Mô là thí Giác. A Di Đà là tương tục Giác, Phật là Bản Giác”***.

Theo đây, khi ta khởi niệm Nam Mô A Di Đà Phật là bắt đầu giác ngộ và liên tiếp giác ngộ đến Bản Giác Toàn Chơn của Phật.

Lại nữa, Đức Phật cũng đã xác nhận thêm trong kinh niệm Phật Ba La Mật rằng:

“Đanh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật chính là Pháp Thân Viên Mãn Chu Biến Nhất Thiết Xứ, là Phật Tánh thâm thâm có đầy đủ mọi năng lực vô úy bất khả tư nghì, có đầy đủ diệu dụng vô ngại bất tư nghì.”

Thế cho nên, nếu như ta thường dùng tâm thể của mình mà chuyên niệm danh Phật tất là từ tâm hữu lậu thô trược thành Chơn Tâm vô lậu thanh tịnh, có đủ mọi năng lực chuyển hóa khổ đau thành an vui hạnh phúc của Cực Lạc thế giới.

Khi mới niệm Phật ta chưa thấy được Bản Lai Thanh Tịnh của mình tỏ rõ, vì còn vọng niệm nhiều, công phu niệm Phật được một thời gian lâu vọng trần tan biến, bấy giờ Bản Lai Thanh Tịnh của ta mới sáng tỏ rõ ràng hiện ra sừng sững. Khi ấy các thứ bụi nhơ trần cấu không còn bám víu làm dơ bản đáy lòng ta, tình dục khô cạn, mây vô minh vệt phá, tình không biển lặng, huệ nhật hiện vào tỏ rõ, mặt mũi ta sáng quất lên như tự thuở nào!

Nếu như ai muốn chứng nhập vào Bản Lai Thanh Tịnh của chư Phật, cứ lập chí xưng niệm Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật thường hằng, tất có ngày nghiệp dứt tâm khai chứng chơn diệu thể ấy.

Niệm Phật để được thành Phật là lối đi quang đãng nhất, mau lẹ nhất, dễ dàng nhất, không một con đường nào đặc biệt hơn!

Mỗi người tự sẵn có tâm Phật, mỗi người đều có thể niệm Phật, tất là mỗi người đồng được thành Phật không thể đổi dời.

Đức Thầy ta đã minh định, niệm danh Phật tức ta niệm Bản Lai Thanh Tịnh của Phật, là Ngài tái tạo

lại nguồn sinh lực Phật Đà mà từ nghìn xưa Đức Phật đã khai thị tỏ tường cho đại chúng một con đường thành Phật rất đơn giản.

PHẨM SÁU MƯƠI MỐT TĨNH TỌA NIỆM PHẬT

**CÚNG XONG MUỐN NIỆM PHẬT CŨNG ĐƯỢC,
NGỒI BÁN GIÀ THẰNG LUNG NIỆM: NAM MÔ
A DI ĐÀ PHẬT.**

(Trích Quyển Sáu)

YẾU GIẢI:

Nếu không có sự nỗ lực tinh tu để nội chúng tâm linh, chỉ có phân lý tuyệt thì ta chỉ là một tập từ điển biết nói mà thôi. Thế nên, phẩm sáu mươi một này Đức Thầy ta dạy về sự tinh tọa niệm Phật.

Đạo Phật Giáo Hòa Hảo, Đức Thầy dạy tín đồ mỗi ngày cúng hai thời sáng và chiều, nhưng cũng có người cúng mỗi ngày ba hoặc bốn thời. Mỗi thời cúng xong Ngài dạy ngồi niệm Phật, niệm Phật nhiều hay ít đó là tùy theo sự phát tâm của mỗi người, không có bắt buộc. Ngài dạy ngồi bán già thẳng lưng niệm: NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT.

Hay niệm: *Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới tam thập lục vạn ức, nhưt thập nhưt vạn, cửu Thiên ngũ bá đồng danh đồng hiệu Đại từ Đại bi phổ độ chúng sanh A Di Đà Phật.*

Ngồi bán già là lấy bàn chân trái gác lên chân phải, khỏi phải chéo hai bàn chân lên như kiểu kiết già. Thẳng lưng là ngồi thẳng lưng lên không được rùn

xuống, cổ cũng phải thẳng không nên ẹo ngang hay điều động. Ngồi thẳng lưng, thẳng cổ là thuộc về dương tọa, huyết mạch lưu thông nên không bị hôn trầm mà cũng ít vọng tưởng, thần trí luôn luôn sáng tỏ, tâm dễ bình, tánh dễ tịnh, chánh niệm mau phát sanh.

Điều thân như vậy xong rồi, ta cần điều hòa hơi thở cho được quân bình đừng quá chậm, quá lệ, hòa hoãn thơ thới nhẹ nhàng, dưỡng cho bộ hô hấp được an bình để dự bị cho cuộc tĩnh niệm.

Bắt đầu cho cuộc tĩnh niệm, ta phải xả tâm đừng còn chấp thủ bất cứ là việc gì, các tư tưởng dừng lại, những tâm hành dẹp qua. Tâm quá khứ đã qua không còn nương tựa, tâm tương lai chưa đến chẳng thể mong cầu, tâm hiện tại là huyễn hóa đâu được chấp giữ, buông xả luôn cả ba tâm để cho Thể tánh được rộng rang trong sạch hầu phát huy chánh niệm.

Điều thân, điều hòa hơi thở và điều dưỡng tâm mình được yên ổn như vậy. Ta bắt đầu niệm: Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, mãi mãi như vậy. Niệm phải cho rành rẽ tỏ tường, không nên niệm quá gấp thành ra hấp tấp, cũng không được quá chậm thành thói lơ thơ không phấn khởi Đạo Tâm.

Niệm thầm trong tâm, hay niệm kim cang đó là tùy theo sở thích của mình không nhất định. Nhưng dù là niệm cách nào cũng phải lắng nghe cho rõ ràng từ câu, từ chữ và phải giữ cho kỳ được chánh niệm. Vọng tưởng không sanh là Hải Ấn Tam Muội hiện tiền, hôn trầm chẳng khởi tất Thần Minh Trí Sáng. Tam Muội Tâm cùng với Thần Minh Trí Sáng hợp thành ánh quang minh Tuệ Giác sáng rực vô cùng tận.

Ngồi niệm Phật được chánh niệm như vậy tất là uy lực rất lớn, có công năng chuyển hóa các nghiệp báo nhiều đời thành trang nghiêm Cực Lạc, chuyển phiền

não thành Bồ Đề, chuyển chúng sanh thành Phật Đạo.

Đức Phật A Di Đà công đức vô lượng, hồng danh của Ngài cũng công đức vô lượng, niệm hồng danh của Ngài ta được công đức bất khả tư nghị. Đem công đức niệm Phật hồi hướng cầu vãng sanh Cực Lạc tất là ta được ĐẠI GIẢI THOÁT MÔN bất tư nghị.

Trong toàn bộ Giáo Lý Phật Giáo Hòa Hảo không một nơi nào Đức Thầy dạy ngồi tham thiền, mà chỉ có dạy ngồi niệm Phật. Bởi vì ta ngồi niệm Phật vào được chánh niệm, chánh định đó là Đại Thừa Thiền, và đem công đức niệm Phật ấy hồi hướng cầu sanh Cực Lạc Tây Phương thì đó là tu “TỊNH ĐỘ THIỀN, NIỆM PHẬT THAM THIỀN, THIỀN TỊNH SONG TU” của Đức A Di Đà Thế Tôn và Quán Thế Âm Bồ Tát dạy Ngài Khoang Tịnh,

Nam Mô A Di Đà Phật là Đại bố thí.

Nam Mô A Di Đà Phật là Đại trì giới.

Nam Mô A Di Đà Phật là Đại nhẫn nhục.

Nam Mô A Di Đà Phật là Đại tinh tấn.

Nam Mô A Di Đà Phật là Đại thiền định.

Nam Mô A Di Đà Phật là Đại trí huệ.

Kinh niệm Phật Ba La Mật dạy như thế.

Lại nữa, Nam Mô A Di Đà Phật là Giới, là Định, là Huệ, là Giải Thoát, là Giải Thoát Tri Kiến.

Đức Như Lai Thế Tôn thọ ký: ***“Chúng sanh nào niệm một câu Nam Mô A Di Đà Phật về sau thành Phật”***.

Kinh Vô Lượng Thọ và Quán Vô Lượng Thọ dạy: Lúc sắp mệnh chung niệm mười niệm Nam Mô A Di Đà Phật được vãng sanh về Cực Lạc quốc của Đức A Di Đà, vãng sanh về Cực Lạc, tức là ta thành Phật.

Đức Thầy ta dạy cúng xong ngồi niệm Phật là Ngài đưa thẳng ta đến Phật ĐỘ và Phật quả viên mãn

ngay trong một kiếp này. Hoài bão lớn lao của Ngài, nó hăng canh cánh nơi lòng Ngài là: ***“Ước trăm họ nhẹ mình có cánh, đồng bay về Cực Lạc một đàn”***. Và: ***“Trần duyên bẻ tắc Liên Đài điệp điệp Đạo vô cùng”***.

Các hình thức niệm Phật, chỉ có tinh tọa niệm Phật là thắng diệu hơn hết, tâm thức mau được an trụ hơn hết, vọng lự dễ hàng phục hơn hết. Thế nên, Đức Thầy ta dạy đặc biệt là hãy ngồi bán già thẳng lưng niệm: Nam Mô A Di Đà Phật.

Nếu như ai muốn niệm Tây Phương cũng rất tốt, vì đó là mật chú vãng sanh, nặng về công hạnh lợi tha, Từ Tâm độ chúng. Niệm Tây Phương là bài: ***“Nam Mô Tây Phương Cực Lạc thế giới...”*** (đã trích dẫn phần đầu phẩm này).

Mỗi ngày khi cúng xong ta ngồi niệm Phật dù ít dù nhiều cũng là cái nhân chính yếu thành Phật, nhất định là sẽ có cái quả Chánh Giác cho chính mình không thể đổi dời sai chạy đặng!

PHẨM SÁU MƯƠI HAI
BÌNH THƯỜNG NIỆM PHẬT

**NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT SÁU CHỮ ĐI, ĐỨNG,
NẪM, NGỒI RÁN NIỆM CHỚ QUÊN,
KHÔNG ĐỢI GÌ THỜI KHẮC.**

(Trích Quyển Sáu)

YẾU GIẢI:

Phẩm sáu mươi một Đức Thầy ta dạy niệm Phật trong tư thế tĩnh tọa của thời khóa ấn định, phẩm sáu mươi hai này Ngài dạy niệm Phật trong lúc bình thường của bốn oai nghi: Đi, đứng, nằm, ngồi không có cố định thời khắc chi cả.

Nếu hành giả chỉ niệm Phật sau những thời cúng, ngoài ra không niệm trong lúc bình thường thì làm sao cho câu lục tự được liên tục nơi tâm ta để thành một khối nhất tâm bất loạn.

Thế cho nên, phẩm này Đức Thầy ta dạy, hành giả niệm Phật chẳng những được áp dụng trong những lúc tĩnh tọa có tánh cách thời khóa, mà còn được gắng gổ niệm bất cứ là lúc nào phải liên tiếp niệm câu Thánh hiệu Di Đà không xao lãng.

Chữ *Chớ quên* ta cần phải lưu ý đặc biệt, vì đây là có tánh cách khẳng định cho vấn đề niệm Phật của mình.

Chớ quên tất là niệm niệm nối liền nhau không

còn gián đoạn, câu Thánh hiệu Di Đà khẩn khít nơi lòng ta. Ngoại cảnh không xâm, nội tâm không dấy khởi những tạp loạn, chánh niệm thường hiện tiền là trạng thái đến sự nhất tâm.

Nếu ta biết chuyển niệm Phật trong cảnh duyên như: Làm bếp lau nhà, bỏ củi gánh nước, tắm rửa giặt giũ, khi đi đứng, lúc nằm ngồi, làm cỏ hái đậu, khua ngọc vào triều, cầm hốt lên ngai, trên xe dưới tàu, tiểu tiện đại tiện, ăn cơm uống nước...thì đâu lúc nào ta quên niệm Phật được.

Thuở nọ bên Tàu có một người thợ rèn niệm Phật trong nghề nghiệp làm ăn thế mà được dứt nghiệp, tự tại ra về An Dưỡng Quốc.

Anh thợ rèn nói trên nghèo khó, phải làm vất vả mới có đủ sinh nhai, nhưng khi đã phát tâm tu Tịnh Độ thì anh chuyển hiện niệm Phật trong chỗ đang hành nghề. Mỗi buổi sáng dọn đồ là anh ta bắt đầu niệm: Nam Mô A Di Đà Phật! Nam Mô A Di Đà Phật! Mỗi một nhát búa anh đập xuống là mỗi một câu hồng danh. rồi mài giũa nhất nhất anh cũng chuyên tâm niệm Phật. Sau một thời gian gắng gổ như vậy anh niệm Phật được nhất tâm dứt nghiệp, lúc sắp mệnh chung anh ung dung ngâm kệ: **“Đa đoan đa đoan, chỉ địa thành cương, ngã vãng Tây Phương”**. Vừa dứt lời anh ta cũng liền ngừng thở, trong khi chẳng có bệnh tật chi cả.

Tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo, niệm Phật trong tư thế làm ăn vãng sanh rất nhiều, ở đây không tiện kể ra cho hết, chỉ đơn cử vài vị tượng trưng như ông Lê Văn Phú tự Tho, ông Nguyễn Chi Diệp, ông Tám Tường, ông Đào Thanh Đạm, ông Tâm Vô Nguyễn Văn Bảy v.v...

Các vị này tuy chưa phải được dứt nghiệp, nhưng mà nhờ nương nơi Phật lực Di Đà nhiếp thọ

được thoát hóa Tây Phương, bởi đã đầy đủ cái nhân Tín, Nguyện, niệm Phật.

Đức Thầy ta bao giờ cũng muốn cho mọi người tín đồ, và chúng sanh nhân loại đồng về Phật quốc, đồng ngộ Phật tâm và đồng thành Phật Đạo nên ân cần khuyên dạy niệm Phật chớ quên, vì chớ quên là sự nhất tâm bất loạn, bảo đảm được vãng sanh, hễ vãng sanh tức là thành Phật.

Tu pháp môn Tịnh Độ đã là thẳng tắt rồi, Đức Thầy ta lại dạy niệm Phật trong cái tứ oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi đó là tắt trong đường tắt. Nếu chẳng mở rộng phương tiện độ đời như vậy thì làm gì cứu vớt được những người tay làm hàm nhai, trong cái thời kinh tế rất là chật hẹp, nạn hơn măn đe dọa loài người!

Các Tăng sĩ, tu sĩ rảnh rỗi là nhờ các nhà hảo tâm trợ giúp, còn như hàng tại gia cư sĩ thì rảnh được bao giờ. Sĩ, Nông, Công, Thương, Binh mà người tại gia không thể nào trốn tránh trách nhiệm, nếu không chuyển hiện Tịnh nghiệp vào cuộc sống hằng ngày của họ thì làm gì đưa họ về Phật quốc Tây Phương.

Với cái nhìn của bậc cao đỉnh giác ngộ, Đức Thầy ta đã tỏ ra thấu triệt được thế sự nhân sinh trong cái buổi cùng cơ tận pháp của lịch sử nhân loại, cái thời nghiệp nặng tâm tạp, đói rách khổ đau, phải té độ bằng những phương tiện gần nhất với nếp sống của họ thì họ mới có thể tựa nương hành trì và để họ lần lần ra khỏi sanh tử.

Huyền diệu thay cho pháp môn niệm Phật, té độ tận quần mê, thượng hạ trí ngu, rảnh bận thế nào cũng được đồng về ngôi Chánh giác.

Thời mạt pháp nếu không nhờ phà lớn Tịnh Độ để nào độ tận chúng sanh. Đã thẳng tắt dễ mau, lại về nơi cao đỉnh giải thoát. Tứ sanh lục đạo đồng được tựa

nuơng, Bồ Tát Thanh Văn cùng tu một nẻo, và đồng thành Phật đạo. Cao quý thay! Đặc biệt thay!

PHẨM SÁU MƯƠI BA QUAY THUYỀN BỔN NGUYỆT

**NẾU AI GIỮ ĐẠNG TRỌN LÀNH TRỌN SÁNG
VỀ NƠI CÔI TÂY PHƯƠNG AN DƯỠNG MÀ
HỌC ĐẠO CHO HOÀN TOÀN ĐẠNG TRỞ LẠI
CỨU VỚT CHÚNG SANH.**

(Trích Quyển Sáu)

YẾU GIẢI:

TRỌN LÀNH TRỌN SÁNG: Phật Giáo Hòa Hảo là một nền Phật Đạo vị nhân sanh, cũng như qui luật của Phật Giáo Hòa Hảo thuộc Đại Thừa Bồ Tát giới. Trọn lành Trọn sáng được rút từ qui luật thứ tám trong tám điều cấm răn trong quyển sáu của Đức Thầy. *Trọn lành* là nhiếp luật nghi giới, *trọn sáng* là nhiếp thiện pháp giới, *về nơi côi Tây Phương An Dưỡng mà học đạo cho hoàn toàn đặng trở lại cứu vớt chúng sanh* là nhiều ích hữu tình giới. Nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, nhiều ích hữu tình giới là tam tụ tịnh giới của luật Đại Thừa Bồ Tát Tạng. Từ ba tụ tịnh giới này mà nảy sanh ra năm mươi tám điều giới luật Đại Thừa Bồ Tát trong kinh Phạm Võng.

TRỌN LÀNH TRỌN SÁNG: có nghĩa là được hai phần luật qui *nhiếp luật nghi giới* và *nhiếp thiện pháp giới*. Đó là được cái lành và cái sáng của người mới được vào hàng Sơ Hoan Hỷ Địa Bồ Tát, tức là mới nhập lưu vào Thánh Giả Đại Thừa, năng lực còn yếu chưa thể phụng hành điều luật *nhiều ích hữu tình giới*.

TRỌN LÀNH TRỌN SÁNG: luận theo Thiền học thì hành giả tu chỉ quán vừa mới phá được hai lớp kiến hoặc và tư hoặc của các Thánh quyền thừa Thanh Văn và Duyên Giác chỉ có năng lực tự độ chưa có thể hóa tha lợi chúng, vì còn lại bốn mươi hai lớp vô minh của phẩm vô minh hoặc chưa diệt được.

TRỌN LÀNH TRỌN SÁNG: nói theo Tịnh Độ Tông là hành giả niệm Phật được phần sự nhất tâm, thập sử phiền não của kiến tư hoặc đã hết, được thông dong tự tại, tri kiến khai mở khá nhiều và đã được nhập lưu vào hàng Bồ Tát, chứng được sơ phần Pháp thân. Tuy nhiên năng lực của hạng này còn rất yếu, chưa đủ năng lực hóa tha.

Về cõi Tây Phương An Dưỡng mà học đạo cho hoàn toàn đặng trở lại cứu vớt chúng sanh: Tây Phương An Dưỡng là cõi Phàm Thánh đồng cư Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà.

Đức Phật A Di Đà nguyên là vua Kiền Thi Ca nước Diệu Hỉ, con của Nguyệt Thượng Luân Vương và Quốc Mẫu Thù Thắng Diệu Nhan. Vua Kiền Thi Ca từ bỏ ngôi Luân Vương cao quý, xuất gia thọ Tỳ Kheo giới Đức Thế Tự Tại Vương Như Lai, hiệu là Pháp Tạng Tỳ Kheo và phát bốn mươi tám lời ĐẠI NGUYỄN lập quốc hóa tha trước sự chứng minh thọ ký của Đức Thế Tự Tại Vương Phật. Rồi từ đó Ngài Pháp Tạng Tỳ Kheo trải qua vô lượng tái kiếp tu hành, và đã vào ngôi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thành Phật Thế Tôn, hiệu A Di Đà Giáo Chủ cõi Tây Phương Cực Lạc. Cõi Tây Phương có nhiều quốc hiệu như: Tịnh Độ, Cực Lạc, Thanh Lương, An Dưỡng Quốc, Lạc Bang, Liên Bang; cõi Cực Lạc Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà Thế Tôn Như Lai về hướng Tây cách cõi Ta Bà ta đang ở đây trải qua mười muôn ức

Phật Độ là đến.

Đức Thầy ta dạy khi đã được trọn lành trọn sáng, ta phải cầu vãng sanh về Cực Lạc thế giới của Đức Phật A Di Đà để học đạo cho hoàn toàn đứng trở lại cõi Ta Bà này hầu cứu vớt chúng sanh.

- Tại sao đã được trọn lành trọn sáng, ta không phát nguyện trụ thế Ta Bà hoằng độ chúng sanh mà còn cầu về Tây Phương Cực Lạc?

- Nhờ nghiêm trì giới luật, hành Thiện và nhất là chuyên tâm niệm Thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật mà hành giả được định tâm và trí sáng, phục được phiền não của kiến tư hoặc, phá được ác kiến vô minh, hằng tự tại thông dong thanh thoi an ổn, chứng sơ phần Pháp Thân, nhập lưu Sơ Địa Bồ Tát, đủ tư cách của Thượng Thiện Nhơn Bản quốc Cực Lạc Tây Phương. Nhưng mà ta cần phải biết rằng những hành giả như thế chưa diệt tận được bốn mươi hai lớp vô minh của phẩm vô minh hoặc, chưa viên chứng Tam Thân Tứ Trí, chưa có được Ngũ Nhân Lục Thông, chưa có vô sanh Pháp Nhãn, chưa đủ uy lực diệu dụng, chưa viên mãn các môn Tam Muội, chưa có Thập Lực v.v...nên cần cầu sanh Cực Lạc. Khi vãng sanh về bên bờ quốc Tây Phương Tịnh Độ tức là thường bên cạnh Đức Từ phụ Di Đà hằng nghe diệu pháp, hằng tu Đại Thừa, hằng tẩm trong quang minh Phật, hằng được Bồ Tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, và các Đại Bồ Tát khác dạy bảo, hằng cúng dường mười phương các Đức Phật, hằng tu tập đạo hạnh Nhất Thừa của hàng Như Lai bồ xứ...nên được vào hàng sứ giả của Đức Từ phụ A Di Đà. Rồi từ nơi bốn nguyện hóa tha của mình, và từ nơi Đại Hạnh vào đời phổ tế của mình, và từ sự thỉnh cầu của chúng sanh nơi cõi khổ, Đức Đạo sư A Di Đà Giáo chủ bên bờ quốc Cực Lạc Tây Phương bổ nhiệm mình đi vào

đó để làm Giáo Chủ lập Đạo và hóa Đạo.

Bấy giờ đã được hoàn toàn đầy đủ cái phẩm cách của hàng Như Lai bổ xứ như Thích Ca Mâu Ni Phật, hay Đức Kim Sơn Phật Giáo Chủ Đạo Phật Giáo Hòa Hảo.

Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phổ Hiền hạnh Nguyên, ta thấy Ngài Thiện Tài Đồng Tử sau khi tham học Bồ Tát hạnh, Bồ Tát Đạo trải qua năm mươi ba vị Đại trí Thức Ngài đã được vào địa vị Pháp thân gần kề với Phật. Thế mà, Ngài Phổ Hiền Bồ Tát khuyên Ngài Thiện Tài hãy đem công đức Pháp thân của mình mà hồi hướng cầu sanh Cực Lạc thế giới của Đức Phật A Di Đà?

Ngài Thiện Tài bạch:

- Thưa Đức Thánh, như tôi đã được vào Pháp Thân lẽ ra tôi phải lo việc hóa tha lợi chúng tại sao còn phải cầu sanh về cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà?

Ngài Phổ Hiền đáp:

- Này Thiện Tài, dù ông đã được vào địa vị Pháp Thân gần kề với Phật, nhưng mà ông chưa đủ năng lực hóa tha, ông phải về Cực Lạc để thường thân cận với Phật A Di Đà, nghe diệu pháp của Phật, hành trì cho đầy đủ các hạnh Đại Thừa, chúng nhập các môn Tam Muội, chùng ấy công hạnh hóa tha của ông mới viên mãn.

Ngài Thiện Tài và nhóm Pháp Thân của ông đồng vâng lời của Phổ Hiền Bồ Tát hồi hướng cầu sanh Cực Lạc quốc.

Khi ấy, Đức Thích Ca Như Lai đã tán thán công hạnh ngài Phổ Hiền Bồ Tát.

Kinh niệm Phật Ba La Mật, ngài Diệu Nguyệt trưởng giả thưa hỏi Đức Thích Ca Như Lai:

“Bạch Đức Thế Tôn Như Lai, như lời Phật dạy

chúng sanh nào chuyên niệm sáu chữ hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật tức hiện tại được thành Phật. Chúng con tin theo lời Phật dạy chuyên niệm Nam mô A Di Đà Phật tất là chúng con được thành Phật trong hiện tại rồi, tại sao Đức Như Lai còn dạy chúng con phải cầu về Cực Lạc quốc?”

Đức Phật dạy Ngài trưởng giả Diệu Nguyệt:

“Lại nữa Diệu Nguyệt, nếu có chúng sanh nào chỉ thành xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, thì uy lực bất khả tư nghị của danh hiệu khiến cho Tam Thể thanh tịnh mà chúng sanh ấy không hề hay biết, tự nhiên chứng nhập Sơ phần Pháp Thân, âm thầm ứng hợp với Bi Trí Trang Nghiêm của Phật, nhưng chưa thể đắc Tam Minh, lục thông, vô lượng Đà Ra Ni, vô lượng Tam Muội nhẫn đến chưa thể đắc Nhất Thiết Chủng Trí, chẳng thể đồng đẳng với chư Phật được mà chỉ thành tựu bước đầu tiên trên lộ trình Như Thật Đạo”.

Rồi Đức Phật ví dụ thêm rằng, như người thợ làm gạch, nhồi đất để vào khuôn in thành hình viên gạch đầy đủ, nhưng chưa thể đem ra xài được mà phải để vào lò lửa đốt cho chín rồi mới đem ra xây cất, thì sẽ được bảo đảm khỏi bị sụp đổ hư hại khi gặp phải mưa sa gió cuốn.

Hành giả niệm Phật cũng vậy, muốn cho bản nguyện độ tha của mình được viên mãn mà khỏi ngại sụp đổ là phải cầu về Cực Lạc học cho đầy đủ cái Đạo hạnh Nhất thừa, chùng ấy thừa sắc chỉ của Tây Phương Giáo Chủ đi giáo hóa chúng sanh.

Hay ta có thể ví dụ là, con của vị Luân Vương vừa mới lọt lòng mẹ thì đã được tôn quý, vì tướng hảo Luân Vương đầy đủ, và vì là dòng dõi Luân Vương, nhưng mà chưa thể chấp chưởng ấn Luân Vương lên ngôi trị chúng, vì năng lực chưa đầy đủ, quyền hành

chưa có, mọi bí quyết chưa được trao truyền. Phải đợi cho tuổi tác tương xứng, năng lực đầy đủ, bí quyết Thiên tử được Tiên Vương trao quyền thì mới có thể chấp chương ấn vua cầm đầu thiên hạ.

Một hành giả Tịnh Độ cũng lại như thế, nhờ vào Cực Lạc hấp thụ cho đầy đủ phẩm cách của hàng Như Lai bồ xứ thì mới tiện cho công hạnh hóa tha mà khỏi lo phần mất mát.

- Người tu theo hạnh Đại Thừa, không cầu sanh về Cực Lạc mà phát nguyện tái kiếp nơi cõi Ta Bà để được tiếp nối hoằng pháp lợi sanh, thế có được không?

- Nếu là hàng hóa thân của Đại Bồ Tát thì được, bằng như hàng sơ phát tâm Bồ Tát thì không thể được! Bởi lẽ hễ cách âm tất là bị ngu mê muội tánh đầu còn nhớ tiền kiếp để tiếp nối tu hành. Và chẳng, có được tiếp tục tu thì cũng chỉ là non yếu, tự độ còn chưa chắc được an toàn, nói chi là việc hóa chúng! Hãy biết liệu sức mình là hơn cả, hãy noi gương các bậc Long Tượng Bồ Tát như: Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Vô Trước, Thiên Thân... mà còn hướng cầu Tịnh Độ để được mãn nguyện hóa tha. Xét coi ta là hạng nào?

Hơn nữa, hễ là đứa con ngoan của Phật ta hãy theo dấu chân Ngài, dò từ bước đi, học từ lời dạy để nương bóng Từ Bi, lẽ đâu trái Phật, nghịch chơn, tự ý lợi cần hiểm nguy chẳng kể!

Đức Thầy ta là một đệ tử trung thành của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, với cái nhìn của đáng cứu thế Ngài khấn tận chúng sanh, am tường diệu pháp Phật Đà, Ngài qui túc Tịnh Độ, chỉ điểm vãng sanh cho các tín đồ là phục hồi tinh hoa Phật Giáo, phát triển con đường làm Phật của Như Lai, hầu đưa tất cả chúng sanh trong ba căn, cửu giới đồng thành Phật Đạo.

Trong toàn bộ Giáo lý Phật Giáo Hòa Hảo có đa dạng Pháp môn, tùy duyên hành trì, nhưng đến điều răn cấm thứ tám, Đức Thầy ta chỉ điềm vãng sanh, vì do câu: ***“Nếu ai giữ đặng trọn lành trọn sáng về nơi cõi Tây Phương An Dưỡng mà học đạo cho hoàn toàn đặng trở lại cứu vớt chúng sanh”***.

Và nhất là, trong hai thời cúng mỗi ngày đều có một chiều hướng nguyện vãng sanh tập thể. Chẳng hạn như điều thứ năm trong bài Tây Phương ngũ nguyện: ***“Nam Mô ngũ nguyện cầu: Phật Tổ Phật Thầy từ bi xá tội đê tử tiêu tai tịnh sự trí huệ thông minh giai đắc đạo quả”***.

Ta nên nhớ, vãng sanh đồng nghĩa với ĐẮC ĐẠO và vãng sanh đồng nghĩa với THÀNH PHẬT vậy. Cho nên, Đức Thầy ta dạy nguyện: ***“...trí huệ thông minh giai đắc đạo quả”***, tức là vãng sanh, tức là thành Phật!

Tập Tịnh Độ Yếu Giải này gồm có sáu mươi ba phẩm, công đức sáu mươi hai phẩm từ sự hành trì sâu cạn rộng hẹp của mỗi người, đến phẩm sáu mươi ba là trực chỉ vãng sanh đồng thành Phật Đạo.

Đó là hoài bão của Đức Thầy ta, và sự thiết tha nguyện cầu của người làm yếu giải.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Cuối xuân Nhâm Ngọ

-2002-

Đàm Liên Tịnh Giả

Cẩn biên

VÀI LỜI CUỐI

Trót đã vào mộng cảnh, ta hãy dùng mộng pháp để tỉnh thức mộng tâm, nương về đất mộng Liên Bang điện kiến Đức A Di Đà tức ta liền vỡ mộng!

Đường mây trong mộng mây kẻ nhìn ra, suối Pháp Thanh Lương dành cho Tịnh Khách! Thiện căn đã có, phúc đức cũng nhiều nay gặp Pháp mẫu lẽ nào chẳng hướng?

Thời tiết trôi nhanh, âm dương thay đổi, kiếp người như điện chớp sương sa, Xuân sanh kể đến tuổi già, phút chốc trôi qua một thuở. Đã từng thay thân đổi xác trong gió bụi sáu đường, nhiều kiếp luân hồi điều linh trong ác đạo, đường trần dẫm bước bởi gió cuốn vô minh, Tam Giới bị lửa thiêu vô vàn gian lao khổ nhọc! Nghĩ ra, thân phận kiếp vô thường đáng thương, đáng tủi, đáng chán biết bao!!!

Thế rồi cũng vẫn bị nghiệp cuốn trôi nào ai tránh đặng; tài trí dầu cho mấy, quyền thế đến mức nào chung qui vẫn vào sanh ra tử.

May thay, trong lúc đang bị trôi dạt lênh đênh trong bể thảm, sóng nghiệp lực cuốn trôi, gió thất tình âm ỉ lại được thuyên từ tế độ vớt kẻ trầm luân đưa lên bờ giải thoát!

Huỳnh Phật Sư xuất hiện ứng thế hợp cơ tế độ

khách trần gian rước đưa người thế tục. Pháp màu Tịnh Độ triển khai vạn năng cứu khổ. Đường đã thẳng tắt lại còn lộ lớn dễ đi, về mau còn được thêm phần cao đỉnh trên quả Chánh Giác.

Hạnh phúc! Hạnh phúc! Nếu ta hằng niệm Nam Mô A Di Đà Phật! Nam Mô A Di Đà Phật, cầu thoát hóa Tây Phương Cực Lạc, châu Đứ Di Đà ấy là chơn hạnh phúc, là đại hạnh phúc!

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả chúng sanh đều có thể niệm Phật, thì tất cả chúng sanh đồng được thành Phật như một với một là hai mà không cách nào khác được!

Ta đang nắm giữ trọn quyền một xâu chìa khóa, mở địa ngục Ta Bà hay mở Tịnh Bang Lạc quốc tự ta quyết định. Niệm Phật tất là mở cửa Tịnh Bang, niệm chúng sanh tức khai đường lục đạo.

Niệm Phật để thành Phật là việc rất khó tin, niệm trần để làm chúng sanh là điều dễ hiểu. Niệm trần không ai gia bị còn dễ được làm chúng sanh, niệm Phật mười phương các đấng Như Lai, Di Đà gia bị, Thích Ca thọ ký mà ta không tin mình được thành Phật là việc khó hiểu!!!

Mỗi một niệm Di Đà là mỗi một niệm thành Phật. Niệm niệm lục tự bất ly tâm, ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm, tâm tức là Phật, Phật tức là tâm. Khi ấy, nếu ta không phải là Phật thì là cái gì???

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT ĐÀM LIÊN